

**BỘ QUỐC PHÒNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ**

LE VAN SANG

**TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG
THIỆT GIÁP TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
VIỆT NAM**

LUẬN AN TIÊN SI TAM LY HỌC

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Các số liệu, trích dẫn trong luận án là trung thực và có xuất xứ rõ ràng.

Tác giả luận án

Lê Văn Sang

TT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ	CHỮ VIẾT TẮT
1	Bộ đội Tăng thiết giáp	BĐTTG
2	Cán bộ quản lý	CBQL
3	Điểm trung bình	ĐTB
4	Độ lệch chuẩn	ĐLC
5	Đơn vị thực nghiệm	ĐVTN
6	Đơn vị đối chứng	ĐVĐC
7	Hạ sĩ quan - binh sĩ	HSQ - BS
8	Huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu	HL - SSCĐ
9	Quân đội nhân dân Việt Nam	QĐNDVN
10	Quân nhân chuyên nghiệp	QNCN
11	Sẵn sàng chiến đấu	SSCĐ
12	Tâm lý - xã hội	TL - XH
13	Tăng thiết giáp	TTG
14	Tâm thế chiến đấu	TTCD

MỤC LỤC

Trang

TRANG PHỤ BÌA	
LỜI CAM ĐOAN	
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	
MỤC LỤC	
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ	
MỞ ĐẦU	5
Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	12
1.1 Các công trình nghiên cứu nước ngoài liên quan đến tâm thế, tâm thế chiến đấu	12
1.2 Các công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến tâm thế, tâm thế chiến đấu	23
1.3 Khái quát kết quả chủ yếu của các công trình đã công bố và những vấn đề đặt ra luận án tiếp tục giải quyết	30
Chương 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÂM THẾ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	35
2.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về tâm thế, tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam	35
2.2. Biểu hiện tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam	57
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam	61
Chương 3 TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	78
3.1. Tổ chức nghiên cứu	78
3.2. Phương pháp nghiên cứu	82
Chương 4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG TÂM THẾ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	102
4.1. Thực trạng các mặt biểu hiện tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam	102
4.2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam	125
4.3. Biện pháp tâm lý - xã hội nâng cao tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam	138
4.4. Kết quả thực nghiệm	150
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	159
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	162
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	163
PHỤ LỤC	187

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ
DANH MỤC CÁC BẢNG

STT	TÊN BẢNG	Trang
3.1	Các phương án trả lời tương ứng với các biểu hiện và mức độ TTCĐ, kết quả hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ và yếu tố ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG	87
4.1	Mức độ các nội dung mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG	104
4.2	Mức độ các nội dung mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ của BĐTTG	109
4.3	Mức độ các nội dung mặt hành động TTCĐ của BĐTTG	115
4.4	Sự khác biệt giữa các nhóm khách thể về mặt hành động TTCĐ	118
4.5	Kiểm định phương sai giữa các nhóm khách thể về mức độ TTCĐ	122
4.6	Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên trong tới TTCĐ của BĐTTG	126
4.7	Tương quan các yếu tố bên trong đến TTCĐ của BĐTTG	130
4.8	Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài tới TTCĐ của BĐTTG	132
4.9	Tương quan các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG	136
4.10	Mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG ở ĐVTN và ĐVĐC trước tác động thực nghiệm	151
4.11	Mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG ở ĐVTN và ĐVĐC sau tác động thực nghiệm	153

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

STT	TÊN BIỂU ĐỒ	Trang
4.1	Mức độ TTCĐ của BĐTTG	120
4.2	Nhận thức TTCĐ của ĐVTN trước và sau tác động thực nghiệm	153
4.3	Nhận thức TTCĐ của ĐVĐC ở hai lần đo (trước và sau tác động thực nghiệm)	155
4.4	Sự phát triển TTCĐ ở BĐ TTG nhóm ĐVTN trước và sau tác động	156

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

STT	TÊN SƠ ĐỒ	Trang
2.1	Thang đo mức độ tâm thế	38
4.1	Tương quan giữa các nội dung nhận thức TTCĐ của BĐTTG	105
4.2	Tương quan giữa các nội dung xúc cảm - tình cảm TTCĐ của BĐTTG	111
4.3	Tương quan giữa các nội dung mặt hành động TTCĐ của BĐTTG	116
4.4	Tương quan giữa các mặt biểu hiện và TTCĐ của BĐTTG	121

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tâm thế chiến đấu của quân nhân nói chung, BĐTTG nói riêng là sự sẵn sàng bên trong cho các hành động chiến đấu, góp phần quan trọng vào hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu được giao. Trong điều kiện thời bình kéo dài nếu TTCĐ không được củng cố, người lính rất dễ lơ là, mất cảnh giác trước các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá. Vì vậy việc nâng cao TTCĐ cho quân nhân có ý nghĩa quan trọng, nhằm duy trì sức mạnh SSCĐ của quân đội. Sinh thời Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh việc nâng cao TTCĐ, ý chí chiến đấu đối với quân nhân trong mọi điều kiện: “Phải luôn luôn cảnh giác, nâng cao chí khí chiến đấu, bất kỳ thời chiến hay thời bình, phải luôn luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ” [41, tr.297]. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII cũng xác định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc...” [23, tr.433]. Do đó, vấn đề chủ động nâng cao TTCĐ cho quân nhân nói chung, BĐTTG nói riêng - lực lượng đột kích quan trọng của Lục quân, nhằm tránh bị động, bất ngờ trước mọi tình huống của đất nước; nhất là khi nguy cơ xung đột, tranh chấp biên giới lãnh thổ, biển đảo trong khu vực đang diễn ra phức tạp đòi hỏi cấp thiết cần giải quyết.

Bộ đội Tăng thiết giáp trong QĐNDVN là lực lượng đột kích mạnh được bố trí, sử dụng cả trên đất liền, hải đảo. Sức mạnh chiến đấu của BĐTTG gắn liền với sức mạnh chiến đấu của Lục quân, là bộ phận hữu cơ trong sức mạnh chiến đấu của quân đội. TTCĐ của BĐTTG có vai trò rất quan trọng, góp phần quyết định vào thắng lợi của những trận đánh lớn, trận đánh then chốt quyết định trong chiến đấu hiệp đồng quân - binh chủng của BĐTTG. Hiện nay vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật của BĐTTG khá lạc hậu, chủ yếu còn lại trong chiến tranh giải phóng, điều đó đã ảnh hưởng tới TTCĐ của họ. Trong khi chiến tranh hiện đại sử dụng vũ khí công nghệ cao, BĐTTG là lực lượng thu hút mật độ hỏa lực của địch, chịu áp lực lên lớn về tinh thần, tâm lý khi tiến hành chiến đấu. Vì vậy, việc chủ động nâng cao TTCĐ cho BĐTTG sẽ góp phần quan trọng nâng cao sức mạnh chiến đấu, khả năng SSCĐ của quân đội ta nói chung, BĐTTG nói riêng nhằm ứng phó với điều kiện chiến tranh khi xảy ra.

Thực tiễn những năm gần đây, hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, tiến hành thường xuyên, liên tục và đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, "...việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch HL - SSCĐ và luyện tập ở một số đơn vị chưa kịp thời, hành động của chiến sĩ và chỉ huy phân đội còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu chiến tranh công nghệ cao"[9]. Vẫn còn bộ phận quân nhân có tâm lý thiếu tin tưởng vào khả năng đánh thắng vũ khí công nghệ cao của địch bằng vũ khí trang bị trong biên chế và cách đánh hiện có... Trong khi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đối với BĐTTG tiếp tục đặt ra yêu cầu cao, "Nâng cao chất lượng tổng hợp, khả năng SSCĐ và cơ động của Binh chủng lên một bước vững chắc hơn; tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng HL - SSCĐ" [9]. Để khắc phục những tồn tại và thực hiện thắng lợi mục tiêu xác định, đòi hỏi phải tiến hành nhiều nội dung, trong đó nâng cao TTCĐ của BĐTTG là vấn đề then chốt, quan trọng và cấp bách hiện nay.

Vấn đề TTCĐ của quân nhân đã được nghiên cứu trong Tâm lý học quân sự, TTCĐ được nghiên cứu như là nội dung biểu hiện của trạng thái tâm lý SSCĐ của quân nhân [50]... Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu về TTCĐ đến nay còn chưa nhiều; đặc biệt chưa có công trình nghiên cứu mang tính hệ thống về TTCĐ của BĐTTG. Nghiên cứu TTCĐ của BĐTTG thông qua hoạt động HL - SSCĐ nhằm dự báo về những hành động chiến đấu và kết quả chiến đấu của họ nếu tình huống chiến tranh xảy ra; qua đó kịp thời điều chỉnh các tác động, nâng cao khả năng SSCĐ và sức mạnh chiến đấu của BĐTTG là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài: "*Tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam*".

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về TTCĐ của BĐTTG, đề xuất các biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ cho BĐTTG trong QĐNDVN; góp phần xây dựng nhân tố tinh thần, tâm lý, nâng cao sức mạnh chiến đấu và khả năng SSCĐ của BĐTTG trong tình hình hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tiến hành giải quyết một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Xây dựng cơ sở lý luận về TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN: Xây dựng khái niệm tâm thế, TTCĐ, TTCĐ của BĐTTG; xác định các mặt biểu hiện và các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG.

Khảo sát, đánh giá thực trạng mức độ biểu hiện TTCĐ và các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG.

Đề xuất biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

Tổ chức thực nghiệm tác động nhằm nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

3. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu và giả thuyết khoa học

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu các mặt biểu hiện TTCĐ và các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: CBQL, QNCN, HSQ - BS các đơn vị HL - SSCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

- Trong phạm vi đề tài này CBQL được xác định bao gồm: Sĩ quan; QNCN giữ chức vụ cán bộ, chỉ huy, quản lý ở đơn vị TTG (đối tượng QNCN là trung đội trưởng hoặc trung đội phó; theo chỉ thị 801 của Bộ Quốc phòng về đào tạo, sử dụng cán bộ ngắn hạn).

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Xem xét TTCĐ ở khía cạnh thái độ đối với hoạt động chiến đấu, biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động của BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị.

Phạm vi khách thể khảo sát: Luận án nghiên cứu TTCĐ của CBQL, QNCN, HSQ - BS đơn vị TTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ: Lữ đoàn 215/ Binh chủng TTG, Lữ đoàn 201/ Binh chủng TTG, Lữ đoàn 206/ Quân khu 4, Tiểu đoàn 7/ Trường Sĩ quan TTG/ Binh chủng TTG, Tiểu đoàn 3/ Trường Hạ sĩ quan Xe tăng 1/ Binh chủng TTG.

Phạm vi thời gian: Luận án được tiến hành nghiên cứu từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 11 năm 2018.

3.4. Giả thuyết khoa học

TTCD của BĐTTG là trạng thái sẵn sàng hành động trước các tình huống chiến đấu, biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động trong hoạt động HL - SSCĐ. Các mặt biểu hiện TTCD có mối quan hệ thống nhất, chặt chẽ, có chỉ số mức độ không ngang bằng nhau. Trong đó mặt nhận thức là cơ sở của các mặt khác, mặt hành động có chỉ số mức độ biểu hiện thấp hơn các mặt còn lại. TTCD của BĐTTG chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài.

Có thể nâng cao TTCD của BĐTTG khi xác định được các biện pháp TL - XH phù hợp, tác động vào các thành phần biểu hiện và yếu tố ảnh hưởng đến TTCD, nhất là thành phần nhận thức TTCD của BĐTTG thông qua hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận, thực tiễn

** Cơ sở lý luận*

Luận án xây dựng trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng trạng thái tinh thần, tâm lý cho bộ đội trong chiến đấu. Luận án dựa trên cơ sở lý luận của Tâm lý học hoạt động, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học quân sự; vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận nghiên cứu của tâm lý học Mác - xít, như: Nguyên tắc quyết định luận duy vật các hiện tượng tâm lý; nguyên tắc thống nhất giữa tâm lý, ý thức và hoạt động; nguyên tắc phát triển tâm lý; phương pháp tiếp cận hoạt động - nhân cách.

Nguyên tắc quyết định luận duy vật các hiện tượng tâm lý: Nghiên cứu TTCD của BĐTTG được đặt trong mối quan hệ với các yếu tố khách quan, xem xét tính chất quyết định từ điều kiện môi trường xã hội - quân đội - đơn vị. Đó là đặc điểm, môi trường xã hội cụ thể của hoạt động HL - SSCĐ với các quan hệ xã hội mà BĐTTG tham gia; đó còn là từ yếu tố đặc thù ngành nghề hoạt động, yếu tố sinh vật, thể chất của BĐTTG... Từ đó xác định con đường phù hợp cho các tác động xã hội nhằm nâng cao TTCD của BĐTTG.

Nguyên tắc thống nhất giữa tâm lý, ý thức và hoạt động: TTCD của BĐTTG được xem xét trong quá trình hình thành, phát triển và biểu hiện trong

hoạt động HL - SSCĐ. Nghiên cứu TTCĐ của BĐTTG thông qua các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị, trên cơ sở các biểu hiện ra bên ngoài về nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động để xem xét, đánh giá TTCĐ của họ. Nguyên tắc này định hướng việc xem xét, tạo ra các điều kiện, môi trường HL - SSCĐ tích cực, giúp nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

Nguyên tắc phát triển tâm lý: Nghiên cứu TTCĐ của BĐTTG luôn đặt trong sự vận động, biến đổi, phát triển giữa các thành phần biểu hiện về nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động trong một hệ thống cấu trúc thông qua thực tiễn hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Đây là cơ sở quan trọng để xem xét vai trò, tính chất, mức độ quan hệ của mỗi thành phần trong TTCĐ, cũng như con đường, biện pháp để nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

Luận án kế thừa kết quả nghiên cứu đã công bố về tâm thế, TTCĐ của quân nhân ở các tác giả trong nước và nước ngoài.

** Cơ sở thực tiễn*

Thực tiễn hoạt động chiến đấu của BĐTTG thông qua các chiến lậ TTG, tổng kết các kinh nghiệm chiến đấu trong chiến tranh giải phóng.

Chất lượng hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG ở các đơn vị.

Thực tiễn TTCĐ của BĐTTG các đơn vị khảo sát, đánh giá thực trạng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các nhóm phương pháp nghiên cứu cơ bản sau:

Nhóm phương pháp nghiên cứu tài liệu: Phân tích, tổng hợp, khái quát hóa các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài đã công bố, các tài liệu: Sách, báo, luận án, chiến lậ TTG, các văn kiện... có liên quan đến tâm thế, TTCĐ quân nhân, TTCĐ của BĐTTG làm tiền đề xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu.

Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Quan sát, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, chuyên gia, thực nghiệm, nghiên cứu sản phẩm hoạt động.

Nhóm phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học: Các số liệu điều tra, thực nghiệm sau thực tế được sử dụng một số công thức toán học thống kê với sự trợ giúp của phần mềm SPSS 20.0 trong môi trường Window nhằm làm tăng thêm độ tin cậy và tính chính xác của các kết quả nghiên cứu.

5. Những đóng góp mới của luận án

* Về lý luận

Luận án đã tổng quan một số vấn đề cơ bản về tâm thế, TTCĐ của quân nhân trong tâm lý học; chỉ ra được sự thống nhất trong khác biệt trong các kết quả nghiên cứu, qua đó xác định được hướng tiếp cận, nghiên cứu của luận án.

Luận án xây dựng, bổ sung, góp phần làm rõ một số khái niệm như tâm thế, TTCĐ, TTCĐ của BĐTTG làm công cụ phục vụ cho nghiên cứu luận án; làm rõ đặc điểm hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG.

Luận án chỉ ra các mặt biểu hiện và mức độ TTCĐ của BĐTTG.

Luận án cũng xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG hiện nay, đó là các yếu tố bên trong thuộc về BĐTTG và nhóm yếu tố bên ngoài.

* Về thực tiễn

Kết quả nghiên cứu khảo sát, phát hiện thực trạng biểu hiện TTCĐ của BĐTTG ở mức cao, tích cực. Các mặt biểu hiện TTCĐ đều ở mức cao, có tương quan thuận, mạnh đến rất mạnh với nhau và có tương quan thuận, rất mạnh tới TTCĐ. Trong đó điểm số mức độ hành động TTCĐ thấp hơn hai mặt còn lại.

Mức độ TTCĐ của CBQL cao hơn QNCN, HSQ - BS, sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê, sự khác biệt đó không xuất phát từ nhóm tuổi quân mà xuất phát từ nhóm khách thể khác nhau cấp bậc. Giữa các nhóm CBQL giữ chức vụ khác nhau không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nhưng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm CBQL có ngạch sĩ quan khác nhau về mức độ TTCĐ, sự khác biệt đó xuất phát từ mối quan hệ giữa sĩ quan hậu cần với sĩ quan kỹ thuật.

BĐTTG hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ ở đơn vị ở mức cao. Giữa TTCĐ với kết quả hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ có mối tương quan thuận, tương đối mạnh, trong đó chỉ số mức độ TTCĐ cao hơn mức độ hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ, sự chênh lệch đó không đáng kể và không có ý nghĩa thống kê.

Các yếu tố bên trong thuộc về BĐTTG và các yếu tố bên ngoài đều ảnh hưởng mạnh, có tương quan thuận và tương đối mạnh với TTCĐ; trong đó nhóm yếu tố bên trong có mức độ ảnh hưởng thấp hơn nhóm yếu tố thuộc bên ngoài đến TTCĐ của BĐTTG.

Kết quả thực nghiệm tác động, kiểm định biện pháp TL - XH chỉ ra: Nếu nâng cao nhận thức của BĐTTG về hoạt động chiến đấu thông qua giáo dục các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị thì sẽ phát triển được TTCĐ ở họ.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

Luận án đã bổ sung, phát triển, làm phong phú thêm lý luận về phạm trù tâm thế trong Tâm lý học, TTCĐ của BĐTTG trong Tâm lý học quân sự; cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc nâng cao TTCĐ của quân nhân ở các đơn vị HL - SSCĐ.

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ là tài liệu tham khảo cho cán bộ lãnh đạo, chỉ huy đối với BĐTTG, có tính ứng dụng nhằm nâng cao TTCĐ, xây dựng nhân tố tinh thần, tâm lý của BĐTTG trong chiến đấu, góp phần quan trọng củng cố sức mạnh chiến đấu và khả năng SSCĐ của BĐTTG hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Luận án có kết cấu gồm: Mở đầu, 4 chương (12 tiết), kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến tâm thế, tâm thế chiến đấu

1.1.1. Các nghiên cứu về bản chất của tâm thế, tâm thế chiến đấu

Nghiên cứu trong Tâm lý học thực nghiệm: Nghiên cứu về tâm thế lần đầu được xuất hiện trong tâm lý học thực nghiệm Đức, trong đó tâm thế gắn liền Tâm vật lý học và vô thức, thể hiện qua các nghiên cứu của L. Lange [95], T. Schumann, G.E. Müller và A. Pilzecker [96]... Tâm thế được xem xét khi nghiên cứu về tốc độ, thời gian phản ứng của chủ thể trước một hoàn cảnh; bản chất tâm thế được hiểu là các kinh nghiệm trong quá khứ, các yếu tố sẵn sàng để hành động theo cách này hay cách khác khi chủ thể nhận thức được hoàn cảnh và phản ứng với nó. Tiếp đến, nghiên cứu tâm thế phát triển mạnh hơn trong công trình của các nhà Tâm lý học ở Würzburg, như: E.B. Titchener, K. Marbach, H.M. Clarke, K. Koffka, G.E. Müller, M.F. Washburn: Ban đầu tâm thế được thể hiện trong nghiên cứu thông qua hình ảnh cảm giác và tình cảm; “tâm thế của ý thức” mang màu sắc nội quan. Sau đó qua các kết quả nghiên cứu về tâm thế đã phát triển với những kết luận: Tâm thế là phần không thể thiếu của đời sống tâm lý và gắn liền với ý thức, mang xu hướng hoạt động với chức năng chỉ đạo và thực hiện các quá trình tâm lý, chứ không chỉ dừng lại ở “nội quan” [49, tr.19], [dẫn theo 79].

Nghiên cứu trong Tâm lý học xã hội: Khái niệm tâm thế được các nhà Tâm lý học xã hội sử dụng tương đồng với khái niệm thái độ (attitude). W.I. Thomas & F. Znaniecki (1918), cho rằng: Bản chất của tâm thế là sự định hướng giá trị, sự lựa chọn giá trị; tâm thế là trạng thái tinh thần nhất định của cá nhân đối với một giá trị nào đó làm cho cá nhân đó hành động [90], [dẫn theo 56]. G.W. Allport đã hệ thống 17 định nghĩa khác nhau về tâm thế trong tâm lý học và cho rằng: Bản chất của tâm thế (attitude) “là một hình thức của sự sẵn sàng” (attitudes as a form of readiness), đó là sự sẵn sàng về tâm lý, thần kinh quy định phản ứng của cá nhân đối với các khách thể hay tình huống mà cá nhân có mối quan hệ [79, tr.7]. Các nghiên cứu của H. Hipsley & M. Forvec, V. Dorxto, V. Mayzo, cho rằng: Bản

chất tâm thế là sự sẵn sàng phản ứng của cá nhân nảy sinh trong nhóm, trong tình huống cụ thể. Xét theo chức năng, bản chất khái niệm tâm thế của D.N. Uznatde là thống nhất với khái niệm thái độ trong Tâm lý học xã hội; tuy nhiên nghiên cứu về thái độ trong tâm lý học xã hội phong phú hơn [33], [dẫn theo 32]. *Như vậy*, theo nghiên cứu của tâm lý học xã hội thì tâm thế là trạng thái sẵn sàng phản ứng về mặt thần kinh, tâm lý của cá nhân trong nhóm với đối tượng có liên quan tới nhu cầu; nghiên cứu tâm thế là nghiên cứu thái độ.

Nghiên cứu của Phân tâm học: Bản chất của tâm thế chính là “xung lực” (drive), là nguồn năng lượng hình thành từ khối vô thức mà cốt lõi nguyên thủy là “xung lực khát dục” (libido) nhằm chi phối, kiểm duyệt các hành vi cá nhân thỏa mãn các nhu cầu của con người. Tâm thế mang bản chất sinh học, rất đa dạng do bắt nguồn từ những nhu cầu khác nhau của cơ thể, nhưng cơ bản nhất vẫn là hai xung lực là tính dục (eros) và phá hủy (thanatos). Phân tâm học cho rằng tâm thế của con người là trạng thái phức hợp mâu thuẫn giữa các khối, sự “dồn nén” giữa các tầng “cái tôi”, cái “siêu tôi”, cái “nó” ở các cá nhân, S. Freud [25], [44]). Theo C.G. Jung, bản chất tâm thế là sự sẵn sàng về tâm lý để hành động hay phản ứng theo một cách nào đó, bị chi phối bởi khối vô thức và có tính hai mặt đối ngẫu [97].

Nghiên cứu của Tâm lý học hoạt động: Quan niệm của các nhà Tâm lý học hoạt động nghiên cứu về bản chất tâm thế, TTCĐ được xem xét trên hai hướng:

Hướng thứ nhất, các nghiên cứu theo trường phái D.N. Uznatde, tiêu biểu là nghiên cứu của D.N. Uznatde [111], A.G. Asmolov [98]; A.S. Prangishvili, F.V. Bassin, A.E. Sherozia [100]; A.S. Prangishvili, F.V. Bassin, P.B. Shoshin [107]; N.I. Sarivelaze [108]... Tâm thế được D. N. Uznatde và các cộng sự xác định là phạm trù trung tâm khi nghiên cứu về các vấn đề trong đời sống tâm lý và hành vi cá nhân. Hướng quan điểm này cho rằng: Tâm thế là trạng thái sẵn sàng bên trong hướng tới hoạt động nhất định, là cơ sở của tính tích cực cá nhân. Là phạm trù trung tâm chi phối đến toàn bộ đời sống ý thức và hành vi cá nhân, nhưng bản chất tâm thế lại là cái vô thức gắn với sinh lý; tâm thế đồng nhất với vấn đề hiện thực hóa những nhu cầu sinh lý cơ bản của con người. Tâm thế được dùng để giải thích các hiện tượng không được đặc trưng bởi các dấu hiệu của ý thức; các quá trình ý thức

vẫn chưa thể nói hết toàn bộ nội dung tâm lý của tâm thế và nhu cầu trong tâm thế là diễn ra bên ngoài ý thức [dẫn theo 104]; “Những tâm thế này, trong các thực nghiệm của chúng tôi chúng chưa bao giờ nằm trong ý thức” [111, tr.60, 61]... Như vậy, theo quan điểm nghiên cứu của hướng này thì bản chất của tâm thế gắn với yếu tố vô thức; hoạt động của tâm lý vô thức diễn ra dưới hình thức tâm thế; tâm thế có thể là “một biên trung gian” định hướng cho chủ thể hoạt động nhưng “không mang nội dung của ý thức”.

Hướng thứ hai, các nghiên cứu theo hướng hoạt động - nhân cách, các nghiên cứu theo hướng này cho rằng: Bản chất tâm thế là sự sẵn sàng hành động với đối tượng, mang tính định hướng gắn với đời sống có ý thức của con người trong những điều kiện cụ thể và quyết định hiệu quả hoạt động, tiêu biểu:

Các nghiên cứu của A.N. Lêônchep (1989), P.N. Sikhirep (1973), V.A. Iadôp (1979), G.M. Andreeva (1980), C.IU. Golovin (2001) khi nghiên cứu về bản chất tâm thế luôn gắn với nhân cách, với nhu cầu... A.N. Lêônchep cho rằng: Bản chất tâm thế là sự sẵn sàng cho hành động hoặc “hành vi bên ngoài”, là sự định hướng hành vi trong mối tương quan với ý thức mà cá nhân là chủ thể hoạt động [dẫn theo 97, tr.356]. P.N. Sikhirep quan niệm tâm thế là trạng thái tinh thần nhất định gắn liền với định hướng giá trị xã hội của cá nhân [dẫn theo 32]. Theo V.A. Iadôp, bản chất tâm thế là một tập hợp các *khuyňh hướng hành động* theo từng cấp độ (bốn cấp độ), gắn với những tình huống nhất định [dẫn theo 97]. G.M. Andreeva cho rằng, tâm thế là *khuyňh hướng hành động* của nhân cách trong tiếp thu những kinh nghiệm xã hội, nhằm bộc lộ những thuộc tính nhân cách thông qua những hành động, hành vi của cá nhân. Bản chất khái niệm tâm thế (установка - ustanovka) chính là khái niệm thái độ (attitude) trong Tâm lý học xã hội [97]. Theo C.IU. Golovin, bản chất tâm thế là sự *sẵn sàng hành động*, định hướng cho việc thực hiện hành động này hay hành động khác; nghiên cứu tâm thế là nghiên cứu thái độ [103].

Các nghiên cứu của N.D. Lêvitôp [36], M.I. Diatrenco và L.A. Kandubovich [dẫn theo 42], P.A. Rudich [52], A.V. Pêtrôvxki. & M.G. Jarosevxki [49] cho rằng: Bản chất tâm thế chính là trạng thái sẵn sàng tâm lý đi vào hoạt động cá nhân. Đó chính là *hướng tâm lý* của cá nhân mà bản chất là sự sẵn sàng hoạt động của chủ thể

xác lập về mặt tâm lý và đặc điểm hành vi để đáp lại những tác động nhất định của môi trường bên ngoài xuất hiện trong dự đoán của chủ thể về đối tượng, đảm bảo các hoạt động liên quan đến đối tượng diễn ra một cách ổn định.

Tâm lý học quân sự Xô Viết, khi bàn về sự SSCĐ của người lính, cho rằng, TTCĐ như là trạng thái sẵn sàng bên trong bảo đảm cho hoạt động chiến đấu của người lính bước vào trận đánh. A.M. Xtôliarencô trong *Tâm lý học sẵn sàng chiến đấu* (1972), quan niệm TTCĐ chính là trạng thái sẵn sàng bên trong của người lính bảo đảm cho họ có thể thực hiện những hành động chiến đấu tích cực, kiên quyết và có hiệu quả nhằm đánh bại kẻ thù trong mọi tình huống [70, tr.15]. A.Ph. Sramtrencô trong *Những vấn đề tâm lý học trong chỉ huy bộ đội* (1983), cũng cho rằng: TTCĐ của người lãnh đạo chỉ huy là trạng thái tình cảm trong chiến đấu, nó kích thích hoạt động chiến đấu hăng hái và ý chí chiến đấu của người chỉ huy, nó quyết định rất nhiều tới thành công của trận đánh và việc tổ chức đội hình chiến đấu của bộ đội [54, tr.96,171,185].

Tóm lại, nghiên cứu nước ngoài về bản chất tâm thế, TTCĐ khá phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, các quan niệm đều tựu trung lại: Tâm thế là trạng thái sẵn sàng hành động của cá nhân trước khi bước vào hoạt động, là sự sẵn sàng phản ứng của người quân nhân với nhiệm vụ chiến đấu. Nghiên cứu của Tâm lý học xã hội quan niệm, nghiên cứu tâm thế là nghiên cứu thái độ. Đây là những cơ sở quan trọng để tác giả luận giải bản chất TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

1.1.2. Các nghiên cứu về cấu trúc, biểu hiện của tâm thế, tâm thế chiến đấu

Nghiên cứu của Tâm lý học hoạt động

Nghiên cứu theo hướng hoạt động - nhân cách, tiêu biểu là các nghiên cứu của A.N. Lêônchep [35], B.F. Lômôp [38], A.G. Côvaliôp [12], G.M. Andreeva [97], C.IU. Golovin [103], V.A. Iadôp (1979), D.F. Selmidis, S.N. Begidova [110], P.T. Isaeva [105], ... Trong nghiên cứu của A.N. Lêônchep (1974), B.F. Lômôp (1981), khi đi sâu vào nghiên cứu bản chất và các thành phần hoạt động đã chỉ ra tâm thế là trạng thái sẵn sàng cho hoạt động của cá nhân, biểu hiện qua các thành phần: Thành phần nhận thức (hiểu biết về đối tượng, các điều kiện hoạt động, ý nghĩa của hoạt động); thành phần xu hướng hành động (động cơ tạo ý, mục đích

hoạt động); thành phần phương thức hoạt động (cách thức, mô hình, thao tác). A.G. Côvaliốp (1971) cho rằng, tâm thế có cấu trúc phức tạp được biểu hiện qua các thành phần: Ý thức của cá nhân về tầm quan trọng của lao động đối với xã hội (nhận thức); lòng yêu lao động (cảm xúc); năng lực lao động. Các nghiên cứu của G.M. Andreeva (1980), C.IU. Golovin (2001) cho rằng: Tâm thế cá nhân gồm các thành phần 1) Thành phần thông tin (nhận thức), 2) Thành phần xúc cảm, 3) Thành phần hành vi. Tuy nhiên chức năng, mối tương quan giữa các thành phần biểu hiện là không ngang bằng nhau, phụ thuộc vào tình huống hay đối tượng tâm thế hướng tới: Với những tình huống đơn giản, đối tượng cụ thể thì thành phần cảm xúc đóng vai trò quan trọng; trong những tình huống phức tạp, điều khiển hành vi và hoạt động của nhân cách bởi tư duy với một hệ thống phức tạp các khái niệm, thì thành phần nhận thức đóng vai trò chủ đạo. Quan điểm của G.M. Andreeva, C.IU. Golovin là những cứ liệu quan trọng để xác định các thành phần biểu hiện, cũng như vai trò cơ sở nền tảng của thành phần nhận thức đối với các thành phần còn lại trong TTCĐ của BĐTTG. V.A. Iadốp (1979), khẳng định tâm thế cá nhân là những tổ chức định vị, theo đó tương đương với bốn tổ chức định vị trong nhân cách, dựa trên sự quy định giữa *nhu cầu* → *tình huống*, là bốn cấp độ biểu hiện của tâm thế tương ứng quy định hành vi, biểu hiện qua bốn bậc của tâm thế [dẫn theo 97, tr.363-366]. D.F. Selmidis và S.N. Begidova (2001), khi nghiên cứu về sự phát triển tâm thế nghề của giáo viên thể dục đã đưa ra cấu trúc ba thành phần của tâm thế, gồm: 1) Sự sẵn sàng đối với tự phát triển nhân cách; 2) Nhu cầu phát triển bản thân; 3) Động cơ thành đạt (tránh thất bại và muốn thành công) [110]. P.T. Isaeva (2011), trong nghiên cứu của mình về cảm xúc và ký ức trong nhân cách đã chia tâm thế ra thành bốn thành phần: Trí nhớ, suy luận, đánh giá và ý kiến của cá nhân [105].

Nghiên cứu theo hướng chức năng hoạt động, tiêu biểu là các nghiên cứu của N.D. Levitốp [36], A.M. Xtôliarencô [70], Diatrencô và L.A. Kandubovich [dẫn theo 42]... N.D. Levitốp cho rằng: Tâm thế là trạng thái tinh thần bảo đảm sẵn sàng cho hoạt động, gồm có hai trạng thái có chức năng tương đối độc lập với nhau là sự sẵn sàng lâu dài và sự sẵn sàng nhất thời (còn gọi là trạng thái trước khi bắt đầu tình huống). A.M. Xtôliarencô làm rõ các phẩm chất nhân cách bền vững, như là thành tố tạo nên TTCĐ - trạng thái sẵn sàng hành động của người lính đối

với tình huống chiến đấu. A.M. Xtôliarencô chỉ ra hai mặt biểu hiện của TTCD, bao gồm trạng thái SSCĐ chung (trong thời gian dài) và trạng thái SSCĐ tình huống (tại thời điểm xảy ra). Mỗi mặt biểu hiện có chức năng riêng và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, được tạo thành bởi kiến thức; kỹ năng thực hành, kinh nghiệm chiến đấu; phẩm chất chuyên môn. M.I. Diatrencô và L.A. Kandubovich lại cho rằng: Sự sẵn sàng tâm lý cho hoạt động chính là tâm thế của cá nhân, là tính sẵn sàng bên trong với hoạt động này hay hoạt động khác; biểu hiện qua các yếu tố: Niềm tin, quan điểm; động cơ, tình cảm, phẩm chất ý chí và trí tuệ; những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, tâm trạng đối với một hành vi nhất định.

Nghiên cứu theo trường phái D.N. Uznatde: Tiếp cận theo hướng vô thức, D.N. Uznatde và các cộng sự cho rằng: Tâm thế trong hoạt động cá nhân được biểu hiện qua hai cấp độ: Tâm thế sơ cấp (“tâm thế nguyên sơ”); và tâm thế thứ cấp (“tâm thế bên ngoài”) gắn với hành vi, hành động bên ngoài khi nhu cầu bắt gặp đối tượng) [29], [111]. C.G. Jung chỉ ra, tâm thế được hình thành từ khối vô thức và chi phối hai mặt của đời sống cá nhân, được biểu hiện qua hai “loại”, là tâm thế hướng nội và tâm thế hướng ngoại [94].

Nghiên cứu của Tâm lý học xã hội về cấu trúc, biểu hiện tâm thế thông qua các kết quả nghiên cứu tiêu biểu: R.T. La Piere [79]; G.W. Allport [79]; M. Smith (1942); M. Fishbein [79], A. Tesser [91]; S.D. Preston & F.B.M. de Waal [89]; Knud S. Lasen [34]... Năm 1942, M. Smith là người đầu tiên đã đưa ra cấu trúc tâm thế gồm ba thành phần: 1) Thành phần nhận biết (nhận thức); 2) Thành phần cảm xúc (sự đánh giá của cảm xúc ở cá nhân với đối tượng); 3) Thành phần hành vi (những hành vi, hành động liên quan đến đối tượng). Ba thành phần này được khẳng định trong nhiều nghiên cứu của tâm lý học hiện đại [dẫn theo 97]. Các nhà Tâm lý học xã hội Mỹ hiện nay có quan điểm khá thống nhất trong xác định cấu trúc biểu hiện ba thành phần của tâm thế, đó là: Nhận thức, xúc cảm, hành vi [dẫn theo 34]. Vấn đề mà các nhà nghiên cứu luận bàn ở đây là vị trí, chức năng của mỗi thành phần trong dự báo, quy định hành vi cá nhân; có sự cơ động, thay đổi linh hoạt giữa các thành phần biểu hiện trong cấu trúc, từ đó tạo ra những loại tâm thế cụ thể, tương ứng với mỗi dạng hoạt động cá nhân.

Một số nghiên cứu gần đây về tâm thế như là sự sẵn sàng tâm lý cho hoạt động, như: O.B. Dmitrieva [102]; O.P. Denhisova [101]; Colin Rose & Malcolm J. Nicholl [11]; N.V.V. Pravada [88]; David T. Conley [76]... Các tác giả xác định các biểu hiện cơ bản của tâm thế, gồm hai thành phần chính là tri thức (nhận thức) và kỹ năng, trong đó có kỹ năng cứng (hard skills) và kỹ năng mềm (soft skills). Colin Rose & Malcolm J. Nicholl đã chỉ ra các biểu hiện của tâm thế, bao gồm bốn thành phần: Động cơ (động lực), tiềm lực (phương thức, điều kiện), mục tiêu (mô hình kết quả), ý chí [11, tr.146]. David T. Conley đã xác định bốn thành phần chủ yếu: Phương pháp nhận thức, tri thức về nghề nghiệp, kỹ năng hành động; hiểu biết về điều kiện nghề nghiệp... *Như vậy*, trong những nghiên cứu gần đây việc xác định các biểu hiện tâm thế trong hoạt động, như là một sự sẵn sàng tâm lý đi vào mỗi dạng hoạt động cụ thể, đã chú trọng tới yếu tố kỹ năng hành động và nhận thức về đối tượng, nhằm bảo đảm tới tính hiệu quả của hoạt động cá nhân.

Các nghiên cứu tiếp cận theo nhiều hướng đã xác định được cấu trúc, biểu hiện của tâm thế, TTCĐ. Tâm lý học hoạt động đi sâu nghiên cứu cấu trúc, thành phần biểu hiện của tâm thế, TTCĐ theo hướng hoạt động - nhân cách, làm rõ các yếu tố của sự sẵn sàng; hoặc theo chức năng hoạt động là hai cấp độ biểu hiện của trạng thái sẵn sàng hành động. Các nghiên cứu của Tâm lý học xã hội khá thống nhất trong việc xác định cấu trúc ba thành phần là nhận thức, xúc cảm và hành vi. Nhìn chung, các nghiên cứu đều xác định cấu trúc, biểu hiện của tâm thế, TTCĐ chứa đựng các thành phần: Thành phần nhận thức, thành phần xúc cảm, thành phần hành vi (hành động), thành phần kỹ năng... Tùy vào đối tượng chủ thể hướng tới và dạng hoạt động xác định mà sự vận hành của thành phần nào chiếm vai trò chủ đạo. Đây là cơ sở quan trọng để tác giả luận giải biểu hiện TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

1.1.3. Các nghiên cứu về tiêu chí, phương pháp đánh giá tâm thế, tâm thế chiến đấu

Tiêu chí, phương pháp đánh giá tâm thế của Uznatde: Xem xét bản chất tâm thế gắn với vô thức, nên việc đánh giá phạm trù tâm thế của trường phái này sử dụng phương pháp “nội quan” (tự suy luận) là chính. D.N. Uznatde đánh giá tâm thế trong mối tương tác giữa nhu cầu với hoàn cảnh thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Tuy nhiên, khi tách tâm thế ra làm hai cấp độ: “tâm thế nguyên sơ” - tâm thế

ban đầu, khi nhu cầu chưa bắt gặp đối tượng gắn với yếu tố sinh vật; và tâm thế bên ngoài - gắn với hành vi khi nhu cầu bắt gặp đối tượng thì cách thức mỗi loại lại khác nhau. Ở cấp độ đầu tiên ông đã sử dụng *phương pháp khuếch tán* và nhận thấy không có sự khác biệt trong tâm thế ở trạng thái này (gắn với vô thức, sinh lý trong đời sống cá thể). Cấp độ thứ hai, hoàn toàn khác biệt, tâm thế có những thay đổi rõ ràng trong quá trình tiếp xúc thường xuyên với tình huống, dựa trên những trải nghiệm cá nhân. Căn cứ vào những dấu hiệu này, tâm thế được đo trên cơ sở của lời nói *tự trả lời*; như là sự đánh giá, sự tự cảm nhận của riêng cá nhân về xu hướng với đối tượng. Tâm thế được xem như một thước đo cảm xúc gây ra bởi đối tượng cụ thể (kiểu như ủng hộ, hưởng ứng hay phản đối, kháng cự) do *cá nhân tự tri giác, trải nghiệm* [29], [111]. Các nghiên cứu của D.N. Uznatde đã chỉ ra tính năng quan trọng liên quan tới chủ thể mang tâm thế, tính tiềm ẩn hoặc không thể tiếp cận tâm thế để xem xét, quan sát trực tiếp.

Tiêu chí, phương pháp đánh giá tâm thế theo hướng chức năng hoạt động. A.M. Xtôliarencô (1972), chỉ ra các căn cứ quan trọng cũng như vai trò của mỗi yếu tố để đánh giá TTCĐ của người lính trực ban chiến đấu, bao gồm: Phẩm chất chính trị tinh thần, là nguồn gốc chính; sự vững vàng về cảm xúc - ý chí, là quan trọng nhất; kinh nghiệm của cá nhân thông qua hoạt động huấn luyện, trực ban SSCĐ; tài nghệ, bản lĩnh chiến đấu (tri thức, kỹ năng, thói quen nghề nghiệp) [70]. Theo M.I. Diatrencô (1976), đánh giá tâm thế cần lượng hóa được ở mỗi cấp độ sẵn sàng những phẩm chất nhân cách cho phù hợp; ở cấp độ sẵn sàng tâm lý thường xuyên là dựa vào: Tính tích cực của chủ thể với hoạt động nghề; sự phù hợp giữa đặc điểm riêng của nhân cách (năng lực, động cơ, khí chất) với hoạt động nghề; những đặc tính của tri giác, chú ý, tư duy, xúc cảm, độ bền của ý chí. Với trạng thái sẵn sàng hành động ngay, gồm mục đích hoạt động; khả năng đánh giá được điều kiện hoạt động và dự kiến kết quả; xác định phương pháp hành động; sử dụng phương tiện, kinh nghiệm và kỹ năng hành động; huy động sức lực để hoạt động [dẫn theo 42]. Theo O.B. Dimitrieva (1997), đánh giá tâm thế đối với hoạt động nghề nghiệp cần chú ý các yếu tố: Động cơ, nhận thức và hệ thống kỹ năng. Trong đó có nhân mạnh về động cơ tạo ý nhân cách, nhận thức chung và nhận thức chuyên môn, hệ thống kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp [102].

Một số phương pháp đánh giá, đo lường tâm thế của tâm lý học xã hội: Tiêu biểu là các nghiên cứu của E.S. Bogardus, L.L. Thurstone, R. Likert, L. Guttman và R.J. Mokken... E.S. Bogardus xác định phương pháp đo tâm thế xã hội thông qua thang đo khoảng cách xã hội giữa cá nhân với các nhóm dân cư. Trong đó xem xét tâm thế như là sự sẵn sàng thiết lập các mối quan hệ xã hội giữa cá nhân với đối tượng là các nhóm dân tộc khác nhau dựa trên mức độ quan hệ gần - xa. Sau đó dựa trên tính chất quan hệ của mỗi nhóm để xác định mức độ, cường độ của tâm thế ở cá nhân với nhóm xã hội. Với L.L. Thurstone & E.J. Chave, xây dựng cách đo lường tâm thế bằng cách phát triển một thang đo “có khoảng cách đều nhau”, gồm 11 bậc. Trên cơ sở một số lượng lớn các mệnh đề (item) được sắp xếp thể hiện vị trí khác nhau theo thang đơn chiều, từ vị trí cực kỳ tích cực đến cực kỳ tiêu cực (kiểu đối ngẫu 2 cực của tâm thế) trên thang 11 bậc; qua đó tính toán trung điểm của tất cả các câu trả lời với mỗi item. Theo thang đo R. Likert, nhà nghiên cứu lại đề nghị người trả lời đưa ra các đánh giá về các item được giới thiệu, cách trả lời câu hỏi thường được chia làm 5 loại (mức độ) phân cực đối ngẫu. Các câu trả lời được tính điểm sau khi đã đổi dấu giá trị âm tính để tất cả các item được tính điểm theo một hướng thống nhất [dẫn theo 34].

Nghiên cứu về phương pháp đo lường tâm thế của các nhà Tâm lý học xã hội được ứng dụng khá rộng rãi trong tâm lý học hiện đại khi nghiên cứu về tâm thế. Trong khi các nhà Tâm lý học quân sự Xô viết chỉ ra phương pháp đánh giá TTCĐ của người lính thông qua các phẩm chất nhân cách nhằm tạo ra sự sẵn sàng cho người lính khi bước vào thực hiện hành động chiến đấu. Đây là cơ sở quan trọng cho tác giả xem xét, vận dụng vào nghiên cứu thực trạng TTCĐ của BĐTTG.

1.1.4. Các nghiên cứu về sự hình thành tâm thế, tâm thế chiến đấu

Các nghiên cứu của Tâm lý học xã hội, như: G.W. Allport (1935); C.I. Hovland, I. L. Jennis, H.H Kelley (1953); D. Coleman (1995), Forbes, Johnson (1972); Knud S. Lasen (2010); J. Godefroid (1939), W.J. Mc Guire (1985)... cho rằng: Tâm thế được hình thành từ nhu cầu; những trải nghiệm (kinh nghiệm); trí tuệ xúc cảm và sự thích ứng; do thói quen (tập quen) hay do cơ chế bắt chước những hành vi khác nhau trong đời sống cá nhân... Theo G.W. Allport, những những kinh nghiệm và nhu cầu cá nhân là

cơ sở của sự hình thành tâm thế [dẫn theo 32]. Nghiên cứu của C.I. Hovland, I.L. Jennis, H.H Kelley; K. S. Lasen, D. Coleman, D. Forbes & R. Johnson: Phần lớn tâm thế được hình thành bởi trải nghiệm; trong đó những trải nghiệm được trang bị qua hoạt động học tập đóng vai trò quan trọng hình thành tâm thế, thông qua cơ chế bắt chước hành vi [dẫn theo 34], [83].

Về các giai đoạn hình thành, phát triển tâm thế, C.I. Hovland trong nghiên cứu của mình đã chỉ ra sự hình thành, biến đổi, phát triển tâm thế theo 3 giai đoạn: Kích thích, phản ứng và củng cố [82]. W. J. Mc Guire (1985), lại chỉ ra sự hình thành, phát triển tâm thế cá nhân theo 5 giai đoạn: Chú ý, hiểu, chấp nhận, lưu trữ và hành vi [85], [dẫn theo 109]. Nghiên cứu của J. Godefroid (1939), chia sự hình thành, phát triển tâm thế theo lứa tuổi, gắn với đặc điểm phát triển nhân cách cá nhân thành 4 giai đoạn: Giai đoạn 1: 1-12 tuổi, tâm thế chịu ảnh hưởng của bố mẹ; giai đoạn 2: 12 - 20 tuổi, tâm thế có hình thức và cấu trúc cụ thể, tương thích với vai trò xã hội của chủ thể; giai đoạn 3: 20 - 30 tuổi, giai đoạn tâm thế phát triển vững chắc, hoàn chỉnh nhất, là cấu tạo tâm lý mới thể hiện ở hệ thống thông tin đầy đủ mà chủ thể tiếp nhận; giai đoạn 3, sau 30 tuổi: Tâm thế đạt độ bền vững, độ phân hóa cao, ít chịu ảnh hưởng, tác động từ môi trường bên ngoài [dẫn theo 106].

Theo các nghiên cứu gần đây của A. Tesser, S.D. Preston và F.D.M. De Waal, tâm thế cá nhân hình thành có nền tảng sinh học là gen, được lưu trữ trong trí nhớ có liên quan tới cảm xúc, niềm tin và hành vi nhất định [89], [91].

Quan điểm của H. Hipsơ & M. Phorvec, tâm thế cá nhân trong nhóm trong lao động sản xuất hình thành từ những nhân tố “chủ thể hữu quan” (phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm) của mỗi cá nhân trong nhóm, nhất là “tâm thế cá nhân” và những chuẩn mực của nhóm, tức là “sự định hướng xác định cương vị trong các nhóm”. Tâm thế được hình thành thông qua các cơ chế tâm lý xã hội, như bắt chước, đồng nhất hóa, luyện tập, sự hướng dẫn [33].

Các nghiên cứu của tâm lý học hoạt động:

Theo hướng hoạt động - nhân cách, các nghiên cứu của D.N. Uznatde [29], [111], V.A. Iadôp, G.M. Andreeva [97], P.K. Anôkhin, cho rằng: Nhu cầu, động cơ là những yếu tố quan trọng nhất quyết định sự hình thành tâm thế. Theo D.N. Uznatde: “tâm thế nguyên sơ” do trạng thái nhu cầu chưa bắt đối tượng tạo nên;

khi nhu cầu bắt gặp đối tượng sẽ xuất hiện tâm thế gắn với hành vi bên ngoài, mọi hình thái của tâm thế đều xuất phát từ nhu cầu. P.K. Anôkhin cũng quan niệm, yếu tố nhu cầu và cách thức thỏa mãn chúng là nguồn gốc hình thành tâm thế. Chính sự phong phú của các loại nhu cầu là cơ sở để hình thành các tâm thế khác nhau ở con người [dẫn theo 56]. V.A. Iadốp cũng cho rằng, tâm thế có nguồn gốc hình thành từ nhu cầu và tương ứng với các tình huống xã hội, được xác định theo cấp bậc từ thấp đến cao [dẫn theo 97].

Theo hướng chức năng hoạt động, tiêu biểu là nghiên cứu của M.I. Diatrencô và L.A. Kandubovich [dẫn theo 42], A.V. Pêtrôpxki [48], A.M. Xtôliarencô [70], A.Ph. Sramtreno [54]... Theo M.I. Diatrencô và L.A. Kandubovich, tâm thế hình thành thông qua quá trình đào tạo về mặt tư tưởng, đạo đức, chính trị, tâm lý nghề nghiệp và thể lực; trong đó chú ý tới đặc thù hoạt động nghề nghiệp đặt ra. A.V. Pêtrôpxki xác định con đường hình thành tâm thế như là sự sẵn sàng với hoạt động nghề nghiệp của sinh viên qua sự tác động tích hợp của các phương pháp dạy học, như dạy phương pháp tư duy, dạy kỹ năng, giáo dục hướng nghiệp...

A.M. Xtôliarencô cho rằng, hình thành TTCĐ cho người lính cần tiến hành nhiều biện pháp, đặc biệt là giáo dục chính trị tinh thần; huấn luyện thực hành sát với các điều kiện chiến đấu để hình thành bản lĩnh chiến đấu; huấn luyện trang bị tri thức chuyên môn và những kinh nghiệm tâm lý trong chiến đấu... Từ đó hướng vào phát triển các thành phần biểu hiện, các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của người lính. A.Ph. Sramtreno đi sâu nghiên cứu TTCĐ của người chỉ huy, cho rằng: TTCĐ của người chỉ huy trên chiến trường quyết định rất lớn đến TTCĐ của đơn vị. TTCĐ của người sĩ quan chỉ huy trên chiến trường được hình thành trên cơ sở huấn luyện, giáo dục hình thành các phẩm chất bền vững của nhân cách, như: Phẩm chất chính trị tinh thần (lòng yêu tổ quốc và căm thù giặc, trách nhiệm đối với tổ quốc, danh dự, tính tự trọng); ý chí chiến đấu; phẩm chất trí tuệ.

Như vậy, nhu cầu, kinh nghiệm cá nhân là những yếu tố chủ đạo hình thành tâm thế đối trong các hoạt động khác nhau. Trong hoạt động quân sự, các nghiên cứu khẳng định sự trải nghiệm cá nhân trong HL - SSCĐ; điều kiện huấn luyện sát thực tiễn chiến đấu là con đường để hình

thành TTCĐ ở quân nhân. Đây là cơ sở để tác giả nghiên cứu, đề xuất các yếu tố ảnh hưởng cũng như xác định các biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến tâm thế, tâm thế chiến đấu

1.2.1. Các nghiên cứu về bản chất của tâm thế, tâm thế chiến đấu

Các nhà Tâm lý học Việt Nam đã kế thừa có chọn lọc những thành tựu của Tâm lý học nước ngoài, đặc biệt là Tâm lý học xã hội và Tâm lý học hoạt động trong nghiên cứu về bản chất của tâm thế, TTCĐ; có thể khái quát trên hai hướng:

Theo hướng tiếp cận hoạt động - nhân cách, tiêu biểu là các nghiên cứu của Phạm Ngọc Uyển, Trần Trọng Thủy, Phạm Tất Dong, Nguyễn Ngọc Phú, Hoàng Văn Thanh, Hoàng Đình Châu, Đỗ Mạnh Tôn, Đỗ Duy Môn, Nguyễn Đình Sảng... Các nghiên cứu cho rằng, tâm thế như là trạng thái sẵn sàng tâm lý của cá nhân trước khi bước vào hoạt động, lao động nghề nghiệp, học tập, chiến đấu. Đó là tổng hòa các phẩm chất nhân cách của chủ thể (người lính, giáo viên, học sinh, sinh viên, học viên, người lao động...) đáp ứng yêu cầu của lĩnh vực nghề nghiệp. Trong hoạt động quân sự, theo Nguyễn Ngọc Phú và những người khác (1998), TTCĐ là sự sẵn sàng bên trong của quân nhân cho các hành động chiến đấu, là một thành phần trong trạng thái tâm lý SSCĐ của quân nhân [50]. Hoàng Đình Châu (2005), cho rằng: TTCĐ là sự huy động ở mức độ cao các hoạt động chức năng tâm lý và sự vững vàng về tâm lý [10]. Trong nghiên cứu *Chuẩn bị tâm lý sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cho Bộ đội Phòng không hiện nay* (2003), theo Đỗ Duy Môn, tâm thế SSCĐ của Bộ đội Phòng không là một mặt của SSCĐ chung. Đó là sự sẵn sàng bên trong của các quân nhân hướng tới đối tượng hoạt động tác chiến. Chuẩn bị tâm lý SSCĐ là nhằm tạo ra tính vững vàng và sự sẵn sàng về tâm lý, mà thực chất là nhằm tạo ra TTCĐ cho người lính trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc [42]. Đỗ Mạnh Tôn (2001), (2006) cũng cho rằng: Tâm thế SSCĐ là tổng thể những đặc trưng các phẩm chất nhân cách giúp quân nhân luôn thường trực chiến đấu và có thể chuyển nhanh sang trạng thái chiến đấu được ngay [61]. Hoàng Văn Thanh (2000), cho rằng: Tâm thế chính là chiều hướng và

trạng thái sẵn sàng tâm lý cho hoạt động của cá nhân [55]. Các nghiên cứu đều khá thống nhất, cho rằng: Tâm thế là một trạng thái sẵn sàng tâm lý bên trong của nhân cách; TTCĐ là sự tổng hòa, đặc trưng các phẩm chất nhân cách của cá nhân bảo đảm cho quân nhân SSCĐ và chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống.

Theo hướng tiếp cận của Tâm lý học xã hội, với các nghiên cứu tiêu biểu của: Vũ Dũng, Nguyễn Hữu Thọ, Lê Văn Hảo, Phạm Văn Tư... Theo Vũ Dũng (2008), tâm thế là trạng thái sẵn sàng hành động bên trong của chủ thể hướng tới hoạt động nhất định [20]. Nguyễn Hữu Thọ (2005), cho rằng: Tâm thế là trạng thái tâm lý tương đối ổn định, sẵn sàng phản ứng đối với đối tượng trong tình huống nào đó; khái niệm tâm thế có nội hàm tương đồng với khái niệm thái độ; nghiên cứu tâm thế là nghiên cứu thái độ [56]. Theo Lê Văn Hảo (1996), bản chất tâm thế hội tụ bởi 5 đặc tính: Là trạng thái nhất định của tinh thần và hệ thần kinh; thể hiện sự sẵn sàng phản ứng; có tổ chức; dựa trên kinh nghiệm trước đó; có ảnh hưởng điều khiển và tác động tới hành vi; nghiên cứu tâm thế là nghiên cứu thái độ [32]. Phạm Văn Tư (2014), cho rằng: Tâm thế là trạng thái tâm lý thể hiện tư thế sẵn sàng hành động cá nhân nhằm đối phó với một đối tượng nhất định [63]. Nhìn chung, các nghiên cứu theo hướng này đều khá thống nhất với một số kết luận: Tâm thế là trạng thái sẵn sàng phản ứng với một tình huống, đối tượng hay giá trị nào đó mà có liên quan tới nhu cầu; nghiên cứu tâm thế là nghiên cứu thái độ (attitude). Các nghiên cứu đã luận giải khá sâu sắc, từ lịch sử hình thành đến bản chất khái niệm tâm thế. Đây cũng là cơ sở quan trọng để chúng tôi nghiên cứu luận giải bản chất khái niệm TTCĐ của BĐTTG.

1.2.2. Các nghiên cứu về cấu trúc, biểu hiện tâm thế, tâm thế chiến đấu

Theo hướng tiếp cận của Tâm lý học xã hội, theo Vũ Dũng (2008): Sự sẵn sàng hành động chính là tâm thế của chủ thể hướng tới một hành động nào đó, gồm các yếu tố: Sự sẵn sàng về thần kinh, sự sẵn sàng về thể chất và sự sẵn sàng về tâm lý [20, tr.702, 703]. Vũ Dũng (2011), tâm thế xã hội có cấu trúc nhận thức, tình cảm và cách ứng xử [21]. Cùng hướng quan điểm đó, tác giả Lê Văn Hảo cùng những người khác (1996), (2010), cho rằng: Tâm thế tạo thành bởi một cấu trúc chung ba thành tố là nhận thức, tình cảm (các cảm xúc, tình cảm), hành vi

(hành động hay ý định hành động) [32], [34]. Nguyễn Hữu Thu (2005), quan niệm tâm thể có cấu trúc tâm lý ba mặt là nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động; kết quả tổng hòa của ba mặt trong tâm thể sẽ hướng tới hai loại hành vi trong đời sống cá nhân, là “hành vi cấp thiết” và “hành vi ngôn ngữ” [56]. Theo Phạm Văn Tư (2014), tâm thể có cấu trúc ba thành phần: Nhận thức, tình cảm, ý chí [63]. Tuy nhiên, các nghiên cứu cho rằng không phải tất cả các tâm thể ở cá nhân đều giống nhau về mặt cấu trúc, tùy theo đối tượng hướng tới mà có sự khác nhau về những đặc tính cơ bản, như về trị số (tính phân cực), mức độ, cường độ, tính vững chắc, tính nổi trội của mỗi thành phần [32], [34].

Các nghiên cứu tiếp cận theo hướng hoạt động - nhân cách chỉ ra cấu trúc, các mặt biểu hiện tâm thể như là sự sẵn sàng bên trong cho hoạt động ở con người, bao gồm các phẩm chất nhân cách bền vững bảo đảm cho các dạng hoạt động đạt hiệu quả. Theo Phạm Ngọc Uyển, (1984), (1988), tâm thể có cấu trúc chức năng cơ động, linh hoạt, gồm các thành tố: Nhận thức, tình cảm, ý chí và phương thức hành động [65], [66]. Phạm Hoàng Gia (1973), chỉ ra tâm thể như là sự chuẩn bị tâm lý sẵn sàng lao động công nghiệp cho học sinh, được tạo thành bởi các yếu tố: Nhóm yếu tố chủ quan và nhóm yếu tố khách quan. Nhóm yếu tố chủ quan như quan niệm đúng đắn về mục đích học tập và lao động; tiêu chuẩn tâm - sinh lý; tri thức, kỹ xảo, kỹ năng; thái độ của cá nhân với đối tượng, tập thể lao động, với quá trình và kết quả lao động; năng lực vạch kế hoạch... Các yếu tố khách quan như sự phù hợp của đặc điểm nhân cách với nghề; quan hệ tích cực giữa các cá nhân trong tập thể sản xuất [27]. Phạm Tất Dong (1979), (1981), (1985), xác định các yếu tố tạo thành tâm thể như là sự sẵn sàng tâm lý đi vào lao động bao gồm bốn thành phần: Thành phần nhận thức; thành phần động cơ; thành phần tâm lý hỗ trợ cho hoạt động nghề; phẩm chất nhân cách cần thiết cho nghề [16], [17], [18]. Trần Trọng Thủy (1982), làm rõ các thành tố của tâm thể như là sự sẵn sàng tâm lý ở sinh viên trước khi bước vào hoạt động nghề nghiệp: Yếu tố tri thức (phẩm chất trí tuệ, tri thức chung, tri thức nghề, sự hiểu biết đặc điểm tâm - sinh lý của bản thân); yếu tố động cơ, tình cảm; yếu tố ý chí, kỹ xảo, kỹ năng đối với nghề; mục đích, quan điểm, niềm tin, thái độ đối với lao động [57]. Phạm

Ngọc Uyển (1988), tâm thế như là sự sẵn sàng đi vào lao động của học sinh gồm có bốn tiêu cấu trúc: Sẵn sàng động cơ, sẵn sàng trí tuệ, sẵn sàng ý chí và sẵn sàng đạo đức [66]. Nghiên cứu của Hoàng Anh (2009) cho rằng, tâm thế là sự sẵn sàng tâm lý đi vào hoạt động nghề nghiệp, tạo thành bởi ba nhóm thành tố: Nhóm động cơ, mục đích hoạt động; nhóm kiến thức, kĩ xảo, kĩ năng nghề nghiệp; nhóm thói quen nghề nghiệp [1].

Tâm lý học quân sự Việt Nam cũng có những nghiên cứu chỉ rõ nội dung, các yếu tố tạo thành TTCĐ của người lính trước khi bước vào hoạt động chiến đấu. Theo Đỗ Mạnh Tôn (2008), các yếu tố tạo thành TTCĐ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới của Bộ đội Biên phòng, gồm các thành tố: Tư tưởng, tâm lý và hành động [7]. Đỗ Duy Môn (2003) cho rằng, TTCĐ của người lính phòng không được tạo bởi các thành tố cơ bản: Động cơ hoạt động (nhất là động cơ chính trị - xã hội, động cơ chính trị - quân sự); mục đích hoạt động chiến đấu mà quân nhân tự ý thức được; nhận thức (sự tri giác và biểu tượng về kẻ thù). Trong đó, động cơ chiến đấu của quân nhân giữ vị trí đặc biệt quan trọng [42]. Nguyễn Đình Sáng (2016), quan niệm tâm thế đối với hoạt động nghề nghiệp như là sự sẵn sàng tâm lý đối với hoạt động nghề nghiệp của học viên các trường đại học quân sự, có cấu trúc bốn thành tố có mối quan chặt chẽ, gồm: Động cơ hoạt động nghề nghiệp, kiến thức, cảm xúc - ý chí, kĩ năng nghề nghiệp [53].

Như vậy, các nghiên cứu trên cho thấy cấu trúc, biểu hiện tâm thế, TTCĐ đối với hoạt động thường xuất hiện các thành phần: Thành phần nhận thức; thành phần cảm xúc; thành phần hành vi, hành động; mỗi thành phần có mối quan hệ chặt chẽ, chuyển hóa lẫn nhau và có vai trò không ngang bằng nhau trong cấu trúc, biểu hiện của tâm thế, TTCĐ. Đây là tiền đề quan trọng để chúng tôi nghiên cứu các mặt biểu hiện TTCĐ của BĐTTG.

1.2.3. Các nghiên cứu về tiêu chí, phương pháp đánh giá tâm thế, tâm thế chiến đấu

Nghiên cứu của Tâm lý học xã hội, tiêu biểu như Vũ Dũng (2000), (2011), Nguyễn Hữu Thụ (2005), Lê Văn Hào (1996), (2010)... xác định tiêu chí đánh giá tâm thế dựa trên cơ sở cấu trúc tâm lý, những biểu hiện của các thành tố trong cấu trúc tâm thế. Việc xây dựng thang đo cũng được ứng dụng mạnh mẽ, sử dụng các kết quả nghiên cứu của Tâm lý học xã hội trên thế giới [19], [21], [32], [34], [56].

Nghiên cứu tiếp cận theo hướng hoạt động - nhân cách, các nghiên cứu theo hướng này lại thông qua các phẩm chất nhân cách trong các yếu tố tạo thành tâm thế, TTCĐ để xác định tiêu chí đánh giá TTCĐ. Theo Trần Trọng Thủy (1982), xác định các tiêu chí đánh giá sẵn sàng tâm lý với hoạt động nghề nghiệp của sinh viên qua các phẩm chất: Niềm tin, quan điểm, thái độ, tình cảm, các phẩm chất ý chí và trí tuệ, kỹ xảo, kỹ năng [57]. Tác giả Phạm Tất Dong (1981), (1985), đã xác định tiêu chí đánh giá thông qua các biểu hiện trong thành phần cấu trúc của sự sẵn sàng tâm lý, bao gồm: Thành phần nhận thức (tri thức chung, tri thức về nghề nghiệp); thành phần động cơ (hứng thú - lý tưởng nghề nghiệp); các phẩm chất tâm lý cần thiết cho hoạt động nghề (ý chí, quyết tâm); kỹ xảo, kỹ năng phù hợp với nghề; phẩm chất nhân cách cần thiết cho nghề (đạo đức nghề, tính tổ chức, lương tâm nghề) [17], [18]. Phạm Ngọc Uyên (1988), xác định các tiêu chí đánh giá qua những dấu hiệu biểu hiện trong cấu trúc của sự sẵn sàng tâm lý đi vào lao động, như sự sẵn sàng về động cơ; sẵn sàng về trí tuệ (tri thức nghề nghiệp, tư duy kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo); sẵn sàng về ý chí; sẵn sàng về đạo đức (đồng cảm, chia sẻ, giao lưu) [66]. Đỗ Mạnh Tôn (1996), trên cơ sở cấu trúc của sự sẵn sàng tâm lý đi vào hoạt động học tập của học viên sĩ quan đã xác định các tiêu chí đánh giá, gồm: Động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn; xu hướng nghề nghiệp quân sự rõ ràng, ổn định; kỹ năng, kỹ xảo học tập, rèn luyện tốt; thói quen học tập, rèn luyện phù hợp [59]. Đỗ Duy Môn (2003), đánh giá TTCĐ như là sự sẵn sàng tâm lý với hoạt động chiến đấu, đã xác định ba nhóm tiêu chí đánh giá: Nhóm tiêu chí đánh giá mức độ vững vàng, sẵn sàng của nhận thức; nhóm tiêu chí đánh giá sự bền vững của cảm xúc; nhóm tiêu chí đánh giá mức độ bền vững của các phẩm chất chuyên môn nghiệp vụ quân sự [42]. Tác giả Nguyễn Đình Sáng (2016), xác định bốn nhóm tiêu chí đánh giá dựa trên biểu hiện cấu trúc của sự sẵn sàng tâm lý bước vào hoạt động nghề nghiệp của học viên các trường đại học quân sự [53].

Tóm lại, các nghiên cứu đều dựa trên nội dung biểu hiện trong cấu trúc, hoặc các yếu tố tạo thành tâm thế, TTCĐ đối với các hoạt động khác nhau để xác định tiêu chí đánh giá tâm thế, TTCĐ. Đây cũng là cách tiếp cận khách quan, khoa học, là cơ sở để chúng tôi nghiên cứu đánh giá mức độ biểu hiện TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

1.2.4. Các nghiên cứu về sự hình thành tâm thế, tâm thế chiến đấu

Các nhà Tâm lý học xã hội, như Vũ Dũng, Nguyễn Hữu Thụ, Lê Văn Hảo và những người khác... đều xác định rõ những yếu tố khách quan, chủ quan quy định sự hình thành, thay đổi tâm thế. Theo Vũ Dũng (2000), (2011) thì nhu cầu và những trải nghiệm xã hội của cá nhân là yếu tố cơ bản để hình thành tâm thế cá nhân đó. Tâm thế xã hội được hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn lịch sử, do kết quả của hoạt động lĩnh hội, hoạt động giao tiếp và tác động qua lại lẫn nhau trong nhóm xã hội [19], [21]. Nguyễn Hữu Thụ (2003), cho rằng tâm thế hình thành thông qua con đường giáo dục, tuyên truyền quảng cáo gắn liền với hoạt động và giao lưu của chủ thể. Tâm thế con người không tự nó sinh ra mà được hình thành một cách từ từ trong cuộc sống thông qua tác động của các yếu tố, như: Thông tin; sự cân bằng giữa nhận thức và xúc cảm trong cấu trúc tâm thế; các yếu tố tâm lý nhân cách: Nhu cầu nhận thức, thái độ nhận thức, khả năng thuyết phục [56]. Quan niệm của Lê Văn Hảo (1996), (2010), tâm thế có thể hình thành và có thể thay đổi. Sự hình thành và thay đổi tâm thế không tách biệt nhau, là hai giai đoạn liên tục của một quá trình phát triển tâm thế. Tâm thế hình thành bởi những trải nghiệm, giáo dục, học tập (tập quen) trong môi trường xã hội, thông qua tác động vào các yếu tố xã hội sẽ quyết định sự hình thành và thay đổi tâm thế. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành, thay đổi tâm thế là: Nhu cầu, thông tin, giao tiếp nhóm, đặc điểm riêng nhân cách cá nhân; tâm thế chủ yếu được hình thành bởi các yếu tố xã hội [32], [34]. Theo Phạm Văn Tư (2014), tâm thế xã hội được hình thành trên cơ sở những kinh nghiệm, trải nghiệm thu được trong những điều kiện xã hội cụ thể và được thể hiện nhiều lần trong những điều kiện tương tự [63].

Các nghiên cứu theo hướng hoạt động - nhân cách xem xét tâm thế, TTCD như là một trạng thái sẵn sàng tâm lý cho hoạt động, lao động nghề nghiệp, chiến đấu ở các chủ thể khác nhau (học sinh, sinh viên, giáo viên, học viên, người lính...), tiêu biểu như: Phạm Tất Dong, Phạm Ngọc Uyên, Đào Thị Oanh, Nguyễn Ngọc Phú, Hoàng Đình Châu, Đỗ Mạnh Tôn, Đỗ Duy Môn, Nguyễn Đình Sáng. Các nghiên cứu của Phạm Tất Dong [16], [17], [18], Phạm Ngọc Uyên [66], Đào Thị Oanh [46], cho rằng: Phát triển sẵn sàng tâm lý với hoạt động nghề nghiệp cần thực hiện tích cực

các biện pháp, như làm tốt công tác hướng nghiệp và triển khai, nâng cao hiệu quả hoạt động dạy nghề. Nguyễn Đình Sáng (2016), xác định con đường nâng cao sẵn sàng tâm lý với hoạt động nghề nghiệp của học viên các trường đại học quân sự, đó là củng cố động cơ hoạt động nghề nghiệp; đổi mới nội dung, phương pháp và phương tiện dạy học; bồi dưỡng, rèn luyện cảm xúc - ý chí và kỹ năng nghề nghiệp; xây dựng môi trường văn hóa sư phạm lành mạnh [53]. Theo Nguyễn Ngọc Phú (1998), để xây dựng TTCĐ cho người quân nhân là phải xây dựng cho họ tính cảnh giác cách mạng. Trong đó tập trung vào một số vấn đề: Giáo dục nâng cao trình độ nhận thức (chính trị, tư tưởng, giai cấp) và tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc, có kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn của địch; trang bị những kinh nghiệm chiến đấu cho người lính; huấn luyện, giáo dục bảo đảm khách quan, kịp thời nắm chắc về địch và đặc điểm của chiến tranh [50]. Theo Hoàng Đình Châu (2005), TTCĐ được hình thành thông qua quá trình huấn luyện, giáo dục, trong đó tập trung vào những nội dung: Xây dựng cho bộ đội niềm tin, hình thành biểu tượng đúng đắn về nhiệm vụ và đặc điểm môi trường chiến tranh; rèn luyện ý chí; hình thành, phát triển và củng cố kỹ năng, kỹ xảo, phẩm chất chuyên môn nghiệp vụ [10]. Trong *Nghiên cứu chuẩn bị tâm lý sẵn sàng chiến đấu của bộ đội các binh chủng kỹ thuật nhằm đánh thắng chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch*, theo tác giả Đỗ Mạnh Tôn (2001), TTCĐ của bộ đội của các binh chủng kỹ thuật là kết quả của quá trình chuẩn bị tâm lý SSCĐ. Tác giả đã đề xuất những nội dung, biện pháp chuẩn bị tâm lý SSCĐ của bộ đội nhằm hình thành TTCĐ cho họ, bao gồm: Trang bị kiến thức, hình thành niềm tin cho bộ đội; xây dựng biểu tượng đúng đắn về chiến tranh; chuẩn bị tâm lý SSCĐ cho cá nhân người chiến sĩ; chuẩn bị tâm lý cho các cán bộ chỉ huy đơn vị; chuẩn bị tâm lý SSCĐ cho tập thể quân nhân. Để thực hiện được những biện pháp đó phải thông qua bắn đạn thật cũng như trong quá trình chuẩn bị vũ khí, khí tài, trong huấn luyện chiến thuật [60]. Nghiên cứu của Đỗ Duy Môn (2003), trong *Chuẩn bị tâm lý sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cho Bộ đội Phòng không hiện nay*, cho rằng: TTCĐ có cơ sở sinh lý là sự xác lập các phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện, thông qua việc thường xuyên tạo ra các kích thích tâm - sinh lý mô phỏng các tình huống chiến tranh hiện đại đối với người lính để luyện tập. Đó là quá trình luyện

tập, huấn luyện hình thành các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp sát với thực tế chiến đấu của chiến tranh công nghệ cao để người lính có biểu tượng đúng đắn về chiến tranh; từ đó nâng cao TTCD cho họ [42].

Tóm lại, các công trình nghiên cứu trong nước khi đề cập đến sự hình thành tâm thế, TTCD đều khẳng định qua con đường giáo dục, huấn luyện, luyện tập những trải nghiệm cá nhân sát với thực tiễn ngành nghề, điều kiện môi trường hoạt động. Thông qua tác động các yếu tố bên trong và bên ngoài như: Nhu cầu, giao tiếp trong nhóm, xu hướng hành động, thông tin, đặc điểm riêng cá nhân, kỹ xảo, kỹ năng nghề nghiệp. Trong hoạt động chiến đấu, TTCD được xác định là một trong những nguyên nhân đem lại kết quả, hiệu quả chiến đấu của quân nhân; TTCD được biểu hiện, hình thành, phát triển trong hoạt động chiến đấu và hoạt động HL - SSCĐ sát thực tiễn chiến đấu. Đây là cơ sở để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến TTCD và đề xuất các biện pháp TL - XH nâng cao TTCD của BĐTTG.

1.3. Khái quát kết quả chủ yếu của các công trình đã công bố và những vấn đề đặt ra luận án tiếp tục giải quyết

1.3.1. Khái quát kết quả chủ yếu của các công trình đã công bố

Các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài đã tiếp cận nghiên cứu tâm thế, TTCD theo hai hướng cơ bản: 1) *Tiếp cận nghiên cứu của Tâm lý học xã hội* về tâm thế của cá nhân trong các nhóm xã hội; 2) *Tiếp cận nghiên cứu của Tâm lý học hoạt động* về tâm thế, TTCD như là trạng thái tâm lý sẵn sàng cho hành động của cá nhân. Với những kết quả chính:

Các nghiên cứu đã luận giải và khá thống nhất về bản chất của tâm thế: Là trạng thái sẵn sàng hành động (phản ứng) của cá nhân với đối tượng, mang khuynh hướng hành động của chủ thể trong hoạt động với đối tượng. Tâm thế gắn với nhu cầu và hành động cụ thể, có mối quan hệ chặt chẽ với hành động. Nhiều quan điểm trong Tâm lý học xã hội cho rằng: Nghiên cứu tâm thế là nghiên cứu thái độ (attitude), các nghiên cứu theo hướng này đã chỉ ra sự thống nhất của vấn đề, từ lịch sử hình thành cho đến bản chất của khái niệm tâm thế. Tiếp cận theo hướng hoạt động - nhân cách lại đi sâu nghiên cứu tâm thế, TTCD như là sự sẵn sàng tâm lý hoặc trạng thái sẵn sàng cho các hoạt động lao động nghề nghiệp, hoạt

động chiến đấu của quân nhân. Trong hoạt động quân sự, TTCĐ như là trạng thái tâm lý của sự sẵn sàng cho các hành động chiến đấu của quân nhân và chỉ ra nội dung, mối quan hệ của từng trạng thái thành phần, những phẩm chất nhân cách để hình thành nên trạng thái đó.

Các nghiên cứu đã chỉ ra cấu trúc hoặc các thành phần biểu hiện tâm thế, TTCĐ, các yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành, thay đổi tâm thế, TTCĐ. Trong cấu trúc tâm lý, các mặt biểu hiện tâm thế, TTCĐ các kết quả nghiên cứu đã đề cập tới các thành phần như: Nhận thức, cảm xúc, hành vi (hành động), kỹ năng chuyên môn. Mỗi thành tố có vai trò không ngang bằng nhau, nhưng quan hệ chặt chẽ và hướng tới thiết lập sự cân bằng là trạng thái của tâm thế, tạo nên chỉnh thể là tâm thế của cá nhân đối với mỗi dạng hoạt động. Trên cơ sở đó các nghiên cứu cũng xác định được những tiêu chí, cách đánh giá tâm thế, TTCĐ. Phần lớn các nghiên cứu đều dựa vào những biểu hiện cụ thể trong thành phần của cấu trúc tâm lý hay các mặt biểu hiện tâm thế, TTCĐ để xây dựng các tiêu chí đánh giá. Đây là cơ sở để tác giả nghiên cứu các biểu hiện và đánh giá mức độ biểu hiện TTCĐ của BĐTTG.

Các nghiên cứu cũng đã làm rõ được các yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế, TTCĐ, như: Nhu cầu, thông tin, đặc điểm riêng nhân cách, giao tiếp trong tập thể (nhóm), điều kiện môi trường hoạt động sát thực tiễn... Đây là cơ sở quan trọng cho việc luận giải mối quan hệ biện chứng và đặt nghiên cứu TTCĐ trong hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG. Đồng thời cũng là cơ sở để chúng tôi xác định các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra con đường, biện pháp hình thành, thay đổi tâm thế, TTCĐ, như: Thông qua những trải nghiệm, giáo dục, tuyên truyền, huấn luyện sát thực tế, rèn luyện trong môi trường tập thể (nhóm)... thông qua ba con đường: 1) tập trung vào hình thành các thành phần trong cấu trúc, các mặt biểu hiện tâm thế, TTCĐ; 2) tập trung vào cải thiện, điều chỉnh các yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế, TTCĐ; 3) tập trung vào cả thành phần trong cấu trúc, hoặc các mặt biểu hiện tâm thế và cả cải thiện, điều chỉnh các yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế, TTCĐ. Đây là tiền đề quan trọng để nghiên cứu thực trạng biểu hiện TTCĐ của BĐTTG và xác định hệ thống biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra luận án tiếp tục giải quyết

Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước là những cơ sở, tiền đề quan trọng về lý luận và phương pháp luận để tác giả triển khai nghiên cứu đề tài luận án. Trên cơ sở tổng quan kết quả các công trình nghiên cứu, luận án xác định giải quyết các vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, về lập trường thế giới quan, phương pháp luận nghiên cứu: Đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; tuân thủ các nguyên tắc phương pháp luận của Tâm lý học Mác - xít, kế thừa có chọn lọc các nghiên cứu của Tâm lý học xã hội, luận giải bản chất khái niệm tâm thể, TTCĐ như là trạng thái sẵn sàng bên trong cho các hành động chiến đấu. TTCĐ của BĐTTG được hình thành, biểu hiện, phát triển qua thực tiễn trải nghiệm của mỗi quân nhân và tập thể quân nhân trong hoạt động HL - SSCĐ.

Thứ hai, quan điểm chuyên ngành trong tiếp cận nghiên cứu: Luận án kế thừa có chọn lọc những điểm hợp lý, thống nhất khi nghiên cứu về tâm thể - thái độ trong Tâm lý học xã hội, cũng như cách tiếp cận nghiên cứu theo hướng hoạt động - nhân cách của Tâm lý học hoạt động. TTCĐ được xem xét, nghiên cứu dưới góc độ thái độ đối với hoạt động chiến đấu, là trạng thái sẵn sàng hành động (phản ứng) đối với các nhiệm vụ (tình huống) chiến đấu, được biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động của BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Trên cơ sở đó, luận án sẽ tiếp cận những phương pháp đo lường, đánh giá của Tâm lý học xã hội nhằm xác định được mức độ biểu hiện TTCĐ và mức độ yếu tố ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG.

Thứ ba, những nhiệm vụ đặt ra đối với luận án: Trên cơ sở phương pháp luận và phương pháp tiếp cận chuyên ngành, luận án xác định giải quyết một số nội dung:

Xác định hướng tiếp cận, nghiên cứu của đề tài; làm rõ bản chất tâm thể là trạng thái sẵn sàng bên trong cho hoạt động nhất định, được biểu hiện qua các thành phần nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động. Qua đó làm rõ nội hàm khái niệm TTCĐ, các thành phần biểu hiện TTCĐ của BĐTTG. Đồng thời, luận giải các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG, làm cơ sở lý luận cho đề tài trong quá trình nghiên cứu.

Chuẩn hóa bộ công cụ nghiên cứu: Xác định thang đánh giá các nội dung điều tra thực trạng TTCĐ, làm rõ các mức độ thành phần biểu hiện và mức độ TTCĐ, cũng như mức độ yếu tố ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG. Xác định và sử dụng các phương pháp nghiên cứu một cách tường minh, hợp lý.

Trên cơ sở thực tiễn hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG, xác định và chuẩn hóa bộ công cụ nghiên cứu đề tài, qua đó đánh giá thực trạng mức độ biểu hiện TTCĐ và mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG.

Từ kết quả thu được về thực trạng mức độ biểu hiện TTCĐ và mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG; luận án sẽ đề xuất, luận giải hệ thống các biện pháp TL - XH; tiến hành thực nghiệm kiểm chứng hiệu quả 1 biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

Kết luận chương 1

Vấn đề tâm thế, TTCĐ là vấn đề phức tạp, được nghiên cứu từ lâu và khá phong phú theo những hướng tiếp cận khác nhau trong lịch sử tâm lý học. Tâm thế được xác định là trạng thái tâm lý sẵn sàng hành động (phản ứng) của cá nhân với đối tượng nhất định, nghiên cứu tâm thế là nghiên cứu thái độ, được biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm và hành vi; nghiên cứu tâm thế gắn liền với nhân cách, với nhu cầu cá nhân. Tâm thế mang khuynh hướng hành động, chi phối tới hiệu quả của hành vi cá nhân; tâm thế hình thành nhờ kinh nghiệm, trải nghiệm cá nhân trong thực tiễn học tập, lao động và HL - SSCĐ.

Tâm thế chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tác động cả bên trong và bên ngoài trong môi quan hệ chặt chẽ, thống nhất. Việc đánh giá, đo lường tâm thế, các nghiên cứu thường thông qua cấu trúc tâm lý, các thành phần biểu hiện của tâm thế theo hướng tiếp cận khác nhau, trong đó thông qua biểu hiện về nhận thức, xúc cảm, hành vi là khá tập trung, thống nhất.

Nghiên cứu về TTCĐ được xem xét là một nội dung của trạng thái tâm lý SSCĐ ở người quân nhân; sự sẵn sàng tâm lý của quân nhân đối với nhiệm vụ, tình huống chiến đấu; tâm thế được xác định như là kết quả của sự chuẩn bị tâm lý SSCĐ ở người quân nhân trong hoạt động quân sự.

Tổng quan các công trình nghiên cứu về tâm thế, TTCĐ trong tâm lý học là rất quan trọng, cần thiết nhằm xác định cơ sở nền móng tiền đề về lý luận và thực tiễn cũng như hướng tiếp cận nhằm nghiên cứu, đánh giá mức độ biểu hiện TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

Chương 2
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU
CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
VIỆT NAM

2.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về tâm thể, tâm thể chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội Nhân dân Việt Nam

2.1.1. Tâm thể và tâm thể chiến đấu

2.1.1.1. Tâm thể

** Khái niệm tâm thể*

Theo nghĩa thông thường: Tâm thể là từ Hán - Việt, là ghép từ: Tâm (tinh thần, tâm hồn) - thể (cái thể đứng, dáng vóc, cử chỉ, điệu bộ, sự sẵn sàng phản ứng trước một đối tượng): Sự sẵn sàng phản ứng của tinh thần, tâm hồn; cái thể sẵn sàng hành động của tinh thần, tâm hồn.

Trong Tâm lý học, khái niệm tâm thể đã được nghiên cứu từ lâu trong lịch sử, với nhiều quan điểm tiếp cận:

W.I. Thomas và F. Znaniecki, định nghĩa: “Tâm thể là định hướng chủ quan đối với một giá trị nào đó làm cho cá nhân hành động được xã hội chấp nhận” [90], [dẫn theo 79, tr.3-12]. Tâm thể là *khuyh hướng hành động* của cá nhân đối với những giá trị cần chiếm lĩnh trong hoạt động, là định hướng giá trị của cá nhân.

Theo G.W. Allport, tâm thể có nguồn gốc tiếng Latin: *aptus - aptitude: Tư thế hướng ngoại*, chỉ một trạng thái chủ quan - sự sẵn sàng tinh thần chuẩn bị hành động [79, tr.3]. G.W. Allport định nghĩa: “Tâm thể là trạng thái sẵn sàng về mặt tinh thần và thần kinh được hình thành thông qua kinh nghiệm, có khả năng điều chỉnh hay ảnh hưởng tới phản ứng của cá nhân đối với tình huống và khách thể mà nó có mối quan hệ” [72, tr.809, 810]. Theo G.W. Allport, tâm thể là trạng thái sẵn sàng cho hành động, trạng thái đó bao gồm cả sự sẵn sàng về mặt tâm lý và thần kinh, được hình thành thông qua những kinh nghiệm của cá nhân.

Theo Aronson, E. Willson, T. D. Akert tâm thể là sự đánh giá có tính bền vững của một cá nhân đối với con người, đồ vật hay một tư tưởng; mọi tâm thể đều có ba thành phần là nhận thức, xúc cảm và hành vi; tâm thể có thể dựa trên thành phần này nhiều hơn thành phần khác [73].

Theo A.V.Pêtrôvski & M.G.Jarosevski trong *Từ điển tâm lý học (1990)*, tâm thế: “Là sự sẵn sàng, là khuynh hướng hành động của chủ thể, xuất hiện trong dự đoán của chủ thể về sự nảy sinh tình huống với một đối tượng cụ thể liên quan, đảm bảo cho hoạt động với đối tượng diễn ra một cách ổn định” [49, tr.419].

C.IU. Golovin định nghĩa: “Tâm thế là sự giải phóng chủ thể để hành động và kiểm soát bản thân trong tình huống đã gặp trước đó một cách có ý thức, đó là quá trình tâm lý mang tính định hướng” [103, tr. 877, 878]; “tâm thế là sự sẵn sàng hành động nhằm định hướng cho việc thực hiện một hành động nhất định” [106].

B.Ph. Lomov cho rằng: “Thái độ là một dạng tâm thế được xem như yếu tố hình thành hành vi xã hội của nhân cách, xuất hiện dưới dạng các quan hệ của nhân cách với các điều kiện hoạt động của nó với người khác” [dẫn theo 30, tr.278]. Như vậy, thái độ sẽ trở thành tâm thế nếu như nó được đặt trong mối quan hệ liên nhân cách, trong những điều kiện hoạt động cụ thể, và nó đóng vai trò quyết định việc hình thành, hiệu quả hành vi cá nhân.

Theo *Từ điển Tâm lý học (2008)*, “tâm thế là trạng thái sẵn sàng bên trong của chủ thể hướng tới một hoạt động nhất định... Tâm thế là hình thức phản ánh độc đáo hiện thực, trong đó nhu cầu và hoàn cảnh thỏa mãn nhu cầu hòa lẫn và thống nhất với nhau” [20, tr.783]. Tâm thế là một trạng thái của sự sẵn sàng hành động, hình thành trên cơ sở đời sống ý thức của cá nhân, khi nhu cầu bắt gặp đối tượng trong những hoàn cảnh nhất định.

Tác giả Nguyễn Hữu Thụ, Lê Văn Hảo cho rằng, tâm thế là trạng thái tâm lý, thể hiện sự sẵn sàng phản ứng của cá nhân với một đối tượng nào đó [56], [32].

Tác giả Võ Minh Chí định nghĩa, “Tâm thế là phản ứng, ứng xử mang tính chủ thể với hiện thực khách quan, được hình thành trên cơ sở các mối quan hệ xã hội mà chủ thể tham gia vào đó thông qua hoạt động và giao tiếp của mình” [30, tr.281]. Tâm thế chính là sự phản ứng, là hành động mang dấu ấn cá nhân với các đối tượng khác nhau trong môi trường xã hội qua hoạt động và giao tiếp.

Phạm Văn Tư cho rằng: “Tâm thế xã hội là trạng thái tâm lý, tinh thần, thể hiện tư thế sẵn sàng hành động của nhóm xã hội nhằm đối phó với một đối tác nhất định (...). Nói cách khác, tâm thế xã hội là sự sẵn sàng của nhóm để hành động theo một cách thức nhất định.” [63, tr.33].

Tóm lại, nhiều tác giả đã luận giải khái niệm tâm thế với cách tiếp cận khác nhau. Các nghiên cứu tựu trung một số vấn đề: Tâm thế là trạng thái sẵn sàng phản ứng hay trạng thái sẵn sàng hành động hướng tới đối tượng nhất định; tâm thế quy định tính tích cực cá nhân và hiệu quả hoạt động. Khái niệm tâm thế và khái niệm thái độ có nhiều điểm cơ bản thống nhất về nội hàm; tâm thế biểu hiện qua ba thành phần là nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành vi trong hoạt động thực tiễn; tùy theo đối tượng tâm thế hướng tới mà vai trò, vị trí của mỗi thành phần khác nhau.

Trên cơ sở các nghiên cứu về khái niệm tâm thế, tác giả cho rằng: *Tâm thế là trạng thái tâm lý sẵn sàng phản ứng của chủ thể với đối tượng nhất định, được biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành vi của chủ thể trong hoạt động.*

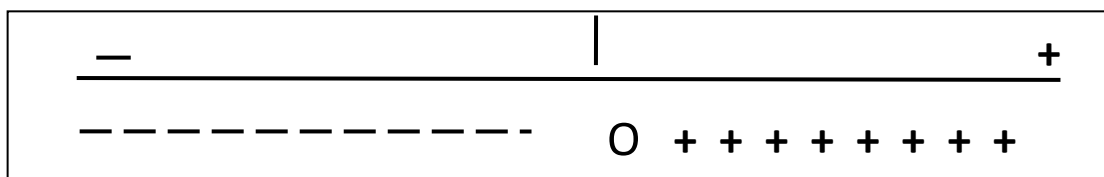
Trong phạm vi đề tài này, tâm thế được xem xét là một trạng thái tâm lý sẵn sàng phản ứng của chủ thể với đối tượng nhất định, chi phối việc lựa chọn và đưa ra quyết định hành động của chủ thể. Nghiên cứu tâm thế gắn với hoạt động có đối tượng, trong mối liên hệ giữa cá nhân có nhu cầu và hoàn cảnh. Nghiên cứu tâm thế dựa vào các biểu hiện về nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành vi, hình thành trong hoạt động thực tiễn.

Khái niệm tâm thế chỉ ra một số vấn đề:

Tâm thế là trạng thái tâm lý xác định của chủ thể, là sự sẵn sàng phản ứng của chủ thể hướng tới đối tượng. Tâm thế không phải là một vài phẩm chất tâm lý đơn lẻ cộng lại mà là một chỉnh thể trọn vẹn, tạo ra trạng thái sẵn sàng bên trong của nhân cách - sự chuẩn bị hành động cho hoạt động ở cá nhân. Tâm thế có khả năng điều chỉnh, ảnh hưởng năng động đối với phản ứng của chủ thể đến đối tượng mà nó thiết lập quan hệ.

Tâm thế luôn gắn với đối tượng, đối tượng khác nhau sẽ có tâm thế khác nhau, không có tâm thế chung chung không đối tượng. Tâm thế được biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành vi của cá nhân với đối tượng. Mỗi thành phần biểu hiện của tâm thế có vai trò, chức năng riêng, không ngang bằng nhau, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là cơ sở của nhau tạo nên trạng thái tâm thế xác định. Tâm thế là biến số nội tâm bên trong khó quan sát, nghiên cứu; do vậy cần dựa vào các thành phần biểu hiện và sự vận hành của mỗi thành phần để xem xét, nghiên cứu theo đối tượng xác định trong hoạt động.

Tâm thế mang xu hướng hành động, là trạng thái tâm lý có thể thay đổi và có tính chất hai cực. Khi sắp có một hoạt động diễn ra thì xuất hiện tâm thế, như là sự sẵn sàng phản ứng nhằm thực hiện hoạt động và điều chỉnh hoạt động. Xu hướng hành động của tâm thế phản ánh tính chất xúc cảm - tình cảm, qua đó phản ánh tính chất hành vi (tích cực, tiêu cực, trung tính) của tâm thế với đối tượng. Xu hướng hành động của tâm thế có thể thay đổi theo thang đo sau [dẫn theo 56]:



Sơ đồ 2.1: Thang đo mức độ tâm thế

Thang đo mức độ tâm thế chỉ ra xu hướng tâm thế với đối tượng, theo các trường hợp: 1) Tâm thế không có xu hướng - trung tính (0), khi chủ thể hoàn toàn không có tâm thế với đối tượng, không có nhu cầu về đối tượng; 2) Tâm thế có xu hướng tích cực (+), khi chủ thể có nhận thức đúng, có xúc cảm - tình cảm tích cực với đối tượng, qua đó thúc đẩy hành động tích cực cá nhân; 3) Tâm thế có xu hướng tiêu cực (-), khi chủ thể có nhận thức không đúng đắn, chưa đầy đủ toàn diện, có xúc cảm - tình cảm tiêu cực với đối tượng, qua đó thúc đẩy những hành động tiêu cực của chủ thể với đối tượng. Càng gần ở vị trí trung tính (0), tâm thế càng mờ nhạt, yếu; càng ở xa vị trí trung tính về hướng âm (-) hoặc (+), càng hình thành, củng cố mức độ tâm thế tiêu cực hoặc tích cực với đối tượng. Tâm thế có thể thay đổi theo hai cực đối ngẫu: Tiêu cực - tích cực, hay cùng một chiều hướng nhưng mức độ thay đổi [94]. Sự thay đổi tâm thế thường xuất phát từ mặt nhận thức của chủ thể với đối tượng, mà thành phần này thì thay đổi theo quy luật nhận thức khách quan. Vì vậy, mức độ (cao - thấp), tính chất (tích cực - tiêu cực) của tâm thế tùy thuộc vào mức độ mặt nhận thức và tính chất mặt xúc cảm - tình cảm của tâm thế với đối tượng. Tính chất hai cực của tâm thế cũng đặt ra vấn đề: Muốn thay đổi xu hướng của tâm thế từ tiêu cực sang tích cực, hoặc để giữ vững, nâng cao tính ổn định vững chắc của tâm thế tích cực phải thường xuyên củng cố, tác động một cách đúng đắn các thành phần trong tâm thế, nhất là thành phần nhận thức qua đó ảnh

hưởng đến xúc cảm - tình cảm với đối tượng; không nên coi tâm thế với đối tượng là bất biến, không thay đổi.

Tâm thế được hình thành, phát triển trên cơ sở những kinh nghiệm, trải nghiệm thu được trong những điều kiện, hoàn cảnh xã hội cụ thể và được củng cố, biểu hiện ra trong những điều kiện tương tự. Thông thường tâm thế hình thành, phát triển thông qua các hoạt động học tập, giáo dục, huấn luyện, rèn luyện trong hoạt động thực tiễn...qua đó phát triển nhận thức, thu được những kinh nghiệm, nhờ đó tâm thế được hình thành, củng cố, phát triển...

** Biểu hiện của tâm thế*

Các kết quả nghiên cứu của G.W. Allport [79], Aronson, E. Willson, T. D. Akert [77], M. Smith (1942), M. Fishbein [79], A. Tesser [91]; S.D. Preston & F.B.M. de Waal [89]; Knud S. Lasen [34], G.M. Andreeva [97], C.IU. Golovin [103], Vũ Dũng [19], Lê Văn Hảo [32], [34], Nguyễn Hữu Thọ [56]... đã chỉ ra cấu trúc của tâm thế được biểu hiện qua ba thành phần nhận thức, xúc cảm và hành vi. Tuy nhiên vai trò, vị trí, sự vận hành của mỗi thành phần biểu hiện của tâm thế là không ngang bằng nhau, tùy thuộc vào đối tượng mà chủ thể xác lập dạng hoạt động hướng tới.

Yếu tố nhận thức: Nhận thức là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý cá nhân, có chức năng phản ánh và làm sáng tỏ sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan và giúp cho hoạt động của cá nhân trở nên nhất quán. Cùng với xúc cảm - tình cảm và hành vi trong tâm thế, mặt nhận thức tham gia tạo nên trạng thái tâm lý trọn vẹn của tâm thế. Khi tham gia vào là một thành phần quan trọng của tâm thế, nhận thức có vai trò như cơ sở, nền tảng của tâm thế, giúp cho cá nhân nhận ra được bản chất của sự vật hiện tượng đó, những giá trị, lợi ích của đối tượng có đáp ứng được nhu cầu, lợi ích của chủ thể hướng tới hay không. Mức độ nông - sâu, đúng - sai, chính xác, toàn diện hay chưa chính xác, toàn diện trong yếu tố nhận thức của tâm thế sẽ ảnh hưởng tới tính chất, cường độ mạnh - yếu của yếu tố xúc cảm - tình cảm trong tâm thế; từ đó cũng ảnh hưởng tới tính chất tích cực hay tiêu cực và sự ổn định vững chắc của tâm thế đối với đối tượng. Việc nhận thức không đúng, không đầy đủ, chính xác về đối tượng sẽ dễ dẫn đến có xúc cảm - tình cảm tiêu cực, không phù hợp. Và điều đó dẫn đến hình thành tâm thế tiêu cực, không ổn

định; mức độ tâm thế sẽ không nhất quán với kết quả hoạt động hay hình thành những phản ứng tiêu cực. Nhận thức được phân biệt theo khối lượng và mức độ trung thực mà chủ thể lĩnh hội được đối với sự vật, hiện tượng: Nhận thức về đối tượng càng sâu sắc, đúng đắn thì càng dễ hình thành tâm thế tích cực với đối tượng, và ngược lại. Khi chủ thể nhận thức sâu sắc, toàn diện về đối tượng, sẽ xuất hiện xúc cảm - tình cảm tích cực, thôi thúc cá nhân có những hành động để chiếm lĩnh đối tượng, làm nảy sinh sự sẵn sàng phản ứng mạnh mẽ ở cá nhân.

Yếu tố xúc cảm - tình cảm: Thành phần này được hình thành trên nền tảng của thành phần nhận thức của tâm thế. Trong các thành phần biểu hiện của tâm thế, xúc cảm - tình cảm là thành phần nói lên tính chất của tâm thế: Sự rung động và đánh giá (tốt - xấu, đúng - sai, yêu - ghét...) của tâm thế với đối tượng mà cá nhân hướng tới, liên quan tới việc thỏa mãn nhu cầu của chủ thể. Từ đó xác định xu hướng của tâm thế về đối tượng trong hoạt động là tích cực hay tiêu cực, cao hay thấp, ổn định, vững chắc hay không. Xúc cảm - tình cảm đóng vai trò là động lực sẵn sàng cho phản ứng, sự sẵn sàng phản ứng mạnh hay yếu xuất phát từ yếu tố xúc cảm - tình cảm mạnh hay yếu, tích cực hay tiêu cực. Tuy nhiên, do yếu tố xúc cảm - tình cảm trong tâm thế phụ thuộc vào yếu tố nhận thức của chủ thể, nên quá trình nhận thức càng sâu sắc, toàn diện, khách quan sẽ càng dễ nảy sinh xúc cảm - tình cảm mạnh mẽ, tích cực, là cơ sở cho các phản ứng, hành động của tâm thế tích cực, mạnh mẽ chiếm lĩnh đối tượng.

Mặt xúc cảm - tình cảm trong đời sống tâm lý cá nhân hết sức phong phú, đa dạng, được thể hiện qua nhiều trạng thái như: Sự hài lòng, quan tâm, hứng thú, say mê, sợ hãi, yêu - ghét, vui vẻ, phấn khởi hay buồn chán; lo sợ, hoảng loạn hay bình tĩnh... của cá nhân trước đối tượng mà chủ thể thiết lập hoạt động. Xúc cảm - tình cảm cũng thể hiện qua các mức độ khác nhau cả về cường độ và tính chất. Về cường độ: mạnh, ổn định, vừa phải hay yếu; về tính chất: tích cực, trung tính hay tiêu cực. Đây là một chỉ báo quan trọng trong quá trình nghiên cứu về tâm thế.

Yếu tố hành vi: Theo quan điểm của Vũ Dũng: Hành vi là sự tương tác với môi trường có ở động vật, trên cơ sở tính tích cực bên ngoài (vận động) và bên trong (tâm lý) đảm bảo thực hiện các tiếp xúc với thế giới bên ngoài [20]. Theo X. L. Rubinstein thì hành vi là hình thức đặc biệt của hoạt động, được hình thành khi

động cơ hành động từ kế hoạch đối tượng chuyển sang kế hoạch quan hệ nhân cách xã hội; đặc trưng của hành vi là lao động và thuộc tính là giao tiếp [dẫn theo 20]. Trong phạm vi đề tài này, tác giả xác định hành vi của tâm thể là một cấp độ biểu hiện ra bên ngoài của tâm thể, là hệ thống những hành động cụ thể và các thao tác của cá nhân trong hoạt động biểu hiện ra trên cơ sở mặt nhận thức và mặt xúc cảm - tình cảm của tâm thể với đối tượng. Nhờ cường độ, mức độ tần số của các thao tác hành vi tác động vào đối tượng, làm cho nhận thức và xúc cảm - tình cảm mạnh hay yếu, tích cực hay tiêu cực ở chủ thể được củng cố, bộc lộ rõ hơn, đồng thời qua đó cũng biết được mức độ thành thực của hành vi trong tâm thể. Vì vậy, hành vi trong tâm thể là một chỉ báo quan trọng để xem xét tâm thể, là biểu hiện ra bên ngoài về mặt thao tác, hành động trên cơ sở thành phần nhận thức và thành phần xúc cảm - tình cảm của tâm thể. Hành vi trong tâm thể nói lên sự thống nhất, ổn định giữa các thành phần biểu hiện của tâm thể ở mức độ nào.

Ba thành phần biểu hiện của tâm thể có mối quan hệ mật thiết với nhau, sự thống nhất giữa các thành phần tạo nên trạng thái tâm thể xác định của cá nhân. Để có tâm thể trước khi bước vào hoạt động với một đối tượng, cá nhân phải tuân theo quy luật: Chủ thể phải có nhận thức (hiểu biết) về bản chất, giá trị, lợi ích của đối tượng để xem xét, so sánh với nhu cầu, lợi ích của chủ thể (tốt - xấu, có giá trị gì không). Trên cơ sở đó nảy sinh, định hướng, điều chỉnh, điều khiển xúc cảm - tình cảm với đối tượng; từ đó hình thành động lực thúc đẩy cá nhân có những hành vi, hành động cụ thể để chiếm lĩnh đối tượng. Tuy nhiên, tác giả thống nhất với các nghiên cứu của M. Smith (1942); H. Fillmore (1965); E. Aronson, T. D. Willson, R. M. Akert (1999), G. M. Andreeva (1980), C. IU Golovin (2001), Lê Văn Hào (1996), Knud S. Larsen & Lê Văn Hào (2010), Nguyễn Hữu Thụ (2005)... như đã luận giải ở trên, cho rằng: Đó là ba mặt biểu hiện có tính cơ động, tùy theo đối tượng tâm thể hướng tới và đặc tính hoạt động mà thành phần nào chiếm vị trí chủ đạo, vận hành khác nhau chi phối trong tâm thể cá nhân.

Tóm lại, định nghĩa về tâm thể khá phong phú, đa dạng; tác giả cho rằng, tâm thể là trạng thái tâm lý xác định của cá nhân, chỉ sự sẵn sàng phản ứng của chủ thể hướng tới đối tượng nhất định. Tâm thể có thể thay đổi, có tính chất hai cực và mang xu hướng hành động. Tâm thể biểu hiện qua thành phần nhận thức, xúc cảm -

tình cảm và hành vi, hành động trong hoạt động thực tiễn. Các thành phần biểu hiện của tâm thế là những cơ sở nền tảng quan trọng để xác định các thành phần biểu hiện cũng như các chỉ báo nghiên cứu TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

2.1.1.2. Tâm thế chiến đấu

* Khái niệm chiến đấu

Theo *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam: Chiến đấu* là hành động đánh địch có tổ chức của cá nhân, phân đội, binh đội, binh đoàn [62, tr.208]. Trong phạm vi đề tài này, chiến đấu quan niệm là hoạt động sử dụng kỹ năng, vũ khí trang bị kỹ thuật được biên chế của quân nhân hay tập thể quân nhân để đánh địch. Đó là một dạng hoạt động quân sự đặc thù, phức tạp với nhiều hoạt động bộ phận; trong đó cá nhân và tập thể quân sự được tổ chức chặt chẽ nhằm tiêu diệt kẻ địch; đó là hoạt động mang ý nghĩa chính trị - xã hội cao cả.

* Khái niệm tâm thế chiến đấu

Như đã luận giải ở trên, tâm thế gắn với hoạt động có đối tượng, không có tâm thế chung không đối tượng. Khi nói tới TTCĐ là chúng tôi muốn chỉ tâm thế của quân nhân trong QĐNDVN đối với hoạt động chiến đấu, được hình thành, biểu hiện từ trong hoạt động HL - SSCĐ. Tâm lý học quân sự, nghiên cứu TTCĐ được tiếp cận dưới góc độ hoạt động SSCĐ của quân nhân và đưa ra khái niệm *tâm thế SSCĐ*, tiêu biểu có một số quan điểm:

Theo *Từ điển Tâm lý học quân sự* (2006): Tâm thế SSCĐ của quân nhân là tổng thể những đặc trưng về các phẩm chất nhân cách, đảm bảo cho người quân nhân có khả năng thường trực chiến đấu và khi cần thiết chuyển sang trạng thái chiến đấu được ngay với hiệu quả cao nhất [61, tr.333, 334].

Nguyễn Ngọc Phú và những người khác cho rằng: TTCĐ là sự sẵn sàng bên trong của quân nhân cho các hành động chiến đấu. TTCĐ là một nội dung biểu hiện của trạng thái tâm lý SSCĐ [50, tr.552].

Đỗ Mạnh Tôn quan niệm: “Tâm thế bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia của Bộ đội Biên phòng là trình độ sẵn sàng cao về tư tưởng, tâm lý và hành động tuân thủ các chuẩn mực, quy định pháp lý về bảo vệ biên giới quốc

gia, sử dụng tốt mọi vũ khí, phương tiện, vô hiệu hóa mọi hành động phá hoại, xâm phạm chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia của địch, bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc, bảo vệ nhân dân” [7, tr.244].

Theo tác giả Đỗ Duy Môn (2003), “Tâm thế SSCĐ của Bộ đội Phòng không là một mặt của SSCĐ chung. Đó là sự sẵn sàng bên trong của các quân nhân hướng tới đối tượng hoạt động tác chiến [42, tr.77].

Như vậy, các nghiên cứu trên có sự thống nhất trong định nghĩa tâm thế SSCĐ là trạng thái sẵn sàng bên trong cho các hành động chiến đấu. Chúng tôi cho rằng, khái niệm tâm thế SSCĐ và khái niệm TTCĐ có nội hàm thống nhất với nhau, đều chỉ trạng thái sẵn sàng bên trong hướng tới hành động chiến đấu ở người quân nhân, sự khác nhau chỉ là cách thức sử dụng ngôn ngữ và cách tiếp cận, thao tác khái niệm của nhà nghiên cứu. Trong khái niệm tâm thế đã có nội hàm là chỉ trạng thái sẵn sàng hành động của chủ thể hướng tới một đối tượng nhất định. Cụm từ “sẵn sàng chiến đấu” trong khái niệm tâm thế SSCĐ là chỉ một trạng thái (cấp độ) hoạt động của các tập thể quân sự trong lực lượng vũ trang; là thuật ngữ được sử dụng có ý nghĩa nhiều về mặt tham mưu chỉ huy, gắn với hoạt động SSCĐ ở đơn vị. Nếu thêm cụm từ chỉ trạng thái “sẵn sàng” sẽ dễ gây ra trùng lặp trong quá trình thao tác nội hàm khái niệm. Về mặt tâm lý học, khái niệm TTCĐ khá tường minh mà nội hàm là chỉ trạng thái sẵn sàng hành động của chủ thể đối với hoạt động chiến đấu, thông qua các tình huống chiến đấu dự kiến xảy ra trong hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị.

Với cách tiếp cận và từ các kết quả nghiên cứu như trên, tác giả cho rằng: *TTCĐ là trạng thái tâm lý sẵn sàng hành động của quân nhân trước các tình huống chiến đấu, biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động của quân nhân trong hoạt động HL - SSCĐ.*

TTCĐ của quân nhân là loại tâm thế đặc biệt, được hình thành từ hoạt động HL - SSCĐ trong thời bình, có vai trò dự báo và điều chỉnh các hành động chiến đấu của quân nhân khi tình huống chiến đấu xảy ra. Trong phạm vi đề tài này, chúng tôi xem xét TTCĐ là trạng thái tâm lý có tính ổn định, tương đối vững chắc như là một phẩm chất khá bền vững trong nhân cách bảo đảm cho sự sẵn sàng các hành động chiến đấu ở quân nhân. Nghiên cứu TTCĐ trong hoạt động

HL - SSCĐ nhằm dự báo khoa học về hành động của quân nhân khi đối mặt với nhiệm vụ chiến đấu, cũng như dự kiến kết quả các hành động chiến đấu của họ. TTCĐ không chỉ biểu hiện trong hoạt động chiến đấu mà còn được hình thành, biểu hiện trong hoạt động giáo dục, rèn luyện, HL - SSCĐ sát thực tiễn chiến đấu. Về mặt tâm lý học, TTCĐ là một trạng thái tâm lý tương đối ổn định bên trong, một chỉnh thể của nhân cách thể hiện sự sẵn sàng hành động đối với hoạt động chiến đấu, được biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động:

TTCĐ biểu hiện qua mặt nhận thức: Nhận thức là cơ sở của TTCĐ, đặc biệt là ảnh hưởng tới mức độ, tính chất của yếu tố xúc cảm - tình cảm cũng như xu hướng của TTCĐ. Yếu tố nhận thức trong TTCĐ của quân nhân là sự hiểu biết về giá trị, ý nghĩa, nội dung, phương pháp, điều kiện, vũ khí trang bị trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Từ đó hình thành sự sẵn sàng bước vào hoạt động chiến đấu khi tình huống xảy ra. Yếu tố nhận thức trong TTCĐ được biểu hiện qua các nội dung cụ thể như: Hiểu biết về giá trị, tầm quan trọng, nội dung, phương pháp quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ; hiểu biết về giá trị, tầm quan trọng, nội dung, phương pháp, điều kiện, phương tiện huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; hiểu biết về giá trị, nội dung, phương pháp, điều kiện, phương tiện diễn tập chiến thuật, chuyển trạng thái SSCĐ; hiểu biết về vị trí, nội dung phương pháp, điều kiện, phương tiện của trực SSCĐ... Quân nhân có hiểu biết càng sâu sắc các nội dung HL - SSCĐ sẽ càng làm nảy sinh xúc cảm - tình cảm tích cực, thúc đẩy cá nhân có những hành động thuần thực, tích cực trong hoạt động chiến đấu.

Mặt nhận thức TTCĐ phân biệt theo khối lượng (nhiều hay ít) và mức độ trung thực (sâu sắc) mà chủ thể lĩnh hội được về các nội dung HL - SSCĐ. Nhận thức càng chính xác thì càng dễ nảy sinh xúc cảm - tình cảm tích cực với hoạt động chiến đấu; ngược lại sự hiểu biết chưa đầy đủ, hiểu biết sai lệch về các nội dung hoạt động HL - SSCĐ sẽ là cơ sở để hình thành xúc cảm - tình cảm tiêu cực, không ổn định. Từ đó sẽ hình thành mức độ và tính chất tương ứng của TTCĐ ở người quân nhân.

TTCĐ biểu hiện qua mặt xúc cảm - tình cảm: Xúc cảm - tình cảm là thành phần quan trọng, nói lên tính chất TTCĐ của quân nhân. Đó là những rung động thể hiện qua *sự hài lòng* của chủ thể với những giá trị, nội dung, phương pháp, điều kiện, vũ khí trang bị sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động

trong HL - SSCĐ ở đơn vị. Yếu tố xúc cảm - tình cảm xác định xu hướng và mức độ của TTCĐ thông qua hoạt động HL - SSCĐ là tích cực hay tiêu cực, cao hay thấp. Thành phần này được hình thành trên cơ sở của thành phần nhận thức TTCĐ: Nếu nhận thức không đúng đắn, toàn diện về giá trị, ý nghĩa, nội dung, phương pháp, điều kiện, vũ khí trang bị sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ, sẽ dễ dẫn đến chủ thể có xúc cảm - tình cảm không đúng đắn, tiêu cực và có những hành động tiêu cực, như: Thờ ơ với các hoạt động HL - SSCĐ; hoặc phản ứng lại, không chấp hành mệnh lệnh, nhiệm vụ chiến đấu của cấp trên cũng như thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Điều đó dễ dẫn đến hình thành TTCĐ tiêu cực ở quân nhân.

Mặt xúc cảm - tình cảm là động lực tạo ra sự sẵn sàng về mặt tâm lý cho hành động trong HL - SSCĐ ở quân nhân; sự sẵn sàng mạnh hay yếu là do yếu tố xúc cảm - tình cảm được hình thành mạnh hay yếu, tích cực hay tiêu cực. Trong tập thể quân nhân khi tiến hành hoạt động chiến đấu luôn cần sự phối hợp cùng nhau trong các hoạt động chung, nên đòi hỏi phải có những xúc cảm - tình cảm tích cực trong nhóm. Mặt xúc cảm, tình cảm trong TTCĐ của quân nhân là thể hiện sự đánh giá: Yêu thích, hài lòng hay chán ghét, không hài lòng; ủng hộ hay không ủng hộ, yêu thích hay phản đối; vui vẻ, phấn khởi hay buồn chán... đối với giá trị, tầm quan trọng, nội dung, phương pháp, vũ khí trang bị sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

TTCĐ biểu hiện qua mặt hành động: Từ quan niệm của chúng tôi về yếu tố hành vi trong biểu hiện của tâm thế đã luận giải ở trên; theo quan điểm của Raymond J. Corsini trong *Từ điển Tâm lý học (The Dictionary of Psychology)* (1999), cho rằng: “Hành vi: Là hành động, những phản ứng tương tác có thể thể quan sát hoặc không quan sát được trước những tác nhân bên ngoài” [77, tr.90]. Trong phạm vi đề tài này, yếu tố hành vi trong TTCĐ của quân nhân được chúng tôi xác định là mặt hành động - một cấp độ biểu hiện của hành vi, là những hành động, thao tác, cử chỉ biểu hiện ra bên ngoài có thể quan sát được; thể hiện cường độ, mức độ, độ thành thực của các hành động, động tác trong thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ, làm cho nhận thức

bộc lộ, nảy sinh cường độ của xúc cảm - tình cảm. Hành vi tích cực trong TTCĐ biểu hiện là thực hiện các hành động, động tác rất tích cực, thành thực các yêu cầu, nội dung, thao tác trong hoạt động HL - SSCĐ của quân nhân. Những hành động, động tác đó là kết quả của quá trình nhận thức, và sự hài lòng của xúc cảm - tình cảm, từ đó hình thành sự sẵn sàng cho hành động ở quân nhân với các hoạt động HL - SSCĐ tại đơn vị. Mức độ thành thực, chuẩn xác khi thực hiện các hành động, động tác trong các hoạt động HL - SSCĐ sẽ chỉ ra mức độ cao - thấp, tích cực - tiêu cực của TTCĐ ở quân nhân, cũng như yếu tố nhận thức và tính chất của xúc cảm - tình cảm; đây cũng là chỉ báo quan trọng để đánh giá TTCĐ của quân nhân.

2.1.2. Tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp

2.1.2.1. Bộ đội Tăng thiết giáp và vai trò, nhiệm vụ của lực lượng Tăng thiết giáp trong chiến đấu

** Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam*

Trong *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam* quan niệm về Bộ đội có thể được hiểu theo 2 nghĩa:

(1) là tên gọi chung của một tổ chức quân đội: Bộ đội Hải quân, BĐTTG...

(2) từ thông dụng để chỉ quân đội và quân nhân nói chung [62, tr. 97].

Như vậy, *Bộ đội là chỉ quân nhân trong một tổ chức quân đội.*

Theo *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam* thì *BĐTTG*: Binh chủng chiến đấu của quân đội nhiều nước được trang bị xe tăng, xe thiết giáp, pháo tự hành (có hỏa lực mạnh, khả năng cơ động cao, sức đột kích mạnh, khả năng tự bảo vệ tốt); lực lượng đột kích quan trọng của lục quân và hải quân đánh bộ [62, tr.98].

Như vậy, *BĐTTG là lực lượng chiến đấu đột kích quan trọng của lục quân cấu thành QĐNDVN, đó là những quân nhân được trang bị xe TTG có hỏa lực và sức đột kích mạnh, có khả năng cơ động nhanh và tự bảo vệ tốt, là lực lượng bảo đảm chiến đấu then chốt cho lục quân trong tác chiến hiệp đồng quân binh chủng và tác chiến độc lập.*

Trong phạm vi đề tài này, khi nói tới *BĐTTG* là muốn chỉ quân nhân ở các đơn vị TTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ trong QĐNDVN. *BĐTTG* trong QĐNDVN có sự khác nhau về tính chất hoạt động, tổ chức biên chế cũng như vũ khí trang bị so với lực lượng TTG của quân đội các nước trên thế giới [5].

Bộ đội Tăng thiết giáp ở đơn vị huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Đơn vị thường xuyên SSCĐ, theo *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Đơn vị thường xuyên SSCĐ: Gọi chung là các phân đội, binh đội, binh đoàn được biên chế đủ quân số và trang bị theo *biểu biên chế* để thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, xây dựng và SSCĐ” [65, tr.393]. Trong đó, “*biểu biên chế*: Là văn bản pháp quy, quy định mẫu biên chế thống nhất cho các tổ chức quân đội” [62, tr.80]. Hiện nay các đơn vị này được xác định là những đơn vị HL - SSCĐ.

Như vậy, đơn vị thường xuyên SSCĐ là cách gọi khác của đơn vị HL - SSCĐ, với đặc trưng cơ bản: Là đơn vị được biên chế đủ quân số và vũ khí trang bị theo mẫu *biểu biên chế*; vừa làm nhiệm vụ huấn luyện, vừa làm nhiệm vụ SSCĐ, huấn luyện nhằm phục vụ chiến đấu; hai nhiệm vụ huấn luyện và SSCĐ gắn kết chặt chẽ với nhau thường xuyên, liên tục. Đây cũng là những đơn vị đầu tiên và trực tiếp thực hiện xử trí các tình huống chiến đấu xảy ra khi được lệnh của cấp trên.

Từ những luận giải trên tác giả cho rằng, *BĐTTG ở các đơn vị HL - SSCĐ là những quân nhân được biên chế đủ vũ khí trang bị kỹ thuật TTG, làm nhiệm vụ huấn luyện gắn với SSCĐ thường xuyên, liên tục theo yêu cầu của cấp trên, có thể tiến hành các hoạt động chiến đấu trong mọi tình huống.*

Quan niệm trên chỉ ra một số đặc trưng:

BĐTTG ở các đơn vị HL - SSCĐ là những quân nhân có vai trò trọng yếu trong SSCĐ và chiến đấu, được tổ chức theo 3 cấp (chiến lược, chiến dịch, chiến thuật) với nhiều đơn vị có tính chất nhiệm vụ khác nhau. BĐTTG ở đơn vị HL - SSCĐ là trọng yếu, then chốt bởi nó phản ánh nhiệm vụ chính trị trung tâm - bảo đảm sức mạnh chiến đấu và khả năng SSCĐ của lực lượng TTG và của quân đội...Xét cho cùng, các đơn vị khác của lực lượng TTG cũng nhằm bảo đảm và phục vụ cho quân nhân ở các đơn vị TTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ.

BĐTTG ở đơn vị HL - SSCĐ vừa làm nhiệm vụ huấn luyện vừa làm nhiệm vụ SSCĐ, hai nhiệm vụ này gắn bó chặt chẽ, không tách rời nhau. Đây là những đơn vị quan trọng của lực lượng TTG trong cả thời bình và thời chiến, sẵn sàng cơ động ứng phó với mọi tình huống, nhiệm vụ chiến đấu đột xuất xảy ra theo mệnh lệnh của cấp trên.

** Vai trò, nhiệm vụ lực lượng Tăng thiết giáp trong chiến đấu*

Trong QĐNDVN lực lượng TTG là một bộ phận cơ bản trong đội hình tác chiến của binh chủng hợp thành, với vai trò là lực lượng đột kích quan trọng của lực quân, BĐTTG cùng bộ binh luôn là lực lượng đột kích chủ yếu và thường được sử dụng trong những trận chiến đấu then chốt, then chốt quyết định [5]. Trong chiến đấu, lực lượng TTG có những nhiệm vụ chiến đấu cơ bản:

Trong tác chiến phòng thủ quân khu, lực lượng TTG có thể làm các nhiệm vụ: Tham gia ngăn chặn, tiêu diệt địch gây bạo loạn lật đổ vũ trang có hoặc không có can thiệp quân sự trực tiếp của các thế lực thù địch bên ngoài; cùng các lực lượng khác giữ vững khu vực phòng thủ then chốt, mục tiêu phòng thủ chủ yếu, trận địa phòng ngự; phối hợp cùng các lực lượng khác tiến công tiêu diệt các đối tượng địch theo lệnh của tư lệnh quân khu [5].

Trong tác chiến biển đảo, chống phong tỏa đường biên, lực lượng TTG có khả năng thực hiện các nhiệm vụ: Bảo vệ các đảo, quần đảo đã bố trí sẵn lực lượng TTG; tham gia cùng các lực lượng khác phòng thủ khu vực bờ biển quan trọng chống địch đổ bộ đường không [5].

Trong tác chiến phòng ngự, lực lượng TTG có thể thực hiện các nhiệm vụ: Tiến công tiêu diệt địch đổ bộ đường không, thọc sâu, vu hồi, ứng cứu, giải tỏa, phản kích địch đột nhập; cùng các lực lượng khác giữ vững khu vực, mục tiêu, hướng phòng ngự [5].

Trong tác chiến tiến công lực lượng TTG có thể thực hiện các nhiệm vụ: Cùng các lực lượng binh chủng hợp thành tiến công tiêu diệt địch phòng ngự; tiến công tiêu diệt địch đổ bộ đường không chiến thuật, thọc sâu, vu hồi, địch ứng cứu giải tỏa đường bộ, đổ bộ đường không.; dùng hỏa lực chi viện cho bộ binh và các nhiệm vụ quan trọng khác theo lệnh của Tư lệnh chiến dịch [5].

2.1.2.2. Khái niệm tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp

Từ những định nghĩa về tâm thế, TTCĐ, tác giả cho rằng: *TTCĐ của BĐTTG là trạng thái tâm lý sẵn sàng hành động của quân nhân trước các tình huống chiến đấu, biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động của BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ.*

Khái niệm chỉ ra một số vấn đề cơ bản:

TTCĐ của BĐTTG là trạng thái tâm lý xác định, chỉ sự sẵn sàng hành động bên trong của mỗi quân nhân nhằm sử dụng kỹ năng và vũ khí trang bị để đánh địch một cách có tổ chức. Sự sẵn sàng hành động đối với tình huống chiến đấu sẽ dự báo về kết quả của các hành động chiến đấu cũng như bảo đảm hiệu quả đạt được ở các hành động chiến đấu xảy ra ở BĐTTG. TTCĐ của BĐTTG sẽ xác định tính sẵn sàng tâm lý để BĐTTG hành động đối với các tình huống chiến đấu, thông qua sự chuẩn bị trong hoạt động HL - SSCĐ sát với điều kiện chiến đấu hiện đại.

TTCĐ của BĐTTG được hình thành trên cơ sở nhận thức, hiểu biết về vị trí, chức trách, nhiệm vụ của BĐTTG trong hoạt động chiến đấu; hiểu biết về giá trị, ý nghĩa chính trị - xã hội, nội dung, phương pháp, phương tiện, vũ khí trang bị trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Từ đó có xúc cảm - tình cảm tương ứng, tạo ra sự sẵn sàng về mặt động cơ để tiến hành các hoạt động chiến đấu, thông qua hoạt động HL - SSCĐ tại đơn vị. Sự sẵn sàng hành động trong tâm thế là có chủ định, có mục đích, có ý thức rõ ràng. Sự sẵn sàng hành động đó có thể là tiêu cực hay tích cực, cao hay thấp tùy thuộc vào mức độ nhận thức và tính chất, cường độ của xúc cảm - tình cảm ở BĐTTG với chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; giá trị, ý nghĩa, nội dung, phương pháp, vũ khí trang bị sử dụng trong chiến đấu thông qua các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị.

TTCĐ của BĐTTG được biểu hiện qua các thành phần nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động đối với các tình huống, nhiệm vụ chiến đấu thông qua các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Đó là nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động đối với giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; nội dung, phương pháp, vũ khí trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc

điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Trạng thái sẵn sàng hành động càng cao, biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động rất sâu sắc, rất hài lòng, tích cực, thao tác rất thành thục đối với các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị. Sự thống nhất giữa ba mặt biểu hiện sẽ tạo ra TTCĐ - một trạng thái sẵn sàng hành động xác định của BĐTTG đối với các tình huống chiến đấu. Mức độ cao - thấp giữa các biểu hiện thành phần, đặc biệt là thành phần nhận thức sẽ ảnh hưởng tới tính chất, mức độ của các thành phần còn lại và tới TTCĐ của BĐTTG.

Nhằm tạo ra sự nhất quán giữa TTCĐ trong điều khiển, điều chỉnh các hành động chiến đấu của BĐTTG, cần phải tạo ra sự thống nhất giữa nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động. Thông qua hoạt động HL - SSCĐ, ngoài việc tạo ra môi trường HL - SSCĐ tích cực, lành mạnh cần phải tăng cường giáo dục, tác động vào nhận thức, nâng cao hiểu biết về chức trách, nhiệm vụ trong chiến đấu, giá trị, ý nghĩa chính trị - xã hội của hoạt động chiến đấu; nội dung, phương pháp, điều kiện vũ khí trang bị sử dụng trong chiến đấu cho BĐTTG. Từ đó để họ có xúc cảm - tình cảm tích cực, bước vào hoạt động HL - SSCĐ một cách chủ động, thành thục nhằm hình thành, củng cố TTCĐ tích cực cho các tình huống chiến đấu trong tương lai.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp

Nghiên cứu đặc điểm hoạt động HL - SSCĐ là cơ sở khách quan để xác định tính đặc thù và đặc điểm, biểu hiện TTCĐ của BĐTTG. Thông qua quá trình HL - SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG trong lịch sử, có thể xác định một số đặc điểm hoạt động HL - SSCĐ cơ bản của BĐTTG như sau [5], [8], [37], [43], [67].

2.1.3.1. Bộ đội Tăng thiết giáp sử dụng vũ khí trang bị, kỹ thuật tương đối hiện đại, có hỏa lực mạnh, sức cơ động cao và khả năng tự bảo vệ tốt

Bộ đội TTG được biên chế, sử dụng vũ khí phương tiện tương đối hiện đại (so với điều kiện chung của các lực lượng khác trong tác chiến hiệp đồng quân - binh - chủng), với ưu điểm nổi bật là có vỏ thép dày, sức cơ động nhanh trên nhiều địa hình phức tạp, hỏa lực mạnh có thể tiêu diệt được các mục tiêu trên không, trên bộ, trên mặt nước, có khả năng tự vệ và bảo vệ tốt cho sinh lực trong hiệp đồng tác chiến... Xe TTG biên chế trong quân đội ta hiện nay chủ yếu là loại TTG hạng nhẹ

và hạng trung, được coi là “pháo đài di động”, phong phú về hệ thống vũ khí trang bị, từ vũ khí trang bị cho cá nhân đến các loại vũ khí hỏa lực, súng máy: Pháo có rãnh xoắn 100mm (với tăng T54, T55 đang biên chế phổ biến trong quân đội ta hiện nay), súng máy phòng không 12,7 mm... đến các loại vũ khí trang bị cá nhân cùng với rất nhiều trang bị kỹ thuật khác. Tiêu chuẩn lý thuyết, với tăng T54, T55 có công suất 520 mã lực, có tốc độ chạy trên địa hình bằng phẳng là 48 km/h, tầm hoạt động khoảng 400 km (T55 công suất là 580 mã lực, tầm hoạt động là 500 km, có thể lội qua độ sâu 1,4m với tốc độ 2 km/giờ) [5].

Bộ đội TTG là một bộ phận cơ bản trong đội hình tác chiến binh chủng hợp thành. Trong chiến đấu, BĐTTG cùng với bộ binh là lực lượng chiến đấu đột kích then chốt, có sức cơ động cao xếp ở vị trí số một của Lục quân Việt Nam. Thực tiễn chiến tranh giải phóng cho thấy, BĐTTG thường được sử dụng trong những trận đánh then chốt, then chốt quyết định trong chiến đấu hiệp đồng quân - binh chủng và được bố trí ở những địa bàn chiến lược, những chiến dịch quan trọng, như trận Tà Mây - Làng Vây (1968), trận Đắc Tô - Tân Cảnh (1972), Chiến dịch Buôn Ma Thuật (1975), Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975)... [5], [43], [67].

Trong HL - SSCĐ và chiến đấu hiệp đồng quân binh chủng, hỏa lực TTG là “áo giáp sắt” bảo vệ, hỗ trợ bộ binh tiêu diệt địch, đột kích đánh chiếm mục tiêu, giải quyết chiến trường. Trong chiến đấu tiến công, lực lượng TTG phát huy khả năng chiến đấu ưu việt vốn có của mình (hỏa lực mạnh, sức cơ động nhanh, vỏ thép dày) cùng bộ binh và các lực lượng khác xung phong, đột phá đè bẹp mọi sự kháng cự của địch. Quá trình chiến đấu, lực lượng TTG có thể đột phá, phá vỡ hệ thống phòng ngự của địch, mở cửa mở đường lực lượng thọc sâu vào đánh chiếm mục tiêu chủ yếu, tạo điều kiện cho các lực lượng binh chủng hợp thành tiêu diệt địch, hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu [5] [67].

Việc được trang bị vũ khí, kỹ thuật tương đối hiện đại, để phát huy sức mạnh của hỏa lực đòi hỏi BĐTTG phải có TTCĐ cao, tích cực, có kỹ năng thành thạo sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật trong HL - SSCĐ. Đồng thời đó cũng là “sức mạnh vật chất” quan trọng, là điểm tựa để hình thành, củng cố sự sẵn sàng hành động cho BĐTTG thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ và chiến đấu hiệu quả.

2.1.3.2. Bộ đội Tăng thiết giáp huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu luôn đòi hỏi rất cao về sự đoàn kết, phối hợp hiệp đồng quy định bảo đảm chặt chẽ, tính kỷ luật cao

Trong hoạt động HL - SSCĐ đặc thù của BĐTTG, việc làm chủ một lượng lớn vũ khí, phương tiện, để hoàn thành nhiệm vụ của mình, BĐTTG phải có sự phối hợp hiệp đồng chặt chẽ rất cao với nhau, đặc biệt là giữa các thành viên trong kíp xe và giữa các kíp xe trong đội hình chung của đơn vị. Tính chất phối hợp hiệp đồng thống nhất của tập thể kíp xe là yêu cầu nghiêm ngặt, chặt chẽ; điều đó đòi hỏi BĐTTG phải luôn có tinh thần đoàn kết và tính kỷ luật cao, sự giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong khi thực hiện nhiệm vụ trên mỗi cương vị chức trách, để hoàn thành nhiệm vụ HL – SSCĐ của đơn vị. Ngoài ra, BĐTTG đòi hỏi phải am hiểu về kỹ - chiến thuật, chức trách nhiệm vụ của mỗi thành viên kíp xe và các lực lượng phối hợp khác; có kỹ năng, kỹ xảo sử dụng vũ khí, phương tiện thành thạo và có cách đánh điều luyện, có tinh thần dũng cảm, gan dạ, khắc phục khó khăn, sẵn sàng hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt trong chiến tranh hiện đại, khi kẻ thù sử dụng vũ khí công nghệ cao, và thường nhằm vào hỏa lực như TTG để tiêu diệt, thì BĐTTG trong HL - SSCĐ cần phải có TTCĐ cao, tích cực hơn nữa, giỏi chuyên môn, thuần thục tính năng sử dụng vũ khí trang bị, có cách đánh sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Từ sự cần thiết trong phối hợp, hiệp đồng của các lực lượng khác cho BĐTTG trong HL - SSCĐ và chiến đấu, BĐTTG muốn hoàn thành nhiệm vụ của mình cần phải có sự phối - kết hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng bảo đảm khác, nhất là công binh, thông tin liên lạc, bộ binh. Lịch sử BĐTTG trong chiến tranh giải phóng đã chứng minh, sự thắng lợi hay thất bại trong thực hiện nhiệm vụ chiến đấu của BĐTTG phụ thuộc rất lớn vào sự phối hợp hiệp đồng, quy định bảo đảm của các lực lượng khác trong chiến đấu. Trong trận đánh Làng Vây, nhờ sự phối hợp hiệp đồng chặt chẽ cùng sự cố gắng nỗ lực của các lực lượng công binh trong làm đường cơ động từ khu tập kết đến tuyến xung phong đã đảm bảo yếu tố bất ngờ cho xe tăng bước vào chiến đấu đúng thời gian quy định, với số lượng cao và thực hành đột phá thắng lợi [43], [67]. Việc phối hợp hiệp đồng và công tác bảo

đảm không tốt sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng và không hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu; như trận Đông Hà - Ái Tử (9.4.1972) chiến dịch Quảng Trị, do nắm địch, địa hình không chắc, công tác bảo đảm cơ động, hiệp đồng cho TTG không tốt, nên cả hai tiểu đoàn TTG 512 và 397 bị không quân địch gây tổn hại nặng nề, không hoàn thành được nhiệm vụ chiến đấu [43], [67].

Với phương châm “*Tổ chức hiệp đồng, lập công tập thể*” trở thành truyền thống được đúc rút từ thực tiễn hoạt động HL - SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG. Do vị trí, vai trò của mỗi thành viên kíp xe khác nhau nên sự phối hợp hiệp đồng thống nhất, quy định bảo đảm chặt chẽ giữa các quân nhân sẽ quyết định sự thắng lợi hay thất bại trong HL - SSCĐ và chiến đấu. Mỗi sai sót của một thành viên kíp xe đều đem lại hy sinh, tổn thất cho cả tập thể đơn vị trong chiến đấu. Với BĐTTG ít có tổn thất cá nhân mà thường là thiệt hại tập thể kíp xe, đơn vị. Nên sự phối hợp hiệp đồng thống nhất là yêu cầu rất cao, là nguyên tắc sống còn giữa các quân nhân trong thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ ở đơn vị hiện nay.

Vì vậy, việc củng cố, nâng cao TTCĐ cho BĐTTG phải gắn nâng cao TTCĐ ở mỗi quân nhân và cả tập thể kíp xe, nâng cao TTCĐ với xây dựng tinh thần đoàn kết và bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể đơn vị. Trong HL - SSCĐ, việc nâng cao TTCĐ của BĐTTG phải gắn với hình thành TTCĐ của bộ binh và các lực lượng bảo đảm khác tạo ra sự thống nhất, hướng tới thực hiện nhiệm vụ chiến đấu thắng lợi.

2.1.3.3. Bộ đội Tăng thiết giáp huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu trong điều kiện khắc nghiệt, chịu áp lực cao về tâm lý, thể lực

Điều kiện HL - SSCĐ của BĐTTG rất khắc nghiệt, không gian để thực hiện nhiệm vụ trong xe TTG khi thực hành những thao tác kỹ - chiến thuật của kíp xe rất chật hẹp. Ngoài ra, không khí ngột ngạt do khí thải của đạn pháo và nhiệt lượng của vũ khí, phương tiện tỏa ra, lại chịu ảnh hưởng của các yếu tố như: Tiếng gầm lớn của động cơ xe, độ rung xóc của xe khi cơ động vượt qua các địa hình, vật cản... Những yếu tố đó tạo ra áp lực rất căng thẳng về thần kinh, tâm lý, thể lực của các thành viên kíp xe trong HL - SSCĐ. Hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG thường diễn ra trong tác chiến hiệp đồng quân binh chủng ở những trận quan trọng,

then chốt quyết định dưới sự điều khiển của người chỉ huy binh chủng hợp thành. Đây là chiến trường có mật độ hỏa lực dày đặc, xung lực lớn, sự đối đầu khốc liệt, sự nỗ lực, giằng co của cả hai bên rất quyết liệt trong một không gian rộng, thời gian liên tục kéo dài... Vì vậy, BĐTTG càng phải chịu áp lực cao, căng thẳng cả về tinh thần, tâm lý, thể lực và mức độ nguy hiểm cao.

Thực tiễn chiến tranh giải phóng, trong điều kiện SSCĐ, BĐTTG luôn phải cơ động và sinh hoạt trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt, chịu áp lực căng thẳng về tinh thần, thể lực. Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh (1968) Tiểu đoàn tăng 198 đã hành quân 50 ngày đêm cùng các loại vũ khí, phương tiện (từ 15.10.1967), từ Lương Sơn (Hòa Bình) vượt qua các loại địa hình phức tạp... với quãng đường trên 1000km, 15 lần bị không quân địch đánh phá đổ vào vị trí tập kết chiến đấu [67, tr.19-20]. Trong Chiến dịch tiến công Quảng Trị, Tiểu đoàn tăng 198 đã phải hoạt động dài ngày, điều kiện chiến trường khắc nghiệt, sức khỏe của bộ đội giảm sút, số bộ đội bị bệnh tật không ngừng tăng lên (sốt rét 30%, lở loét 40%), công tác bảo đảm vật chất, hậu cần, kỹ thuật SSCĐ gặp nhiều khó khăn trong hoàn cảnh địch dùng không quân, pháo binh đánh phá ác liệt, yếu tố địa hình, thủy văn phức tạp... Điều kiện chiến đấu khắc nghiệt như vậy đã ảnh hưởng tiêu cực đến tâm thế chiến đấu của BĐTTG, khiến đợt hoạt động TTG ở chiến dịch bắc Thừa Thiên phải kết thúc [43, tr.96-97].

Điều kiện HL - SSCĐ khắc nghiệt trên xe TTG và địa hình HL - SSCĐ đã ảnh hưởng tiêu cực, cản trở sự phát triển TTCĐ ở BĐTTG. Điều đó đòi hỏi BĐTTG hiện nay phải được HL - SSCĐ sát với thực tiễn chiến đấu hiện đại, luôn có ý chí chiến đấu cao, tinh thần hy sinh, nỗ lực, cố gắng không ngừng, có sự sẵn sàng hành động rất cao được chuẩn bị từ trước, vững vàng, ổn định trong mọi hoàn cảnh.

2.1.3.4. Hành động kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật trong huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu bí mật bất ngờ và phối hợp khẩn trương, chính xác

Mặc dù có những ưu việt vượt trội về vũ khí, phương tiện nhưng TTG trong HL - SSCĐ lại là vũ khí khó giữ bí mật nhất của lực lượng bởi tiếng ồn động cơ phát ra; khi cơ động TTG bị hạn chế, gặp khó khăn bởi địa hình và vật cản, thông tin vô tuyến điện giữa các thành viên kíp xe chiến đấu và giữa các kíp xe trong đội hình

chiến đấu của đơn vị dễ bị phá. Vì vậy trong HL - SSCĐ, yếu tố bí mật, bất ngờ là yếu tố sống còn, quyết định thắng lợi hay thất bại trong thực hiện nhiệm vụ chiến đấu của BĐTTG. Chỉ khi giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ vai trò hỏa lực và sức đột kích mạnh của TTG mới được phát huy tối đa hiệu quả. Trong trận tiến công Đông Hà (9.4.1972), chiến dịch Quảng Trị của tiểu đoàn tăng 512 phối thuộc cho sư đoàn bộ binh 308, do yếu tố bí mật bất ngờ không còn, xe tăng ta bị trúng đạn địch, tổn thất nặng, cuộc tiến công tạm ngừng [67, tr.84-85]. Ngược lại do yếu tố bí mật, bất ngờ được bảo đảm tốt, tiểu đoàn tăng 198 phối hợp, hiệp đồng cùng trung đoàn 24 (sư đoàn 304) và trung đoàn công binh 7 trong trận tiến công vào cứ điểm Làng Vây (chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh (1968)). Ta đã nguy trang nghi binh, bí mật lợi dụng sông Sê - Pôn, cơ động vào tiêu diệt toàn bộ hơn 600 tên địch (1 tiểu đoàn đủ quân) trong thời gian ngắn, đem lại chiến thắng vang dội [67, tr.21- 25].

Trong HL - SSCĐ ở BĐTTG có sự chuyên môn hóa cao trong từng kíp xe chiến đấu; các thành viên kíp xe phải ngồi tại vị trí của mình để tiến hành các thao tác điều khiển, sử dụng vũ khí, phương tiện; vừa phối hợp hiệp đồng bằng khẩu lệnh qua hệ thống thông tin liên lạc, vừa quan sát mục tiêu, đường hướng cơ động của xe, dùng hỏa lực chiến đấu. Mọi thao tác, trình độ kỹ năng, kỹ xảo, kỹ - chiến thuật của BĐTTG phải phối hợp hết sức khẩn trương, chính xác và đạt đến trình độ tự động hóa. Việc sử dụng hệ thống vũ khí, trang bị, phương tiện trên xe cũng phức tạp, từ hệ thống vũ khí súng - pháo, đến hệ thống kính ngắm cơ - quang học - hồng ngoại, lựa chọn đường hướng cơ động, tính toán cự ly, xác định phần tử bắn... Mỗi thành viên kíp xe trong quá trình vận hành vũ khí, trang bị, phương tiện, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong HL - SSCĐ đều phải phối hợp nhịp nhàng, thống nhất chặt chẽ với các thành viên khác và trong đội hình của đơn vị.

Điều đó đặt ra, để xây dựng TTCĐ tích cực cho BĐTTG, trong HL - SSCĐ từng thành viên kíp xe phải làm chủ được vũ khí trang bị, giỏi chuyên môn, thành thực kỹ năng, kỹ xảo sử dụng các loại vũ khí trang bị trên xe và vận dụng trong các tình huống chiến đấu cụ thể. Nói cách khác, nâng cao TTCĐ của BĐTTG hiện nay phải luôn gắn với trang bị cho BĐTTG những tri thức, kinh nghiệm, kỹ xảo, kỹ năng,

kỹ - chiến thuật làm chủ vũ khí trang bị một cách thành thạo trong HL - SSCĐ, để có thể linh hoạt vận dụng trong xử trí tình huống chiến đấu khi xảy ra.

2.1.3.5. Bộ đội Tăng thiết giáp hiện nay huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu trong điều kiện vũ khí trang bị kỹ thuật còn thiếu đồng bộ, xuống cấp, điều kiện bảo đảm gặp nhiều khó khăn, chịu áp lực của chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao

Vũ khí trang bị biên chế của BĐTTG hiện nay chủ yếu còn lại từ chiến tranh giải phóng được bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa lại và biên chế trong quân đội nhằm niêm cất dài hạn làm nhiệm vụ SSCĐ, hoặc xe thường xuyên sử dụng phục vụ hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Chủ yếu các xe trong biên chế, như: M113, PT76, T34/85, T54, T55, một số ít là T60, T70...So với sự phát triển vũ khí trang bị của TTG hiện nay, nhìn chung BĐTTG trong QĐNDVN về trang bị chưa được đồng bộ, nhiều loại xe TTG và khí tài trang bị có tình trạng kỹ thuật xuống cấp nhanh, công tác bảo đảm, bảo dưỡng gặp nhiều khó khăn. Hiện nay các lữ đoàn TTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ được bố trí trên địa bàn các miền Bắc, Trung, Nam, Tây Nguyên tập trung vào các địa bàn chiến lược, nhạy cảm. Đảng, Nhà nước, quân đội đã có chủ trương, chính sách mua sắm, hiện đại hóa một số đơn vị TTG. Cơ sở bảo đảm vũ khí trang bị ở các đơn vị TTG mặc dù đã được đầu tư nâng cấp, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của chiến đấu hiện đại. Công tác tổ chức bảo đảm HL - SSCĐ của BĐTTG vẫn theo kế hoạch chung, được tham gia hợp luyện tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng nhưng còn mỏng và gặp rất nhiều khó khăn về thao trường, bãi tập, kinh phí, vật tư, nhiên liệu bảo đảm để thực hành tác chiến giả định [5]. Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ, cản trở việc nâng cao TTCĐ tích cực ở BĐTTG, nhất là củng cố niềm tin vào khả năng đánh thắng kẻ địch sử dụng vũ khí công nghệ cao từ vũ khí, trang bị, phương tiện TTG của ta hiện có trong biên chế.

Thực tiễn địa hình Việt Nam và từ điều kiện tác chiến ở chiến trường trên bộ cho thấy, TTG là lực lượng chiến đấu cơ bản, không thể thiếu trong hiệp đồng chiến đấu quân binh chủng. Sự phát triển mạnh mẽ khoa học quân sự, nhất là về khoa học công nghệ TTG trên thế giới hiện nay, cùng sự chạy đua vũ trang ở các nước trong khu vực và thực tiễn chiến tranh xảy ra sử dụng vũ khí công nghệ cao ở một số

nước, vùng, lãnh thổ gần đây... càng tạo ra áp lực mạnh mẽ, đòi hỏi cấp bách phải nâng cao TTCĐ của BĐTTG trong điều kiện HL - SSCĐ hiện nay [5].

2.2. Biểu hiện tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội Nhân dân Việt Nam

Cơ sở xác định biểu hiện tâm thế chiến đấu của BĐTTG

Dựa trên kết quả nghiên cứu về cấu trúc tâm thế hay các thành phần biểu hiện tâm thế với những đối tượng khác nhau được luận giải ở Chương 1; với các đại biểu như G.D. Allport [79]; M. Smith (1942) [dẫn theo 34]; H. Fillmore [78]; E. Aronson, T.D. Willson, R.M. Akert [73]; G.M. Andreeva [97]; C.IU. Golovin [103]; Knud S. Larsen & Lê Văn Hảo [32], [34]; Nguyễn Hữu Thụ [56]; Nguyễn Ngọc Phú [50]; Đỗ Mạnh Tôn [60], [61]; Đỗ Duy Môn [42]... Mặc dù có nhiều quan điểm luận giải về bản chất tâm thế, cấu trúc tâm lý hay các thành phần biểu hiện của tâm thế. Tuy nhiên, từ định nghĩa tâm thế, TTCĐ chúng tôi đã sử dụng trong đề tài này cũng như những kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học ở trên về tâm thế, TTCĐ. Chúng tôi cho rằng khi phân tích biểu hiện của tâm thế, TTCĐ các nhà tâm lý học thường xem xét theo ba thành phần: Mặt nhận thức, mặt xúc cảm - tình cảm và mặt hành vi, hành động. Trên cơ sở đó chúng tôi xem xét, nghiên cứu các mặt biểu hiện TTCĐ qua những nội dung sau:

2.2.1. Tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp biểu hiện qua những hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Thông qua các ý kiến chuyên gia và xuất phát từ thực tiễn các hoạt động đặc trưng của quá trình HL - SSCĐ của BĐTTG. Trong đề tài này tác giả tập trung nghiên cứu TTCĐ của BĐTTG ở các đơn vị HL - SSCĐ dựa trên các biểu hiện về nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động thông qua các hoạt động HL - SSCĐ sau:

Tâm thế chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị, qua các nội dung: Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu thể hiện qua hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ; nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện, trang thiết bị sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL -

SSCĐ; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ.

Tâm thế chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG, qua các nội dung: Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu biểu hiện trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện, trang thiết bị sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG.

Tâm thế chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp, qua các nội dung: Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập tổng hợp; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập tổng hợp; nội dung, phương pháp, hình thức sử dụng, điều kiện, trang thiết bị sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập tổng hợp; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập tổng hợp.

Tâm thế chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng...), qua các nội dung: Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ; nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, trang thiết bị sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ.

Trên cơ sở các nội dung hoạt động HL - SSCĐ ở trên, chúng tôi xác định các mặt biểu hiện TTCĐ của BĐTTG, được thể hiện như sau:

2.2.2. Biểu hiện tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp

Tâm thế chiến đấu của BĐTTG biểu hiện qua nhận thức

Mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG là cơ sở nền tảng hình thành, nâng cao TTCĐ, trực tiếp là tính chất, cường độ của mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ cũng như kỹ xảo, kỹ năng thành thục trong mặt hành động TTCĐ. BĐTTG không có nhận thức sâu sắc, toàn diện về hoạt động HL - SSCĐ thì sẽ không

có xúc cảm - tình cảm TTCĐ tích cực, mạnh mẽ, không có được trình độ, kỹ năng thành thục trong và sẽ không có được TTCĐ cao, tích cực. Trong phạm vi đề tài này, tác giả xem xét, xác định mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG biểu hiện qua *mức độ sâu sắc* của nhận thức về hoạt động chiến đấu, qua các nội dung của hoạt động HL - SSCĐ cụ thể:

- Nhận thức về giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Nhận thức về chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Nhận thức về nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ tại đơn vị.

- Nhận thức về đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

Mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG về hoạt động chiến đấu chỉ có thể được hình thành, củng cố, nâng cao thông qua hoạt động HL - SSCĐ sát với điều kiện chiến tranh xảy ra. Là hoạt động phức tạp, có sự thay đổi thường xuyên, liên tục cả về tính chất, không gian, thời gian. Nên nhận thức của BĐTTG về hoạt động chiến đấu còn chịu tác động của nhiều yếu tố như: Trình độ học vấn, kinh nghiệm, thời gian phục vụ quân đội, đặc điểm gia đình... của quân nhân. Điều đó khiến mức độ nhận thức về hoạt động chiến đấu thông qua quá trình HL - SSCĐ tại đơn vị cũng khác nhau, ảnh hưởng nhất định tới TTCĐ của BĐTTG hiện nay.

Tâm thế chiến đấu của BĐTTG biểu hiện qua xúc cảm - tình cảm

Yếu tố xúc cảm - tình cảm là thành phần quan trọng, phản ánh tính chất, xu hướng của TTCĐ, cơ sở để hình thành hành động chiến đấu. Xúc cảm - tình cảm TTCĐ là những rung động, đồng tình hoặc phản đối của BĐTTG được thể hiện qua *sự hài lòng* của họ về các nội dung hoạt động HL - SSCĐ mang lại.

TTCĐ của BĐTTG biểu hiện qua xúc cảm - tình cảm được thể hiện ở nhiều cấp độ, tính chất khác nhau, như: Vui vẻ, phấn khởi, hào hứng, hăng say hoặc buồn chán, thờ ơ, khó chịu... với giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung,

phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... thông qua các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ là cơ sở cho sự sẵn sàng hành động của mỗi quân nhân. Mức độ, tính chất của xúc cảm - tình cảm càng mạnh, tích cực thì sự sẵn sàng hành động đối với hoạt động chiến đấu ở BĐTTG càng cao, càng dễ hình thành, củng cố TTCĐ tích cực ở họ.

TTCĐ của BĐTTG biểu hiện qua mặt xúc cảm - tình cảm rất phong phú, đa dạng, nhiều cung bậc. Trong phạm vi đề tài này, tác giả xem xét mức độ biểu hiện xúc cảm - tình cảm TTCĐ của BĐTTG thông qua *mức độ hài lòng* đối với các nội dung của hoạt động HL - SSCĐ, cụ thể:

- Hài lòng với giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Hài lòng với chức trách, nhiệm vụ của bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Hài lòng với chức trách, nhiệm vụ của đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Hài lòng với các nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Hài lòng với đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị.

Tâm thế chiến đấu của BĐTTG biểu hiện qua hành động

TTCĐ của BĐTTG biểu hiện qua mặt hành động là hệ thống các thao tác, kỹ xảo, kỹ năng biểu hiện ra bên ngoài của mặt nhận thức TTCĐ và mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ ở người quân nhân. Đây là chỉ báo rất quan trọng để đánh giá TTCĐ. Thông qua cường độ, mức độ, độ thành thực của các hành động mà nhận thức của chủ thể được bộc lộ ra: Sâu sắc hay không; xúc cảm - tình cảm mạnh hay yếu, tích cực hay tiêu cực đối với các nội dung hoạt động HL - SSCĐ... qua đó nhận biết, đánh giá được mức độ, tính chất TTCĐ của mỗi quân nhân. Nếu BĐTTG nhận thức sâu sắc về hoạt động HL - SSCĐ, có xúc cảm - tình cảm mạnh mẽ, tích cực với hoạt động HL - SSCĐ thì sẽ hình thành được sự sẵn sàng hành động và có được

trình độ, kỹ năng thành thực trong thực hiện các hành động chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

Mặt hành động TTCĐ biểu hiện qua *mức độ thành thực* của hành động chiến đấu thông qua thực hiện các nội dung hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị, cụ thể:

- Thành thực trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Thành thực trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Thành thực trong thực hiện các nội dung công việc của đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Thành thực trong sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Thành thực trong sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

- Thành thực trong vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội Nhân dân Việt Nam

Cơ sở xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế chiến đấu của BĐTTG

Có nhiều công trình nghiên cứu đã luận giải về các yếu tố ảnh hưởng tâm thế tương đối phong phú, đa dạng; tiêu biểu là các nghiên cứu của G.W. Allport [79]; C.I. Hovland, I.L. Jennis, H.H Kelley [79], [82]; D. Coleman, Forbes, Johnson [83]; Knud S. Lasen [34], H. Hipsơ & M. Phorvec [33], G.M. Andreeva [97], C.IU. Glovin [103] Phạm Hoàng Gia [27]; Vũ Dũng [19], [21]; Nguyễn Hữu Thụ [56]; Lê Văn Hào [32], [34]; Phạm Văn Tư [63],.... Các nghiên cứu chỉ ra rằng, tâm thế chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố bên trong và bên ngoài như: Nhu cầu cá nhân về đối tượng; thông tin về đối tượng; đặc điểm riêng của nhân cách; kỹ xảo, kỹ năng nghề nghiệp; quan hệ trong tập thể (nhóm); kinh nghiệm (trải nghiệm) cá nhân trong lao động, học tập; các yếu tố tâm lý cá nhân... là những yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới tâm thế cá nhân ở các lĩnh vực hoạt động khác nhau.

Luận giải về yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của quân nhân trong hoạt động quân sự, có các nghiên cứu tiêu biểu của A.M. Xtôliarencô [70], A.Ph. Sramtrenco [54], M. Delenkov [15], Nguyễn Ngọc Phú [50], Hoàng Đình Châu [10], Đỗ Mạnh Tôn [60], [61], Đỗ Duy Môn [42]... Các nghiên cứu đã chỉ ra TTCĐ của quân nhân chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, như phẩm chất chính trị - tư tưởng; trí tuệ, tài nghệ và bản lĩnh chiến đấu; niềm tin vào kỹ năng chiến đấu và vũ khí trang bị; thực tiễn trải nghiệm, kinh nghiệm trong HL - SSCĐ của quân nhân; kỹ xảo, kỹ năng, trình độ chuyên môn trong HL - SSCĐ; nguồn thông tin về địch, ta; đặc điểm, môi trường HL - SSCĐ sát thực tiễn chiến đấu...

Nhìn chung, các nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ đã khá thống nhất trong xác định các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới TTCĐ của quân nhân trong điều kiện chiến đấu. Đó là các yếu tố bên trong và bên ngoài như: Phẩm chất về chính trị - tư tưởng; kinh nghiệm (trải nghiệm) trong HL - SSCĐ; kỹ xảo, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ trong HL - SSCĐ; trí tuệ, bản lĩnh và tài nghệ của người chỉ huy đơn vị trong HL - SSCĐ; điều kiện, môi trường HL - SSCĐ và cơ sở vật chất, vũ khí trang bị bảo đảm trong chiến đấu. Đây là cơ sở khoa học cho chúng tôi nghiên cứu, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG hiện nay.

Như vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG là những yếu tố bên trong thuộc BĐTTG hoặc bên ngoài ảnh hưởng đến sự hình thành hoặc thay đổi TTCĐ, về tính chất (tích cực hay tiêu cực) và cường độ (cao hay thấp) khi tiến hành hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. BĐTTG được chúng tôi xem xét như một chủ thể hoạt động trong mối quan hệ cùng nhau là HL - SSCĐ. Trên cơ sở các nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tâm thế, TTCĐ của quân nhân như đã luận giải ở trên. Chúng tôi cho rằng: TTCĐ của BĐTTG hiện nay chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố bên trong, đó là các yếu tố thuộc về BĐTTG; và các yếu tố bên ngoài, tồn tại khách quan, thường xuyên tác động tới TTCĐ của BĐTTG.

2.3.1. Các yếu tố bên trong

Các yếu tố bên trong là toàn bộ các yếu tố được tạo ra từ chủ thể là BĐTTG, đó là các phẩm chất nhân cách hoặc phẩm chất liên nhân cách được hình

thành, củng cố, phát triển trong mối quan hệ qua lại khi hoạt động cùng nhau của BĐTTG trong HL - SSCĐ. Các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG, đó là:

2.3.1.1. Phẩm chất chính trị - tư tưởng

Phẩm chất chính trị - tư tưởng là yếu tố rất quan trọng tác động đến đời sống tâm lý của BĐTTG, nhất là nhận thức và hành động của họ trong chiến đấu và trạng thái SSCĐ chung. Đó là hệ thống những quan điểm nhận thức về chính trị - giai cấp, là thế giới quan, phương pháp luận, niềm tin khoa học được hình thành trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự quán triệt đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chức năng, nhiệm vụ, truyền thống của Quân đội ở BĐTTG. Đây là yếu tố chi phối, bao trùm toàn bộ tới đời sống tâm lý trong hoạt động HL - SSCĐ và TTCĐ của BĐTTG nói riêng; đặc biệt là các yếu tố như động cơ phục vụ quân đội, lý tưởng sống và công hiến, hy sinh cho nghề nghiệp của BĐTTG. Theo A. M. Xtôliarencô (1980), Đỗ Duy Môn (2003), phẩm chất chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với người lính trực SSCĐ; việc chuẩn bị về chính trị - tư tưởng có tác động mạnh mẽ và cần phải tiến hành đồng thời với chuẩn bị tâm lý nhằm tạo ra TTCĐ cho người quân nhân trong chiến đấu. BĐTTG có phẩm chất chính trị - tư tưởng vững vàng sẽ là cơ sở thuận lợi tác động xây dựng mặt xúc cảm - tình cảm tích cực, hình thành các hành động chiến đấu mạnh mẽ, tích cực, thành thực, nâng cao TTCĐ tích cực cho họ [70], [42].

Phẩm chất chính trị - tư tưởng ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG biểu hiện qua các dấu hiệu như: Sự tin tưởng vào đường lối, chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của đơn vị; sự kiên định và quyết tâm thực hiện nghị quyết, mệnh lệnh của người chỉ huy các cấp, nhất là nghị quyết và mệnh lệnh về HL - SSCĐ; sự kiên định vững vàng mục tiêu, lý tưởng chiến đấu khi thực hiện nhiệm vụ; sự tin tưởng tuyệt đối vào chỉ huy cấp trên cũng như khả năng chiến đấu và chiến thắng của đơn vị; tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tự hào với truyền thống chiến đấu của quân đội và đơn vị; lòng căm thù giặc, căm thù cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa và các thế lực thù địch, phản động chống phá cách mạng; lòng khát khao SSCĐ, hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ được giao...

Những quan điểm, nhận thức về chính trị - xã hội, quyết tâm cống hiến cho mục tiêu, lý tưởng SSCĐ và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Đảng, Nhà Nước, nhân dân, quân đội; kiên định lập trường giai cấp, nhận thức đúng đắn về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù và thấy được sự cần thiết phải tiến hành hoạt động chiến đấu trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chính nghĩa, nếu xảy ra... Đó sẽ là những động lực quan trọng cho BĐTTG luôn tích cực trong nhận thức, rèn luyện, có xúc cảm - tình cảm tích cực, phù hợp trong HL - SSCĐ, thường xuyên củng cố xu hướng hành động nâng cao TTCĐ biểu hiện qua hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Phẩm chất chính trị - tư tưởng của BĐTTG là nền tảng, cơ sở để tác động thúc đẩy, phát triển các yếu tố về mặt nhận thức, xúc cảm - tình cảm cũng như điều chỉnh các hành vi trong HL - SSCĐ, qua đó củng cố, phát triển TTCĐ của BĐTTG.

2.3.1.2. Truyền thống chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp

Truyền thống chiến đấu của BĐTTG là những giá trị cốt lõi, được tích lũy, lắng đọng theo cả chiều dài lịch sử, được các tập thể vun đắp, tạo nên thông qua thực tiễn hoạt động chiến đấu trong quá khứ; có ý nghĩa cổ vũ, động viên tinh thần đối với các tập thể TTG hiện tại. Truyền thống chiến đấu của BĐTTG được đúc kết từ các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc. Đó là truyền thống “Đoàn kết hiệp đồng, lập công tập thể”, “Đã ra quân là đánh thắng”... Truyền thống chiến đấu của BĐTTG sẽ là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần to lớn; đồng thời cũng là những yêu cầu đòi hỏi để mỗi quân nhân không ngừng cố gắng, nỗ lực vươn lên trong HL - SSCĐ và chiến đấu, luôn cố gắng học tập, rèn luyện, có cảm xúc - ý chí vững vàng, có kỹ xảo, kỹ năng thành thục, sáng tạo, qua đó có TTCĐ cao. Từ đó tiếp tục vun đắp, xây dựng truyền thống chiến đấu của BĐTTG trong điều kiện mới. Việc tăng cường giáo dục truyền thống chiến đấu của BĐTTG sẽ trực tiếp củng cố yếu tố xúc cảm - tình cảm, ý chí ở BĐTTG, qua đó phát huy tính tích cực ở họ, hình thành tính chủ động, tự giác trong tự giáo dục nâng cao trình độ tri thức, rèn luyện kỹ xảo, kỹ năng, hành động trong hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị.

2.3.1.3. Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của Bộ đội Tăng thiết giáp trong huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Đây là yếu tố quan trọng bảo đảm cho sự thành thạo nghiệp vụ quân sự, ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ, nhất là ảnh hưởng tới mặt hành vi, hành động TTCĐ của BĐTTG. BĐTTG có trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật thành thực, kịp thời, chính xác, hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ HL - SSCĐ; tin tưởng vào khả năng đánh thắng kẻ thù bằng vũ khí trang bị và cách đánh được huấn luyện sẽ ảnh hưởng tích cực đến mặt hành động TTCĐ. Thực chất đây là những hành động đạt đến trình độ thuần thục, chuẩn xác và khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức đã được trang bị vào xử trí từng tình huống HL - SSCĐ. BĐTTG nếu có kỹ xảo, kỹ năng tốt, thành thực trong hoạt động HL - SSCĐ sẽ giúp họ luôn tự tin, làm chủ được vũ khí trang bị, vận dụng kỹ năng cũng như kinh nghiệm để xử trí các tình huống chiến đấu xảy ra; từ đó củng cố, nâng cao TTCĐ cho họ trong thực hiện nhiệm vụ chiến đấu.

Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ được biểu hiện qua các nhóm: Kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng sử dụng vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật; kiến thức, kỹ năng chiến đấu; kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng khắc phục, xử trí các tình huống chiến đấu giả định...

Để nâng cao TTCĐ cho BĐTTG thì việc hình thành, nâng cao trình độ kiến thức, thành thực kỹ xảo, kỹ năng của BĐTTG cần phải tuân theo quy luật khách quan của quá trình nhận thức, của việc hình thành kỹ xảo, kỹ năng và phải được tiến hành thường xuyên, liên tục thông qua thực tiễn huấn luyện, rèn luyện, SSCĐ gắn với tình huống chiến đấu giả định sát thực tiễn chiến đấu. Việc hình thành kỹ xảo cần chú ý tới các kỹ xảo quan trọng, chủ đạo như kỹ xảo cảm giác, kỹ xảo trí tuệ, kỹ xảo vận động, kỹ xảo hành động tập thể... Trên cơ sở đó giúp BĐTTG nắm vững phương thức khái quát hành động chiến đấu, gắn với việc tạo điều kiện áp dụng vào nhiều tình huống chiến đấu phức tạp khác nhau sát thực tế chiến đấu hiện đại trong hoạt động HL - SSCĐ.

2.3.1.4. Kinh nghiệm, vốn sống của Bộ đội Tăng thiết giáp trong huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Kinh nghiệm, vốn sống trong HL - SSCĐ của BĐTTG là những hiểu biết, trải nghiệm mà mỗi thành viên kíp xe lĩnh hội, rút ra cho mình trong thực tiễn HL - SSCĐ và hoạt động học tập, công tác tại đơn vị. Quá trình công tác, HL - SSCĐ thường xuyên, lâu dài cùng nhau giúp cho BĐTTG có được những kinh nghiệm, trải nghiệm quan trọng, trưởng thành hơn về mặt tâm - sinh lý khi đối mặt với các tình huống chiến đấu giả định mà quá trình HL - SSCĐ đem lại; bên cạnh việc rèn luyện, trải nghiệm về thể chất, tâm lý phục vụ cho hoạt động chiến đấu. Đó cũng là quá trình giúp mặt nhận thức của BĐTTG về đối tượng thông qua HL - SSCĐ được xác định và củng cố rõ ràng hơn, có xúc cảm - tình cảm tích cực và thường xuyên được củng cố ổn định, vững chắc; đồng thời rèn luyện những hành vi, hành động chiến đấu chính xác, thành thạo thông qua kinh nghiệm xử trí các tình huống chiến đấu giả định mà chủ thể tự rút ra được. Qua đó giúp TTCĐ của BĐTTG không ngừng được củng cố, nâng cao.

Trong hoạt động HL - SSCĐ, yếu tố kinh nghiệm ảnh hưởng, tác động tới TTCĐ của BĐTTG biểu hiện qua các hoạt động cụ thể như: Kinh nghiệm trong phối hợp hiệp đồng, tổ chức bảo đảm chiến đấu trong HL - SSCĐ; kinh nghiệm sử dụng các loại vũ khí trang bị trong HL - SSCĐ; kinh nghiệm trong sử dụng, vận dụng các kỹ - chiến thuật chiến đấu vào xử trí các nhiệm vụ HL - SSCĐ; kinh nghiệm nhận định, đánh giá, dự báo các tình huống trong chiến đấu khi thực hiện nhiệm vụ chiến đấu giả định được giao.

Vốn sống của BĐTTG trong HL - SSCĐ chính là những trải nghiệm mà mỗi quân nhân thu lượm, rút ra được cho bản thân trong quá trình sống và hoạt động cùng nhau. BĐTTG có trải nghiệm càng nhiều, có vốn sống càng phong phú trong hoạt động HL - SSCĐ thì càng có nhận thức đúng đắn, chính xác, có xúc cảm - tình cảm phù hợp, ổn định về đối tượng để có những hành động thành thực, hiệu quả, chính xác trong chiến đấu. Số lượng và chất lượng những kinh nghiệm, trải nghiệm có được ở BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ ảnh hưởng tỷ lệ thuận với mức độ, tính chất TTCĐ ở BĐTTG. Vì vậy việc tăng cường các hoạt động và giao tiếp

không chỉ trong HL - SSCĐ, mà trong các hoạt động giáo dục, tuyên truyền cũng ảnh hưởng tích cực tới việc củng cố, phát triển TTCĐ ở BĐTTG.

2.3.1.5. Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý trong huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Vai trò của người lãnh đạo, chỉ huy các tập thể BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ có ý nghĩa như là trung tâm, là “hạt nhân” trong hình thành, nâng cao TTCĐ cho BĐTTG. Là người chủ trì điều tiết các mối quan hệ qua lại, xây dựng mối đoàn kết trong tập thể, những yếu tố như: Phong cách lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ; trình độ, năng lực chỉ huy HL - SSCĐ; ý chí chiến đấu... sẽ là những yếu tố trực tiếp tác động tới các mặt TTCĐ của mỗi kíp xe và tập thể đơn vị thuộc quyền.

Phong cách lãnh đạo chỉ huy của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy đối với các hoạt động HL - SSCĐ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tác động mạnh tới mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ của cả tập thể quân nhân. Năng lực, trình độ trong tổ chức HL - SSCĐ và chỉ huy bộ đội của cán bộ chỉ huy, quản lý đơn vị sẽ trực tiếp nâng cao chất lượng HL - SSCĐ, bảo đảm khả năng SSCĐ và sức mạnh chiến đấu của đơn vị; qua đó ảnh hưởng toàn diện tới mặt nhận thức, xúc cảm - tình cảm cũng như mặt hành động trong TTCĐ của tập thể đơn vị. Năng lực lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ sẽ giúp tổ chức tốt các mặt SSCĐ cho đơn vị, động viên, cổ vũ tinh thần SSCĐ ở bộ đội thuộc quyền, nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện kỹ xảo, kỹ năng chiến đấu; củng cố mặt hành động trong TTCĐ ở BĐTTG. Cán bộ lãnh đạo, chỉ huy luôn là hạt nhân trong giáo dục, huấn luyện nâng cao nhận thức; tuyên truyền bồi dưỡng xúc cảm - tình cảm tích cực cũng như trang bị kỹ xảo, kỹ năng, điều chỉnh hành vi, hành động trong HL - SSCĐ cho phù hợp với hoạt động chiến đấu của BĐTTG, qua đó nâng cao TTCĐ cho tập thể đơn vị thuộc quyền.

Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý trong HL - SSCĐ ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG được thể hiện qua những nội dung, như: Phong cách lãnh đạo, chỉ huy quản lý dân chủ, gần gũi, thân thiết với bộ đội thuộc quyền; năng lực, trình độ tổ chức giáo dục, quản lý bộ đội; năng lực, trình độ trong tổ chức huấn luyện chiến thuật, diễn tập tổng hợp; trình độ, năng lực chỉ huy bộ đội trực SSCĐ, xử trí các tình huống chiến đấu giả định... Vì vậy việc

nâng cao TTCĐ cho BĐTTG cần phải chú trọng nâng cao năng lực, trình độ, phong cách lãnh đạo chỉ huy của lực lượng CBQL trực tiếp ở đơn vị.

2.3.1.6. Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý trong huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu và giáo dục bộ đội

Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong quá trình HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội là sự tổng hòa của những kiến thức, tình cảm và ý chí quyết chiến quyết thắng biểu hiện trong hoạt động HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội khi thực hiện các nhiệm vụ HL - SSCĐ ở đơn vị. Yếu tố niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy là hạt nhân và có mối quan hệ chặt chẽ, ảnh hưởng tích cực, thúc đẩy sự hình thành, nâng cao TTCĐ ở bản thân và tạo ra sức ám thị mạnh mẽ, giúp hình thành niềm tin cho tập thể quân nhân thuộc quyền, qua đó ảnh hưởng tới sự hình thành, củng cố TTCĐ của cả tập thể đơn vị. Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy ảnh hưởng mạnh nhất tới mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ của chủ thể và tập thể BĐTTG thuộc quyền. Nếu cán bộ lãnh đạo, chỉ huy có niềm tin chiến thắng thông qua hoạt động HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội ở đơn vị sẽ ảnh hưởng thúc đẩy sự hình thành TTCĐ tích cực cho toàn đơn vị. Hiện nay, trong yếu tố niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý trong lực lượng TTG thì niềm tin vào khả năng đánh thắng kẻ thù bằng cách đánh của BĐTTG và vũ khí trang bị hiện có trong biên chế là nội dung quan trọng, trực tiếp ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG. Ngoài ra, niềm tin vào sự thắng lợi của nhiệm vụ chiến đấu được giao, niềm tin vào tính chất chính nghĩa của hoạt động chiến đấu nhằm bảo vệ Tổ quốc ở người cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cũng ảnh hưởng tích cực, thúc đẩy TTCĐ của toàn thể đơn vị.

2.3.2. Các yếu tố bên ngoài

Nhóm yếu tố bên ngoài là các yếu tố tồn tại khách quan không phụ thuộc vào BĐTTG, thường xuyên tác động, ảnh hưởng đến TTCĐ, “khúc xạ” qua các yếu tố bên trong thông qua hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG. Đó có thể là các điều kiện chi phối hoặc môi trường xã hội, quân đội, tập thể ảnh hưởng đến TTCĐ trong hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG. Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG, đó là:

2.3.2.1. Thông tin về đối tượng trong hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Yếu tố thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ được cung cấp là cơ sở, nền tảng để củng cố điều chỉnh mặt nhận thức và xác lập một trạng thái xúc cảm - tình cảm phù hợp, từ đó hình thành những hành động chiến đấu tương ứng. Thông tin về đối tượng ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG phụ thuộc vào số lượng, chất lượng và mức độ trung thực, chính xác của thông tin được cung cấp trong hoạt động HL - SSCĐ. Cung cấp thông tin kịp thời, toàn diện, khách quan, chọn lọc, có định hướng về đối tượng sẽ giúp cho TTCĐ của BĐTTG được hình thành dễ dàng, thường xuyên củng cố, phát triển. Việc không nắm được thông tin hoặc nắm thông tin không toàn diện sai lệch, thiếu chính xác về đối tượng trong HL - SSCĐ sẽ dẫn tới BĐTTG có nhận thức không đúng, từ đó không hình thành được TTCĐ hoặc hình thành TTCĐ tiêu cực. Trong điều kiện chiến tranh hiện đại tác chiến không gian mạng, thì việc cung cấp nguồn thông tin chính xác, kịp thời, toàn diện, đúng đối tượng cho BĐTTG có ý nghĩa rất quan trọng nhằm củng cố, nâng cao các mặt trong TTCĐ của BĐTTG. Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ ảnh hưởng đến TTCĐ được xác định theo các nhóm:

Nhóm thông tin về đặc điểm, điều kiện của chiến tranh hiện đại, đây là nhóm thông tin quan trọng nhằm nâng cao nhận thức về những yêu cầu đòi hỏi của chiến đấu hiện đại, đặc điểm môi trường chiến đấu, giúp hình thành những xúc cảm - tình cảm trong điều kiện chiến đấu ở BĐTTG. Nhóm thông tin này tập trung vào các nội dung: Đặc điểm chiến tranh kiểu mới sử dụng vũ khí công nghệ cao; về không gian, thời gian trên chiến trường, tính chất, mục đích, loại hình, phương thức tiến hành trong chiến tranh hiện đại; thông tin về đặc điểm, loại hình tác chiến điện tử; đặc điểm sử dụng TTG trong chiến tranh hiện đại... Nhóm thông tin này sẽ giúp chuẩn bị tâm lý SSCĐ cho BĐTTG, hình thành những động hình để không bị “cóng” hay hoảng loạn về tâm lý khi đối mặt với tình huống chiến đấu hiện đại xảy ra, qua đó hình thành sự sẵn sàng hành động chiến đấu, củng cố, nâng cao TTCĐ cho họ.

Nhóm thông tin về đối tượng tác chiến (kẻ địch), đây là nhóm thông tin đặc biệt quan trọng, trực tiếp tác động tới mặt nhận thức cũng như mặt xúc cảm - tình cảm của BĐTTG đối với kẻ địch trong chiến đấu. Nhóm thông tin này giúp cho BĐTTG chuẩn bị, lựa chọn những kỹ năng chiến đấu, những phương pháp, cách

thức chiến đấu phù hợp của bản thân khi đối mặt với kẻ thù; lường trước được hành động của kẻ địch để có sự chuẩn bị TTCD. Đồng thời nhóm thông tin này cũng giúp BĐT hình thành sự sẵn sàng tâm lý chiến đấu để đối mặt với kẻ địch khi tình huống chiến đấu xảy ra. Thông tin về đối tượng tác chiến thường tập trung vào các vấn đề: Âm mưu, thủ đoạn, mục đích chiến đấu của kẻ thù; phương thức tác chiến của địch (nhất là phương thức tác chiến của xe TTG); tổ chức biên chế, vũ khí trang bị các đơn vị (nhất là các đơn vị TTG) của địch khi tiến hành hoạt động tác chiến; những dự báo tình huống về hành động của địch trong chiến đấu...

Nhóm thông tin về đặc điểm tình hình HL - SSCĐ: Đó là các thông tin tập trung vào các vấn đề như điều kiện, môi trường HL - SSCĐ; đặc điểm, điều kiện dân cư, thổ nhưỡng trong HL - SSCĐ; đơn vị bạn có liên quan trong HL - SSCĐ...

Nhóm thông tin về vũ khí trang bị. Đó là các thông tin như, vũ khí trang bị được trang bị, sử dụng của BĐTTG; sự phát triển của vũ khí trang bị TTG hiện nay trên thế giới; vũ khí hỏa lực tiêu diệt xe TTG; vũ khí trang bị của kẻ địch sử dụng trong biên chế...

Thông tin ảnh hưởng đến TTCD của BĐTTG theo hai hướng, tích cực hoặc tiêu cực. Thông tin ảnh hưởng tích cực là những thông tin mà nguồn dữ liệu giúp cho BĐTTG củng cố, nâng cao nhận thức, hình thành xúc cảm - tình cảm tích cực, qua đó củng cố sự sẵn sàng hành động của bản thân một cách tích cực, mạnh mẽ theo những dữ liệu mới được cung cấp. Thông tin có ảnh hưởng tiêu cực là thông tin thiếu chính xác, cóp nhặt, cắt xén đem lại nhận thức không đầy đủ, sai lệch, hình thành xúc cảm - tình cảm tiêu cực, dễ hình thành TTCD tiêu cực ở BĐTTG.

2.3.2.2. Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG là hoạt động cùng nhau, giúp mỗi quân nhân gắn kết chặt chẽ với các thành viên khác trong toàn đơn vị, nhất là trong cùng kíp xe. Trong HL - SSCĐ và thực tiễn chiến đấu của BĐTTG đòi hỏi sự phối hợp, hiệp đồng công tác trên mọi mặt để hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu chung của cả đơn vị, kíp xe. Qua giao tiếp thông tin được trao đổi, các yếu lĩnh động tác kỹ xảo, kỹ năng được điều chỉnh,

phối hợp hiệp đồng nhịp nhàng giữa các quân nhân, yếu tố xúc cảm - tình cảm được lây lan...qua đó ảnh hưởng tới TTCĐ của mỗi quân nhân cũng như tập đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ chiến đấu. Giao tiếp trong HL - SSCĐ, BĐTTG sẽ hình thành và thường xuyên điều chỉnh nhận thức, hành vi của mình phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn chiến đấu; qua đó củng cố, nâng cao các thành phần biểu hiện TTCĐ. Việc xây dựng mối quan hệ qua lại tích cực, tin tưởng, đoàn kết, yêu thương giúp đỡ nhau giữa các thành viên kíp xe trong đơn vị tác động rất lớn tới hình thành, củng cố xúc cảm - tình cảm TTCĐ, cũng như điều chỉnh, rèn luyện các hành động, thao tác trong HL - SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG.

Cùng với giao tiếp là bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ là yếu tố quan trọng, trực tiếp ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG. Bầu không khí tâm lý dân chủ, tích cực, lành mạnh sẽ tạo ra môi trường học tập, huấn luyện, rèn luyện, hứng thú, say mê, hăng hái thi đua phấn đấu, hình thành và củng cố xúc cảm - tình cảm tích cực ở mỗi quân nhân nhằm hướng vào thực hiện nhiệm vụ chiến đấu. Ngược lại tập thể quân nhân có bầu không khí tâm lý tiêu cực, căng thẳng, các quân nhân trong đơn vị không đoàn kết, tin tưởng, giúp đỡ nhau sẽ hình thành những xúc cảm - tình cảm tiêu cực, chán nản, dẫn tới hoạt động chiến đấu sẽ không hiệu quả.

Khi xây dựng được mối quan hệ giao tiếp lành mạnh, gắn bó và bầu không khí tâm lý tích cực, dân chủ trong hoạt động HL - SSCĐ sẽ tạo ra tinh thần đoàn kết, nhất trí, sự tin tưởng và giúp đỡ nhau trong thực hiện nhiệm vụ; hình thành mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ tích cực ở mỗi quân nhân trong hoạt động HL - SSCĐ. Từ đó tạo ra tinh thần đoàn kết, hăng hái thi đua và thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ đạt kết quả cao. Bầu không khí tâm lý tích cực, lành mạnh trong tập thể kíp xe cũng là cái “nền” quan trọng để các hiện tượng tâm lý xã hội khác như dư luận, tâm trạng... được hình thành một cách lành mạnh và củng cố tích cực; mỗi quân nhân sẽ có trạng thái tâm lý phấn khởi, cảm xúc tích cực, tạo động lực quan trọng cho sự sẵn sàng các hành động chiến đấu, củng cố TTCĐ ở họ.

2.3.2.3. Yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi của Bộ đội Tăng thiết giáp trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

Thực tiễn chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa và các cuộc chiến tranh xảy ra ở gần đây trên thế giới, cho thấy: Dù trong điều kiện tác chiến mới, sử dụng rộng rãi vũ khí công nghệ cao nhưng TTG vẫn là phương tiện chiến đấu không thể thiếu trong thực hiện nhiệm vụ đánh chiếm mục tiêu, làm chủ chiến trường trên bộ. Trong điều kiện chiến đấu hiện đại, yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc càng đòi hỏi ở mức cao hơn. BĐTTG hiện nay được Đảng, Nhà nước, quân đội đặt ra yêu cầu mới: Là một trong những lực lượng được ưu tiên xây dựng theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, tiến lên hiện đại; có đủ khả năng hoàn thành được mọi nhiệm vụ chiến đấu được giao trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, trong điều kiện kẻ địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

BĐTTG là “quả đấm thép” trong hiệp đồng tác chiến, luôn là mục tiêu thu hút hỏa lực tiêu diệt của đối phương trong chiến tranh công nghệ cao. Vì vậy, yêu cầu của nhiệm vụ SSCĐ và bảo đảm chiến đấu thắng lợi trong chiến tranh hiện đại sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới TTCĐ của BĐTTG. Trong điều kiện chiến đấu mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đặt ra những yêu cầu nhiệm vụ, đòi hỏi cao hơn, toàn diện: Nhận thức, trí tuệ; kỹ năng kỹ - chiến thuật; cảm xúc - ý chí; thể chất... đối với BĐTTG. Để đáp ứng được những yêu cầu, nhiệm vụ SSCĐ và thực hiện nhiệm vụ chiến đấu thắng lợi trong điều kiện hiện nay, BĐTTG phải không ngừng nỗ lực phấn đấu, cố gắng học tập, huấn luyện, rèn luyện kỹ năng thao tác sử dụng vũ khí, kỹ - chiến thuật, kết hợp với rèn luyện tinh thần, bản lĩnh - ý chí chiến đấu thông qua thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ ở đơn vị. Qua đó tác động, nâng cao các thành phần trong TTCĐ của mỗi quân nhân. Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG sẽ tạo ra những áp lực, ảnh hưởng trực tiếp tới các mặt trong TTCĐ của họ.

2.3.2.4. Đặc điểm, môi trường giáo dục, huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu trong chiến đấu hiện đại

Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại là yếu tố quan trọng, tác động trực tiếp tới sự hình thành, thay đổi TTCĐ

của BĐTTG. Điều kiện, môi trường HL - SSCĐ là “môi trường gần”, môi trường trực tiếp mà BĐTTG hoạt động cùng nhau chịu tác động. Đó là không gian, thời gian, điều kiện địa hình, bài tập tình huống giả định, điều kiện các bài bắn đạn thật, các tình huống diễn tập chuyển trạng thái SSCĐ, các tình huống báo động trực SSCĐ... bảo đảm sát điều kiện chiến đấu hiện đại. Mục đích là nhằm rèn luyện các ngưỡng tâm - sinh lý, thể lực, đặt BĐTTG vào “tình huống có vấn đề” để kiểm tra, làm bộc lộ những sai sót của các hành động, cũng như trạng thái xúc cảm - tình cảm của họ. Việc thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ sát thực tế chiến đấu cũng giúp cho BĐTTG có được những biểu tượng trong chiến đấu cần thiết về các điều kiện, môi trường chiến đấu khác nhau để kịp thời ứng phó, xử trí, không bị bất ngờ khi tình huống chiến đấu xảy ra. Qua đó làm bộc lộ các mặt biểu hiện của TTCĐ, từ nhận thức, xúc cảm - tình cảm đến các hành động chiến đấu để có thể kiểm tra, củng cố, nâng cao từng mặt biểu hiện dẫn đến nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

Thông qua các hoạt động giáo dục, HL - SSCĐ sát với đặc điểm, điều kiện chiến đấu của chiến tranh hiện đại sẽ nảy sinh nhu cầu vươn lên, nâng cao mặt nhận thức TTCĐ, củng cố mặt cảm xúc - ý chí tích cực; rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo chiến đấu cũng như các ngưỡng tâm - sinh lý để ứng phó với hoạt động chiến đấu trong tương lai. Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại đặt ra những yêu cầu cao đối với BĐTTG: Đó là những nội dung phải thực hiện trong các hoạt động HL - SSCĐ cho phù hợp với đòi hỏi của chiến đấu hiện đại. Những yêu cầu đó xuất phát từ nhiệm vụ của cấp trên hoặc từ sự thay đổi trong âm mưu, thủ đoạn, cách đánh của kẻ thù khi sử dụng vũ khí công nghệ cao (nhất là đối với TTG), từ đặc điểm của chiến tranh hiện đại... Từ đó mỗi quân nhân nỗ lực cố gắng không ngừng nâng cao trình độ, rèn luyện kỹ năng một cách toàn diện, thích ứng trong mọi hoàn cảnh, cả về nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động trong các hoạt động HL - SSCĐ, qua đó thúc đẩy, phát triển TTCĐ của BĐTTG.

Đặc điểm, điều kiện của chiến đấu hiện đại ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG biểu hiện qua nhiều yếu tố, như: Quy mô của chiến đấu hiện đại trong chiến tranh; tính chất ác liệt và sự nguy hiểm khi dụng vũ khí công nghệ cao trong chiến đấu; tính biến động nhanh và vô cùng phức tạp của hành động chiến đấu; tính bí mật, bất ngờ của phương thức, thủ đoạn tác chiến; sự tác động mạnh mẽ của chiến tranh tâm lý kết hợp sử dụng công nghệ thông tin, tác chiến không gian mạng.

2.3.2.5. Vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

BĐTTG là lực lượng kỹ thuật, bảo đảm cho binh chủng hợp thành chiến đấu hiệp đồng quân, binh chủng. Nên các điều kiện về cơ sở vật chất và vũ khí phương tiện kỹ thuật được trang bị trong biên chế là yếu tố rất quan trọng trong chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ tại đơn vị. Đây là những trang bị, phương tiện mà BĐTTG sử dụng để xử trí khi có tình huống chiến đấu xảy ra nhằm tiêu diệt kẻ địch, có ảnh hưởng rất lớn tới TTCĐ của BĐTTG, nhất là niềm tin vào vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật sử dụng đánh thắng kẻ địch.

Vũ khí trang bị được biên chế phù hợp với trình độ kỹ năng, thao tác sử dụng, làm chủ của BĐTTG trong HL - SSCĐ đáp ứng đủ khả năng đánh thắng kẻ địch trong điều kiện chiến đấu hiện đại là yếu tố tác động mạnh tới xúc cảm - ý chí và niềm tin chiến thắng, qua đó tác động tới TTCĐ của BĐTTG. Vũ khí trang bị tác động tới TTCĐ của BĐTTG theo hai chiều hướng, tích cực hoặc tiêu cực. Nếu vũ khí trang bị đang biên chế của BĐTTG hiện đại, đồng bộ, phù hợp với kỹ năng, trình độ sử dụng của mỗi quân nhân và yêu cầu của chiến đấu hiện đại sẽ tạo ra xúc cảm - ý chí tích cực, hình thành niềm tin chiến thắng vào vũ khí trang bị, BĐTTG sẽ tích cực, chủ động, hăng hái trong hoạt động HL - SSCĐ; qua đó TTCĐ của BĐTTG không ngừng được củng cố, phát triển. Ngược lại nếu vũ khí trang bị trong biên chế và cơ sở vật chất bảo đảm trong HL - SSCĐ lạc hậu, không đồng bộ, thiếu thốn, không phù hợp với trình độ làm chủ, kỹ năng sử dụng và không đáp ứng được đòi hỏi của chiến đấu hiện

đại thì BĐTTG sẽ có xúc cảm - ý chí tiêu cực, không có niềm tin chiến thắng vào vũ khí trang bị, qua đó dễ hình thành TTCĐ tiêu cực. Vũ khí trang bị biểu hiện qua các nội dung: 1) Điều kiện cơ sở vật chất bảo đảm cho hoạt động HL - SSCĐ: Đó là toàn bộ những trang bị, phương tiện kỹ thuật trong biên chế, mô hình huấn luyện, điều kiện thao trường, bãi tập, vật tư xăng, dầu... bảo đảm cho hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG. Yếu tố này ảnh hưởng đến việc rèn luyện hành động, thao tác và hình thành các biểu tượng, kinh nghiệm, kỹ năng trong chiến đấu hiện đại thông qua hoạt động HL - SSCĐ tại đơn vị, qua đó ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG. 2) Vũ khí trang bị hiện có trong biên chế bảo đảm hoạt động HL - SSCĐ. Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng, ảnh hưởng rất lớn tới TTCĐ của BĐTTG. Vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật TTG là “sức mạnh vật chất”, cùng với các kỹ năng chiến đấu, bảo đảm TTCĐ được củng cố, phát triển. Vũ khí trang bị xuống cấp hay được hiện đại hóa, có đáp ứng hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong chiến đấu hiện đại hay không, BĐTTG có vững tin vào hiệu quả của vũ khí trang bị mình đang sử dụng để đánh thắng kẻ địch hay không sẽ ảnh hưởng rất lớn tới mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ và kết quả chiến đấu trong.

2.3.2.6. Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với Bộ đội Tăng thiết giáp trong hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Đây là yếu tố bên ngoài rất quan trọng nhằm bảo đảm tốt hơn cơ sở vật chất, vũ khí trang bị cho BĐTTG trong HL - SSCĐ đáp ứng yêu cầu chiến đấu hiện đại; đồng thời động viên khuyến khích kịp thời, củng cố tinh thần, tâm lý cho BĐTTG trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, SSCĐ đạt hiệu quả cao. Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ được thể hiện thông qua 2 mặt: Đối với con người và đối với cơ sở vật chất, vũ khí trang bị trong HL - SSCĐ.

Thứ nhất, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với việc chăm lo yếu tố con người mà chủ thể là BĐTTG. Đó là các chế độ, chính sách bảo đảm cho đời sống ăn, ở, sinh hoạt và hậu phương quân đội, đặc biệt là với BĐTTG ở đơn vị HL - SSCĐ. Xuất phát từ tính chất, đặc điểm

hoạt động đặc thù của BĐTTG trong HL - SSCĐ chịu căng thẳng về tinh thần, tâm lý, thể lực, chịu ảnh hưởng của môi trường độc hại khi tiếp xúc, làm việc với xe, máy... Vì vậy sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội tới đời sống vật chất, tinh thần sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng con người, về thể chất cũng như tinh thần, tâm lý của BĐTTG cho hoạt động HL - SSCĐ. Việc quan tâm đến hậu phương quân đội, động viên gia đình quân nhân có hoàn cảnh khó khăn, các dịp lễ tết; tạo điều kiện thích hợp cho quân nhân có thời gian được chăm lo cho gia đình, nhất là trong điều kiện đơn vị xa nhà và thường xuyên trực SSCĐ có ý nghĩa quan trọng, tác động lớn tới mặt xúc cảm - tình cảm - ý chí thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ; qua đó ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG trong chiến đấu.

Thứ hai, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với việc mua sắm, bảo đảm vũ khí trang bị, hiện đại hóa cơ sở vật chất cho hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG. Vũ khí trang bị là yếu tố rất quan trọng, không thể thiếu trong bảo đảm sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của BĐTTG. Mua sắm, cải tiến vũ khí trang bị của BĐTTG đưa vào trong biên chế phục vụ quá trình HL - SSCĐ, đáp ứng yêu cầu chiến đấu hiện đại sẽ ảnh hưởng rất lớn tới niềm tin, TTCĐ của BĐTTG. Việc bảo đảm cơ sở vật chất, các mô hình huấn luyện, thao trường bãi tập phục vụ hoạt động HL - SSCĐ cũng ảnh hưởng không nhỏ tới sự thành thạo kỹ năng kỹ - chiến thuật trong chiến đấu và củng cố trạng thái tâm lý SSCĐ, hình thành các biểu tượng trong chiến đấu, tạo ra sự sẵn sàng và vững vàng về trạng thái tâm lý SSCĐ, củng cố, nâng cao các thành phần TTCĐ của BĐTTG.

Có nhiều yếu tố tác động đến TTCĐ của BĐTTG, trên đây là các yếu tố cơ bản, trực tiếp ảnh hưởng tới sự hình thành, thay đổi TTCĐ của BĐTTG. Mỗi yếu tố có vị trí, vai trò riêng, có mức độ ảnh hưởng không ngang bằng nhau tới các mặt trong TTCĐ của BĐTTG. Các yếu tố đó luôn có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG theo quy luật: Về cường độ có thể làm mạnh lên hoặc yếu đi; về tính chất, diễn ra theo hai chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực tới TTCĐ của BĐTTG.

Kết luận chương 2

Từ các kết quả nghiên cứu và kế thừa có chọn lọc các quan điểm khác nhau về tâm thế, TTCĐ của quân nhân; xét trên hướng tiếp cận hoạt động - nhân cách, chúng tôi đã xây dựng các khái niệm thành phần để đi đến xây dựng khái niệm làm việc là TTCĐ của BĐTTG. TTCĐ của BĐTTG là sự sẵn sàng hành động của BĐTTG đối với các tình huống chiến đấu, quy định hiệu quả hoạt động chiến đấu của mỗi quân nhân. Theo đó, TTCĐ của BĐTTG là trạng thái tâm lý, một chỉnh thể tâm lý có tính trọn vẹn của nhân cách thể hiện sự sẵn sàng phản ứng của mỗi cá nhân khi đối mặt với hoạt động chiến đấu, được biểu hiện thống nhất giữa các mặt nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động trong các hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG ở đơn vị.

TTCĐ của BĐTTG không chỉ được thể hiện trong hoạt động chiến đấu ở thời chiến mà còn được thể hiện trong hoạt động HL - SSCĐ ở thời bình. TTCĐ của BĐTTG được biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động đối với các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Để đánh giá thực trạng TTCĐ của BĐTTG cần thông qua các mặt biểu hiện TTCĐ trên 4 nội dung hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Trong đó chúng tôi chỉ ra mức độ biểu hiện từng mặt trong TTCĐ, qua đó xác định được mức độ TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN. Giữa các mặt biểu hiện có mối quan hệ chặt chẽ và có các chỉ báo thành phần. Giữa các nội dung HL - SSCĐ cũng có mối quan hệ chuyển hóa với nhau, bảo đảm tính đặc trưng của hoạt động HL - SSCĐ.

Có nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG. Trong phạm vi đề tài luận án, chúng tôi xác định có hai nhóm yếu tố, gồm các yếu tố bên trong thuộc về BĐTTG và các yếu tố bên ngoài thuộc về môi trường xã hội, quân đội với tổng thể 12 yếu tố ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG. Các yếu tố trong mỗi nhóm và giữa 2 nhóm yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ, có vị trí, vai trò khác nhau, có mức độ ảnh hưởng không ngang bằng nhau tới TTCĐ của BĐTTG hiện nay.

Chương 3

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Tổ chức nghiên cứu

3.1.1. Đơn vị nghiên cứu: Luận án triển khai nghiên cứu tại các đơn vị: Tiểu đoàn 7/ Trường Sĩ quan TTG/ Binh chủng TTG (Tam Dương - Vĩnh Phúc); Tiểu đoàn 3/ Trường Hạ sĩ quan xe tăng 1/ Binh chủng TTG (Long Thành - Đồng Nai); Lữ đoàn 201/ Binh chủng TTG (Quỳnh Lưu - Nghệ An); Lữ đoàn 215/ Binh chủng TTG (Chương Mỹ - Hà Nội); Lữ đoàn 206/ Quân khu 4 (Quỳnh Lưu - Nghệ An); thời gian từ năm 2015 đến 2018.

Việc lựa chọn các đơn vị nghiên cứu bảo đảm đa dạng, đại diện cho các quân khu, binh chủng trong toàn quân, phân bố ở cả 3 miền Bắc - Trung - Nam. Các đơn vị được chọn là những đơn vị HL - SSCĐ, đủ quân số biên chế, làm nhiệm vụ HL - SSCĐ của BĐTTG. Điều đó bảo đảm cho những đánh giá, kết luận có tính khái quát về TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN hiện nay.

3.1.2. Phân bố khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của luận án sau khi xử lý các mẫu phiếu không đạt tiêu chuẩn, còn lại 468 mẫu điều tra, trong đó có 193 CBQL, 275 QNCN, HSQ - BS ở các đơn vị. Phân bố khách thể thể hiện ở Phụ lục 3.

3.1.3. Nội dung nghiên cứu

- Nghiên cứu các công trình trong và ngoài nước về vấn đề có liên quan đến tâm thế, TTCĐ, TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận, xác định những khái niệm cơ bản có liên quan đến luận án: Tâm thế, chiến đấu, TTCĐ, TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

- Xác định biểu hiện của tâm thế, TTCĐ, biểu hiện và mức độ TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

- Nghiên cứu TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN thông qua các hoạt động cơ bản: Hoạt động giáo dục, quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ; Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp; Hoạt động trực SSCĐ.

- Xác định đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG và các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG.

- Khảo sát đánh giá thực trạng TTCD của BĐTTG.
- Đề xuất biện pháp TL - XH nâng cao TTCD của BĐTTG.
- Thực nghiệm tác động kiểm định tính hiệu quả 1 biện pháp TL - XH, nâng cao TTCD của BĐTTG.

3.1.4. Các giai đoạn nghiên cứu

Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý thuyết và khảo sát sơ bộ, hoàn thành đề cương chi tiết (10/2015 - 11/2016)

** Nghiên cứu lý thuyết:*

- *Mục đích:* Tìm hiểu các hướng tiếp cận nghiên cứu về tâm thế, TTCD, trên cơ sở đó xây dựng các khái niệm công cụ, khái niệm làm việc cho vấn đề nghiên cứu làm cơ sở cho tiếp cận nghiên cứu thực trạng và đề xuất các biện pháp TL - XH nâng cao TTCD của BĐTTG trong QĐNDVN.

- *Nội dung:*

+ Tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề: Khái quát các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước có liên quan đến tâm thế, TTCD. Từ đó xác định hướng nghiên cứu và rút ra những vấn đề cần nghiên cứu.

+ Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài: Khái niệm về tâm thế, TTCD, TTCD của BĐTTG; biểu hiện mức độ TTCD và các yếu tố ảnh hưởng tới TTCD của BĐTTG; xác định các nội dung chỉ báo, để khảo sát thực trạng TTCD của BĐTTG.

- *Cách thức tiến hành:* Chủ yếu là nghiên cứu tài liệu, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa những lý thuyết, kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước thông qua các công trình đã được công bố. Chúng tôi cũng kết hợp sử dụng các phương pháp như: Chuyên gia, phỏng vấn, trao đổi với các chuyên gia Tâm lý học, giảng viên chuyên ngành ở các học viện, nhà trường, CBQL ở đơn vị HL - SSCĐ để làm rõ các khái niệm và các kết luận rút ra trong quá trình nghiên cứu...

** Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu, khảo sát sơ bộ và chuẩn hoá công cụ nghiên cứu:*

- *Bước 1:* Tiến hành tiếp xúc, quan sát, phỏng vấn CBQL và QNCN, HSQ - BS, xây dựng giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu.

- *Bước 2:* Xây dựng bộ công cụ điều tra, khảo sát thực trạng mức độ biểu hiện TTCD của BĐTTG.

- *Bước 3*: Điều tra thử, xin ý kiến chuyên gia, chính xác hóa bộ công cụ và phương pháp nghiên cứu cho phù hợp.

Mục đích điều tra thử: Xác định độ dài và độ khó, độ tin cậy và độ giá trị của thang đo trong bảng hỏi, chỉnh sửa nội dung, hoàn thiện bảng hỏi.

Khách thể điều tra: Chúng tôi tiến hành điều tra thử trên 18 CBQL, 55 QNCN, 25 HSQ - BS thuộc Lữ đoàn 215/ Binh chủng TTG

Cách thức tiến hành:

Đo độ dài và độ khó của bảng hỏi: Chúng tôi cho các nhóm khách thể nghiên cứu trả lời bảng hỏi đã thiết kế sẵn. Quá trình khách thể trả lời câu hỏi, chúng tôi tiến hành ghi lại những câu khách thể phản ánh là không rõ nghĩa hoặc khó trả lời đối với họ. Kết quả là có 16/134 item với CBQL, 20/132 item với QNCN, HSQ - BS cần được chỉnh sửa lại nội dung. Đồng thời theo dõi thời gian trả lời bảng hỏi của các nhóm khách thể. Kết quả cho thấy, các nhóm khách thể trả lời trong khoảng thời gian từ 28 - 43 phút. Với quãng thời gian đó không làm giảm đi sự tập trung chú ý tích cực của khách thể. Vì vậy, độ khó và độ dài của bảng hỏi là phù hợp.

Đo độ tin cậy và độ giá trị của bảng hỏi: Sau khi thu được số liệu, chúng tôi đã sử dụng chương trình thống kê toán học bằng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý số liệu. Chúng tôi có sử dụng phương pháp phân tích hệ số Alpha của Cronbach để kiểm tra độ tin cậy và đo độ giá trị của thang đo trong bảng hỏi. Chúng tôi đã tiến hành loại bỏ những item ở mỗi tiêu thang đo có hệ số tin cậy thấp $\text{Alpha} < 0.40$. Tiến hành chỉnh sửa, loại trừ số câu hỏi trong bảng hỏi. Sau khi chỉnh sửa, loại trừ các item có hệ số tin cậy thấp trong mỗi thang đo, các thang đo sử dụng trong bảng hỏi đều cho độ tin cậy bảo đảm có hệ số Alpha của Cronbach $> 0,60$, đủ tin cậy sử dụng trong nghiên cứu, không có item nào làm giảm độ tin cậy của các thang đo.

Chúng tôi cũng tiến hành xin ý kiến chuyên gia, chỉnh sửa các item, cấu trúc lại bảng hỏi cho hợp lý. Sau quá trình chỉnh sửa độ tin cậy và độ giá trị của các câu trong bảng hỏi đã tăng lên. Do đó, bộ công cụ này hoàn toàn phù hợp để chúng tôi sử dụng đánh giá thực trạng TTCĐ của BĐTTG.

Giai đoạn 2: Khảo sát thực trạng và tiến hành thực nghiệm tác động, viết các nội dung của luận án (12/2016 - 8/2017)

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và kết quả khảo sát thử nhằm xây dựng và hoàn thiện bộ công cụ nghiên cứu, chúng tôi tiến hành điều tra đại trà trên 201 CBQL, 358 QNCN, HSQ - BS ở các đơn vị trong phạm vi nghiên cứu nhằm phát hiện thực trạng TTCĐ của BĐTTG và tiến hành thực nghiệm kiểm định biện pháp. Kết quả sau khi làm sạch dữ liệu các mẫu phiếu chúng tôi chọn ngẫu nhiên còn lại số lượng khách thể trên các mẫu đại diện là 193 CBQL, 275 QNCN, HSQ - BS.

Cùng với việc điều tra bằng phiếu hỏi, chúng tôi tổ chức quan sát và phỏng vấn sâu một số CBQL, QNCN, HSQ - BS trong các đơn vị nghiên cứu.

Trong giai đoạn này thực hiện theo các bước

Bước 1: Khảo sát thực trạng, gồm các nội dung:

- Khảo sát thực trạng mức độ TTCĐ của BĐTTG thông qua ba mặt biểu hiện: Nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động trên 4 hoạt động HL - SSCĐ cơ bản ở đơn vị; mức độ hoàn thành các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị của BĐTTG.

- Khảo sát thực trạng mức độ các yếu tố ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG.

Cách thức tiến hành: Khảo sát, đánh giá thực trạng thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi (chủ yếu), kết hợp với các phương pháp khác như: Trao đổi, phỏng vấn, quan sát, xin ý kiến chuyên gia, phân tích kết quả hoạt động, phân tích thống kê toán học.

Bước 2: Từ kết quả nghiên cứu thực trạng mức độ TTCĐ và mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ, đề xuất một số biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

Bước 3: Tiến hành thực nghiệm tác động kiểm định 1 biện pháp TL - XH nhằm nâng cao mức độ TTCĐ của BĐTTG.

Kết hợp với các bước viết các nội dung bản thảo luận án.

Giai đoạn 3: Kiểm tra số liệu điều tra, tổ chức đánh giá luận án cấp khoa, tiếp tục bổ sung nội dung luận án (9/2017 - 12/2017)

- Đối chiếu, kiểm tra số liệu điều tra, xin ý kiến đánh giá của chuyên gia về kết quả nghiên cứu.

- Xin ý kiến của chuyên gia hướng dẫn khoa học, hoàn thiện luận án trình đánh giá cấp Khoa.

- Bổ sung, điều chỉnh nội dung luận án theo các số liệu đã kiểm tra, theo ý kiến chuyên gia và kết luận của Hội đồng khoa học đánh giá cấp Khoa.

Giai đoạn 4: Đánh giá luận án cấp cơ sở và hoàn thành luận án (1/2018 - 11/2018)

- Xin ý kiến cán bộ hướng dẫn khoa học, ý kiến chuyên gia và sửa chữa; chuẩn bị và bảo vệ luận án ở Hội đồng khoa học cấp cơ sở (03 - 4/2018).

- Sửa chữa theo kết luận của Hội đồng khoa học đánh giá luận án cấp cơ sở, kết luận của phản biện độc lập, chuẩn bị và tiến hành bảo vệ luận án ở Hội đồng khoa học cấp Học viện (từ tháng 5/ 2018).

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

** Mục đích nghiên cứu tài liệu*

Nhằm phân tích, tổng hợp và khái quát hóa các tài liệu, văn bản, các nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực tiễn đã được công bố trong và ngoài nước liên quan đến tâm thế, TTCĐ của BĐTTG. Sau đó hệ thống hóa các lý thuyết theo từng vấn đề, làm cơ sở xây dựng khung lý luận của đề tài

** Cách thức tiến hành*

- Thu thập các tài liệu về tâm thế, TTCĐ từ các nguồn trong và ngoài nước; các văn bản, chỉ nghị, nghị quyết, báo cáo đánh giá chất lượng, khái quát kinh nghiệm của các đơn vị về hoạt động chiến đấu, HL - SSCĐ; các công trình nghiên cứu về hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG.

- Nghiên cứu, phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa các công trình nghiên cứu, các kết luận khoa học, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh HL - SSCĐ, các kết quả tổng kết thực tiễn liên quan đến tâm thế, TTCĐ của quân nhân, TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN... trình bày quan điểm cá nhân trong tiếp thu, phê phán; chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

- Xác định hướng tiếp cận; xây dựng giả thuyết khoa học; xây dựng hệ thống khái niệm công cụ và các khái niệm có liên quan.

- Xác định nội dung các hoạt động HL - SSCĐ làm tiêu chí đánh giá TTCĐ; biểu hiện và mức độ của TTCĐ. Cụ thể: Chúng tôi đã xác định được 20 item (trên ba mặt biểu hiện: Nhận thức (7 item), xúc cảm - tình cảm (7

item) và hành động (6 item)) dùng để đo thực trạng mức độ biểu hiện TTCĐ trên 4 nội dung: Hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ; Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp; Hoạt động trực SSCĐ của BĐTTG.

- Xác định các yếu tố ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

3.2.2. Phương pháp chuyên gia

** Mục đích*

Luận án sử dụng phương pháp chuyên gia để tranh thủ ý kiến và đánh giá của các chuyên gia Tâm lý học, Giáo dục học, sĩ quan chỉ huy quân sự (tham mưu, chính trị), chuyên gia xử lý thông kê từ đó có cái nhìn tổng thể cho triển khai luận án và viết các nội dung trong luận án.

** Đối tượng của phương pháp chuyên gia*

Các chuyên gia tâm lý học, cán bộ khoa học ở các đơn vị: Khoa tâm lý học quân sự - Học viện Chính trị; Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự - Bộ Quốc phòng; Viện Tâm lý học học - Viện hàn lâm Khoa học xã hội.

Sĩ quan chỉ huy quân sự các đơn vị: Phòng Khoa học Quân sự - Bộ Tham mưu, Trường Sĩ quan TTG, Lữ đoàn 201, Lữ đoàn 215/ Binh chủng TTG.

** Nội dung xin ý kiến chuyên gia*

Chúng tôi tiến hành xin ý kiến các chuyên gia trong suốt quá trình thực hiện luận án, cụ thể về những vấn đề sau:

- + Vị trí, vai trò của TTCĐ đối với hoạt động HL -SSCĐ
- + Hướng tiếp cận, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu
- + Biểu hiện và mức độ TTCĐ; các nội dung đánh giá thực trạng TTCĐ của BĐTTG

+ Các yếu tố ảnh hưởng tới TTCĐ và biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

- + Phương pháp thực nghiệm tác động nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

3.2.3. Phương pháp quan sát

** Mục đích quan sát*

Nhằm thu thập thông tin cụ thể, trực tiếp, đa chiều về TTCĐ của BĐTTG, hỗ trợ cho các phương pháp nghiên cứu khác trong phân tích, đánh giá thực trạng TTCĐ của BĐTTG.

** Khách thể quan sát:*

BĐTTG trong thực tiễn thực hiện chức trách, nhiệm vụ các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị. Mỗi đơn vị quan sát: 5 kíp xe (20 CBQL và QNCN, HSQ - BS) ở 2 đại đội TTG.

** Nội dung quan sát*

- Chúng tôi tiến hành quan sát những biểu hiện về nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động TTCĐ của BĐTTG thể hiện qua: Hoạt động giáo dục, quán triệt về chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ; Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp; Hoạt động trực SSCĐ. Chúng tôi cũng quan sát BĐTTG qua các mặt hoạt động khác: Giáo dục, huấn luyện và bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ; Quản lý, rèn luyện cán bộ, chiến sĩ; hoạt động duy trì và phát triển các mối quan hệ tốt với địa phương nơi đóng quân.

- Quan sát nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động của BĐTTG khi tham gia tác động thực nghiệm và quá trình đo đạc sau tác động thực nghiệm.

** Cách thức tổ chức quan sát*

- Khi quan sát không làm ảnh hưởng đến tâm lý nhóm khách thể quan sát.

- Bước đầu làm quen với CBQL và QNCN, HSQ - BS trong đơn vị được quan sát để tạo mối quan hệ thân tình, cởi mở với họ,

- Đến tham quan đơn vị vào các ngày thực hiện các nhiệm vụ HL - SSCĐ: Diễn tập, chuyển trạng thái SSCĐ, trực SSCĐ, huấn luyện.

- Tham dự các buổi họp, nhận xét đánh giá, sơ kết, tổng kết của CBQL và QNCN, HSQ - BS khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ, hội thi, hội thao, diễn tập chiến thuật, trực SSCĐ của đơn vị.v.v...

- Quá trình quan sát chúng tôi tiến hành ghi chép đầy đủ các thông tin, nhận xét, đánh giá những kết quả thu được, bổ sung, so sánh với những phương pháp nghiên cứu khác.

3.2.4. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

** Mục đích của phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:*

Nhằm khảo sát nội dung tâm lý, thu thập dữ liệu về thực trạng: Mức độ TTCĐ của BĐTTG thông qua các mặt biểu hiện; mức độ hoàn thành nhiệm vụ

hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG; mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN. Phương pháp này sử dụng trên đối tượng là CBQL và QNCN, HSQ - BS ở các đơn vị trong phạm vi nghiên cứu.

* *Các bước tiến hành*: Thiết kế bảng hỏi theo các mẫu khách thể; điều tra thử; chỉnh sửa, chuẩn hóa bộ công cụ; điều tra thật.

* *Công cụ đánh giá*:

Soạn bảng hỏi: Có 2 loại bảng hỏi được soạn dành cho 2 loại khách thể:

1) Bảng hỏi dành cho CBQL

2) Bảng hỏi dành cho QNCN, HSQ - BS

Nội dung các item của 2 bảng hỏi về cơ bản là giống nhau. Sự khác nhau giữa 2 bảng hỏi chỉ là hình thức diễn đạt của một số item về thông tin cá nhân của mẫu khách thể nghiên cứu. Hai bảng hỏi gồm 8 câu hỏi về: Nhận thức của BĐTTG trong HL - SSCĐ; xúc cảm - tình cảm của BĐTTG trong HL - SSCĐ; hành động của BĐTTG trong HL - SSCĐ; mức độ hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ của BĐTTG; các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG; các yếu tố cản trở TTCĐ của BĐTTG; các yếu tố thúc đẩy TTCĐ của BĐTTG; các thông tin định danh của mẫu khách thể nghiên cứu [Phụ lục 1.2], [Phụ lục 1.3]. Cấu trúc nội dung của 2 bảng hỏi theo các câu hỏi được xây dựng dựa trên các tiêu chí sau:

1. TTCĐ của BĐTTG trong quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ ở đơn vị.
2. TTCĐ của BĐTTG trong huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG.
3. TTCĐ của BĐTTG trong chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp.
4. TTCĐ của BĐTTG trong trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng).
5. Các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG.

Về bố cục của 2 bảng hỏi được xây dựng như sau:

- Nội dung 1: *TTCĐ của BĐTTG trong hoạt động giáo dục, quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ*. Gồm các item ở cả 3 câu hỏi (câu 1, 2, 3) được bố trí theo thứ tự là các mặt biểu hiện của TTCĐ: Nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động của BĐTTG trong HL - SSCĐ, trong đó:

+ Biểu hiện nhận thức, câu hỏi 1, gồm 7 item: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.

+ Biểu hiện xúc cảm - tình cảm, câu hỏi 2, gồm 7 item: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.

+ Biểu hiện hành động, câu hỏi 3, gồm 6 item: 1, 2, 3, 4, 5, 6.

- Nội dung 2: *TTCD của BĐTTG trong huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG.*

Gồm các item ở cả 3 câu hỏi (câu 1, 2, 3) được bố trí theo thứ tự là các mặt biểu hiện của TTCD: Nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động của BĐTTG trong HL - SSCĐ, cụ thể:

+ Biểu hiện nhận thức, câu hỏi 1, gồm 7 item: 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14.

+ Biểu hiện xúc cảm - tình cảm, câu hỏi 2, gồm 7 item: 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14.

+ Biểu hiện hành động, câu hỏi 3, gồm 6 item: 7, 8, 9, 10, 11, 12.

- Nội dung 3: *TTCD của BĐTTG trong chuyển trạng thái SSCĐ, điển tập chiến thuật tổng hợp.* Gồm các item ở cả 3 câu hỏi (câu 1, 2, 3) được bố trí theo thứ tự là các mặt biểu hiện của TTCD: Nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động của BĐTTG trong HL - SSCĐ, trong đó:

+ Biểu hiện nhận thức, câu hỏi 1, gồm 7 item: 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21.

+ Biểu hiện xúc cảm - tình cảm, câu hỏi 2, gồm 7 item: 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21.

+ Biểu hiện hành động, câu hỏi 3, gồm 6 item: 13, 14, 15, 16, 17, 18.

- Nội dung 4: *TTCD của BĐTTG trong trực SSCĐ của đơn vị.* Gồm các item ở cả 3 câu hỏi (câu 1, 2, 3) bố trí theo thứ tự là các mặt biểu hiện TTCD: Nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động của BĐTTG trong HL - SSCĐ, cụ thể:

+ Biểu hiện nhận thức, câu hỏi 1, gồm 7 item: 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28.

+ Biểu hiện xúc cảm - tình cảm, câu hỏi 2, gồm 7 item: 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28.

+ Biểu hiện hành động, câu hỏi 3, gồm 6 item: 19, 20, 21, 22, 23, 24.

- Nội dung 5: *Mức độ hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị.* Câu hỏi 4 gồm 4 item: 1, 2, 3, 4.

- Nội dung 6: *Các yếu tố ảnh hưởng đến TTCD của BĐTTG.* Câu hỏi 5, gồm 12 item: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.

- Nội dung 7: *Các yếu tố cản trở TTCD của BĐTTG.* Câu hỏi 6, gồm 5 item: 1, 2, 3, 4, 5.

- Nội dung 8: *Các yếu tố thúc đẩy TTCD của BĐTTG.* Câu hỏi 7, gồm 12 item: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.

- Nội dung 9: Thông tin cá nhân của các mẫu khách thể nghiên cứu, được phân bố như sau:

+ Đối với khách thể là CBQL, câu hỏi 8, gồm 6 item: 1, 2, 3, 4, 5, 6.

+ Đối với khách thể là QNCN, HSQ - BS, câu hỏi 8, gồm 4 item: 1, 2, 3, 4.

* *Lượng hóa thông tin thu được từ các câu hỏi và thang đánh giá nội dung trong bảng hỏi:*

Nhằm lượng hóa thông tin thu được từ các câu hỏi trong bảng hỏi, chúng tôi thiết kế mỗi câu hỏi đều có 5 phương án trả lời, theo thang Likert (5 mức độ), với các mức từ thấp đến cao và được quy gán ra điểm số tương ứng. Sau khi xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0, căn cứ vào ĐTB của từng tiêu thang đo, từng item trong tiêu thang đo, chúng tôi sẽ xác định được thang đo mức độ TTCD của BĐTTG bằng công thức $(n-1)/n$ theo mỗi khoảng (thang khoảng); cách thức cụ thể của được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 3.1: Các phương án trả lời tương ứng với các biểu hiện về TTCD, kết quả hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ và yếu tố ảnh hưởng TTCD của BĐTTG

<i>Các phương án trả lời (điểm số)</i>	<i>Các biểu hiện</i>	<i>Mức độ, (Khoảng điểm)</i>
Phương án 1 (1 điểm)	Không sâu sắc, không hài lòng, không thành thực, rất thấp, không ảnh hưởng, không cản trở, không thúc đẩy	<i>Mức 1: Rất thấp, rất tiêu cực</i> ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$)
Phương án 2 (2 điểm)	Ít sâu sắc, ít hài lòng, ít thành thực, thấp, ít ảnh hưởng, ít cản trở, yếu	<i>Mức 2: Thấp, tiêu cực</i> ($1,80 < \text{ĐTB} \leq 2,60$)
Phương án 3 (3 điểm)	Bình thường, trung bình	<i>Mức 3: Trung bình, trung tính</i> ($2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,40$)
Phương án 4 (4 điểm)	Sâu sắc, hài lòng, thành thực, cao, mạnh, cản trở, mạnh	<i>Mức 4: Cao, tích cực</i> ($3,40 < \text{ĐTB} \leq 4,20$)
Phương án 5 (5 điểm)	Rất sâu sắc, rất hài lòng, rất thành thực, rất cao, rất mạnh, rất cản trở, rất mạnh	<i>Mức 5: Rất cao, rất tích cực</i> ($4,20 < \text{ĐTB} \leq 5$)

* *Mức độ TTCD được được luận giải và lượng hóa như sau:*

Mức độ mặt nhận thức tâm thế chiến đấu

Mức 5 ($4,20 < \text{ĐTB} \leq 5$): Đây là mức độ phản ánh cao nhất về mặt nhận thức TTCD của BĐTTG. Ở mức này, BĐTTG nhận thức thể hiện một cách “*Rất sâu sắc*”: Hiểu toàn diện, rất rõ ràng bản chất hoạt động chiến đấu; giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng chí đồng đội

trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Đây là cơ sở quan trọng giúp nâng cao TTCĐ của BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị.

Mức 4 ($3,40 < ĐTB \leq 4,20$): Mức độ này BĐTTG nhận thức “*Sâu sắc*”: Hiểu khá đầy đủ, sâu sắc về bản chất hoạt động chiến đấu; giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Ở mức độ này biểu hiện nhận thức chưa thật sâu sắc bằng mức 5.

Mức 3 ($2,60 < ĐTB \leq 3,40$): BĐTTG nhận thức ở mức độ “*Bình thường*”: Hiểu chưa thực sự đầy đủ, rõ ràng về bản chất hoạt động chiến đấu; giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến TTCĐ, dễ tạo ra trạng thái trung tính trong TTCĐ (không có tâm thế) của BĐTTG.

Mức 2 ($1,80 < ĐTB \leq 2,60$): Nhận thức TTCĐ của BĐTTG ở mức độ “*Ít sâu sắc*”: Hiểu chưa đầy đủ, chưa rõ ràng về bản chất hoạt động chiến đấu; giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Mức độ này biểu hiện nhận thức về các hoạt động HL - SSCĐ chưa cao bằng mức độ 3 - dưới mức trung bình. Đây là cơ sở hình thành TTCĐ tiêu cực, không sẵn sàng cho các hành động chiến đấu ở BĐTTG.

Mức 1 ($1 \leq ĐTB \leq 1,80$): Đây là mức độ phản ánh thấp nhất trong mặt nhận thức TTCĐ ở BĐTTG. Nhận thức có mức độ biểu hiện sự “*Không sâu sắc*”: Hiểu rất ít, hiểu không đầy đủ, rõ ràng, thậm chí không hiểu hoặc coi nhẹ, hạ thấp bản chất hoạt động chiến đấu; giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL -

SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Đây là cơ sở dẫn đến hình thành TTCĐ rất tiêu cực, không có sự sẵn sàng cho các hành động chiến đấu, thậm chí không thực hiện nhiệm vụ chiến đấu được giao ở BĐTTG.

Mức độ mặt xúc cảm - tình cảm tâm thế chiến đấu

Mức 5 ($4,20 < ĐTB \leq 5$): Đây là mức cao nhất của xúc cảm - tình cảm TTCĐ của BĐTTG. Mức độ này BĐTTG thể hiện sự “*Rất hài lòng*”: Luôn cảm thấy rất hào hứng, phấn khởi, nhiệt tình với giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Mức độ này thể hiện trạng thái xúc cảm - tình cảm rất mạnh, rất tích cực là cơ sở tạo nên sự sẵn sàng hành động cao trong TTCĐ tích cực ở BĐTTG.

Mức 4 ($3,40 < ĐTB \leq 4,20$): Ở mức độ này, về cơ bản BĐTTG cảm thấy “*Hài lòng*”: Khá hào hứng, phấn khởi, nhiệt tình với giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Mức độ này thể hiện trạng thái xúc cảm - tình cảm tương đối mạnh, khá tích cực, ổn định, là cơ sở tạo nên TTCĐ tích cực, khá cao ở BĐTTG. Tuy nhiên ở mức độ này biểu hiện mặt xúc cảm - tình cảm trong TTCĐ chưa mạnh và tích cực bằng mức 5.

Mức 3 ($2,60 < ĐTB \leq 3,40$): Ở mức độ này, trạng thái xúc cảm - tình cảm của BĐTTG ở mức “*Bình thường*”: Không hào hứng, không nhiệt tình, bình thường, thờ ơ với tình huống chiến đấu. Mức này cho thấy xúc cảm - tình cảm của BĐTTG là trung tính: Không yêu cũng không ghét, không lo lắng nhưng cũng không yên tâm, không hài lòng nhưng cũng không phản đối thể hiện ra với giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Mức độ này ít nhiều gây cản trở quá trình hình thành, nâng cao TTCĐ tích cực ở BĐTTG; là cơ sở của tâm lý quân bình chủ nghĩa, bàng quan, không nhiệt tình, tha thiết với các nhiệm vụ HL - SSCĐ.

Mức 2 ($1,80 < ĐTB \leq 2,60$): Ở mức độ này, trạng thái xúc cảm - tình cảm của BĐTTG thể hiện ở sự “*Ít hài lòng*”: Cảm thấy khá khó chịu, bộc lộ phản ứng nhất định với giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Mức độ này đã bộc lộ tính chất tiêu cực trong xúc cảm - tình cảm của TTCĐ, là cơ sở hình thành TTCĐ tiêu cực ở BĐTTG khi thực hiện nhiệm vụ chiến đấu được giao.

Mức 1 ($1 \leq ĐTB \leq 1,80$): Là mức độ phản ánh thấp nhất của xúc cảm - tình cảm trong TTCĐ của BĐTTG. Ở mức độ này, BĐTTG tỏ ra “*Không hài lòng*”: Rất khó chịu, rất phản ứng với giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Mức độ này mặt xúc cảm - tình cảm của TTCĐ là rất tiêu cực, dễ dẫn đến sự sẵn sàng hành động tiêu cực ở BĐTTG. Đây cũng là cơ sở của các vụ việc vi phạm kỷ luật, quy định đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ chiến đấu, thúc đẩy nhưng hành vi tiêu cực trốn tránh thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ.

Mức độ mặt hành động tâm thế chiến đấu

Mức 5 ($4,20 < ĐTB \leq 5$): Đây là mức cao nhất của mặt hành động TTCĐ, thể hiện sự “*Rất thành thực*”: Rất chủ động, tích cực, rất thành thạo trong thực hiện các hành động, thao tác đối với chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; thực hiện các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Đó là mức độ các thao tác, kỹ xảo, kỹ năng trong sử dụng VKTBKT và cách đánh được lặp đi, lặp lại nhiều lần, linh hoạt, sáng tạo trên cơ sở tri thức, kinh nghiệm gắn với nhu cầu, thói quen của BĐTTG trong HL - SSCĐ.

Mức 4 ($3,40 < ĐTB \leq 4,20$): Ở mức này mặt hành động TTCĐ của BĐTTG thực hiện một cách “*Thành thực*”: Khá chủ động, tích cực, khá linh hoạt, thành thạo trong thực hiện các hành động, thao tác đối với chức trách, nhiệm vụ

của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; thực hiện các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Đó là mức độ các thao tác, kỹ xảo, kỹ năng trong chiến đấu và sử dụng vũ khí trang bị được lặp đi, lặp lại trên cơ sở tri thức, kinh nghiệm cá nhân của BĐTTG trong HL - SSCĐ. Tuy nhiên mức độ này chưa bằng mức 5.

Mức 3 ($2,60 < ĐTB \leq 3,40$): Ở mức này hành động TTCĐ của BĐTTG thực hiện một cách “*Bình thường*”: Hành động thực hiện ở mức đáp ứng yêu cầu, sẵn sàng làm theo; thao tác kỹ xảo, kỹ năng còn có sai sót, chưa thật thành thạo, linh hoạt trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; thực hiện các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ của đơn vị. Mức độ này, tần số thao tác thực hiện lặp đi, lặp lại còn ít, đôi khi còn thụ động, phụ thuộc vào sức ép của tập thể, mệnh lệnh của chỉ huy.

Mức độ 2 ($1,80 < ĐTB \leq 2,60$): Đây là mức độ hành động của BĐTTG thực hiện “*Ít thành thực*”: Hành động thực hiện một cách thụ động, gượng ép làm theo; các thao tác kỹ xảo, kỹ năng còn nhiều sai sót trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; thực hiện các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Hành động của BĐTTG ở mức này thể hiện sự không sẵn sàng chủ động thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ; các thao tác, hành động còn lưỡng lự, đôi khi còn mang tính đối phó trong thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ.

Mức 1 ($1 \leq ĐTB \leq 1,80$): Đây là mức độ hành động thấp nhất, ở mức này BĐTTG thực hiện “*Không thành thực*” các hành động chiến đấu, biểu hiện: Hành động thực hiện miễn cưỡng, gò ép, bắt buộc; các thao tác kỹ xảo, kỹ năng sai sót, thậm chí có những phản ứng, hành động chống đối trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; thực hiện các nội dung, phương pháp, cách thức, điều kiện, phương tiện trang bị sử dụng trong chiến đấu; vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL -

SSCĐ. Mức độ này dễ dẫn tới TTCĐ rất tiêu cực đối với hoạt động chiến đấu, là cơ sở của các vụ vi phạm kỷ luật, vi phạm quy định đơn vị và trốn tránh thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ, không hoàn thành được nhiệm vụ chiến đấu được giao.

Mức độ TTCĐ của BĐTTG

Dựa vào kết quả ĐTB các item và ĐTB ở mỗi tiêu thang đo mặt nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động trên các nội dung: Hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ ở đơn vị; Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp; Hoạt động trực SSCĐ của đơn vị. Chúng tôi tổng hợp, tính ĐTB mức độ biểu hiện TTCĐ của BĐTTG trên toàn mẫu nghiên cứu nói chung, quy ước thang đánh giá mức độ TTCĐ của BĐTTG như sau:

Mức 1 ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$): TTCĐ rất thấp, rất tiêu cực, đây là mức độ có sự sẵn sàng hành động rất thấp, hoặc có hành động rất tiêu cực trong thực hiện các nhiệm vụ, tình huống chiến đấu. Kết quả chỉ số chung ở mức rất thấp thể hiện ở ba thành phần nhận thức TTCĐ, xúc cảm - tình cảm TTCĐ và hành động TTCĐ đối với các tình huống, nhiệm vụ chiến đấu thông qua thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ. Ở mức độ này BĐTTG thường không có sự sẵn sàng hành động với các tình huống, nhiệm vụ chiến đấu, người chỉ huy thường xuyên phải đôn đốc nhắc nhở, quân nhân luôn có thái độ đối phó; hành động chiến đấu thường không chuẩn xác hoặc phản ứng tiêu cực với các tình huống, nhiệm vụ chiến đấu, có sai sót nhiều trong vận hành, sử dụng các động tác kỹ - chiến thuật khi thực hành nội dung HL - SSCĐ.

Mức 2 ($1,80 < \text{ĐTB} \leq 2,60$): TTCĐ thấp, tiêu cực, là mức độ sẵn sàng hành động chiến đấu thấp, có những hành động tiêu cực trong thực hiện các tình huống, nhiệm vụ chiến đấu. Kết quả điểm số chung ở cả ba thành phần nhận thức TTCĐ, xúc cảm - tình cảm TTCĐ và hành động TTCĐ thể hiện mức độ thấp đối với các tình huống chiến đấu, biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

Mức 3 ($2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,40$): TTCĐ trung tính (không có TTCĐ), kết quả tổng chung chỉ số các mặt biểu hiện về nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động hiện thể hiện sự sẵn sàng hành động ở TTCĐ ở mức này là trung tính (0), không có sự sẵn sàng hành động; chủ yếu hành động chiến đấu là thực hiện theo kiểu đáp ứng yêu cầu, thụ động, làm theo mệnh lệnh của chỉ huy, cấp trên...trong quá trình thực hiện các nội dung HL - SSCĐ.

Mức 4 ($3,40 < ĐTB \leq 4,20$): TTCĐ cao, tích cực, ở mức này sự sẵn sàng hành động cao, tích cực đối với các tình huống chiến đấu, biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ của đơn vị, được thể hiện ở cả ba thành phần nhận thức TTCĐ, xúc cảm - tình cảm TTCĐ và hành động TTCĐ đều ở có chỉ số ở mức sâu sắc, hài lòng, thành thực với các nội dung HL - SSCĐ. Tuy nhiên vẫn có sự chênh lệch nhất định về chỉ số mức độ giữa các thành phần biểu hiện của TTCĐ.

Mức 5 ($4,20 < ĐTB \leq 5$): TTCĐ rất cao, rất tích cực, là sự sẵn sàng hành động rất cao, tích cực của BĐTTG đối với hoạt động chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ. Ở mức độ này BĐTTG có cả ba thành phần nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động có chỉ số thành phần ở mức rất cao. BĐTTG luôn trong trạng thái sẵn sàng hành động rất cao, có nhận thức, hiểu biết rất sâu sắc, có xúc cảm - tình cảm rất hài lòng, rất tích cực và có hành động rất thành thực, chuẩn xác trong thực hiện hoạt động HL – SSCĐ ở đơn vị.

Tuy nhiên, sự phân chia các mức độ TTCĐ của BĐTTG như trên chỉ là cách tiếp cận có tính tương đối nhằm lượng hóa kết quả nghiên cứu theo phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Khi đánh giá TTCĐ của BĐTTG, chúng tôi sẽ kết hợp với kết quả thu được qua các phương pháp khác như quan sát, phỏng vấn sâu, nghiên cứu sản phẩm hoạt động để điều chỉnh cho phù hợp và đưa ra những kết luận bảo đảm chính xác.

3.2.5. Phương pháp phỏng vấn sâu

** Mục đích phương pháp phỏng vấn:*

Thu thập, bổ sung, kiểm tra và làm rõ hơn những thông tin đã thu được từ quá trình khảo sát thực tiễn trên diện rộng.

** Khách thể phỏng vấn:* Chúng tôi đi sâu vào phỏng vấn 10 CBQL và QNCN, HSQ - BS ở các đơn vị nghiên cứu: Trường Sĩ quan TTG/ Binh chủng TTG, Lữ đoàn 201/ Binh chủng TTG, Lữ đoàn 215/ Binh chủng TTG.

** Nguyên tắc phỏng vấn:*

Trong điều tra bằng bảng hỏi câu hỏi đa số là những câu hỏi đóng, khách thể không thể trả lời theo ý muốn chủ quan. Còn trong phỏng vấn trực tiếp với những câu hỏi mở khách thể được trả lời khá tự do. Trong phỏng vấn sâu chúng tôi đưa ra những câu hỏi mở, những tình huống khác nhau để khách thể có thể trả lời trực tiếp hoặc hồi tưởng lại những suy nghĩ của mình trước khi trả lời.

Quá trình phỏng vấn sâu, chúng tôi cố gắng tạo sự tin cậy ở khách thể được phỏng vấn, làm sao để các đối tượng không cảm thấy mình bị chất vấn, mà là buổi nói chuyện, trao đổi về học tập, sinh hoạt, giáo dục, HL - SSCĐ ở đơn vị. Các thông tin cá nhân và người trả lời được bảo đảm giữ bí mật.

Mỗi CBQL và QNCN, HSQ - BS ở đơn vị được phỏng vấn 2 lần, mỗi lần khoảng từ 20 - 40 phút.

* *Nội dung phỏng vấn*: Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của BĐTTG so với thực tiễn yêu cầu; vai trò TTCĐ của BĐTTG đối với thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ; tiêu chí đánh giá đánh giá thực trạng TTCĐ của BĐTTG; các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG; biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ của BĐTTG [Phụ lục 1.4], [Phụ lục 1.5].

* *Phương pháp phỏng vấn*: Thông qua trao đổi trực tiếp, kết hợp sử dụng các mẫu phiếu phỏng vấn sâu theo các nhóm khách thể.

3.2.6. Phương pháp nghiên cứu kết quả hoạt động

* *Mục đích*: Nghiên cứu các sản phẩm hoạt động của BĐTTG trong quá trình HL - SSCĐ, trên các hoạt động: Hoạt động giáo dục, quán triệt về chỉ thị, mệnh lệnh, kế hoạch HL - SSCĐ; Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp; Hoạt động trực SSCĐ... thu thập thêm dữ liệu, bổ sung cho các phương pháp nghiên cứu khác.

** Cách thức tiến hành*

- Xem xét các kết quả sơ kết, tổng kết, đánh giá về thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ: Kết quả thực hiện các nhiệm vụ diễn tập, chuyển trạng thái SSCĐ, trực SSCĐ... ở các cơ quan, đơn vị nghiên cứu. Xem xét, nghiên cứu về các nghị quyết chuyên đề, mệnh lệnh, chỉ thị HL - SSCĐ ở các đơn vị...qua đó có những cơ sở phân tích thực trạng TTCĐ của BĐTTG.

- Chúng tôi đề nghị CBQL và QNCN, HSQ - BS viết bài luận với các nội dung gợi ý sau:

+ Đồng chí có cảm nhận như thế nào về các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị (Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp; Hoạt động trực SSCĐ): Vị trí, vai trò của hoạt động? Hiệu quả mỗi hoạt động trong quá trình HL - SSCĐ ở đơn vị? Những bất

cập trong quá trình thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ? Ý kiến đề xuất, bổ sung trong thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị ?

+ Theo đồng chí việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của mỗi quân nhân thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị là chủ động, tích cực hay miễn cưỡng, gượng ép, bắt buộc, làm theo? Đồng chí có đề xuất, yêu cầu gì để đồng đội có thái độ, trách nhiệm tích cực khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ HL - SSCĐ ?

+ Cảm nhận của đồng chí về sự sẵn sàng hành động của mình đối với các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị, những gì làm được, những gì chưa làm được, điểm mạnh, điểm yếu ?

Tiến hành phân tích từng bài luận của CBQL và QNCN, HSQ - BS chúng tôi thu được những thông số về các mức độ biểu hiện TTCĐ (nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động) của BĐTTG... Nhờ đó chúng tôi có thêm một số thông tin cần thiết hỗ trợ cho nghiên cứu thực trạng TTCĐ của BĐTTG.

3.2.7. Phương pháp thực nghiệm

Phương pháp thực nghiệm được sử dụng trong luận án là thực nghiệm tác động sư phạm nhằm nâng cao nhận thức qua đó củng cố các thành phần biểu hiện của TTCĐ, phát triển mức độ TTCĐ của BĐTTG.

**** Mục đích thực nghiệm***

Kiểm định tính khả thi của biện pháp tác động: “*Nâng cao nhận thức của Bộ đội Tăng thiết giáp về hoạt động chiến đấu thông qua giáo dục các nội dung huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu ở đơn vị*” nhằm phát triển mức độ nhận thức TTCĐ, qua đó nâng cao TTCĐ tích cực của BĐTTG. Từ đó, đi đến khẳng định tác động của tâm lý - sư phạm nói trên là sự đúng đắn, khoa học, phù hợp để nâng cao TTCĐ của BĐTTG, qua đó khẳng định tính khả thi của nhóm biện pháp TL - XH phát triển mức độ TTCĐ của BĐTTG đã đề xuất.

**** Giả thuyết thực nghiệm***

Nhận thức về hoạt động chiến đấu thông qua các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị là nguồn gốc của sự phát triển mức độ TTCĐ của BĐTTG, có ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ đến các mặt biểu hiện còn lại trong TTCĐ của BĐTTG. Nếu nâng cao nhận thức về hoạt động chiến đấu của BĐTTG thông qua giáo dục các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị, phù hợp với các quy luật phát triển của khối nhận thức trong các mặt biểu hiện TTCĐ của BĐTTG thì sẽ phát triển TTCĐ ở họ.

** Khách thể thực nghiệm:*

Khách thể thực nghiệm là 59 CBQL và QNCN, HSQ - BS thuộc Lữ đoàn 215 - Binh chủng TTG. Trong đó, nhóm ĐVTN: 30 CBQL và QNCN, HSQ - BS; nhóm ĐVĐC: 29 CBQL và QNCN, HSQ - BS. Các CBQL và QNCN, HSQ - BS này thuộc khách thể nghiên cứu của luận án. Giữa hai nhóm có sự tương đồng về các thông số, mức độ phát triển TTCĐ và có cơ cấu khách thể theo tỉ lệ khá cân đối ở mỗi nhóm: 08 CBQL, 13 QNCN (12 QNCN ở ĐVTN), 09 HSQ - BS.

** Nội dung tác động thực nghiệm:*

- Giáo dục nâng cao nhận thức về hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ

- Giáo dục nâng cao nhận thức về hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG

- Giáo dục nâng cao nhận thức về hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp

- Giáo dục nâng cao nhận thức về hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng...)

- Giáo dục nâng cao nhận thức về đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG.

** Phương pháp tác động thực nghiệm:*

+ Giảng bài nhằm trang bị kiến thức về hoạt động chiến đấu biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ, cụ thể: Hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ; Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp; Hoạt động trực SSCĐ (03 buổi, mỗi buổi 90 phút).

+ Tổ chức xêmina hai buổi (mỗi buổi 120 phút) với hai chủ đề: 1) Thứ tự nội dung hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập tổng hợp của BĐTTG - thực trạng và giải pháp hiện nay; 2) Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG và những vấn đề đặt ra cho BĐTTG trong điều kiện chiến đấu hiện đại.

** Quy trình tổ chức thực nghiệm:*

Bước 1: Biên soạn nội dung thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành biên soạn nội dung thực nghiệm từ tháng 8/2016 đến 12/2016 [Phụ lục 11] Trong đó, bao gồm các nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng nội dung bài giảng, bao gồm các vấn đề: Hoạt động chiến đấu của BĐTTG biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ; Hoạt động chiến đấu của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; Hoạt động chiến đấu của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng...); nội dung đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG. Mỗi hoạt động HL - SSCĐ được thể hiện qua các nội dung: Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ; chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ; chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ; nội dung thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ; các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ; các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ.

- Xây dựng nội dung chuẩn bị Xêmina: Chuyên đề 1: Thứ tự nội dung hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập tổng hợp của BĐTTG - thực trạng và giải pháp hiện nay; Chuyên đề 2: Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG và những vấn đề đặt ra cho BĐTTG trong điều kiện chiến đấu hiện đại.

Bước 2: Lựa chọn hai nhóm khách thể thực nghiệm

Để đạt được kết quả thực nghiệm bảo đảm khách quan, khoa học, chúng tôi tiến hành tìm hiểu, lựa chọn hai nhóm khách thể thực nghiệm. Thời gian từ tháng 9 đến tháng 12/2016. Cụ thể gồm các bước:

- Đề xuất phân thành phần hai nhóm thực nghiệm: ĐVTN, ĐVĐC.
- Lập danh sách và lý lịch trích ngang của hai nhóm khách thể thực nghiệm.
- Thông qua kết quả khảo sát thực trạng TTCĐ, chúng tôi tiến hành lọc phiếu và tính điểm mức độ từng mặt biểu hiện và mức độ TTCĐ của hai nhóm thực nghiệm nhằm tạo ra sự cân bằng trình độ giữa hai nhóm.

- Lựa chọn danh sách hai nhóm ĐVTN, ĐVĐC, xin ý kiến thủ trưởng Lữ đoàn, trao đổi cùng lãnh đạo, chỉ huy tiểu đoàn nơi tiến hành thực nghiệm để sàng lọc các khách thể không mang tính đại diện và bổ sung các khách thể phù hợp theo hướng tạo ra sự cân bằng về trình độ giữa hai nhóm khách thể thực nghiệm.

- Hoàn thiện danh sách khách thể tham gia thực nghiệm.

Bước 3: Tổ chức thực nghiệm và đo nghiệm lần 2

- Tiến hành lọc mẫu và đánh giá mức độ ba mặt biểu hiện, mặt nhận thức TTCĐ, mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ, mặt hành động TTCĐ và mức độ TTCĐ của BĐTTG ở hai nhóm ĐVTN, ĐVĐC trước tác động thực nghiệm.

- Đối với nhóm BĐTTG ở ĐVTN:

Tiến hành tác động thực nghiệm theo các bước: Giáo dục về hoạt động CĐ thông qua các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị; Tổ chức xêmina nội dung đã xác định; Khảo sát, đánh giá sau quá trình giảng dạy, xêmina. Trên cơ sở kết quả lần 1 (12/2016), chúng tôi tổ chức giảng dạy về các nội dung HL - SSCĐ đã xác định cho ĐVTN (3 buổi/1 tháng, 1/2017). Sau quá trình giảng dạy, tổ chức rút kinh nghiệm, tiến hành 02 buổi xêmina/1 tháng (2/2017). Sau đó 4 tháng (6/2017), tiến hành đo nghiệm lần 2.

- Đối với nhóm BĐTTG ở ĐVĐC:

Không tổ chức giảng dạy và xêmina các nội dung ở nhóm ĐVTN cho nhóm BĐTTG ở ĐVĐC, mọi hoạt động nghề nghiệp diễn ra bình thường theo kế hoạch của đơn vị. Tiến hành đo nghiệm 2 lần đều vào cùng thời gian giống như nhóm BĐTTG ở ĐVTN.

- Quá trình đo nghiệm 2 lần đều sử dụng các tiêu thang đo về TTCĐ với 3 tiêu thang đo nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động kết hợp quan sát để thu nhận các thông tin trong quá trình tác động thực nghiệm và đo kết quả.

Bước 4: Xử lý kết quả đo nghiệm lần 1 và lần 2

Các kết quả đo nghiệm thu được, được tổng hợp xử lý định lượng bằng phần mềm xử lý số liệu thống kê SPSS dùng trong môi trường Window phiên bản 20.0, và kết hợp số liệu định tính thu được thông qua quan sát, phỏng vấn BĐTTG trong quá trình thực nghiệm.

3.2.8. Phương pháp xử lý số liệu thống kê toán học

* *Mục đích của phương pháp thống kê toán học:* Chúng tôi sử dụng phương pháp này để tính toán, xử lý các số liệu thu được qua điều tra bằng phiếu hỏi. Số liệu thu được sau khảo sát thực tiễn, chúng tôi sử dụng chương trình SPSS dùng trong môi trường Window phiên bản 20.0, nhằm thu được các số liệu định lượng tin cậy, chính xác phục vụ phân tích thực trạng TTCĐ của BĐTTG. Tất cả các phép phân tích, đều chọn mức độ ý nghĩa $\geq 95\%$, hay $p \leq 0,05$.

** Các phép toán thống kê được sử dụng trong luận án*

Phần phân tích thống kê mô tả sử dụng các chỉ số:

- Tần suất và chỉ số phần trăm của các phương án trả lời.
- Điểm trung bình cộng (mean) được dùng trong việc tính điểm đạt được của từng nhóm mệnh đề.
- Độ lệch chuẩn (SD - standardized deviation) được dùng để mô tả mức độ tập trung hay phân tán của các câu trả lời của mẫu.

Trong luận án, chúng tôi sử dụng tìm hiểu thực trạng nhận thức về vai trò TTCĐ đối với hoạt động HL - SSCĐ, thực trạng mức độ biểu hiện TTCĐ của BĐTTG, thực trạng mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ trong HL - SSCĐ của BĐTTG, thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG.

Phần phân tích thống kê suy luận sử dụng các phép thống kê:

- Phân tích so sánh giá trị trung bình (Compare means): Trong nghiên cứu này chủ yếu dùng phép so sánh giá trị trung bình. Các giá trị trung bình được coi là khác nhau có ý nghĩa về mặt thống kê với xác suất $p < 0,05$.

- Phân tích tương quan nhị biến: Dùng để tìm hiểu sự liên hệ bậc nhất giữa hai biến số, nghĩa là sự biến thiên ở một biến số xảy ra đồng thời với sự biến thiên ở biến số kia như thế nào. Mức độ liên kết hay độ mạnh của mỗi liên hệ giữa hai biến số được đo bởi hệ số tương quan (r). Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng hệ số tương quan pearson. Hệ số này có giá trị từ -1 đến +1 cho biết độ mạnh và hướng của mỗi liên hệ đó. Giá trị + ($r > 0$) cho biết mỗi liên hệ tương quan thuận giữa hai biến số. Khi $r = 0$ thì hai biến số đó không có mỗi liên hệ. Giá trị - ($r < 0$) cho biết mỗi liên hệ tương quan nghịch giữa hai biến số. Trong đó, chúng tôi quy định: $|r| \leq 1$; $|r| \leq 0,3$: Tương quan yếu; $0,3 < |r| < 0,7$: Tương quan tương đối mạnh; $1 \geq |r| \geq 0,7$: Tương quan rất mạnh. Dựa vào hệ số xác suất (P - sig) ta có thể biết mức độ có ý nghĩa của mỗi quan hệ. Khi $P < 0,05$ thì giá trị r được chấp nhận là có ý nghĩa phân tích về mối quan hệ giữa hai biến số.

Cụ thể, chúng tôi tìm hiểu tương quan giữa các nội dung thành phần với từng mặt biểu hiện TTCĐ; các mặt biểu hiện của TTCĐ với TTCĐ; mỗi quan hệ

giữa mức độ TTCĐ với mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ trong HL - SSCĐ của BĐTTG; tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với từng nhóm yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG...

+ Phân tích so sánh bằng T - test: Phân tích so sánh với phép so sánh giá trị trung bình giữa hai biến định danh, chúng tôi sử dụng các kiểm định:

Independent samples T-test (t): Nhằm so sánh giá trị trung bình của 2 nhóm để tìm sự khác biệt với biến định lượng. Trong nghiên cứu luận án này, chúng tôi sử dụng Independent sample T-test so sánh giữa đánh giá CBQL và QNCN, HSQ - BS về mức độ các mặt biểu hiện TTCĐ và TTCĐ của BĐTTG; mức độ TTCĐ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ của BĐTTG...Chúng tôi cũng so sánh tìm sự khác biệt giữa 2 nhóm có tuổi quân dưới 10 năm và tuổi quân từ 10 năm trở lên về mức độ TTCĐ của BĐTTG.

Paired samples T-test (t): Nhằm so sánh đối chiếu sự thay đổi TTCĐ của BĐTTG trước và sau tác động của thực nghiệm với hai nhóm khách thể là CBQL và QNCN, HSQ - BS thuộc ĐVTN, ĐVĐC trong luận án.

+ *One - way ANOVA (F)*: Nhằm so sánh giá trị trung bình của từ ba nhóm trở lên. Sử dụng phép phân tích phương sai một yếu tố (One - way ANOVA, F), chúng tôi sẽ thu được thông tin cho biết các giá trị trung bình được coi là khác nhau có ý nghĩa về khía cạnh thống kê.

Phép phân tích phương sai một yếu tố, được dùng để tìm hiểu mối quan hệ giữa các nhóm khách thể nghiên cứu khác nhau cấp bậc và giữa các nhóm khách thể nghiên cứu là CBQL khác nhau (cấp bậc, chức vụ, ngạch sĩ quan) về các mặt biểu hiện và nội dung tổng thể của TTCĐ.

+ *Kiểm định sâu Post Hoc (Bonferroni)*: Trong quá trình sử dụng kiểm định ANOVA, chúng tôi sử dụng các kiểm định sâu Bonferroni nhằm chỉ ra tính chất các mối quan hệ cụ thể của từng cặp biến định danh được xem xét; cụ thể là giữa nhóm khách thể nghiên cứu khác nhau cấp bậc, chức vụ, ngạch sĩ quan về mức độ các mặt biểu hiện TTCĐ và mức độ TTCĐ của BĐTTG.

Kết luận chương 3

Để nghiên cứu, đo đạc thực trạng TTCD của BĐTTG, chúng tôi đã tiến hành xây dựng chi tiết quy trình tổ chức nghiên cứu và sử dụng các phương pháp nghiên cứu bảo đảm chặt chẽ, khoa học, phù hợp đối tượng nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu được phát huy hiệu quả và kết hợp nhuần nhuyễn nhằm đo đạc chính xác thực trạng mức độ TTCD và thực trạng yếu tố ảnh hưởng TTCD của BĐTTG. Đồng thời xây dựng phương pháp thực nghiệm tác động và đo đạc kết quả sau tác động bảo đảm khách quan, đúng quy trình, thu được số liệu đáng tin cậy, hoàn thành mục đích nghiên cứu.

Việc sử dụng đồng bộ các phương pháp khác nhau, các thang đo khác nhau khi đo thực trạng TTCD của BĐTTG trên các mẫu khách thể sẽ giúp chúng tôi thu được những số liệu định tính chân thực, có giá trị, nhằm làm sáng tỏ kết quả định lượng thu được thông qua xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Ở phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, những thang đo trong bảng hỏi là những thang đo lần đầu tiên được xây dựng và sử dụng, tuy nhiên độ tin cậy đều ở mức đảm bảo độ chính xác khi sử dụng cho nghiên cứu và đưa ra các nhận định, đánh giá trong luận án.

Quá trình thực nghiệm được diễn ra đúng kế hoạch và bảo đảm chặt chẽ. Do tính chất và phạm vi của luận án, chúng tôi chưa xây dựng được các thang đánh giá theo các mức độ khác nhau cho các lần đo 1 và lần đo 2 của thực nghiệm tác động. Việc sử dụng cùng một nhóm thang đo cho cả hai lần đo có thể làm giảm đi hứng thú của BĐTTG khi trả lời phiếu hỏi hoặc có yếu tố ghi nhớ nội dung thang đo của một số quân nhân được hỏi sẽ ảnh hưởng đến sự lựa chọn phương án trả lời lần sau. Tuy nhiên, các yếu tố này, được chúng tôi dự kiến từ trước và việc chia quãng 3 tháng/lần đo sẽ làm giảm đi các tác động không mong muốn trên.

Chương 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

4.1. Thực trạng mức độ tâm thể chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam

4.1.1. Thực trạng biểu hiện tâm thể chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp

4.1.1.1. Tâm thể chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp biểu hiện qua nhận thức

Là một trong ba mặt biểu hiện cơ bản của TTCĐ, thành phần nhận thức có ý nghĩa quan trọng, quyết định tính chất, cường độ, biểu hiện của xúc cảm - tình cảm và hành động TTCĐ của BĐTTG. Thực trạng mức độ nhận thức TTCĐ của BĐTTG chính là mức độ hiểu biết của họ về giá trị, ý nghĩa; chức trách, nhiệm vụ của bản thân và đồng chí, đồng đội trong chiến đấu; nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu; các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu (bao gồm cách đánh và cách thức sử dụng vũ khí trang bị); phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ.

Để khảo sát, đánh giá thực trạng mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG, tác giả tiến hành đo 28 item thông qua 4 nội dung [Phụ lục 4.2], mỗi nội dung bằng 7 item (biểu hiện thành phần) đã được xác định tại chương Tổ chức và phương pháp nghiên cứu. Kết quả thu được chi tiết [Phụ lục 4.1] cho thấy, trong các chỉ báo mặt nhận thức TTCĐ có 6/28 item được đo nằm trong khoảng nhận thức *rất sâu sắc* (ĐTB: 4.29 - 4.49) chiếm 21,4%; và 22/28 item thuộc khoảng nhận thức *sâu sắc* (ĐTB: 3.54 - 4.18), chiếm 78,6%). Trong các chỉ báo được đo, chỉ báo nhận thức về *Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ*, và *Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp* ở mức cao nhất - *rất sâu sắc*. Điều đó cho thấy nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của hoạt động trực SSCĐ và đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG được thể hiện qua hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp sẽ những yếu tố quan trọng để hình thành, phát triển TTCĐ ở mỗi quân nhân. Hoạt động trực SSCĐ và diễn tập chiến thuật tổng hợp là những hoạt động phức tạp, căng thẳng cao về tinh thần, thể lực, tâm lý gắn với những tình huống

chiến đấu giả định và sát với các tình huống chiến đấu thực nhất. Nên việc nhận thức sâu sắc về giá trị, tầm quan trọng của hoạt động trực SSCĐ cũng như đặc điểm HL - SSCĐ thông qua diễn tập chiến thuật tổng hợp sẽ là những nội dung được mỗi quân nhân quan tâm hàng đầu. Đây cũng là tiền đề quan trọng để họ có xúc cảm - tình cảm tích cực, có sự sẵn sàng thúc đẩy mạnh mẽ trong huấn luyện, rèn luyện. Từ đó có những hành động chiến đấu tích cực khi thực hiện các tình huống, nhiệm vụ chiến đấu được giao.

Cùng mức nhận thức *sâu sắc*, nhưng ĐTB thấp nhất là nhận thức về *Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ*. Điều này tác giả cho rằng, hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ là một trong những hoạt động cơ bản, không thể thiếu trong các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Tuy nhiên hoạt động này chủ yếu mang tính chất lý thuyết (tuyên truyền), diễn ra trong “không gian đóng” trong hội trường hay địa hình cố định; việc hình thành động hình cho quân nhân về các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu thông qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ là khó khăn, do không có sự luyện tập mà chủ yếu là quân nhân tự tư duy, tự nhận thức trực quan trên cơ sở CBQL thuyết giảng. Điều đó dẫn đến quân nhân khó có thể nhận thức một cách sâu sắc, đầy đủ, khó hình dung các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu thông qua hoạt động này. Trao đổi chúng tôi về vấn đề này, CBQL Trần Bá T (Thiếu tá, Lữ đoàn 215 - Binh chủng TTG) chia sẻ “...*Nhìn chung anh em đơn vị khá hào hứng với hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của cấp trên trước khi bước vào giai đoạn huấn luyện hay thực hiện một nhiệm vụ SSCĐ cụ thể. Tuy nhiên khi kiểm tra lại anh em nắm bắt như thế nào về các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu để ứng phó với âm mưu, thủ đoạn của địch trong thông qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ thì anh em còn nắm chưa thật rõ ràng.*”

Tổng hợp từ các chỉ báo ở trên [Phụ lục 4.1], tác giả tiến hành tìm hiểu thực trạng mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thông qua các nội dung HL - SSCĐ. Kết quả [Phụ lục 4.2] được thể hiện ở bảng sau:

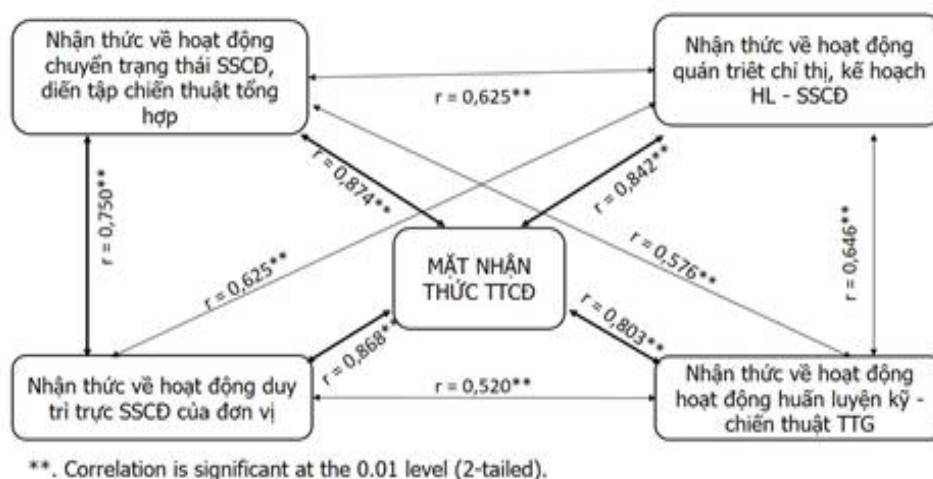
Bảng 4.1. Mức độ các nội dung mặt nhận thức TTCD của BĐTTG

SST	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Mức độ
1	Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	3.96	0.50	Sâu sắc
2	Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	4.00	0.56	Sâu sắc
3	Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	4.12	0.55	Sâu sắc
4	Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị	4.17	0.64	Sâu sắc
ĐTB chung		4.06	0.48	Sâu sắc

Bảng 4.1 cho thấy, các ý kiến trả lời có ĐTB chung mặt nhận thức TTCD của BĐTTG qua các hoạt động HL - SSCĐ ở mức *sâu sắc* (ĐTB = 4.06). Có cả 4/4 nội dung nhận thức về các hoạt động HL - SSCĐ cho kết quả *sâu sắc* (ĐTB: 3.96 - 4.17), trong đó thấp nhất là *Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ*; cao nhất là nội dung *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị*.

Lý giải rõ hơn về kết quả cao trong nội dung *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị* ở BĐTTG, tác giả làm rõ mức độ nhận thức từng chi báo của nội dung này. Kết quả [Phụ lục 4.3] cho thấy, nội dung *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị* ở BĐTTG có 2/7 chi báo mức độ nhận thức *rất sâu sắc*, có 5/7 chi báo mức độ nhận thức là *sâu sắc*. Các item có mức độ nhận thức *rất sâu sắc* đó là nhận thức về *Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ* và nhận thức về *Chức trách, nhiệm vụ của bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ*. Điều đó cho thấy BĐTTG có nhận thức cao với hoạt động trực SSCĐ, trong đó nhận thức về vai trò, ý nghĩa của hoạt động trực SSCĐ và chức trách nhiệm vụ của bản thân trong trực SSCĐ là cao nhất. Việc hiểu sâu sắc được ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động trực SSCĐ và nhận thức tốt chức trách, nhiệm vụ của bản thân sẽ là động lực và tiền đề quan trọng cho BĐTTG có quyết tâm trong huấn luyện, rèn luyện thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, thành thạo các hành động HL - SSCĐ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu của đơn vị.

Tìm hiểu mối tương quan giữa các nội dung nhận thức TTCD của BĐTTG, tác giả tiến hành kiểm định hệ số tương quan Pearson (r). Kết quả [Phụ lục 4.4] được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 4.1: Tương quan giữa các nội dung nhận thức TTCĐ của BĐTTG

Số liệu từ Sơ đồ 4.1 cho thấy, 10 cặp nội dung nhận thức đều có mối tương quan thuận với nhau. Có 5/10 cặp có mối tương quan thuận và rất mạnh ($r: 0.75 - 0.87, p = 0.000 < 0.001$), đó là các mối quan hệ giữa nội dung nhận thức về các hoạt động HL - SSCĐ với mặt nhận thức TTCĐ ($r: 0.80 - 0.87, p = 0.000 < 0.005$), và nội dung *Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp* với nội dung *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị* ($r: 0.75, p < 0.001$); trong đó *Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp* và *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị* với mặt nhận thức TTCĐ có mối tương quan thuận và mạnh nhất. Các cặp còn lại đều có mối tương quan thuận và tương đối mạnh ($r: 0.52 - 0.65, p < 0.001$).

Điều này có nghĩa, nếu mức độ một nội dung nhận thức về hoạt động HL - SSCĐ nào đó tăng hay giảm cũng sẽ kéo theo sự tăng hoặc giảm mức độ các nội dung nhận thức còn lại theo các mức độ khác nhau, trong đó giữa nội dung *Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp* với *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ* là mạnh nhất. Ngoài ra mức độ tăng hoặc giảm một nội dung nhận thức HL - SSCĐ nào đó cũng sẽ kéo theo sự tăng hoặc giảm rất mạnh mức độ nhận thức TTCĐ của BĐTTG, trong đó sự tăng hoặc giảm nội dung *Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp* và *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị* với mặt nhận thức TTCĐ là mạnh nhất.

Thực tế quan sát ở đơn vị nghiên cứu cho thấy, hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp và hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị là những hoạt động rất quan trọng nhằm đưa quân nhân vào các tình huống chiến đấu để xử trí. Đây là những hoạt động được luyện tập có kế hoạch hoặc đột xuất, theo các phương án, các bài tập tình huống như trong chiến đấu thật. Đó là hoạt động đòi hỏi kíp xe phải nỗ lực, cố gắng rất nhiều, cả về kỹ năng, thể lực, tâm lý nhằm ứng phó với các tình huống chiến đấu đặt ra. Qua những lần luyện tập mỗi quân nhân được đưa vào “tình huống có vấn đề”, từ đó có những biểu tượng về điều kiện chiến đấu, được chuẩn bị tâm lý tốt hơn khi đối mặt với các nhiệm vụ chiến đấu được giao. Vì vậy, mức độ nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp và hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị cao hoặc thấp sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới mức độ cao hoặc thấp trong nhận thức TTCĐ nói chung của BĐTTG. Nội dung nhận thức giữa hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp và hoạt động duy trì trực SSCĐ có mối tương quan thuận và rất mạnh với nhau.

Nhằm tìm hiểu có sự khác biệt hay không giữa hai nhóm là CBQL và QNCN, HSQ - BS về mặt nhận thức TTCĐ, tác giả tiến hành kiểm định Independent Samples Test giữa hai mẫu đại diện. Kết quả kiểm định [Phụ lục 4.5] Independent samples T- test cho thấy, điểm số mức độ nhận thức TTCĐ của CBQL cao hơn so với QNCN, HSQ - BS, với $t_{(466)} = 2.091$, $p = 0,12 (> 0,05)$, chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm CBQL và QNCN, HSQ - BS về mức độ nhận thức TTCĐ. Nói cách khác, dù là CBQL hay QNCN, HSQ - BS cũng không có sự khác nhau về quan điểm cho rằng nhận thức TTCĐ của BĐTTG hiện nay là ở mức *sâu sắc*.

Tác giả tiến hành phỏng vấn sâu với trung tá Đậu Huy H (Phòng Tham mưu, Lữ 215 - Binh chủng TTG), thu được nhận định: “Ở những đơn vị HL - SSCĐ của BĐTTG số lượng QNCN, HSQ - BS nhiều, nhất là với QNCN, do đặc thù phải tuyển dụng các thành viên kíp xe TTG có kiến thức, kỹ năng tương đối tốt để vận hành, sử dụng xe, máy và bảo đảm SSCĐ cao. Nên mức độ nhận thức của lực lượng này trong các hoạt động HL - SSCĐ nói chung, trong diễn tập, chuyển trạng thái SSCĐ hay trực SSCĐ xử trí các tình huống nói riêng tương đối tốt, không có khoảng cách nhiều so với đội ngũ CBQL ở đơn vị”.

Đi sâu vào tìm hiểu trong nhóm CBQL giữa các cấp giữ chức vụ khác nhau ở đơn vị TTG. Kết quả [Phụ lục 4.6] cho thấy: Mức độ nhận thức TTCĐ của bốn nhóm CBQL giữ chức vụ khác nhau đều ở mức *sâu sắc* và *rất sâu sắc*. Trong đó CBQL cấp trung (lữ) đoàn có nhận thức cao nhất - *rất sâu sắc* (ĐTB = 4.29); nhận thức TTCĐ thấp nhất là CBQL cấp trung đội, tuy nhiên vẫn ở mức *sâu sắc*; mức độ nhận thức TTCĐ của CBQL cấp đại đội và cấp tiểu đoàn cao hơn nhưng cũng ở mức *sâu sắc*. Qua quan sát đơn vị nghiên cứu và từ thực tiễn công tác ở đơn vị HL - SSCĐ của BĐTTG chúng tôi cho rằng: Đội ngũ CBQL cấp trung (lữ) đoàn là những cán bộ nhiều kinh nghiệm trong quản lý và HL - SSCĐ, có trình độ chuyên môn giỏi, là nguồn phát triển tốt và là trụ cột để xây dựng các đơn vị TTG trong toàn quân. Đây là lực lượng có nhận thức tốt về các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị, nhất là nhận thức TTCĐ. Bên cạnh đó, lực lượng CBQL cấp trung đội thường là cán bộ trẻ mới ra trường, hoặc số ít là cán bộ không phát triển được, ít kinh nghiệm, thiếu thực tiễn trong quản lý và tổ chức hoạt động HL - SSCĐ; nên nhận thức của họ về hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị nói chung là thấp hơn so với các nhóm CBQL giữ chức vụ đại đội, tiểu đoàn đặc biệt là CBQL cấp trung (lữ) đoàn. Để tìm hiểu xem có sự khác biệt hay không giữa các nhóm CBQL giữ chức vụ khác nhau, chúng tôi đã sử dụng kiểm định One - way ANOVA, kết quả [Phụ lục 4.6] cho thấy, với $F_{(3,189)} = 2,400$ và $p = 0,69 (>0,05)$, điều này có nghĩa không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ nhận thức TTCĐ giữa các nhóm CBQL giữ chức vụ khác nhau.

Tóm lại, nhận thức TTCĐ của BĐTTG hiện nay ở mức độ *sâu sắc*. Trong các nội dung được đo, có cả 4/4 nội dung ở mức độ *sâu sắc*, trong đó nội dung *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị* có mức độ cao nhất. Có mối tương quan thuận và rất mạnh giữa các nội dung nhận thức với mặt nhận thức TTCĐ, giữa nội dung *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị* với *Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp*; các nội dung nhận thức còn lại cũng có mối tương quan thuận và tương đối mạnh. Mức độ nhận thức TTCĐ của CBQL cao hơn nhất định so

với QNCN, HSQ - BS. Trong nhóm CBQL, mức độ nhận thức TTCĐ của CBQL cấp trung (lữ) đoàn là cao nhất, của CBQL cấp trung đội là thấp nhất. Tuy nhiên các sự khác biệt trên đều không có ý nghĩa về mặt thống kê. Thực trạng mặt nhận thức TTCĐ sẽ là những tiền đề quan trọng hình thành xúc cảm - tình cảm TTCĐ của BĐTTG.

4.1.1.2. Tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp biểu hiện qua xúc cảm - tình cảm

Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ của BĐTTG, tác giả cho rằng đó là thể hiện *sự hài lòng* của bản thân đối với các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị. TTCĐ cao có cơ sở từ sự nhận thức sâu sắc, từ xúc cảm - tình cảm tích cực được biểu hiện qua sự hài lòng của BĐTTG về giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách nhiệm vụ của bản thân và đồng đội trong chiến đấu; nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu; các cách thức, phương pháp sử dụng trong chiến đấu; phương tiện, trang bị sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG... biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Qua đó thúc đẩy BĐTTG sẵn sàng hành động tích cực với các nhiệm vụ chiến đấu được giao.

Tìm hiểu mức độ mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ của BĐTTG thông qua đo mức độ *hài lòng* của họ qua 4 hoạt động HL - SSCĐ biểu hiện qua 28 item, mỗi nội dung gồm 7 chỉ báo thành phần như phần *Tổ chức và phương pháp nghiên cứu* đã xác định. Số liệu thu được [Phụ lục 5.1] cho thấy, trong các chỉ báo mức độ hài lòng của BĐTTG có 3/28 item được đo nằm trong khoảng *rất hài lòng* (ĐTB: 4.25 - 4.28), chiếm 10,7%; và 25/28 item thuộc khoảng *hài lòng* (ĐTB: 3.83 - 4.18), chiếm 89,3%. Các chỉ báo thành phần ở mức độ *rất hài lòng* đó là về *Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu; Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu; Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu...* biểu hiện trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ. Như vậy, hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ mang lại sự hài lòng cao nhất, đem lại xúc cảm - tình cảm TTCĐ tích cực nhất cho BĐTTG.

Trao đổi về vấn đề này, đại tá Đỗ Đào K (Lữ đoàn 215 - Binh chủng TTG) cho rằng: “*Trong các hoạt động HL - SSCĐ anh em đơn vị vẫn thích hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ hơn các hoạt động HL - SSCĐ khác, vì nó được tổ chức theo hình thức tự giáo dục, tự quán triệt ở các đơn vị, anh em không phải vất vả rèn luyện ở thao trường bãi tập nhiều*”.

Tổng hợp kết quả các chỉ báo về mức độ xúc cảm - tình cảm với các nội dung HL - SSCĐ, được thể hiện qua Bảng 4.2 [Phụ lục 5.2]:

Bảng 4.2. Mức độ các nội dung mặt xúc cảm - tình cảm TTCD của BĐTTG

SST	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Mức độ
1	Xúc cảm - tình cảm với hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	4.08	0.67	Hài lòng
2	Xúc cảm - tình cảm với hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	4.03	0.56	Hài lòng
3	Xúc cảm - tình cảm với hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	3.97	0.57	Hài lòng
4	Xúc cảm - tình cảm với hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị	3.99	0.56	Hài lòng
ĐTB chung		4.02	0.51	Hài lòng

BĐTTG có xúc cảm - tình cảm tích cực, thể hiện qua mức độ *hài lòng* với các hoạt động HL - SSCĐ của đơn vị (ĐTB = 4.02, ĐLC = 0.51). Có 4/4 nội dung đánh giá ở mức *hài lòng* (ĐTB: 3.97 - 4.08). Trong đó cao nhất là *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ*, thấp nhất là *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp*.

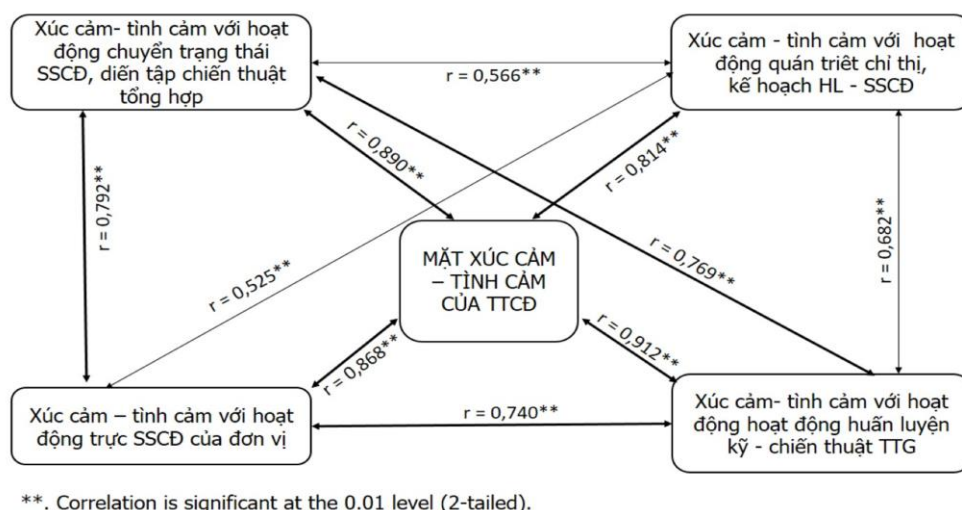
Đi sâu làm rõ nội dung xúc cảm - tình cảm thể hiện qua mức độ *hài lòng* thấp nhất là *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp*. Kết quả [Phụ lục 5.3] các chỉ báo cho thấy BĐTTG có mức độ *hài lòng* cao nhất là *Chức trách, nhiệm vụ của bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp*; mức độ *hài lòng* có chỉ số thấp nhất là *Chức trách, nhiệm vụ của đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp*. Tìm hiểu tàn xuất lựa chọn phương án trả lời thấp nhất cho thấy [Phụ lục 5.4]: Phần lớn BĐTTG vẫn cảm thấy *hài lòng* việc thực hiện chức trách,

nhiệm vụ của đồng chí, đồng đội (48.1%), mức độ *rất hài lòng* chiếm 18.6% trong khi mức *bình thường* cũng chiếm 31.6%; chỉ có 1.7% mẫu được hỏi có xúc cảm - tình cảm *ít hài lòng* và là *không hài lòng*. Như vậy, dù là chỉ báo có mức độ hài lòng thấp nhất nhưng phần lớn BĐTTG vẫn cảm thấy *hài lòng* và *rất hài lòng*. Điều đó đồng nghĩa với BĐTTG vẫn có xúc cảm - tình cảm tích cực trong thực hiện chức trách nhiệm vụ của đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp,

Qua các chỉ số đánh giá về mức độ hài lòng của BĐTTG với các hoạt động HL - SSCĐ, cho thấy: BĐTTG có xúc cảm - tình cảm tích cực với các hoạt động HL - SSCĐ. Tuy nhiên chỉ số mức độ tích cực đối với mỗi nội dung HL - SSCĐ có sự khác nhau. Cùng có mức độ *hài lòng* nhưng cao nhất là nội dung *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ*. Đây là hoạt động không đòi hỏi phải luyện tập tình huống chiến đấu hay yêu cầu về sức khỏe, thể lực, tâm lý, kỹ năng vận động chiến đấu trên thao trường, bãi tập mà chỉ là hoạt động nhận thức, quán triệt, tuyên truyền trong hội trường là chính...Nên quân nhân thường cảm thấy thích thú, có xúc cảm - tình cảm tích cực với nội dung này hơn các nội dung HL - SSCĐ khác. Ngược lại, hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp, là hoạt động đặc biệt - hình thức cao nhất của huấn luyện chiến thuật, diễn ra trong thời gian dài, yêu cầu rất cao về sức khỏe, tâm lý, tính kỷ luật và kỹ năng chiến đấu trên các địa hình phức tạp khác nhau đối với quân nhân, nhằm đặt họ vào điều kiện, hoàn cảnh chiến đấu thực; hoạt động này diễn ra chủ yếu theo mệnh lệnh hành chính, bắt buộc thực hiện theo yêu cầu của cấp trên... Vì vậy quân nhân sẽ cảm thấy gò ép, mức độ hài lòng đối với hoạt động này sẽ thấp hơn, điều đó cũng đồng nghĩa với mức độ tích cực của xúc cảm - tình cảm với hoạt động này sẽ không cao bằng các nội dung HL - SSCĐ khác. Trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp, BĐTTG có mức độ hài lòng cao nhất với việc bản thân đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình trong chiến đấu, và mức

độ hài lòng thấp nhất với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đồng chí, đồng đội trong chiến đấu. Điều đó cho thấy, mỗi quân nhân luôn có xu hướng thỏa mãn với bản thân trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình; nhưng lại cảm thấy không thỏa mãn, không hài lòng với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đồng chí, đồng đội và luôn nghĩ họ có thể làm tốt hơn.

Tìm hiểu tương quan giữa nội dung xúc cảm - tình cảm thành phần với mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ của BĐTTG, kết quả [Phụ lục 5.5] biểu hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 4.2: Tương quan giữa các nội dung xúc cảm - tình cảm TTCĐ của BĐTTG

Sơ đồ 4.2 cho thấy, tất cả 10 cặp nội dung xúc cảm - tình cảm đều có mối tương quan thuận với nhau, từ *tương đối mạnh* đến *rất mạnh*. Trong đó các cặp xúc cảm - tình cảm của các nội dung HL - SSCĐ với mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ có mối tương quan *thuận* và *rất mạnh* (r : 0.81 - 0.91). Các nội dung xúc cảm - tình cảm cũng có mối tương quan *thuận* và *rất mạnh* với nhau là *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG*, *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp*, *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị*. Trong 7/10 cặp có mối tương quan *thuận* và *rất mạnh* thì các cặp có mối tương quan *thuận* và *mạnh nhất* thuộc về 4 cặp

xúc cảm - tình cảm giữa các nội dung HL - SSCĐ với mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ. Có 3/10 cặp có mức độ tương quan *thuận* và *khá mạnh*, đó là *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động quản trị chi thị, kế hoạch HL - SSCĐ*, *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG*, *Xúc cảm - tình cảm với hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị*. Tất cả các mối tương quan đều có giá trị ý nghĩa về mặt thống kê, $p < 0.01$.

Tìm hiểu sự khác biệt giữa giữa hai nhóm CBQL và QNCN, HSQ - BS về mức độ mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ, tác giả sử dụng kiểm định Independent Samples T - test. Kết quả cho thấy [Phụ lục 5.6], nhóm CBQL (ĐTB = 4.13) có mức độ *hài lòng* cao hơn nhóm QNCN, HSQ - BS (ĐTB = 3.94); kết quả kiểm định Independent Samples T - test cũng cho thấy: $t_{(466)} = 3,546$, và $p = 0,000$ ($<0,001$), chứng tỏ sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê. Nói cách khác, trong hai nhóm nghiên cứu là CBQL và QNCN, HSQ - BS đều có mức độ xúc cảm - tình cảm TTCĐ *tích cực*, thể hiện qua sự *hài lòng* với các nội dung HL - SSCĐ; tuy nhiên nhóm CBQL có mức độ xúc cảm - tình cảm TTCĐ cao hơn nhóm QNCN, HSQ - BS và đó là sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Tìm hiểu sự khác biệt về mức độ xúc cảm - tình cảm giữa các nhóm CBQL giữ chức vụ khác nhau. Kết quả [Phụ lục 5.7] cho thấy, trong 4 nhóm CBQL giữ chức vụ khác nhau thì 3 nhóm có mức độ xúc cảm - tình cảm khá tương đồng nhau, đều ở mức độ *hài lòng*, trong đó thấp nhất là CBQL cấp trung đội, tiếp đến là CBQL cấp tiểu đoàn và cao hơn một chút là CBQL cấp đại đội. Mức độ xúc cảm - tình cảm cao nhất, thể hiện sự *rất hài lòng* đó là nhóm CBQL cấp trung (lữ) đoàn (ĐTB = 4.33). Điều đó theo tác giả, CBQL ở các cấp tiểu đoàn, đại đội nhất là cấp trung đội là trực tiếp thường xuyên, tiếp xúc với các công việc, nội dung HL - SSCĐ của đơn vị; chịu trách nhiệm trực tiếp việc quản lý với cấp dưới và vũ khí trang bị ở đơn vị. Do vậy quá trình trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ HL - SSCĐ họ sẽ thấy bộc lộ nhiều nội dung bất cập, chưa phù hợp, sự *hài lòng* sẽ thấp hơn so với CBQL cấp trung (lữ) đoàn. Với CBQL cấp trung (lữ) đoàn, đây là lực lượng chỉ đạo không phải trực tiếp tiếp xúc với QNCN, HSQ - BS trong HL - SSCĐ như cấp dưới. Họ có các cơ quan tham mưu, giúp việc xây dựng chỉ thị, kế hoạch HL -

SSCĐ của đơn vị dựa trên các mệnh lệnh HL - SSCĐ của cấp trên để cấp dưới thực hiện, họ cũng là thủ trưởng đơn vị phê duyệt các kế hoạch HL - SSCĐ... Vì vậy họ thường có xúc cảm - tình cảm tích cực hơn, có sự hài lòng cao hơn với các nội dung HL - SSCĐ của đơn vị so với các nhóm CBQL giữ chức vụ khác. Tuy nhiên, với $F(3,189) = 2.094$, $p = 0.102 (> 0,05)$, kết quả kiểm định ANOVA của 4 nhóm CBQL giữ chức vụ khác nhau cho thấy, sự khác biệt về mức độ xúc cảm - tình cảm TTCĐ ở họ không có ý nghĩa thống kê.

Đi tìm sự khác biệt trong nhóm CBQL theo các ngạch sĩ quan khác nhau [Phụ lục 5.8], kết quả cho thấy, mức độ xúc cảm - tình cảm của CBQL trong nhóm sĩ quan kỹ thuật là cao nhất - mức *rất hài lòng* với các nội dung HL - SSCĐ. Các nhóm còn lại có mức độ thấp hơn - mức *hài lòng*; trong đó cao nhất thuộc nhóm sĩ quan chỉ huy tham mưu, tiếp đến là nhóm sĩ quan chính trị, thấp nhất là nhóm sĩ quan hậu cần. Kết quả phân tích One - way ANOVA cho thấy, với $F_{(3,189)} = 3,761$, $p = 0,012 (< 0,05)$, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm CBQL khác nhau ngạch sĩ quan về mức độ xúc cảm - tình cảm TTCĐ. Nhằm tìm hiểu sự khác biệt đó diễn ra trong mối quan hệ ở nhóm nào, chúng tôi tiến hành kiểm định sâu ANOVA, kết quả kiểm định sâu Bonferroni chỉ ra có sự khác biệt về mức độ xúc cảm - tình cảm TTCĐ giữa sĩ quan ngạch hậu cần và sĩ quan ngạch kỹ thuật: $p = 0,011 (< 0,05)$, sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê.

Tóm lại, BĐTTG có xúc cảm - tình cảm TTCĐ ở mức tích cực, biểu hiện qua sự *hài lòng* với các hoạt động HL - SSCĐ. Trong đó xúc cảm - tình cảm với hoạt động *Quản triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ* là cao nhất, thấp nhất là xúc cảm - tình cảm với hoạt động *Chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp*. Giữa các nội dung xúc cảm - tình cảm TTCĐ và mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ nói chung có mối tương quan thuận, từ tương đối mạnh đến rất mạnh. Mức độ xúc cảm - tình cảm TTCĐ của CBQL tích cực hơn QNCN, HSQ - BS và sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê. CBQL giữ các chức vụ khác nhau có xúc cảm - tình cảm TTCĐ tích cực và rất tích cực. Trong đó CBQL cấp trung (lữ) đoàn có mức độ xúc cảm - tình cảm cao nhất - rất tích cực, CBQL cấp trung đội có mức độ tích cực thấp nhất; tuy nhiên sự khác biệt đó không có ý nghĩa thống kê. Trong các

nhóm CBQL có ngạch sĩ quan khác nhau, mức độ xúc cảm - tình cảm TTCD cao nhất - rất tích cực, là nhóm sĩ quan ngạch kỹ thuật; các nhóm còn lại có xúc cảm - tình cảm TTCD tích cực, có chỉ số mức độ tích cực thấp nhất là nhóm sĩ quan hậu cần, và sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê.

4.1.1.3. Tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp biểu hiện qua hành động

Mặt hành động TTCD của BĐTTG là những hành vi bộc lộ ra bên ngoài thành những thao tác, động tác, cử chỉ vận động khi thực hiện hoạt động HL - SSCĐ, trên cơ sở nhận thức TTCD và những xúc cảm - tình cảm TTCD. Mức độ biểu hiện mặt hành động TTCD được xác định bằng mức độ thành thực của các động tác khi thực hiện các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị.

Để đánh giá thực trạng mức độ mặt hành động TTCD của BĐTTG, tác giả đánh giá qua 4 hoạt động HL - SSCĐ với 24 item, mỗi nội dung biểu hiện qua 6 item như đã được trình bày ở phần *Tổ chức và Phương pháp nghiên cứu*. Kết quả [Phụ lục 6.1] cho thấy 24/24 item đều cho mặt hành động TTCD của BĐTTG ở mức thành thực (ĐTB: 3.56 - 4.10). Trong đó mức độ mặt hành động thấp nhất là chỉ báo *Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ*, cao nhất là hành động *Thực hiện chức trách, nhiệm vụ của bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG*. Tổng hợp các chỉ báo, ta có mức độ các nội dung mặt hành động TTCD của BĐTTG [Phụ lục 6.2] thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4.3. Mức độ các nội dung mặt hành động TTCD của BĐTTG

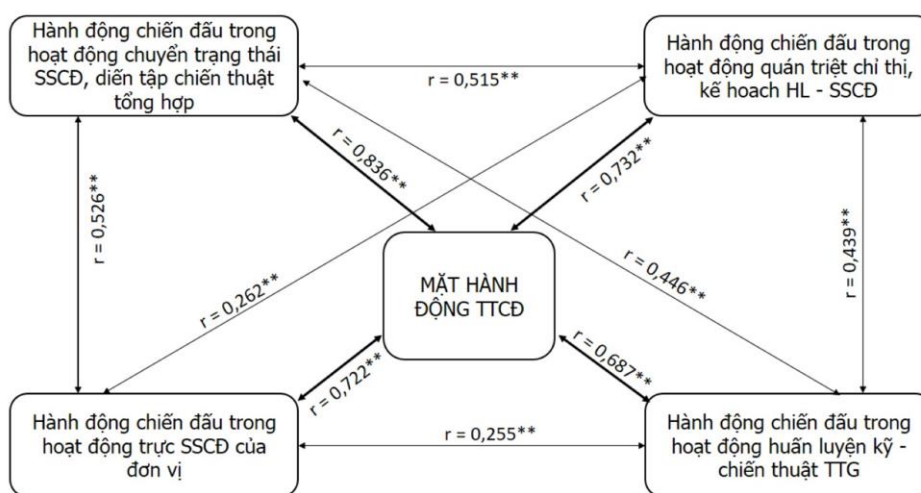
SST	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Mức độ
1	Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ.	4.00	0.63	Thành thực
2	Hành động chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG.	4.00	0.56	Thành thực
3	Hành động chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp.	3.79	0.63	Thành thực
4	Hành động chiến đấu trong hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị.	3.70	0.73	Thành thực
ĐTB chung		3.87	0.48	Thành thực

Kết quả Bảng 4.3 cho thấy, mặt hành động TTCĐ của BĐTTG ở mức *thành thực* (ĐTB = 3.87). Nói cách khác, BĐTTG thành thực trong thực hiện các hành động chiến đấu thông biểu hiện qua các hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. Trong đó mức độ thành thực cao nhất là *Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ* và *Hành động chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG*; thấp nhất là *Hành động chiến đấu trong hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị*. Điều đó phù hợp với thực tiễn các đơn vị TTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ: Hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng...) và hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp là những hoạt động căng thẳng về cường độ luyện tập, yêu cầu cao tổng hợp các yếu tố, như kỹ năng, thể lực, tâm lý; hoạt động trong điều kiện xa đơn vị, ở địa hình phức tạp, thời gian dài; quá trình luyện tập thường xuyên đặt vào tình huống có vấn đề để xử lý các nhiệm vụ chiến đấu trong điều kiện thời chiến. Chính vì vậy những hành động, tâm lý, yếu lĩnh động tác trong chiến đấu sẽ bộc lộ những sai sót trong hành động sẽ xuất hiện nhiều hơn các hoạt động khác. Trao đổi về nội dung này đồng chí trung tá Đặng Kiều H. (Tiểu đoàn 7/ Trường Sĩ quan TTG - Binh chủng TTG) cho biết: *“Hoạt động trực SSCĐ và chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp là những nội dung HL - SSCĐ đòi hỏi cao nhất, tổng hợp cả kỹ thuật - chiến thuật, mọi quân nhân được yêu cầu phải chuyển trạng thái, kể cả con người và vũ khí trang bị, từ điều kiện SSCĐ bước vào chiến đấu thật ở những cấp độ khác nhau. Quá trình đó sẽ bộc lộ rõ nhất những sai sót về động tác, về sự chuẩn bị tâm lý của anh em”*.

Tìm hiểu rõ hơn về nội dung có mức độ hành động TTCĐ thấp nhất là *Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ*, chúng tôi đi vào tìm hiểu các chỉ báo. Kết quả [Phụ lục 6.3] cho thấy, có 6/6 các chỉ báo đều ở mức *thành thực*, trong đó cao nhất là hành động thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đồng chí đồng đội và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ; thấp nhất là trong vận dụng

đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ. Điều đó cho thấy BĐTTG thực hiện *Hành động chiến đấu trong hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị* dù là thấp hơn các nội dung khác nhưng vẫn ở mức *thành thực*, nhất là trong thực hiện chức trách nhiệm vụ của bản thân và của đồng đội trong hoạt động trực SSCĐ ở đơn vị.

Tìm hiểu tương quan giữa các nội dung mặt hành động TTCĐ của BĐTTG, kết quả kiểm định tương quan r [Phụ lục 6.4] được thể hiện qua sơ đồ:



** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Sơ đồ 4.3. Tương quan giữa các nội dung mặt hành động TTCĐ của BĐTTG

Sơ đồ 4.3 cho thấy, 10 cặp quan hệ trong mặt hành động TTCĐ của BĐTTG đều có mối tương quan thuận, từ tương đối yếu, tương đối mạnh đến rất mạnh và có ý nghĩa về mặt thống kê ($p = 0.000 < 0.01$). Trong đó có 3 cặp quan hệ thuận và rất mạnh ($r > 0.7$), 5 cặp có quan hệ thuận và tương đối mạnh ($0.3 < r < 0.7$), 2 cặp quan hệ thuận và tương đối yếu ($0 < r < 0.3$). Điều này được hiểu nếu một nội dung bất kỳ trong các nội dung trên tăng hoặc giảm cũng sẽ làm tăng hay giảm các nội dung còn lại theo các mức độ khác nhau. Cụ thể: Có mối tương quan thuận và rất mạnh thuộc về mối quan hệ giữa 3 cặp, *Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ*, *Hành động chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp*, *Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ* với mặt hành

động TTCD nói chung. Có mối tương quan thuận và tương đối mạnh thuộc về mối quan hệ giữa các cặp: *Hành động chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp* với *Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ*; *Hành động chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp* với *Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ*; *Hành động chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp* với *Hành động chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG*; *Hành động chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG* với *Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ*; *Hành động chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG* với *mặt hành động TTCD*. Có mối tương quan thuận, tương đối yếu là các cặp: *Hành động chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG* với *Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ*; *Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ* với *Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ*.

Tìm hiểu sự khác biệt giữa các nhóm khách thể trong đánh giá về mức độ mặt hành động TTCD, tác giả tiến hành một số kiểm định, kết quả được thể hiện qua Bảng 4.4:

Bảng 4.4. Sự khác biệt giữa các nhóm khách thể về mặt hành động TTCD

STT	Nhóm khách thể	Kiểm định t/F; p (.Sig)	Phụ lục	Nhận xét chung
1	CBQL và QNCN, HSQ-BS	$t_{(466)} = 0,732$; $p = 0,000 (<0.001)$	6.5	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê
2	HSQ - BS, QNCN, sĩ quan sơ cấp, sĩ quan trung cấp, sĩ quan cao cấp	$F_{(4, 463)} = 10,402$; $p = 0,000 (<0,001)$.	6.6	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê
3	Các nhóm CBQL khác nhau chức vụ	$F_{(3, 189)} = 1,966$; $p = 0,121 (>0,05)$.	6.7	Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê
4	Các nhóm CBQL khác nhau ngạch sĩ quan	$F_{(3, 189)} = 3,829$; $p = 0,011 (<0,05)$.	6.8	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ hành động TTCD của CBQL (ĐTB = 3.98) cao hơn QNCN, HSQ - BS (ĐTB = 3.79), với $t_{(466)} = 0.732$; $p = 0.000$) chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê [Phụ lục 6.5]. Đi sâu tìm hiểu sự khác biệt này thể hiện ở nhóm khách thể nào, kết quả kiểm định one - way ANOVA với các nhóm khách thể có cấp bậc khác nhau, bao gồm: HSQ - BS, QNCN, sĩ quan sơ cấp, sĩ quan trung cấp, sĩ quan cao cấp... Kết luận chỉ ra vẫn có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm khách thể khác nhau cấp bậc ($F_{(4, 463)} = 10,402$; $p = 0,000$) về mức độ hành động TTCD. Tiến hành kiểm định sâu ANOVA (Bonferroni) và kết quả đã cho thấy: Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê đó xuất phát từ mối quan hệ giữa nhóm sĩ quan trung cấp với HSQ - BS và sĩ quan trung cấp với QNCN về mức độ hành động TTCD [Phụ lục 6.6].

Lý giải điều này, qua quan sát cũng như từ thực tiễn công tác ở đơn vị TTG tác giả cho rằng, sĩ quan trung cấp (từ thượng úy đến trung tá) đã có thời gian công tác, tiếp xúc với HSQ - BS thường xuyên, có yêu cầu cao với cấp dưới khi thực hiện các nội dung HL - SSCĐ của đơn vị, trong khi đối tượng QNCN, HSQ - BS là người phải thực hiện nhiệm vụ, thường có tâm lý ngại huấn luyện, ngại rèn luyện kỹ năng, kỹ chiến thuật chiến đấu, thích được nghỉ ngơi... Trong khi sĩ quan sơ cấp (thiếu úy, trung úy) thì lực lượng mỏng, mới ra trường, ít tiếp xúc, ngại va chạm với đối tượng cấp dưới là QNCN, HSQ - BS trong các nội dung HL - SSCĐ. Nên mức độ hành động TTCD của đối tượng sĩ quan trung cấp và HSQ - BS biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị có sự khác biệt trong thực hiện hành động.

Tiến hành kiểm định sự khác biệt [Phụ lục 6.7] về mức độ hành động TTCD giữa các nhóm CBQL giữ chức vụ khác nhau ở BĐTTG. Kết quả kiểm định one - way ANOVA từ bảng trên cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm CBQL khác nhau chức vụ ($F_{(3, 189)} = 1,966$; $p = 0,121$ ($> 0,05$)); nhưng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm CBQL có ngạch sĩ quan khác nhau ($F_{(3, 189)} = 3,829$; $p = 0,011$ ($< 0,05$)). Kết quả kiểm định sâu ANOVA (Bonferroni) [Phụ lục 6.8], cho thấy sự khác biệt đó xuất phát từ mối quan hệ giữa CBQL sĩ quan hậu cần

với CBQL sĩ quan chỉ huy tham mưu ($p = 0.020$), CBQL sĩ quan hậu cần với CBQL sĩ quan kỹ thuật ($p = 0.027$).

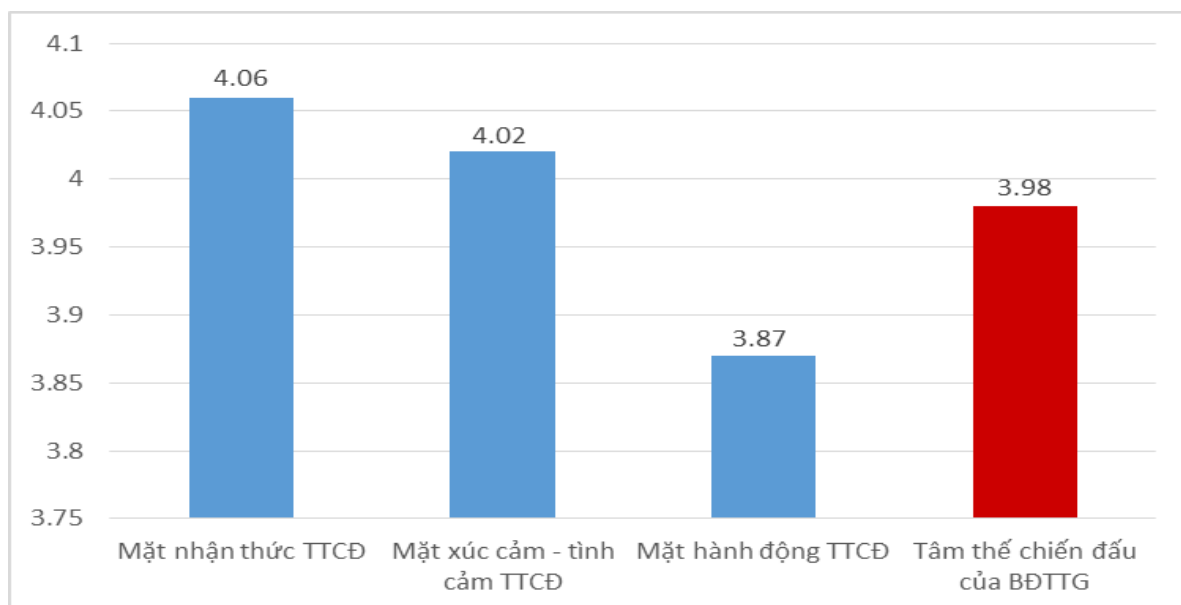
Vì vậy tác giả đi đến khẳng định chung: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ hành động TTCĐ giữa CBQL với QNCN, HSQ - BS; sự khác biệt đó từ mối quan hệ giữa sĩ quan trung cấp với HSQ - BS và sĩ quan trung cấp với QNCN. Trong nhóm CBQL không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ hành động TTCĐ giữa các nhóm khác nhau chức vụ, nhưng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm khác nhau ngạch sĩ quan, sự khác biệt đó ở mối quan hệ giữa sĩ quan hậu cần với sĩ quan chỉ huy tham mưu và sĩ quan hậu cần với sĩ quan kỹ thuật.

Tóm lại, mặt hành động TTCĐ của BĐTTG được biểu hiện ở mức *thành thực*, thể hiện trên các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị. Có mối tương quan thuận, tương đối yếu, tương đối mạnh đến rất mạnh giữa các nội dung hành động với mặt hành động TTCĐ. Trong đó giữa các nội dung: Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ, Hành động chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp, Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ với mặt hành động TTCĐ có mối tương quan thuận và rất chặt. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ hành động TTCĐ giữa CBQL với QNCN, HSQ - BS. Trong CBQL có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm CBQL có ngạch sĩ quan khác nhau về mức độ hành động TTCĐ của BĐTTG.

4.1.2. Mức độ tâm thế chiến đấu, mối quan hệ giữa tâm thế chiến đấu với mức độ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp

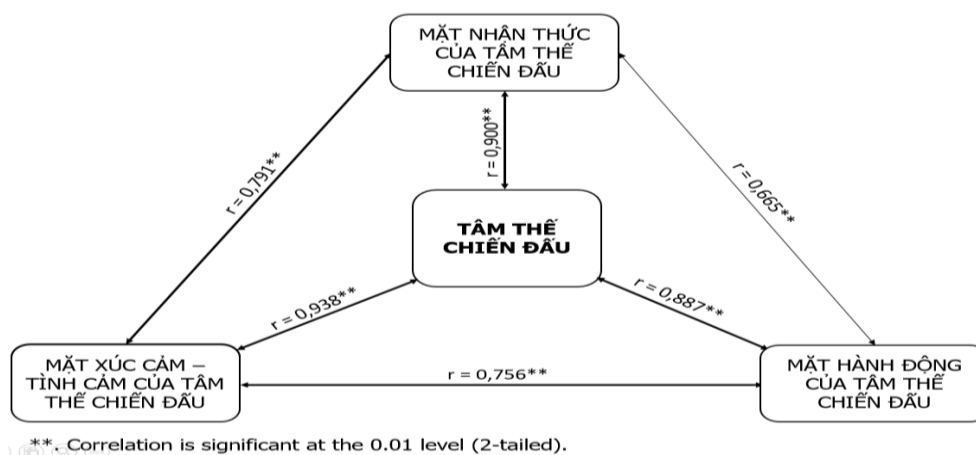
4.1.2.1. Mức độ tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp

Trên cơ sở thực trạng các mặt biểu hiện TTCĐ đã phân tích ở trên, tác giả tổng hợp và xác định thực trạng mức độ TTCĐ của BĐTTG, kết quả [Phụ lục 7.1] thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 4.1. Mức độ TCCĐ của BDTTG

Kết quả từ biểu đồ trên cho thấy, TCCĐ của BDTTG hiện nay ở mức *tích cực, cao* (ĐTB = 3.98). Đó là sự tổng hòa giữa mặt nhận thức *sâu sắc*; mặt xúc cảm - tình cảm *tích cực (hài lòng)* và mặt hành động *thành thực* đối với hoạt động chiến đấu biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị. Trong các mặt biểu hiện TCCĐ, có điểm số thấp hơn là mặt hành động, cao nhất là mặt nhận thức tiếp đến là mặt xúc cảm - tình cảm, tuy nhiên điểm số chênh lệch giữa các thành phần là không cao và không có ý nghĩa về mặt thống kê. Tìm hiểu tương quan giữa các mặt biểu hiện và TCCĐ của BDTTG [Phụ lục 7.2], kết quả thể hiện qua Sơ đồ 4.4:



Sơ đồ 4.4. Tương quan giữa các mặt biểu hiện TCCĐ và TCCĐ của BDTTG

Kết quả thu được cho thấy có mối tương quan thuận từ dương đối mạnh đến rất mạnh giữa các mặt biểu hiện TTCĐ với nhau ($r: 0.665 - 0.791$, $**P < 0.01$). Kết quả cũng chỉ ra có mối tương quan thuận, rất mạnh giữa các mặt biểu hiện với TTCĐ ($r: 0.887 - 0.938$, $**P < 0.01$). Trong đó chỉ số tương quan thuận và mạnh nhất chính là tương quan giữa mặt xúc cảm - tình cảm với TTCĐ ($r = 0.938 \approx 1$, $**P < 0.01$), tiếp đến là mặt nhận thức với TTCĐ ($r = 0.900, \approx 1$, $**P < 0.01$). Điều này có nghĩa cả ba mặt biểu hiện TTCĐ đều có ảnh hưởng mạnh mẽ đến TTCĐ, nhưng mạnh nhất là mặt xúc cảm - tình cảm và mặt nhận thức. Nếu BĐTTG có xúc cảm - tình cảm và trình độ nhận thức đối với hoạt động HL - SSCĐ ở mức độ nào thì TTCĐ của họ sẽ tăng lên hoặc giảm đi theo mức đó với tỷ lệ thuận rất cao (≈ 1). Vì vậy, để nâng cao TTCĐ của BĐTTG nhanh chóng, hiệu quả cần tác động vào mặt nhận thức TTCĐ và mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ, hay nhận thức và xúc cảm - tình cảm về các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị. Như vậy, kết quả kiểm định đã cho thấy, nếu một mặt TTCĐ tăng lên (hoặc giảm đi) sẽ kéo theo sự tăng lên (hoặc giảm đi) của các mặt biểu hiện khác và TTCĐ với các mức độ khác nhau.

Nhằm tìm hiểu sự khác biệt giữa các nhóm khách thể nghiên cứu về mức độ TTCĐ, tác giả tiến hành kiểm định trên các nhóm khác nhau, kết quả được thể hiện tóm tắt qua Bảng 4.5:

Bảng 4.5. Kiểm định phương sai giữa các nhóm khách thể về mức độ TTCĐ

STT	Nhóm khách thể	Kiểm định t/F; p (.Sig)	Phụ lục	Nhận xét chung
1	CBQL và QNCN, HSQ-BS	$t_{(466)} = 1.407$; $p = 0.000 (<0.001)$	7.3	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê
2	Tuổi quân dưới 10 năm và tuổi quân từ 10 năm trở lên	$t_{(466)} = 1.635$; $p = 0.653 (>0.05)$	7.4	Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê
3	HSQ - BS, QNCN, sĩ quan sơ cấp, sĩ quan trung cấp, sĩ quan cao cấp	$F_{(4, 463)} = 8.404$; $p = 0.000 (<0,001)$.	7.5	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê
4	Các nhóm CBQL khác nhau chức vụ	$F_{(3, 189)} = 2.408$; $p = 0.069 (>0,05)$.	7.6	Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê
5	Các nhóm CBQL khác nhau ngạch sĩ quan	$F_{(3, 189)} = 3.003$; $p = 0.002 (<0,05)$.	7.7	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê

Trước hết, tác giả kiểm định sự khác biệt giữa hai nhóm CBQL và QNCN, HSQ - BS của BĐTTG về mức độ TTCD. Kết quả kiểm định Independent samples T - test [Phụ lục 7.3] cho thấy: TTCD của CBQL (ĐTB = 4.07) cao hơn QNCN, HSQ - BS (ĐTB = 3.92); với $t_{(466)} = 1.407$; $p = 0.000 (<0.001)$ chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ TTCD giữa hai nhóm khách thẻ là CBQL và QNCN, HSQ - BS. Tìm hiểu sự khác biệt về mức độ TTCD giữa nhóm CBQL và QNCN, HSQ - BS, tác giả đi sâu tìm hiểu xem sự khác biệt này có đến từ yếu tố tuổi quân của BĐTTG hay không bằng kiểm định T-test giữa hai nhóm BĐTTG có tuổi quân dưới 10 năm và từ 10 năm trở lên [Phụ lục 7.4]. Kết quả cho thấy, với $t_{(466)} = 1.635$; $p = 0.653 (>0.05)$: Cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo nhóm tuổi quân về mức độ TTCD của BĐTTG.

Đi sâu tìm hiểu xem có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ TTCD giữa các nhóm khách thẻ khác nhau cấp bậc hay không. Tác giả tiến hành kiểm định one - way ANOVA với các nhóm khách thẻ khác nhau cấp bậc, bao gồm: HSQ - BS, QNCN, sĩ quan sơ cấp, sĩ quan trung cấp, sĩ quan cao cấp. Kết luận chỉ ra có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm khách thẻ về mức độ TTCD ($F_{(4, 463)} = 8.404$; $p = 0.000 (<0.001)$). Chúng tôi tiến hành kiểm định sâu ANOVA (Bonferroni) và kết quả cho thấy: Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê đó xuất phát từ các cặp quan hệ giữa HSQ - BS và QNCN ($p = 0.030$; <0.05); sĩ quan trung cấp và QNCN ($p = 0.000 (<0.001)$); sĩ quan sơ cấp và sĩ quan trung cấp ($p = 0.009 <0.05$) [Phụ lục 7.5].

Tiến hành kiểm định sự khác biệt về mức độ TTCD giữa các nhóm CBQL giữ chức vụ khác nhau ở đơn vị. Kết quả kiểm định one - way ANOVA [Phụ lục 7.6] cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm CBQL khác nhau chức vụ ($F_{(3, 189)} = 2,408$; $p = 0,069 (>0,05)$). Tuy nhiên kết quả kiểm định one - way ANOVA giữa các nhóm CBQL khác nhau ngạch sĩ quan cho thấy [Phụ lục 7.7]: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ TTCD giữa các nhóm CBQL có ngạch sĩ quan khác nhau ($F_{(3, 189)} = 5.003$; $p = 0.002 (<0.05)$). Kết

qua kiểm định sâu ANOVA (Bonferroni) cho thấy, sự khác biệt đó xuất phát từ mối quan hệ giữa sĩ quan hậu cần với sĩ quan kỹ thuật ($p = 0.001 (<0.05)$).

Tóm lại, TTCĐ của BĐTTG hiện nay ở mức độ *cao, tích cực*. Trong đó mặt nhận thức có chỉ số cao nhất, thấp nhất là mặt hành động, tuy nhiên chỉ số mức độ chênh lệch giữa các mặt biểu hiện TTCĐ là không nhiều và không có ý nghĩa thống kê. Giữa các mặt biểu hiện TTCĐ với nhau có mối tương quan thuận từ tương đối mạnh đến rất mạnh; giữa các mặt biểu hiện với TTCĐ có mối tương quan thuận và rất mạnh, trong đó mạnh nhất là mặt xúc cảm - tình cảm và mặt nhận thức với TTCĐ. TTCĐ của CBQL cao hơn QNCN, HSQ - BS, sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê; sự khác biệt đó không xuất phát từ nhóm tuổi quân mà là từ nhóm cấp bậc: Từ các mối quan hệ giữa HSQ - BS và QNCN, sĩ quan trung cấp và QNCN, sĩ quan sơ cấp và sĩ quan trung cấp. Trong nhóm CBQL đơn vị, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm khác nhau chức vụ, nhưng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm khác nhau ngạch sĩ quan về mức độ TTCĐ; sự khác biệt đó từ mối quan hệ giữa sĩ quan hậu cần với sĩ quan kỹ thuật.

4.1.2.2. Mối quan hệ giữa mức độ tâm thế chiến đấu và mức độ hoàn thành hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp

TTCĐ và kết quả hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG có mối quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau. Kết quả mức độ hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ sẽ củng cố, nâng cao TTCĐ ứng phó với các tình huống chiến đấu xảy ra. Ngược lại khi BĐTTG có TTCĐ cao, tích cực sẽ luôn nỗ lực cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ đạt mức cao hơn. TTCĐ là cơ sở tâm lý để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị của BĐTTG.

Kết quả tự đánh giá mức độ hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG [Phụ lục 8.1] cho thấy, mức độ hoàn thành nội dung HL - SSCĐ hiện nay của BĐTTG ở đơn vị nói chung ở mức *cao* (ĐTB = 3.88). Các hoạt động HL - SSCĐ đều được đánh giá hoàn thành ở mức *cao* (ĐTB: 3.70 - 4.00); trong đó chỉ số cao nhất là *Hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị*

và thấp nhất là *Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp*. Nhìn chung, kết quả các nội dung HL - SSCĐ của BĐTTG hiện nay ở mức *cao*, dựa trên sự tự đánh giá của họ về các hoạt động HL - SSCĐ, phản ánh phù hợp với thực tế kết quả thực hiện nhiệm vụ ở đơn vị.

Phân tích kết quả hoạt động ở các đơn vị nghiên cứu, thông qua các nghị quyết, báo cáo tổng kết về công tác HL - SSCĐ ở Lữ đoàn 201, Lữ đoàn 215, Trường Sĩ quan TTG - Binh chủng TTG, Lữ đoàn 206 - Quân khu 4 cho thấy, những năm gần đây, kết quả thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ ở các đơn vị này có kết quả cao: 100% đạt yêu cầu trở lên, trong đó có 75 % - 85% khá, giỏi và trên 10% đạt giỏi, nhiều năm là đơn vị đạt huân luyện giỏi. Trong chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp và thực hiện các nhiệm vụ SSCĐ đều hoàn thành khá, tốt các nội dung xác định, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, vũ khí trang bị và các mục tiêu được giao [6], [9].

So sánh mức độ TTCĐ và mức độ hoàn thành nội dung HL - SSCĐ của BĐTTG. Kết quả [Phụ lục 8.2] cho thấy: Mức độ TTCĐ và mức độ hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG cùng trong khoảng *cao, tích cực* ($3.40 < \text{ĐTB} \leq 4.20$). Tuy nhiên mức độ TTCĐ có điểm số cao hơn điểm số kết quả hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ ở BĐTTG, nhưng khoảng cách chênh lệch đó không nhiều và không có ý nghĩa thống kê. Điều đó cũng phù hợp với thực tiễn vì kết quả hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ bị chi phối toàn diện bởi nhiều nguyên nhân, trong đó về mặt trạng thái tâm lý SSCĐ thì TTCĐ là một nội dung có vai trò quan trọng, bên cạnh còn có những nguyên nhân khác.

Nhằm tìm hiểu mối quan hệ giữa mức độ TTCĐ và mức độ hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG ở đơn vị, tác giả tiến hành kiểm định tương quan Pearson. Kết quả kiểm định [Phụ lục 8.3] cho thấy $r = 0.525$, $**p = 0,000$ ($<0,001$), có ý nghĩa về mặt thống kê. Điều này khẳng định giữa TTCĐ với mức độ hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG có mối tương quan thuận, tương đối mạnh. Nói cách khác, một trong hai nội dung, giữa TTCĐ của BĐTTG hoặc mức độ hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG tăng lên

(hoặc giảm xuống) mức độ nào thì sẽ kéo nội dung còn lại cũng sẽ tăng lên (hoặc giảm đi) theo mức độ tương ứng với cường độ tương đối mạnh.

Tóm lại, BĐTTG hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ ở mức cao. Giữa TTCĐ và kết quả hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG đều có mức độ cao, đồng đều. Tuy nhiên mức độ TTCĐ có điểm số cao hơn mức độ hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ, và mức chênh lệch đó là không nhiều, không có ý nghĩa thống kê. Giữa TTCĐ và kết quả hoàn thành hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG có mối tương quan thuận, tương đối mạnh. Quan hệ giữa TTCĐ và kết quả hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG là mối quan hệ qua lại thống nhất, chặt chẽ, tác động nảy sinh trong nhau, bổ sung cho nhau hướng tới thực hiện hoạt động HL - SSCĐ và chiến đấu.

4.2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội Nhân dân Việt Nam

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trong tâm lý học về yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành, thay đổi tâm thế, TTCĐ. Tác giả cho rằng, TTCĐ của BĐTTG hiện nay chịu ảnh hưởng bởi nhóm yếu tố bên trong thuộc về BĐTTG và nhóm yếu tố bên ngoài; trong mỗi nhóm yếu tố lại chứa các yếu tố thành phần khác nhau. Nhằm đánh giá độ tin cậy của cả thang đo và các chỉ báo, chúng tôi đã sử dụng mô hình tương quan Cronbach's Alpha [Phụ lục 9.1]. Kết quả phân tích độ tin cậy của bảng hỏi về các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG cho thấy, hệ số tin cậy Cronbach's Alpha = 0.88 > 0.6; các chỉ báo thành phần có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha > 0.6. Điều đó cho phép chúng tôi sử dụng thang đo trong điều tra thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN.

4.2.1. Các yếu tố bên trong

TTCĐ của BĐTTG là trạng thái tâm lý sẵn sàng hành động của chủ thể đối với hoạt động chiến đấu, thể hiện qua sự thống nhất từ nhận thức đến xúc cảm - tình cảm và hành động với hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. TTCĐ của BĐTTG chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố bên trong thuộc về BĐTTG, đó là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến TTCĐ của họ. Mức độ ảnh hưởng của nhóm yếu tố bên trong đến TTCĐ của BĐTTG được thể hiện qua bảng dưới đây [Phụ lục 9.2]:

Bảng 4.6. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên trong tới TTCĐ của BĐTTG

S T T	Yếu tố	Phân bố lựa chọn										ĐTB	ĐLC	Mức độ
		Không ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Bình thường		Mạnh		Rất mạnh				
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
1	Phẩm chất chính trị - tư tưởng	7	1,5	10	2,1	115	24,6	197	42,1	139	29,7	3.96	0.87	Mạnh
2	Truyền thống chiến đấu của BĐTTG	2	0,4	6	1,3	94	20,1	232	49,6	134	28,6	4.05	0.76	Mạnh
3	Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ	1	0,2	22	4,7	87	18,6	217	46,4	141	30,1	4.02	0.83	Mạnh
4	Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ	12	2,6	8	1,7	60	12,8	246	52,6	142	30,3	4.06	0.85	Mạnh
5	Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ	2	0,4	9	1,9	68	14,5	221	47,2	168	35,9	4.16	0.77	Mạnh
6	Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội	7	1,5	15	3,2	96	20,5	195	41,7	155	33,1	4.02	0.89	Mạnh
Các yếu tố bên trong												4.04	0.61	Mạnh

Kết quả Bảng 4.6 cho thấy, các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG ở mức độ *mạnh* (ĐTB chung = 4.04, ĐLC = 0.61), các yếu tố thành phần đều ở mức ảnh hưởng *mạnh* (ĐTB: 3.96 - 4.16) và không có sự chênh lệch đáng kể về mức độ ảnh hưởng giữa các yếu tố. Cụ thể:

Trong các yếu tố thành phần, *Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ* có ảnh hưởng mạnh nhất tới TTCĐ của BĐTTG. Tìm hiểu sâu hơn về nội dung này, chúng tôi nhận thấy có 389/468 (chiếm 83.2%) khách thể cho rằng năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ ảnh hưởng *mạnh* và *rất mạnh* đến TTCĐ của BĐTTG, trong khi tỷ lệ lựa chọn mức *ít ảnh hưởng* là 1.9 %, *không ảnh hưởng* là 0.4% và *bình thường* là 14.5%. Như vậy, BĐTTG đánh giá rất cao vai trò ảnh hưởng của năng lực, trình độ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ trong nâng cao TTCĐ của BĐTTG. Trao đổi với chúng tôi về nội dung này, Thiếu tá Nguyễn Việt X. (Lữ đoàn 215 - BCTTG) cho rằng: “*Hoạt động HL - SSCĐ gắn chặt với hoạt động quản lý - giáo dục bộ đội, đối tượng quản lý là quân nhân phần nhiều là những đồng chí đã có nhiều thâm niên công tác. Vì vậy trong hoạt động*

giáo dục bộ đội kết hợp với tổ chức các hoạt động HL - SSCĐ, yếu tố năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục cấp dưới là một trong những yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất tới tâm lý, TTCĐ của mỗi quân nhân trong đơn vị.” Tiếp tục đi sâu tìm hiểu yếu tố nào trong Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội thúc đẩy TTCĐ của BĐTTG. Các ý kiến được hỏi đều cho rằng Năng lực tổ chức chỉ huy huấn luyện, SSCĐ của CBQL là yếu tố thúc đẩy mạnh đến TTCĐ [Phụ lục 9.7]. Ngoài ra, trao đổi trực tiếp với nhiều CBQL ở đơn vị, chúng tôi được biết những yếu tố như trình độ hiểu biết và kỹ - chiến thuật vận dụng khoa học - nghệ thuật TTG trong HL - SSCĐ; năng lực giáo dục, thuyết phục bộ đội; trình độ hiểu biết và duy trì kỷ luật quân đội, quy định đơn vị... cũng là những yếu tố quan trọng trong năng lực, trình độ của cán bộ, chỉ huy ảnh hưởng thúc đẩy TTCĐ của BĐTTG. Qua quan sát trực tiếp các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị chúng cũng tôi cũng nhận thấy: CBQL, chỉ huy ở đơn vị nếu có trình độ, kiến thức, kỹ năng đúng, linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động HL - SSCĐ và quản lý, giáo dục bộ đội sẽ gắn kết, phát triển tập thể bước vào thực hiện các nội dung HL - SSCĐ đạt kết quả cao, bộ đội rất sẵn sàng bước vào thực hiện các nội dung HL - SSCĐ. Tuy nhiên nhóm CBQL, chỉ huy có được năng lực trên thường tập trung vào nhóm sĩ quan trung cấp và cao cấp, do họ có sự tích lũy về tri thức, kinh nghiệm, trải nghiệm trong môi trường thực tiễn hoạt động HL - SSCĐ thời gian nhiều hơn, nhóm sĩ quan sơ cấp (thiếu úy, trung úy) thường năng lực này còn thiếu và thấp.

Yếu tố có mức độ ảnh hưởng mạnh tiếp theo là *Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giúp trong HL - SSCĐ*: Có đến 82.9 % số khách thể được hỏi đánh giá đây là yếu tố có mức độ ảnh hưởng *mạnh* và *rất mạnh*, chỉ có 12.8% đánh giá *bình thường*, 4.3% cho rằng *ít ảnh hưởng* và *không ảnh hưởng* tới TTCĐ. Yếu tố kinh nghiệm, vốn sống trong hoạt động HL - SSCĐ có vai trò rất quan trọng, có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm TTCĐ của BĐTTG. Kết quả chỉ ra, BĐTTG có tuổi quân trên từ 10 năm trở lên có TTCĐ cao hơn BĐTTG có tuổi quân dưới 10 năm; điều đó có nghĩa kinh nghiệm, vốn sống tác động tới TTCĐ. Thực tế quan sát ở đơn vị TTG cho thấy: Là đơn vị kỹ thuật đòi hỏi thời gian công tác lâu dài nên lực

lượng QNCN là chủ yếu, lực lượng HSQ - BS ít; yếu tố thời gian công tác phục vụ trong quân đội ảnh hưởng khá lớn tới tư tưởng an tâm công tác. Chính vì vậy, khi được hỏi các ý kiến trả lời cho rằng *Xu hướng nghề nghiệp quân sự rõ ràng* [Phụ lục 9.7] là yếu tố rất quan trọng, thúc đẩy *mạnh* TTCĐ của BĐTTG.

Cùng tương đương với yếu tố trên và có chỉ số mức độ ảnh hưởng khá mạnh là *Truyền thống chiến đấu của BĐTTG*. Đây là yếu tố có vai trò thúc đẩy TTCĐ của BĐTTG. Các ý kiến được hỏi cho rằng *Truyền thống “đã ra quân là đánh thắng”* [Phụ lục 9.7] là truyền thống chiến đấu quan trọng nhất và có ảnh hưởng trực tiếp, thúc đẩy *mạnh* đến TTCĐ của BĐTTG. Hai yếu tố thành phần có cùng mức độ ảnh hưởng *mạnh* đến TTCĐ của BĐTTG *Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ* và *Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội*. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của hai yếu tố này theo hai chiều, có thể kìm hãm hoặc thúc đẩy TTCĐ của BĐTTG. Dù là yếu tố có ảnh hưởng *mạnh*, nhưng các ý kiến khi được hỏi cho rằng: *Hiện nay Kỹ xảo, kỹ năng trong HL - SSCĐ của một bộ phận thành viên kíp xe còn thiếu thành thực* là yếu tố *cản trở* đến TTCĐ của BĐTTG [Phụ lục 9.6].

Thực tế quan sát các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị cho thấy một số thành viên kíp xe, nhất là pháo thủ và nạp đạn còn lúng túng, thiếu thành thực trong quá trình vận hành, sử dụng vũ khí trang bị trên xe TTG khi thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ. Điều đó đã ảnh hưởng tới TTCĐ của cả kíp xe chiến đấu cũng như ở các quân nhân khác trong đơn vị. Ngược lại, trong yếu tố *Niềm tin của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội* có vai trò ảnh hưởng thúc đẩy TTCĐ của BĐTTG là *Niềm tin vào khả năng đánh thắng kẻ thù bằng cách đánh và vũ khí trang bị trong biên chế* [Phụ lục 9.7] ở người cán bộ lãnh đạo, chỉ huy là yếu tố quan trọng nhất, thúc đẩy *mạnh* đến TTCĐ. Trao đổi với chúng tôi về vấn đề này, đồng chí Đại tá Hồ Việt T. (Lữ đoàn 201 - Binh chủng TTG), cho rằng: *“Trong HL - SSCĐ, niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy là yếu tố tinh thần rất quan trọng. Nếu cán bộ không có niềm tin chiến thắng sẽ không có ý chí, quyết tâm chiến đấu cao trong thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ; đồng thời cũng không xây dựng, củng cố được niềm tin quyết chiến, quyết thắng cho tập thể đơn vị*

để hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Hiện nay đối với BĐTTG niềm tin vào khả năng đánh thắng kẻ thù bằng cách đánh và vũ khí trang bị trong biên chế là quan trọng nhất, thúc đẩy mạnh mẽ, trực tiếp tới TTCD của họ.”

Cùng ở mức độ ảnh hưởng *mạnh* tới TTCD của BĐTTG nhưng có điểm số thấp nhất là yếu tố *Phẩm chất chính trị - tư tưởng*. Tìm hiểu sâu về yếu tố này, các khách thể được hỏi lựa chọn, cho thấy: Có 3.6% chọn *không ảnh hưởng* và *ít ảnh hưởng*, 24.6% chọn mức *bình thường*, có tới 42.1% chọn ảnh hưởng *mạnh* và 29.7% lựa chọn ảnh hưởng *rất mạnh*. Như vậy, dù là yếu tố có mức độ ảnh hưởng thấp nhất, nhưng tần suất lựa chọn ở mức ảnh hưởng *mạnh* và *rất mạnh* vẫn chiếm tới 71.8%, và mức độ chênh lệch với yếu tố thành phần còn lại là không đáng kể. Trao đổi với các CBQL cấp lữ đoàn về nội dung nào trong *Phẩm chất chính trị - tư tưởng* là quan trọng nhất thúc đẩy TTCD ở BĐTTG; ý kiến phần lớn là *Lòng trung thành với Đảng, nhân dân và nhiệm vụ chiến đấu được giao* là yếu tố thúc đẩy quan trọng nhất. Kết quả điều tra các khách thể nghiên cứu cũng lựa chọn và đánh giá *Lòng trung thành với Đảng, nhân dân và nhiệm vụ chiến đấu được giao* là yếu tố thúc đẩy *mạnh* đến TTCD của BĐTTG [Phụ lục 9.7]. Trao đổi với đồng chí Thượng tá Nguyễn Thành Đ. (Lữ đoàn 201 - Binh chủng TTG), cho rằng: *“Phẩm chất chính trị - tư tưởng là một khái niệm rộng, là yếu tố đặc biệt quan trọng ảnh hưởng tới tinh thần - tâm lý chiến đấu của quân nhân nói chung và nhất là TTCD của BĐTTG. Hai khái niệm này có quan hệ chặt chẽ và cũng có tính độc lập tương đối với nhau, trong đó phẩm chất chính trị - tư tưởng là cơ sở và là yếu tố gián tiếp ảnh hưởng tới TTCD”*.

Tìm hiểu tương quan giữa nhóm yếu tố bên trong ảnh hưởng đến TTCD, tác giả kiểm định tương quan pearson. Kết quả kiểm định [Phụ lục 9.8] cho thấy: Nhìn chung giữa các chỉ báo thành phần với nhau và với tổng chung nhóm yếu tố bên trong thuộc về BĐTTG đều có mối tương quan thuận từ yếu, tương đối mạnh đến rất mạnh ($r: 0.245 - 0.783$). Điều này có nghĩa nếu yếu tố thành phần này tăng lên sẽ kéo theo yếu tố thành phần khác tăng lên và ngược lại, theo mức độ quan hệ từng cặp. Kết quả

tương quan các yếu tố thành phần và nhóm yếu tố bên trong tới TTCĐ của BĐTTG được thể hiện qua Bảng 4.7:

Bảng 4.7. Tương quan các yếu tố bên trong đến TTCĐ của BĐTTG

STT	Yếu tố ảnh hưởng	r	p	Tính chất, mức độ r
1	Phẩm chất chính trị - tư tưởng	0.348	0.000	Thuận, tương đối mạnh
2	Truyền thống chiến đấu của BĐTTG	0.387	0.000	Thuận, tương đối mạnh
3	Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ	0.438	0.000	Thuận, tương đối mạnh
4	Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ	0.294	0.000	Thuận, tương đối yếu
5	Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội	0.245	0.000	Thuận, tương đối yếu
6	Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội	0.247	0.000	Thuận, tương đối yếu
Các yếu tố bên trong		0.443	0.000	Thuận, tương đối mạnh

Từ Bảng 4.7 cho thấy, các yếu tố bên trong có mối tương quan *thuận và tương đối mạnh* tới TTCĐ. Trong mối quan hệ tương quan của các yếu tố thành phần với TTCĐ, có 3/6 yếu tố thành phần có mối tương quan thuận và tương đối mạnh tới TTCĐ, là các yếu tố *Phẩm chất chính trị - tư tưởng, Truyền thống chiến đấu của BĐTTG, Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ*. Điều đó có nghĩa BĐTTG khi có phẩm chất chính trị - tư tưởng vững vàng, kiên định; có hiểu biết sâu sắc về truyền thống chiến đấu của BĐTTG; có trình độ kiến thức, thành thực kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ thì sẽ ảnh hưởng mạnh, thúc đẩy TTCĐ ở họ. Có 3/6 yếu tố thành phần còn lại có mối tương quan thuận nhưng tương đối yếu, là các yếu tố *Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ, Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội, Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ*. Như vậy, bất kỳ yếu tố thành phần nào tăng hay giảm tác động cũng sẽ kéo theo sự tăng hay giảm sự tác động chung của các yếu tố thuộc về BĐTTG ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG ở mức độ tương ứng.

Tóm lại, Các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG hiện nay ở mức độ *mạnh*, điều này thể hiện trên 6 yếu tố chỉ báo thành phần. Trong đó, cao nhất là yếu tố *Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ*.

Các yếu tố có mức độ ảnh hưởng thấp nhất đến TTCĐ của BĐTTG hiện nay đó là *Phẩm chất chính trị - tư tưởng, Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ*. Các yếu tố bên trong có tương quan thuận và tương đối mạnh tới TTCĐ của BĐTTG. Trong các yếu tố thành phần, 3 yếu tố có chỉ số tương quan thuận và mạnh nhất là *Phẩm chất chính trị - tư tưởng, Truyền thống chiến đấu của BĐTTG, Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ chiến thuật TTG trong HL - SSCĐ*. Vì vậy để nâng cao sự ảnh hưởng của các yếu tố bên trong đến TTCĐ ở BĐTTG trước hết cần phải cần tập trung tác động tích cực tới các yếu tố trên theo hướng: Giáo dục nâng cao nhận thức về truyền thống chiến đấu của BĐTTG; tổ chức tốt các hoạt động rèn luyện kỹ xảo, kỹ năng, kỹ chiến thuật TTG trong các nội dung HL - SSCĐ khác nhau ở đơn vị.

4.2.2. Các yếu tố bên ngoài

Các yếu tố bên ngoài là những yêu cầu, điều kiện, môi trường hoạt động HL - SSCĐ... thuộc về tính chất hoạt động quân sự và các điều kiện xã hội khác ảnh hưởng trực tiếp đến TTCĐ của BĐTTG. Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG được “khúc xạ” qua những phẩm chất nhân cách, kinh nghiệm cá nhân của BĐTTG. Mức độ ảnh hưởng và tần suất lựa chọn của yếu tố bên ngoài tới TTCĐ của BĐTTG được tóm tắt qua Bảng 4.8 [Phụ lục 9.4]:

Bảng 4.8. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài tới TTCĐ của BĐTTG

STT	Yếu tố	Phân bố lựa chọn										ĐTB	ĐLC	Mức độ
		Không ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Bình thường		Mạnh		Rất mạnh				
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
1	Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ	7	1.5	3	0.6	65	13.9	241	51.5	152	32.5	4.13	0.78	Mạnh
2	Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ	3	0.6	6	1.3	61	13.0	219	46.8	179	38.2	4.21	0.76	Rất mạnh
3	Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	1	0.2	6	1.3	79	16.9	216	46.2	166	35.5	4.15	0.76	Mạnh
4	Đặc điểm, môi trường giáo dục,	3	0.6	18	3.8	105	22.4	202	43.2	140	29.9	3.98	0.86	Mạnh

	HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại													
5	vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ	3	0.6	11	2.4	89	19.0	220	47.0	145	31.0	4.05	0.81	Mạnh
6	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong HL - SSCĐ	7	1.5	13	2.8	93	19.9	185	39.5	170	36.3	4.06	0.90	Mạnh
Các yếu tố bên ngoài												4.10	0.57	Mạnh

Kết quả Bảng 4.8 cho thấy, các yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng *mạnh* đến TTCĐ của BĐTTG ($\text{ĐTB} = 4.10$, $\text{ĐLC} = 0.57$); trong đó 5/6 các yếu tố thành phần ảnh hưởng ở mức *mạnh*, 1/6 yếu tố thành phần ảnh hưởng mức *rất mạnh* đến TTCĐ của BĐTTG.

Trong số các yếu tố ảnh hưởng *mạnh* đến TTCĐ, yếu tố có chỉ số mức độ ảnh hưởng thấp nhất là *Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại*. Tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này, các ý kiến được hỏi đều cho rằng: Hiện nay *Điều kiện, phương tiện bảo đảm cho HL - SSCĐ còn thiếu thốn* là yếu tố *cản trở* tới TTCĐ của BĐTTG [Phụ lục 9.6]. Quan sát hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị chúng tôi thấy, BĐTTG gặp nhiều khó khăn bảo đảm các điều kiện, vật chất phục vụ HL - SSCĐ, như xăng dầu, xe HL - SSCĐ, thao trường, bãi tập, đạn pháo HL - SSCĐ... Các ý kiến khi được hỏi cho rằng *Điều kiện, môi trường HL - SSCĐ thuận lợi* và *Sự ủng hộ nhiệt tình của cán bộ và nhân dân địa phương nơi đóng quân* là những yếu tố quan trọng, thúc đẩy *mạnh* đến TTCĐ của BĐTTG trong HL - SSCĐ [Phụ lục 9.7].

Yếu tố *Vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ* có chỉ số cao nhưng vẫn ở mức ảnh hưởng *mạnh*. Đây là yếu tố vật chất đặc biệt quan trọng, không thể thiếu cho hoạt động chiến đấu được diễn ra và đạt kết quả cao, nhất là với lực lượng TTG - đơn vị kỹ thuật bảo đảm chiến đấu. Yếu tố này có ảnh hưởng hai chiều tới TTCĐ của BĐTTG: Thúc đẩy TTCĐ nếu vũ khí trang bị hiện đại, phù hợp với cách đánh và trình độ sử dụng của BĐTTG hoặc kìm hãm TTCĐ nếu vũ khí

trang bị lạc hậu, không phù hợp với cách đánh và trình độ sử dụng của BĐTTG. Qua điều tra, khảo sát các ý kiến đều cho rằng *Vũ khí trang bị kỹ thuật TTG trong biên chế còn lạc hậu, xuống cấp, thiếu đồng bộ* là nguyên nhân *cản trở* ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG hiện nay [Phụ lục 9.6]. Thực tế công tác và qua quan sát ở các đơn vị HL - SSCĐ của BĐTTG cho thấy, vũ khí trang bị của BĐTTG hiện nay đã khá lạc hậu, xuống cấp nhiều và thiếu đồng bộ; mỗi năm thời gian làm đồng bộ cho xe TTG để tránh hỏng hóc, xuống cấp là khá nhiều...

Có cùng mức độ ảnh hưởng *mạnh* tới TTCĐ của BĐTTG là yếu tố *Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong HL - SSCĐ*: Có 36.3% chọn ảnh hưởng *rất mạnh*, 39.5% chọn ảnh hưởng *mạnh*, 19.9% chọn mức ảnh hưởng *bình thường*, 2.8% là mức *ít ảnh hưởng* và *không ảnh hưởng* là 1.5%. Yếu tố này cũng ảnh hưởng TTCĐ theo hai hướng thúc đẩy hoặc kìm hãm, tùy theo tính chất phù hợp với yêu cầu của hoạt động HL - SSCĐ. Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG, có thể đối với việc mua sắm vũ khí trang bị hoặc đối với yếu tố con người hoạt động trong môi trường HL - SSCĐ. Các ý kiến cho rằng *Chính sách đãi ngộ hậu phương quân đội đối với BĐTTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ có mặt còn hạn chế* là nội dung quan trọng nhất, *cản trở* đến TTCĐ. [Phụ lục 9.6]. Liên quan về nội dung này, khi được hỏi về yếu tố thúc đẩy TTCĐ các ý kiến cho rằng, *Hậu phương, gia đình vững chắc* là yếu tố quan trọng, thúc đẩy *mạnh* TTCĐ của họ [Phụ lục 9.7]. Thực tế cho thấy các đơn vị HL - SSCĐ của BĐTTG thường ở những vùng sâu, vùng xa, cán bộ chiến sĩ thường xuyên phải trực SSCĐ, xa gia đình, thời gian được về giải quyết việc gia đình ít. Nên việc lãnh đạo, chỉ huy và các tổ chức trong đơn vị quan tâm, chăm lo vấn đề hậu phương quân đội tới quân nhân có ý nghĩa động viên, khuyến khích họ rất lớn trong thực hiện hoạt động HL - SSCĐ, nâng cao TTCĐ cho họ. Các ý kiến được hỏi cũng cho rằng *Sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp* cũng là yếu tố quan trọng, thúc đẩy *mạnh* TTCĐ của BĐTTG hiện nay [Phụ lục 9.7].

Có chỉ số mức độ cao hơn là yếu tố *Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ*. Kết quả tần suất lựa chọn của các ý kiến trả lời, cho thấy: Có đến 83.6% chọn là yếu tố ảnh hưởng *mạnh* đến *rất mạnh* , 13.9% chọn mức *bình thường* , chỉ có 2.1% chọn *ít ảnh hưởng* và *không ảnh hưởng* tới TTCĐ [Phụ lục 9.5]. Trong điều kiện chiến đấu hiện đại, yếu tố thông tin có vai trò đặc biệt quan trọng bảo đảm yếu tố bí mật, bất ngờ trong tác chiến công nghệ cao. Với đặc thù TTG trong hoạt động HL - SSCĐ, thông tin liên lạc giữa các xe và trung tâm chỉ huy là kênh quan trọng nhất để tổ chức hiệp đồng chiến đấu. Khi được hỏi, các ý kiến cho rằng *Thông tin trong hoạt động HL - SSCĐ chọn lọc, chính xác, kịp thời* (địch, địa hình, ta, vũ khí trang bị...) là yếu tố quan trọng nhất, thúc đẩy *mạnh* TTCĐ của BĐTTG hiện nay [Phụ lục 9.7]. Như vậy BĐTTG đánh giá cao mức độ ảnh hưởng của yếu tố thông tin trong hoạt động HL - SSCĐ tới TTCĐ của họ. Đây cũng là thực tiễn khách quan, nhất là với những đơn vị kỹ thuật bảo đảm chiến đấu hiệp đồng quân, binh chủng như BĐTTG.

Yếu tố có điểm số mức độ ảnh hưởng *mạnh* cao nhất là *Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc* . Tần suất lựa chọn mức độ của yếu tố này được thể hiện: Chỉ có 1.5% trả lời *không ảnh hưởng* và *ít ảnh hưởng* , 16.9% chọn ảnh hưởng *bình thường* , có tới 81.6 % chọn ảnh hưởng *mạnh* và *rất mạnh* . Như vậy, yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến đấu hiện đại đã trực tiếp tác động tới trạng thái tâm lý sẵn sàng ứng phó với tình huống chiến đấu của BĐTTG. Đó là những yêu cầu về kỹ năng, kỹ chiến thuật chiến đấu; yêu cầu về tinh thần - thể lực trong chiến đấu; yêu cầu về tính chất, mức độ trong từng nhiệm vụ chiến đấu được giao trong chiến đấu hiện đại.

Trong các yếu tố, *Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ* có mức độ ảnh hưởng cao nhất - *rất mạnh* tới TTCĐ (ĐTB = 4.21). Đây là môi trường gần, trực tiếp ảnh hưởng tới TTCĐ, các yếu tố thuộc về môi trường xã hội, quân đội muốn phát huy vai trò ảnh hưởng phải “khúc xạ” qua yếu tố này. Tần

suất lựa chọn mức độ ảnh hưởng tới TTCĐ của khách thể nghiên cứu cho thấy: Chiếm tới 85% ý kiến đánh giá mức ảnh hưởng *rất mạnh* và *mạnh*, có 15% chọn mức *bình thường*, *ít ảnh hưởng* và *không ảnh hưởng*. Như vậy, BĐTTG đánh giá rất cao vai trò ảnh hưởng của yếu tố giao tiếp và bầu không khí tâm lý trong tập thể quân nhân trong hoạt động HL - SSCĐ tới TTCĐ của họ. Đi sâu vào tìm hiểu yếu tố này, các ý kiến được hỏi đều cho rằng *Bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể đơn vị* và *Chất lượng giao tiếp nhóm trong đơn vị, kíp xe* có ảnh hưởng thúc đẩy *mạnh* TTCĐ của BĐTTG [Phụ lục 9.7]. Điều đó cho thấy, xây dựng bầu không khí tâm lý dân chủ, đoàn kết gắn với cải thiện chất lượng giao tiếp trong tập thể đơn vị, nhất là trong kíp xe; tạo ra sự thân thiện, quan tâm chia sẻ, tin tưởng giúp đỡ nhau khi thực hiện nội dung HL - SSCĐ và sinh hoạt trong đơn vị sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ, thúc đẩy TTCĐ tích cực của BĐTTG.

Tìm sự tương quan giữa các yếu tố thành phần và với tổng chung các yếu tố bên ngoài bằng kiểm định tương quan pearson [Phụ lục 9.9]. Kết quả kiểm định r cho thấy, mối tương quan giữa các biến thành phần với nhau và biến thành phần với biến phụ thuộc đều có tương quan thuận ở mức yếu, tương đối mạnh đến rất mạnh ($r: 0.14 - 0.75, p < 0.01$). Trong đó mối tương quan thuận nhưng yếu nhất là giữa *Thông tin trong hoạt động HL - SSCĐ* với *Chính sách kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG*. Các mối tương quan thuận và rất mạnh thuộc về ba biến thành phần với biến tổng thể, đó là *Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại*, *Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ* với *Các yếu tố bên ngoài*. Điều này có nghĩa nếu biến thành phần này tăng lên hoặc giảm đi sẽ kéo theo biến thành phần khác và biến tổng thể cũng tăng lên hoặc giảm đi theo các mức độ tương đương của mỗi cặp từ yếu, tương đối mạnh đến rất mạnh. Các kết quả tương quan nhóm yếu tố bên ngoài tới TTCĐ được tóm tắt qua Bảng 4.9 [Phụ lục 9.9]:

Bảng 4.9. Tương quan các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến TTCD của BĐTTG

STT	Yếu tố ảnh hưởng	r	p	Tính chất, mức độ r
1	Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ	0.319	0,000	Thuận, tương đối mạnh
2	Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ	0.252	0,000	Thuận, tương đối yếu
3	Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và CD của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	0.378	0,000	Thuận, tương đối mạnh
4	Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại	0.300	0,000	Thuận, tương đối yếu
5	vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ	0.287	0,000	Thuận, tương đối yếu
6	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG	0.255	0,000	Thuận, tương đối yếu
Các yếu tố bên ngoài		0.424	0,000	Thuận, tương đối mạnh

Bảng 4.9 cho thấy, nhìn chung các yếu tố bên ngoài có tương quan thuận và tương đối mạnh tới TTCD của BĐTTG. Có 4/6 yếu tố thành phần có mối tương quan thuận nhưng tương đối yếu. Có 2/6 yếu tố thành phần có mối tương quan thuận và tương đối mạnh tới TTCD, là: *Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc* và *Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ*. Vì vậy khi xác định nhiệm vụ SSCĐ phù hợp, rõ ràng; cung cấp thông tin chọn lọc, khoa học, có chủ đích sẽ có ý nghĩa thúc đẩy TTCD của BĐTTG. Kết quả kiểm định có thể khẳng định: Bất cứ yếu tố thành phần nào thuộc các yếu tố bên ngoài tăng hoặc giảm cũng sẽ kéo theo sự tăng hoặc giảm mức độ ảnh hưởng tương đương tới nhóm *Các yếu tố bên ngoài* và tới TTCD của BĐTTG; trong đó *Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc* và *Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ* có mức độ tương quan mạnh nhất.

Tóm lại, các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng mạnh đến TTCD của BĐTTG. Trong đó 5/6 yếu tố thành phần có mức độ ảnh hưởng khá mạnh, chỉ số mạnh nhất là *Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*. Đặc biệt yếu tố *Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ* có mức độ ảnh hưởng

rất mạnh tới TTCĐ của BĐTTG. Nhóm yếu tố bên trong có tương quan thuận và tương đối mạnh tới TTCĐ của BĐTTG. Giữa các yếu tố thành phần có mối tương quan thuận với mức tương đối yếu và tương đối mạnh với nhau. Các yếu tố thành phần cũng có mối tương quan thuận từ tương đối yếu đến tương đối mạnh tới TTCĐ của BĐTTG, trong đó *Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc* và *Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ* có tương quan thuận và tương đối mạnh. Do đó để phát huy sự ảnh hưởng của các yếu tố bên trong đến TTCĐ, cần chú trọng vai trò đặc biệt của hai yếu tố này bên cạnh thúc đẩy vai trò toàn diện của các yếu tố còn lại.

Nhận xét chung, TTCĐ của BĐTTG chịu ảnh hưởng của các yếu tố: Các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài, mỗi nhóm lại có các yếu tố thành phần. Cả hai nhóm yếu tố đều có ảnh hưởng *mạnh*, có mối tương quan thuận và tương đối mạnh với TTCĐ của BĐTTG. Nhóm yếu tố bên trong có điểm số mức độ ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG thấp hơn nhóm yếu tố bên ngoài, nhưng lại có chỉ số tương quan *mạnh* hơn nhóm yếu tố bên ngoài với TTCĐ của BĐTTG. Tuy nhiên mức chỉ số chênh lệch đó không đáng kể và không có ý nghĩa thống kê. Các yếu tố thành phần và tổng chung các yếu tố có mối tương quan thuận với nhau từ yếu, tương đối mạnh đến rất mạnh. Để nâng cao TTCĐ của BĐTTG cần phát huy toàn diện các tác động tích cực, thúc đẩy của các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ. Trong đó cần quan tâm trước tiên đối với các yếu tố, như phẩm chất chính trị - tư tưởng; trình độ kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật trong HL - SSCĐ; năng lực, trình độ của cán bộ, chỉ huy trong HL - SSCĐ; yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ; thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ; sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ. Tìm hiểu thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở xác định biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ của BĐTTG hiện nay.

4.3. Biện pháp tâm lý - xã hội nâng cao tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và kết quả thực trạng về TTCĐ của BĐTTG, tác giả đề xuất một số biện pháp TL - XH cơ bản góp phần nâng cao TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN hiện nay.

4.3.1. Nâng cao nhận thức của Bộ đội Tăng thiết giáp về hoạt động chiến đấu thông qua giáo dục các nội dung huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu ở đơn vị

Đây là biện pháp cơ bản, then chốt nhằm củng cố, nâng cao mặt nhận thức trong TTCĐ của BĐTTG. Thực chất của biện pháp này là sử dụng các tác động sư phạm, thông qua các nội dung HL - SSCĐ của đơn vị, để nâng cao nhận thức cho BĐTTG về hoạt động chiến đấu. Chủ thể tiến hành các hoạt động giáo dục là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý từng cấp trong lực lượng TTG; đối tượng của hoạt động giáo dục là các tập thể BĐTTG thuộc quyền. Các đơn vị HL - SSCĐ của BĐTTG, hoạt động chiến đấu được thể hiện dưới dạng tình huống chiến đấu giả định trong các nội dung HL - SSCĐ, được cụ thể trong mệnh lệnh HL - SSCĐ hàng năm của thủ trưởng quân khu, quân đoàn, quân - binh chủng, và chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của mỗi đơn vị cơ sở, với nhiều nội dung quan trọng, xoay quanh hai nhiệm vụ trung tâm là huấn luyện và SSCĐ.

Nâng cao nhận thức về hoạt động chiến đấu của BĐTTG thông qua các nội dung HL - SSCĐ cần hướng vào bốn hoạt động cơ bản, đó là: Hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị; hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; hoạt động chuyên trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp; hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng...). Trong đó, hoạt động chuyên trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp và hoạt động trực SSCĐ của đơn vị là hoạt động thực hành luyện tập, xử trí các tình huống chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ chiến đấu giả định, trên cơ sở của hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ và hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG.

Nâng cao nhận thức của BĐTTG về hoạt động chiến đấu thông qua giáo dục các nội dung HL - SSCĐ cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau:

Giáo dục nâng cao nhận thức về giá trị ý nghĩa, vai trò của hoạt động chiến đấu thông qua thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ. Cần làm cho BĐTTG thông qua các hoạt động HL - SSCĐ thấy được ý nghĩa chính trị - xã hội, tầm quan trọng, vị trí của mỗi hoạt động trong thực hiện nhiệm vụ chiến đấu được giao. Thông qua nhận thức về tầm quan trọng, vai trò của mỗi hoạt động HL - SSCĐ, BĐTTG có ý thức trách nhiệm và quyết tâm chiến đấu cao, bước đầu hình thành xúc cảm - tình cảm tích cực; nhận thức được vị trí, chức năng của mỗi hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chiến đấu xảy ra. Đây là bước đầu tiên rất quan trọng nhằm nâng cao nhận thức về các nội dung HL - SSCĐ. Mỗi hoạt động cần xác định rõ tính chất, nhiệm vụ, ý nghĩa của từng hoạt động tham gia vào quá trình thực hiện nhiệm vụ chiến đấu như thế nào, xác định được mục tiêu nhiệm vụ bao trùm và những định hướng phải thực hiện trong mỗi hoạt động HL - SSCĐ trong thực hiện nhiệm vụ chiến đấu được giao.

Giáo dục nâng cao nhận thức về chức trách, nhiệm vụ của bản thân và chức trách, nhiệm vụ của đồng chí, đồng đội trong chiến đấu thông qua các hoạt động HL - SSCĐ. BĐTTG cần phải được giáo dục, quán triệt sâu sắc, nắm vững chức trách nhiệm vụ của bản thân và của đồng chí đồng đội theo phương châm: Hiểu sâu sắc, nắm vững chức trách nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu; hiểu chức trách, nhiệm vụ của các thành viên khác trong kíp xe để sẵn sàng thay thế, giúp đỡ, ứng phó khi có tình huống chiến đấu. Đây là tiền đề quan trọng để BĐTTG thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu của mình khi đối mặt với các tình huống chiến đấu xảy ra, đảm bảo đúng chức trách, nhiệm vụ. BĐTTG thông qua từng tình huống chiến đấu giả định, từng đề mục huấn luyện, từng bài luyện tập trong các nội dung HL - SSCĐ có thể xác định được chức trách nhiệm vụ của bản thân và đồng chí, đồng đội trong chiến đấu. Trên cơ sở đó sẵn sàng có các hành động chiến đấu đúng đắn trước khi bước vào chiến đấu.

Giáo dục nâng cao nhận thức về các nội dung hành động chiến đấu; các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu thông qua các hoạt động HL -

SSCĐ. Thông qua nội dung HL - SSCĐ cụ thể ở đơn vị cần trang bị cho BĐTTG nhận thức rõ được các nội dung phải thực hiện trong chiến đấu, các phương pháp, cách thức sử dụng kỹ năng, kỹ - chiến thuật trong chiến đấu. Từ đó BĐTTG biết những công việc cần tiến hành và cách tiến hành các nội dung công việc trong hoạt động chiến đấu theo những tình huống HL - SSCĐ giả định được huấn luyện, giáo dục. Trên cơ sở đó có xúc cảm - tình cảm tích cực và hình thành sự sẵn sàng hành động mạnh mẽ, chuẩn xác khi phản ứng với các tình huống, nhiệm vụ chiến đấu xảy ra; củng cố niềm tin chiến thắng vào chiến thuật, cách đánh của BĐTTG. Thực chất nội dung này là tác động nâng cao nhận thức nhằm giúp BĐTTG nắm chắc thứ tự các hành động chiến đấu, các phương pháp, cách thức triển khai thực hiện các hành động chiến đấu để đạt hiệu quả; đó còn là cách đánh, chiến thuật TTG nhằm tiêu diệt địch trong các tình huống, nhiệm vụ chiến đấu khác nhau. Mỗi hoạt động HL - SSCĐ chỉ ra nội dung, phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu khác nhau, cần xác định tính đặc thù của mỗi nội dung hoạt động để lựa chọn giáo dục, tác động tới BĐTTG cho phù hợp.

Giáo dục nâng cao nhận thức về các điều kiện, phương tiện, vũ khí trang bị sử dụng trong chiến đấu thông qua hoạt động HL - SSCĐ. Qua hoạt động HL - SSCĐ diễn ra ở đơn vị tác động, nâng cao nhận thức, hiểu biết của BĐTTG về điều kiện, môi trường trong chiến đấu; hiểu biết về các phương tiện, vũ khí trang bị trong biên chế được trang bị, sử dụng trong chiến đấu. Đây là nội dung nhận thức rất quan trọng, tạo ra mức độ hiểu biết làm cơ sở cho quá trình thực hành các thao tác sử dụng vũ khí trang bị trong chiến đấu thông qua các hoạt động HL - SSCĐ. Nâng cao nhận thức về các điều kiện, phương tiện, vũ khí trang bị sử dụng trong chiến đấu thông qua các hoạt động HL - SSCĐ giúp BĐTTG củng cố, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ sử dụng và làm chủ vũ khí, khí tài trong quá trình thực hành các hành động chiến đấu. Từ đó củng cố niềm tin vào vũ khí trang bị được biên chế trong chiến đấu, hình thành sự sẵn sàng hành động với các nhiệm vụ chiến đấu khi xảy ra.

Giáo dục nâng cao nhận thức về đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu thông qua hoạt động HL - SSCĐ. Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG có ý nghĩa

rất quan trọng, nói lên tính đặc thù trong HL - SSCĐ của BĐTTG trong mọi điều kiện. BĐTTG có TTCĐ tích cực phải có nhận thức cao, hiểu biết sâu sắc về đặc điểm HL - SSCĐ nhằm hình thành sự sẵn sàng hành động, trước khi bước vào thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu được giao. Đặc điểm HL - SSCĐ thể hiện tính đặc thù của BĐTTG được thể hiện trên tất cả các nội dung hoạt động HL - SSCĐ của đơn vị: Từ môi trường, điều kiện HL - SSCĐ, tính chất HL - SSCĐ, đặc điểm và tính chất của vũ khí trang bị trong chiến đấu ... Thông qua mỗi hoạt động HL - SSCĐ cần giáo dục, nâng cao nhận thức, làm rõ tính chất, đặc điểm HL - SSCĐ cho BĐTTG trong từng hoạt động cụ thể, từ đó tác động tích cực tới mặt nhận thức và xúc cảm - tình cảm, hình thành các biểu tượng trong chiến đấu. Qua đó củng cố TTCĐ của BĐTTG.

Mỗi hoạt động có chức năng, nhiệm vụ khác nhau và đều có vai trò hướng tới bảo đảm cho hoạt động chiến đấu của BĐTTG diễn ra đạt hiệu quả.

4.3.2. Giáo dục truyền thống chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp gắn với xây dựng bầu không khí tích cực, tinh thần đoàn kết gắn bó với tập thể trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Đây là biện pháp rất quan trọng góp phần hình thành phẩm chất chính trị - tư tưởng, sự đoàn kết gắn bó trong tập thể, củng cố xúc cảm - tình cảm tích cực và ý chí SSCĐ, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc khi đối mặt tình huống chiến đấu xảy ra; củng cố niềm tin quyết chiến, quyết thắng ở BĐTTG.

Về nội dung giáo dục truyền thống chiến đấu, SSCĐ hy sinh vì Tổ quốc rất phong phú, đa dạng cần tập trung vào một số nội dung cơ bản:

- Giáo dục truyền thống chiến đấu anh dũng, kiên cường đánh giặc ngoại xâm của cha ông ta trong lịch sử.

- Giáo dục về truyền thống chiến đấu quyết chiến, quyết thắng của quân đội; truyền thống chiến đấu “Đã ra quân là đánh thắng” của BĐTTG.

- Tuyên truyền, giáo dục về những chiến công, những bài học kinh nghiệm của quân đội và BĐTTG trong chiến tranh giải phóng.

- Giáo dục, tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, những tấm gương anh hùng, tiêu biểu đã vượt qua khó khăn, anh dũng chiến đấu hy sinh trong thực hiện nhiệm vụ chiến đấu của quân đội, đặc biệt là của BĐTTG.

Tiến hành giáo dục thống chiến đấu bảo đảm được các yêu cầu cơ bản:

Thứ nhất, hoạt động giáo dục phải thường xuyên, liên tục gắn với đẩy mạnh đột kích, có điểm nhấn trong những giai đoạn, thời điểm cùng với hoạt động thi đua của đơn vị. Tránh trường hợp chủ quan, coi nhẹ hoạt động giáo dục truyền thống chiến đấu, tinh thần SSCĐ hy sinh vì Tổ quốc trong thời bình; hay hoạt động giáo dục truyền thống, tính chất mùa vụ, thụ động, không có chương trình kế hoạch xác định, phương pháp, hình thức tổ chức nghèo nàn khiến cho BĐTTG có cảm giác nhàm chán, không tạo được ấn tượng sâu sắc và động lực SSCĐ ở mỗi thành viên kíp xe.

Thứ hai, nội dung giáo dục truyền thống chiến đấu của đơn vị, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc phải bảo đảm tính chọn lọc, thiết thực và hiệu quả. Con người, sự việc, vấn đề được lựa chọn giáo dục cho BĐTTG phải thực sự tiêu biểu, điển hình tiên tiến theo mục đích cụ thể đã xác định, phù hợp với đối tượng giáo dục, tuyên truyền. Nội dung tuyên truyền, giáo dục không tham nhiều, dàn trải, lan man tạo ra trạng thái không tập trung, không tạo ra được cảm xúc tích cực, sâu sắc cho BĐTTG về vấn đề được giáo dục. Mỗi hoạt động giáo dục phải có kế hoạch, chương trình cụ thể, xác định mục đích dự kiến đạt được rõ ràng.

Thứ ba, nội dung, phương pháp giáo dục phải đảm bảo tính định hướng tư tưởng; kịp thời, khơi dậy được lòng tự hào dân tộc, tự hào với truyền thống chiến đấu của BĐTTG, ý chí sẵn sàng nhận nhiệm vụ chiến đấu, luôn tích cực, cố gắng, nỗ lực trong thực hiện các nhiệm vụ HL - SSCĐ tại đơn vị. Trong thời đại công nghệ thông tin thì hoạt động định hướng tư tưởng khi tiến hành giáo dục truyền thống chiến đấu có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nhằm chống lại các luận điệu “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, phi chính trị hóa quân đội trong BĐTTG; xuyên tạc nói xấu lãnh tụ Đảng, Nhà nước, quân đội, các anh hùng dân tộc, bóp méo lịch sử... Nội dung giáo dục phải phù hợp mục đích đề ra, phù hợp với đối tượng xác định và phải bảo đảm kịp thời.

Tiến hành giáo dục truyền thống chiến đấu của đơn vị gắn với tăng cường giáo dục xây dựng tinh thần đoàn kết, gắn bó trong tập thể và ý thức trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ HL - SSCĐ nhằm xây dựng được mối quan hệ qua

lại và bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể đơn vị. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục tác động tới nhận thức, làm cho quân nhân thấy rõ vai trò, tầm quan trọng, ý nghĩa chính trị - xã hội cao cả của hoạt động HL - SSCĐ trong bảo đảm sức mạnh chiến đấu và khả năng SSCĐ của đơn vị. Quán triệt các chỉ thị, mệnh lệnh HL - SSCĐ gắn với giáo dục xác định rõ chức trách, nhiệm vụ được giao của mỗi quân nhân; giúp quân nhân nắm chắc được chức trách nhiệm vụ, mệnh lệnh của người chỉ huy cấp trên, nhiệm vụ bản thân cần phải tiến hành để có nhận thức, sức khỏe và rèn luyện kỹ năng, sẵn sàng cho các hành động chiến đấu.

Xây dựng mối quan hệ qua lại và bầu không khí tâm lý tích cực trong đơn vị cần thông qua tổ chức các hoạt động sống và giao lưu cho tập thể BĐTTG bảo đảm dân chủ, thân thiện, cởi mở, hài hòa các lợi ích vật chất và tinh thần, gắn chặt với hoạt động thi đua của đơn vị.

4.3.3. Hình thành những biểu tượng trong chiến đấu hiện đại thông qua đổi mới hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu sát với yêu cầu chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

Đây là biện pháp tác động bao trùm tới toàn diện các mặt nhận thức, xúc cảm - tình cảm, hành động trong TTCĐ của BĐTTG. Đổi mới toàn diện nội dung, phương pháp HL - SSCĐ, điều kiện, vũ khí trang bị phục vụ HL - SSCĐ bảo đảm sát, đúng với yêu cầu SSCĐ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và thực tế chiến đấu hiện đại của BĐTTG nhằm rèn luyện khả năng chịu đựng và sự “thích nghi môi trường” chiến đấu cho BĐTTG. Từ đó có những xúc cảm - tình cảm tích cực, ổn định, hình thành biểu tượng phù hợp, đúng đắn về điều kiện chiến đấu hiện đại, tạo ra trạng thái sẵn sàng hành động ở BĐTTG khi đối phó với tình huống thực tế chiến đấu xảy ra. Thực chất của biện pháp này là tác động nhằm nâng cao nhận thức; củng cố, rèn luyện mặt hành vi, hành động và sự vững vàng về xúc cảm - tình cảm tích cực trong TTCĐ của BĐTTG trước yêu cầu SSCĐ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện chiến đấu hiện đại thông qua hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị. TTCĐ của BĐTTG trong chiến đấu hiện đại biểu hiện ở biểu tượng rõ ràng hay mơ hồ về tình huống chiến đấu xảy ra, biểu tượng về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, biểu tượng về vũ khí cũng như phương tiện chiến đấu của kẻ thù sử dụng.

Mức độ chính xác của các hoạt động cơ quan cảm giác, đặc biệt là thị - thính giác, tốc độ và chất lượng của thao tác tư duy; tốc độ và khối lượng của quá trình chú ý; mức độ của xúc cảm - tình cảm; tốc độ chính xác của các hành động, đặc biệt là các kỹ xảo chiến đấu... Thông qua diễn tập chuyển trạng thái SSCĐ, các biểu tượng về chiến tranh, về kẻ thù, được hình thành, củng cố, các phẩm chất tâm - sinh lý được rèn luyện, nâng cao.

Để thực hiện tốt biện pháp này, đặt ra một số nội dung, yêu cầu sau:

Thứ nhất, trong huấn luyện kỹ - chiến thuật phải tích cực, mạnh dạn đổi mới theo hướng hiện đại, đổi mới có nguyên tắc: Đổi mới dựa trên sự phát triển vũ khí trang bị trên thế giới, phương thức tác chiến của kẻ thù, nền tảng tinh hoa cách đánh truyền thống của BĐTTG và đặc điểm của chiến tranh hiện đại, bảo đảm phát huy tối đa tính năng tác dụng vũ khí trang bị trong biên chế của BĐTTG. Thực chất, là rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo mới trong sử dụng vũ khí, kỹ - chiến thuật, cách đánh của BĐTTG nhằm đối phó với vũ khí trang bị hiện đại của kẻ thù, thủ đoạn tác chiến của địch cũng như đáp ứng được các yêu cầu khác của chiến tranh hiện đại.

Thứ hai, trong huấn luyện và diễn tập chiến thuật tổng hợp phải tăng tính thực hành, tăng mô hình, công cụ mô phỏng về mục tiêu; tạo ra không - thời gian mô phỏng sát với điều kiện chiến đấu hiện đại. Qua sự mô phỏng hoạt động chiến đấu rèn cho BĐTTG nâng cao khả năng thích nghi, nâng “ngưỡng” chịu đựng của các phẩm chất tâm - sinh lý. Tổ chức huấn luyện chiến thuật thực xe, diễn tập chiến thuật tổng hợp ở các loại hình khó khăn phức tạp về đường hướng cơ động; gia tăng có chủ định mức tải về tâm lý và thể lực trong các buổi luyện tập. Tập cho bộ đội sử dụng các phương tiện và phương pháp bảo vệ mình và khí tài chống lại vũ khí hoá học, phóng xạ, cùng các tác động nguy hiểm của các loại vũ khí mới của địch. Chú trọng tăng khả năng hiệp đồng tác chiến trong huấn luyện chiến thuật xe TTTG, diễn tập tổng hợp trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Thứ ba, trong huấn luyện các khoa mục pháo, súng và tổ chức bắn đạn thật, cần tổ chức cho BĐTTG thực hiện các bài tập bắn trong những điều kiện khác nhau, với điều kiện thời tiết, địa hình thay đổi. Điều quan trọng là phải tạo cho

BĐTTG tiếp xúc, cọ sát có biểu tượng rõ ràng về các loại mục tiêu cần phải tiêu diệt, tiến hành ở những không gian, thời gian khác nhau, mức độ khó khác nhau và rất gần với thực tế chiến đấu hiện đại địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Từ đó rèn luyện các kỹ năng, thao tác sử dụng vũ khí trang bị, khả năng hiệp đồng chiến đấu, rèn luyện các phẩm chất tâm lý cá nhân. Qua đó củng cố xúc cảm - tình cảm tích cực và rèn luyện các hành động trong chiến đấu, nâng cao các mặt biểu hiện TTCĐ của BĐTTG.

Thứ tư, thường xuyên củng cố luyện tập, xử trí các tình huống chiến đấu giả định trong hoạt động SSCĐ của BĐTTG. Tăng cường củng cố luyện tập, xử trí các tình huống chiến đấu giả định trong trực SSCĐ, chuyển trạng thái SSCĐ của BĐTTG, về thực chất là đưa họ vào trạng thái sẵn sàng hành động và thực hiện hành động, ứng phó với tình huống chiến đấu xảy ra; chuyển nhanh mọi phẩm chất tâm lý của nhân cách sang trạng thái chiến đấu. Việc duy trì hiệu quả các chế độ trực SSCĐ, chuyển trạng thái SSCĐ, cũng đồng nghĩa với việc đưa mỗi thành viên kíp xe vào trạng thái căng thẳng tinh thần, tâm lý, phải thường xuyên ứng phó, luyện tập xử trí các tình huống chiến đấu giả định. Trạng thái ấy ảnh hưởng rất lớn đến hành vi, thao tác trong hoạt động chiến đấu của họ, nhằm rèn luyện và bảo đảm khả năng “thường trực” chiến đấu cả về xúc cảm - tình cảm cho đến các kỹ năng, kỹ xảo sử dụng vũ khí trang bị của bản thân trong hoạt động SSCĐ.

4.3.4. Nâng cao trình độ thành thạo chuyên môn nghiệp vụ, trình độ sử dụng vũ khí trang bị, kỹ thuật của Bộ đội Tăng thiết giáp đáp ứng yêu cầu chiến tranh hiện đại

Đây là biện pháp nhằm củng cố, nâng cao mặt hành động trong TTCĐ của BĐTTG. BĐTTG sẽ không có TTCĐ cao nếu như không có hệ thống các kỹ năng thực hành chiến đấu để hành động, phản ứng với các tình huống chiến đấu khi xảy ra. Thực chất của biện pháp là nhằm tác động, củng cố mặt hành động trong TTCĐ; rèn luyện hành vi, kỹ xảo, kỹ năng thực hành chiến đấu, sự vận dụng tổng hợp tri thức, hiểu biết vào xử trí tình huống chiến đấu trong HL - SSCĐ, nâng cao trình độ thành thạo chuyên môn nghiệp vụ trong sử dụng vũ khí trang bị kỹ - chiến thuật của kíp xe ở đơn vị. Chiến đấu hiện đại, kẻ thù sử dụng vũ khí công nghệ cao, nếu như không có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, khả năng làm chủ vũ

khí trang bị, quân nhân dễ trở nên hoảng loạn, không hoàn thành nhiệm vụ. TTG với nhiều hệ thống vũ khí trang bị phức tạp, việc phát triển các loại hình vũ khí mới trên thế giới hiện nay nhanh và khá phong phú đặt ra đòi hỏi phải củng cố kỹ xảo, kỹ năng sử dụng vũ khí trang bị kỹ - chiến thuật trong biên chế, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của điều kiện chiến đấu mới. Để thực hiện tốt biện pháp này, cần tập trung vào một số yêu cầu cơ bản:

Thứ nhất, kết hợp chặt chẽ việc trang bị kiến thức với rèn luyện kỹ xảo, kỹ năng chiến đấu cho phù hợp với từng cương vị công tác cho các thành viên kíp xe trong HL - SSCĐ. Trong huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ không cần nặng về huấn luyện lý thuyết, việc quan trọng hàng đầu là tổ chức tốt các buổi thực hành, thực tập, hội thao, hội thi vận dụng kiến thức đã có vào thao tác vũ khí trang bị trên xe - máy. Việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn sẽ làm cho BĐTTG hình thành các kỹ xảo, kỹ năng khai thác, sử dụng vũ khí trang bị. Trong luyện tập, cần đặt ra nhiều tình huống cụ thể, sinh động nâng dần mức độ khó khăn phức tạp, phát huy tính độc lập suy nghĩ, vận dụng một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo những phương thức, kỹ năng đã được khái quát ở BĐTTG. Chú ý tới vốn sống, kinh nghiệm sẵn có từ trước của các thành viên kíp xe trên cương vị công tác của họ.

Thứ hai, tích cực rèn luyện, kỹ năng, kỹ xảo làm chủ vũ khí, khí tài trên cơ sở vũ khí trang bị mới. Đây là vấn đề liên quan đến việc mua sắm, hiện đại hóa vũ khí trang bị của nhà nước đối với lực lượng TTG. Hiện nay vấn đề này còn gặp nhiều khó khăn, chuyển biến chậm do nguồn ngân sách hạn chế. Tuy nhiên, cần có kế hoạch khẩn trương mua sắm có chọn lọc những vũ khí trang bị kỹ thuật TTG điển hình, tiêu biểu, có tính năng tác dụng hiện đại, phù hợp với địa hình, cách đánh của ta, đưa vào huấn luyện ở các đơn vị TTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ. Mục tiêu là tạo cho BĐTTG có hiểu biết và có những kỹ năng làm chủ nhất định về vũ khí trang bị mới đang thịnh hành hiện nay, có khả năng khai thác, sử dụng “dùng vũ khí địch đánh địch” trong điều kiện chiến tranh xảy ra.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đào tạo các thành viên kíp xe ở các trường hạ sĩ quan xe tăng, tổ chức chặt chẽ việc thi nâng bậc cho QNCN theo hướng tiếp cận sự phát triển vũ khí trang bị hiện đại. Cần xác định chương trình, nội dung huấn

luyện cho kíp xe gắn với những tri thức mới về vũ khí trang bị hiện đại. Việc thi nâng bậc cần phải được tiến hành chặt chẽ, khoa học, đưa ra nội dung, yêu cầu gắn với vũ khí trang bị mới, hiện đại; cung cấp tài liệu khoa học và vũ khí trang bị mới cho đối tượng này học tập nghiên cứu, thực hành làm chủ trong khai thác, sử dụng; làm vững vàng thêm hệ thống kỹ năng, kỹ xảo, chuyên môn nghiệp vụ TTG đang có, tạo ra sự sẵn sàng hành động cho họ trong sử dụng vũ khí trang bị hiện đại khi đối mặt với kẻ thù trong chiến đấu.

4.3.5. Nâng cao năng lực, trình độ tổ chức chỉ huy huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy ở các đơn vị Tăng thiết giáp

Vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy là nòng cốt, hạt nhân trong xây dựng tinh thần, ý chí chiến đấu trong tập thể BĐTTG. Yếu tố năng lực, trình độ tổ chức chỉ huy HL - SSCĐ của đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới trình độ nhận thức, niềm tin cũng như kỹ năng, kỹ - chiến thuật cho phân đội thuộc quyền trong quá trình HL - SSCĐ ở đơn vị; đó là toàn bộ những kiến thức, tài nghệ, kinh nghiệm và thực tiễn mà người cán bộ lãnh đạo, chỉ huy thu được thông qua quá trình học tập, nghiên cứu, rèn luyện trong hoạt động HL - SSCĐ. Để thực hiện tốt biện pháp này cần tập trung vào một số yêu cầu cơ bản:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng huấn luyện, rèn luyện, SSCĐ đối với học viên sĩ quan trong quá trình đào tạo tại nhà trường. Trong đó tập trung huấn luyện, trang bị các kiến thức, kỹ năng trong tổ chức chỉ huy và huấn luyện các đề mục chiến thuật, diễn tập chuyển trạng thái SSCĐ, ứng phó, xử lý các tình huống chiến đấu giả định trong trực SSCĐ. Tăng cường cho học viên thực hành huấn luyện, hội thi, hội thao và đóng vai trên các cương vị chức trách trong chỉ huy HL - SSCĐ thông qua diễn tập, thực tập, hội thi, hội thao cho phù hợp với đối tượng theo các năm, các giai đoạn xác định.

Thứ hai, tăng cường rèn luyện kết hợp với tổ chức tập huấn, hội thi, hội thao cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong hoạt động huấn luyện, SSCĐ ở đơn vị. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, rèn luyện, đánh giá chất lượng cán bộ thông qua tập huấn cán bộ, hội thi, hội thao trong HL - SSCĐ, diễn tập chuyển trạng thái SSCĐ... qua đó nâng cao trình độ năng lực tổ chức chỉ huy huấn luyện, SSCĐ của CBQL.

Thứ ba, phát huy tính tích cực, tự nghiên cứu, tự rèn luyện của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy thông qua thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ ở đơn vị. Việc tự ý thức học tập, tự nghiên cứu, tự rèn luyện trong HL - SSCĐ ở đơn vị có ý nghĩa quyết định nâng cao năng lực, trình độ tổ chức chỉ huy HL - SSCĐ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy. CBQL cần phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác xây dựng kế hoạch tự học tập nghiên cứu, rèn luyện thông qua thực hiện các nhiệm vụ HL - SSCĐ của bản thân và đơn vị đảm nhiệm để rèn luyện năng lực, kỹ năng tổ chức chỉ huy HL - SSCĐ. Tích cực tham gia luyện tập thông qua các đề mục huấn luyện, báo cáo kế hoạch HL - SSCĐ trong diễn tập tổng hợp, hội thao, hội thi; qua đó nâng cao trình độ nhận thức, năng lực, kỹ năng trong HL - SSCĐ của bản thân và tập thể đơn vị, tác động tới các mặt biểu hiện TTCĐ của quân nhân thuộc quyền.

4.3.6. Bảo đảm tốt hơn các điều kiện, phương tiện và chế độ chính sách đối với Bộ đội Tăng thiết giáp trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

Đây là biện pháp tác động, củng cố mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ, nhằm động viên tinh thần, tâm lý và phát triển yếu tố thể chất, bảo đảm các điều kiện cho BĐTTG hoạt động HL - SSCĐ đạt hiệu quả. BĐTTG là lực lượng hoạt động đòi hỏi yêu cầu cao về thể lực, tinh thần, tâm lý trong hiệp đồng tác chiến quân, binh chủng cũng như các điều kiện phục vụ hoạt động HL - SSCĐ ở các đơn vị. Việc bảo đảm tốt hơn các điều kiện, phương tiện và chế độ chính sách của Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG là một yêu cầu cấp thiết và tất yếu khách quan. Thực chất chính là nhằm phát triển thể chất, bảo đảm yếu tố sức khỏe, củng cố xu hướng nghề nghiệp, bảo đảm các điều kiện để hoạt động HL - SSCĐ đạt kết quả cao. Hoạt động HL - SSCĐ của BĐTTG chịu ảnh hưởng nhiều độc hại, tác động tiêu cực tới sức khỏe, thể lực, tâm lý và các điều kiện bảo đảm HL - SSCĐ về thao trường, bãi tập, mô hình phục vụ HL - SSCĐ... Ngoài ra BĐTTG ở các đơn vị HL - SSCĐ thường hoạt động ở địa hình trung du, miền núi, xa gia đình và khu dân cư tập trung, sự khắc nghiệt của điều kiện thời tiết, thủy văn cũng ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ tới sức khỏe, tâm lý của người lính xe tăng. Chính vì vậy, bảo đảm tốt hơn các điều kiện, phương tiện và chế độ chính sách của Nhà nước, quân

đội đối với BĐTTG khi làm nhiệm vụ HL - SSCĐ là vấn đề cấp thiết, khách quan và phù hợp; tác động mạnh tới động cơ nghề nghiệp, xu hướng hoạt động quân sự và xúc cảm - tình cảm trong thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ

Thực tế ở các đơn vị TTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ cũng được Nhà nước, quân đội quan tâm bảo đảm các điều kiện, phương tiện và chế độ chính sách nhất định. Tuy nhiên mức độ chính sách đãi ngộ đối với lực lượng này so với yêu cầu HL - SSCĐ còn thấp; các điều kiện phục vụ xăng, dầu, vũ khí, đạn pháo, xe... còn chưa đáp ứng được thực tiễn đòi hỏi của hoạt động HL - SSCĐ. Xuất phát từ đặc điểm hoạt động nghề nghiệp cũng như tính chất đòi hỏi của hoạt động HL - SSCĐ ở các đơn vị TTG, chúng tôi cho rằng cần phải bảo đảm tốt hơn nữa các điều kiện, phương tiện và chế độ chính sách đãi ngộ với BĐTTG khi thực hiện nhiệm vụ HL - SSCĐ trên một số vấn đề cơ bản:

Nhận thức đúng vị trí, vai trò, tính chất hoạt động của BĐTTG trong SSCĐ và chiến đấu hiệp đồng quân binh chủng; các điều kiện phục vụ HL - SSCĐ; chế độ chính sách đối với quân đội nói chung, các đơn vị đặc thù làm nhiệm vụ SSCĐ nói riêng. Đây là chính sách quốc phòng của Đảng và Nhà nước nhằm xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh. Nó có vai trò hết sức quan trọng đối với bảo đảm khả năng SSCĐ và sức mạnh chiến đấu của BĐTTG nhằm xây dựng lực lượng “đột kích mạnh”, “quả đấm thép” của QĐNDVN. rà soát lại hệ thống chế độ, chính sách đối với các lực lượng làm nhiệm vụ SSCĐ, lực lượng chịu tác động bởi điều kiện làm việc chịu độc hại của nghề nghiệp quân sự - nhất là với BĐTTG, kịp thời ban hành những chế độ, chính sách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của đất nước và tính chất hoạt động quân sự đặc thù.

Quan tâm tốt hơn nữa việc chăm lo yếu tố con người trong quá trình HL - SSCĐ, đó là bảo đảm chế độ ăn, uống, chăm sóc y tế, sinh hoạt đủ dưỡng chất để thực hiện các hoạt động SSCĐ với cường độ cao, tiêu tốn năng lượng về tinh thần, thể lực, tâm lý. Cần xác định hoạt động của BĐTTG, nhất là hoạt động của các kíp xe trong HL - SSCĐ là hoạt động đặc thù nghề nghiệp, chịu độc hại và ảnh hưởng nghiêm trọng tới tinh thần, sức khỏe. Qua đó xây dựng chính sách quan tâm, đãi ngộ phù hợp với lực lượng này.

Bảo đảm tốt hơn các điều kiện, mô hình HL - SSCĐ, các điều kiện về vũ khí trang bị, thao trường, bãi tập, mô hình phục vụ hoạt động HL - SSCĐ; các điều kiện về vật chất như: Xăng dầu, đạn pháo, xe TTG phục vụ nhiệm vụ HL - SSCĐ của đơn vị. Tập trung bảo đảm tốt cơ sở vật chất kỹ thuật cho các nhiệm vụ HL - SSCĐ quan trọng, như: Huấn luyện chiến thuật có xe, diễn tập chiến thuật có bắn đạn thật, các nhiệm vụ trực SSCĐ...

BĐTTG ở những đơn vị HL - SSCĐ trong điều kiện thường xuyên phải xa gia đình dài ngày, phần lớn là ở xa nhà, chế độ lương, phụ cấp còn rất khó khăn nhằm đảm bảo đời sống gia đình. Do vậy, ngoài việc có chế độ chính sách đãi ngộ, chăm lo về vật chất, tinh thần tới mỗi quân nhân ở đơn vị TTG cần phải quan tâm chăm lo tới vấn đề hậu phương quân đội.

Các biện pháp TL - XH trên là một thể thống nhất, toàn diện, được tác giả xây dựng trên cơ sở nghiên cứu thực trạng TTCĐ và các yếu tố ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG. Mỗi biện pháp đều có vị trí, vai trò, chức năng riêng, có mối quan hệ thống nhất, tác động qua lại với nhau tạo thành một chỉnh thể động lực thúc đẩy tới các thành phần biểu hiện TTCĐ và các yếu tố ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG phát triển. Để nâng cao TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN cần thực hiện đồng bộ, toàn diện các biện pháp do nhiều cấp, nhiều lực lượng thực hiện. Trong đó những biện pháp tác động tới các mặt trong TTCĐ và các yếu tố ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG là những biện pháp chủ đạo. Các biện pháp khác đóng vai trò quan trọng. Không xem nhẹ, bỏ qua bất cứ biện pháp nào. Có như vậy sẽ nâng cao được TTCĐ của BĐTTG, bảo đảm khả năng SSCĐ và hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu được giao trong.

4.4. Kết quả thực nghiệm

4.4.1. Kết quả điều tra phát hiện trước thực nghiệm

Khách thể thực nghiệm biện pháp tác động sư phạm gồm 59 CBQL và QNCN, HSQ - BS, thuộc đơn vị Lữ đoàn 215 - Binh chủng TTG. Trong đó, ở nhóm ĐVTN gồm 30 đồng chí, nhóm ĐVĐC gồm 29 đồng chí. Số nghiệm thể này được chọn lựa ngẫu nhiên trong danh sách khách thể đã nghiên cứu phần thực trạng. Các thông số ban đầu về hai nhóm này không có sự khác biệt (thời gian đo vào tháng 12/1016), số liệu [Phụ lục 10.A1] thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 4.10. Mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG ở ĐVTN và ĐVĐC trước tác động thực nghiệm

TT	Nội dung đánh giá	Số liệu trước tác động			
		ĐVTN		ĐVĐC	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	3.81	0.45	3.62	0.50
2	Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	3.76	0.44	3.58	0.53
3	Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	3.96	0.40	3.80	0.66
4	Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban - canh phòng)	4.01	0.46	3.75	0.57
ĐTB chung		3.89	0.39	3.69	0.46

Kết quả từ Bảng 4.10 chỉ ra, mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc nhóm ĐVTN là *sâu sắc* (ĐTB = 3.89), trong đó *Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị* ở mức cao nhất (ĐTB = 4.01). Điều này phù hợp với trình độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG nói chung đã chỉ ra khi phân tích thực trạng. Mặt khác sự phân bố trình độ nhận thức của BĐTTG trong nhóm ĐVTN khá đồng đều và rất tập trung (ĐLC: 0.39). Đây là những điều kiện phù hợp cho quá trình tiến hành thực nghiệm tác động.

Đi sâu tìm hiểu sự khác biệt giữa mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc ĐVTN với nội dung này ở BĐTTG trong toàn mẫu nghiên cứu. Kết quả kiểm định Independent samples T test [Phụ lục 10.A3] cho thấy: $t_{(526)} = 1.786$, $p = 0.066$ (> 0.05), khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc ĐVTN và tổng thể BĐTTG trong toàn mẫu nghiên cứu. Từ những nội dung trên, tác giả đi đến khẳng định, nhóm BĐTTG ở ĐVTN mang đầy đủ tính đại diện cho tổng thể BĐTTG trong toàn mẫu nghiên cứu. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa BĐTTG ở ĐVTN và toàn thể BĐTTG trong mẫu về trình độ mặt nhận thức TTCĐ.

Kết quả từ Bảng 4.10 cho thấy, có sự chênh lệch giữa mức độ nhận thức TTCĐ giữa BĐTTG ở ĐVTN và ĐVĐC. Tìm hiểu sự khác biệt này, kết quả kiểm định Independent samples T test [Phụ lục 10.A2] cho thấy: $t_{(57)} = 0.533$, $p = 0.76$ (> 0.05), chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa

thống kê về mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG giữa nhóm ĐVTN và nhóm ĐVĐC.

Từ kết quả hai lần kiểm định T test trên cho phép khẳng định, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc nhóm ĐVTN với nhóm ĐVĐC, hay BĐTTG trong toàn mẫu nghiên cứu. Việc lựa chọn nhóm BĐTTG để tác động thực nghiệm là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo tính đại diện cho toàn mẫu BĐTTG trong nghiên cứu. Vì vậy, tác giả đi đến kết luận, nếu sau thời gian tiến hành tác động thực nghiệm, xuất hiện sự phát triển có ý nghĩa thống kê về mức độ mặt nhận thức TTCĐ ở nhóm ĐVTN của BĐTTG, thì đó chính là kết quả của quá trình tác động thực nghiệm.

Một chiều hướng khác, tìm hiểu sự khác nhau giữa mức độ TTCĐ của BĐTTG ở ĐVTN và ĐVĐC trên ba mặt: Nhận thức TTCĐ, xúc cảm - tình cảm TTCĐ và hành động TTCĐ. Kết quả [Phụ lục 10.A4] cho thấy có sự chênh lệch nhất định về mức độ TTCĐ của BĐTTG ở ĐVTN và ĐVĐC. Để tìm hiểu sự khác biệt về mức độ TTCĐ ở ĐVTN và ĐVĐC của BĐTTG, tác giả sử dụng kiểm định Independent samples T test. Kết quả (Phụ lục 10.A5) cho thấy: $t_{(57)} = 0.181$, $p = 0.229 (> 0.05)$. Điều này chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ TTCĐ của BĐTTG ở hai nhóm ĐVTN và ĐVĐC. Từ đây có thể nhận định, nếu sau quá trình tác động thực nghiệm, TTCĐ của BĐTTG ở ĐVTN có sự thay đổi có ý nghĩa thống kê so với TTCĐ của BĐTTG thuộc ĐVĐC, thì đó chính là kết quả của thực nghiệm tác động.

4.4.2. Kết quả khảo sát, kiểm tra sau thực nghiệm

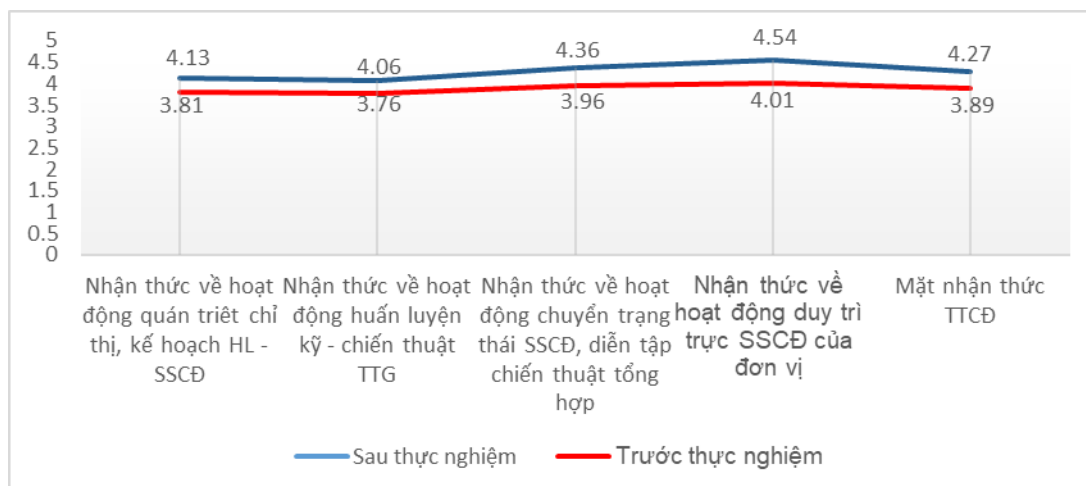
Sau quá trình tác động thực nghiệm vào nhóm ĐVTN của BĐTTG theo các nội dung, cách thức đã xác định ở chương *Tổ chức và phương pháp nghiên cứu*. Đồng thời kết hợp với đơn vị duy trì các hoạt động của BĐTTG ở ĐVĐC như bình thường. Tháng 6 năm 2017, kết thúc tác động thực nghiệm đồng thời chúng tôi tiến hành đo sau tác động đối với cả hai nhóm BĐTTG ở ĐVTN và ĐVĐC. Kết quả đo sau tác động (Phụ lục B1, Phụ lục B5) được tổng hợp ở bảng dưới đây:

Bảng 4.11. Mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG ở ĐVTN và ĐVĐC sau tác động

TT	Nội dung đánh giá	Số liệu sau tác động			
		ĐVTN		ĐVĐC	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	4.13	0.44	3.80	0.46
2	Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	4.06	0.49	3.72	0.44
3	Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	4.36	0.37	3.95	0.41
4	Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	4.54	0.33	4.02	0.46
ĐTB chung		4.27	0.32	3.87	0.39

Kết quả từ Bảng 4.10 và Bảng 4.11 cho thấy, mức độ nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc ĐVTN đã phát triển từ *sâu sắc* lên *rất sâu sắc* (ĐTB = 3.89 lên ĐTB = 4.27) với sự phân tán các phương án trả lời rất thấp (ĐLC = 0.32). Điều này có nghĩa đã có sự phát triển đồng đều giữa mỗi quân nhân trong nhóm ĐVTN về mức độ mặt nhận thức TTCĐ. Bên cạnh đó Bảng 4.11 và Bảng 4.12 còn chỉ ra mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc nhóm ĐVĐC cũng có sự tăng lên nhất định (ĐTB = 3.69 lên ĐTB = 3.87 - cùng ở mức *sâu sắc*). Kết quả kiểm định Independent samples T test [Phụ lục 10.B7] cho thấy: $t_{(57)} = 1.021$, $p = 0.000 (< 0.01)$, điều này chứng tỏ đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG giữa nhóm ĐVTN sau tác động thực nghiệm và nhóm ĐVĐC đo lần hai.

Đi tìm hiểu sâu hơn về nhóm ĐVTN của BĐTTG cho thấy, có sự phát triển mức độ nhận thức TTCĐ nói chung sau quá trình tác động thực nghiệm, thể hiện trên cả bốn nội dung nhận thức, được mô tả ở biểu đồ sau:

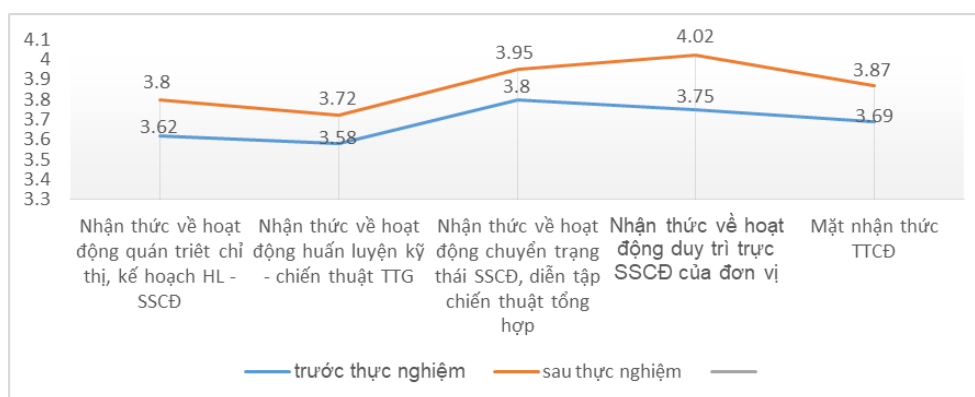


Biểu đồ 4.2. Nhận thức TTCĐ của ĐVTN trước và sau tác động thực nghiệm

Biểu đồ 4.2 chỉ ra, sau quá trình tác động thực nghiệm mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG ở ĐVTN đã có sự tăng lên, trên cả 4 nội dung. Trong đó, nhận thức về *Hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị*, và nhận thức về *Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp* có sự tăng lên mạnh nhất, từ *sâu sắc* lên *rất sâu sắc* (ĐTB: 4.01 → 4.54, độ chênh lệch 0.53 và ĐTB: 3.96 → 4.36, độ chênh lệch 0.40). Điều này được lý giải từ sự thay đổi quan niệm và sự phát triển nhận thức của ĐVTN sau quá trình tác động, về giá trị, vai trò hoạt động chiến đấu biểu hiện qua mỗi nội dung HL - SSCĐ; nội dung, phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu và điều kiện, phương tiện trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG thông qua mỗi nội dung HL - SSCĐ. Nếu trước khi tác động BĐTTG quan niệm các nội dung này chỉ là những nội dung cần thiết, nhận thức thông qua các chỉ báo là *sâu sắc* đối với hoạt động chiến đấu, sau tác động thực nghiệm đa số BĐTTG hiểu rằng đây chính là những nội dung rất cần thiết, nhận thức thông qua các chỉ báo phản ánh ở mức *rất sâu sắc* để hình thành nên sự sẵn sàng cho hành động chiến đấu, bảo đảm kết quả chiến đấu hiệu quả. Tuy có mức phát triển thấp nhất (ĐTB: 3.76 → 4.06) nhưng nội dung nhận thức về *Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG*, được BĐTTG nhận thức vẫn ở mức *sâu sắc* và mức độ chênh lệch trước và sau tác động cũng khá cao (0.30). Điều này có thể lý giải: Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG ở các đơn vị HL - SSCĐ rất đa dạng, phong phú với các nội dung huấn luyện trong điều kiện khác nhau. Việc tiến hành các tác động sư phạm của quá trình giáo dục nâng cao nhận thức về nội dung hoạt động này cần diễn ra trong những điều kiện khác nhau, ở những thời gian khác nhau trong cả quá trình lâu dài, liên tục của các giai đoạn HL - SSCĐ trong năm. Vì vậy, trong khoảng thời gian nhất định, với nội dung giáo dục lý thuyết là chính và hình thức là trong hội trường, nên mức thay đổi, phát triển về mặt nhận thức TTCĐ thông qua nội dung này chuyển biến ở mức độ tương đối là hoàn toàn khách quan.

Để tìm hiểu sự khác nhau về mức độ mặt nhận thức TTCD của BĐTTG thuộc ĐVTN trước và sau tác động thực nghiệm, tác giả sử dụng kiểm định trị trung bình của hai mẫu phối hợp từng cặp (Paired samples T test). Kết quả [Phụ lục 10.B2] cho thấy: $t_{(29)} = -3.648$, $p = 0.001 (< 0.05)$, chứng tỏ đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa mức độ mặt nhận thức TTCD của BĐTTG thuộc ĐVTN trước và sau tác động.

Đối với ĐVĐC, qua bảng kết quả (Bảng 4.10 và Bảng 4.11) ở trên cho thấy, mức độ mặt nhận thức TTCD của nhóm thuộc ĐVĐC ở lần đo sau đã có sự thay đổi. Số liệu này được thể hiện thông qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 4.3. Nhận thức TTCD của ĐVĐC ở hai lần đo (trước và sau tác động thực nghiệm)

Kết quả từ Biểu đồ 4.3 cho thấy, mức độ mặt nhận thức TTCD của BĐTTG thuộc ĐVĐC đã có sự phát triển nhất định so với lần đo trước (ĐTB: 3.69 → 3.87, độ chênh lệch: 0.18). Tuy nhiên, sự thay đổi, phát triển giữa 2 lần đo của BĐTTG nhóm ĐVĐC là chưa nhiều, chưa thật sự rõ ràng, cách biệt điều đó được thể hiện trên tất cả 4 nội dung HL - SSCĐ và tổng thể mặt nhận thức TTCD của nhóm ĐVĐC. Trong đó, nội dung nhận thức về *Hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị*, có sự phát triển rõ rệt nhất (ĐTB: 3.75 → 4.02, độ chênh lệch: 0.27); nội dung nhận thức về *Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG* có sự thay đổi, phát triển ít nhất (ĐTB: 3.58 → 3.72, độ chênh lệch: 0.14).

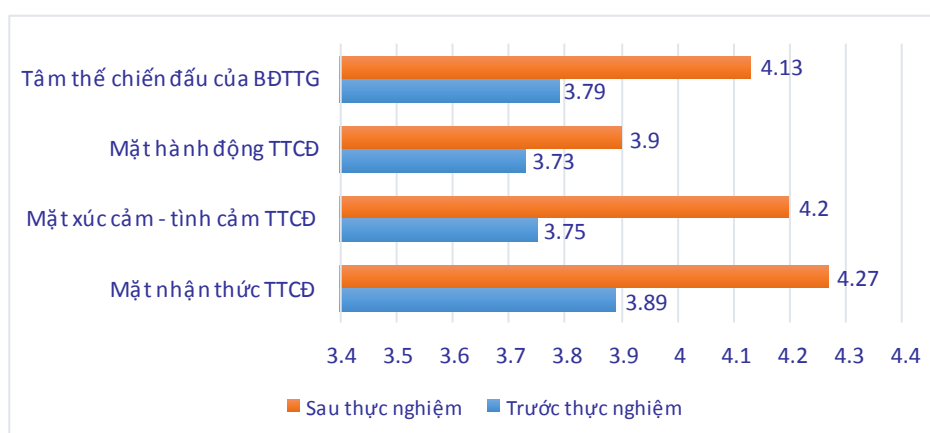
Tìm hiểu sự khác nhau giữa mức độ mặt nhận thức TTCD của BĐTTG thuộc ĐVĐC giữa hai lần đo, tác giả sử dụng kiểm định trị trung bình của hai mẫu phối hợp từng cặp (Paired samples T test). Kết quả (Phụ lục 10.B6) cho

thấy: $t_{(28)} = -1.722$, $p = 0.096$ (> 0.05), chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc ĐVĐC ở hai lần đo (trước và sau tác động).

Một khía cạnh khác, tiến hành tìm hiểu mối quan hệ phương sai giữa hai giá trị trung bình về mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG giữa nhóm ĐVTN sau tác động và ĐVĐC lần 2 thông qua kiểm định Independent samples T test. Kết quả [Phụ lục 10.B7] cho thấy: $t_{(57)} = 1.021$, $p = 0.000$ (< 0.001), chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc ĐVTN sau tác động so với ĐVĐC đo lần 2.

Từ các phân tích trên cho thấy, quá trình tác động thực nghiệm với nhóm BĐTTG ở ĐVTN đã tạo ra sự phát triển mặt nhận thức TTCĐ, các số liệu đều có ý nghĩa về mặt thống kê. Bên cạnh đó, vì không có sự tác động thực nghiệm, mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc nhóm ĐVĐC vẫn có sự thay đổi qua thời gian (hiệu ứng thời gian), tuy nhiên, đó là sự phát triển với mức độ nhỏ, không đồng đều và không tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Sự tác động thực nghiệm vào ĐVTN đã tạo ra sự phát triển về nhận thức TTCĐ ở BĐTTG.

Tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, tác giả tìm hiểu sự phát triển mức độ TTCĐ của BĐTTG ở nhóm ĐVTN trước và sau tác động thực nghiệm, kết quả thu được [Phụ lục 10.A4], [Phụ lục 10.B3] được thể hiện qua Biểu đồ 4.5:



Biểu đồ 4.4. Sự phát triển TTCĐ ở BĐTTG nhóm ĐVTN trước và sau tác động

Như vậy, TTCĐ của BĐTTG nhóm ĐVTN đã có sự phát triển đáng kể (ĐTB: 3.89 → 4.27, độ chênh lệch 0.38); các mặt biểu hiện TTCĐ cũng có sự phát triển, nâng lên. Nhằm tìm hiểu ý nghĩa của sự khác biệt trên, chúng tôi sử dụng kiểm định Paired Samples T- Test về mức độ TTCĐ của bộ đội TTG ở ĐVTN trước và sau tác động. Kết quả [Phụ lục 10.B4] cho thấy, với: $t_{(29)} = -3.582$, $p = 0.001 (< 0.05)$, chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ TTCĐ của BĐTTG thuộc ĐVTN trước và sau tác động thực nghiệm.

Nhận xét chung, từ các kết quả thực nghiệm ở trên cho thấy, tác động thực nghiệm đã tạo ra sự phát triển mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc ĐVTN và tạo ra sự phát triển mức độ TTCĐ trên tất cả các mặt còn lại. Đồng thời, nếu không có sự tác động thực nghiệm, mức độ mặt nhận thức TTCĐ của BĐTTG thuộc nhóm ĐVTN vẫn có sự phát triển nhỏ lẻ, không đều và không có ý nghĩa thống kê.

3.4.3. Một số vấn đề rút ra từ phân tích kết quả thực nghiệm

Từ kết quả thực nghiệm đã chỉ ra, tác giả đi đến một số khẳng định:

Nhận thức về hoạt động chiến đấu thông qua các nội dung HL - SSCĐ là nguồn gốc để hình thành mặt xúc cảm - tình cảm và mặt hành động của TTCĐ, tạo ra sự phát triển TTCĐ. Nếu giáo dục nâng cao nhận thức của BĐTTG về hoạt động chiến đấu thông qua các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị phù hợp với các quy luật phát triển của khối nhận thức sẽ giúp phát triển TTCĐ ở họ.

TTCĐ của BĐTTG biến đổi, phát triển có tính quy luật và chịu tác động của các yếu tố thuộc về BĐTTG và các yếu tố thuộc về môi trường xã hội, quân đội thông qua các tác động TL - XH mà đề tài đã chỉ ra. Trong đó, nếu đơn vị vận dụng tổng hòa, linh hoạt các biện pháp TL - XH sẽ tác động tích cực tới các biểu hiện cũng như các yếu tố ảnh hưởng TTCĐ, góp phần quan trọng nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

Các biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ được đề xuất là những tác động có cơ sở khoa học, cả về lý luận và thực tiễn. Các biện pháp TL - XH là những tác động đồng bộ, toàn diện tới các mặt biểu hiện TTCĐ cũng như các yếu tố ảnh hưởng tới TTCĐ, bảo đảm tính khả thi cao nhằm phát triển, nâng cao TTCĐ của BĐTTG.

Kết luận chương 4

Kết quả nghiên cứu thực trạng TTCĐ của BĐTTG cho thấy: TTCĐ của BĐTTG hiện nay ở mức cao, tích cực. Trong đó mặt nhận thức TTCĐ ở mức sâu sắc, mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ ở mức hài lòng và mặt hành động TTCĐ ở mức thành thực. Điều đó phản ánh trạng thái tâm lý tương đối trọn vẹn trong TTCĐ của BĐTTG, đó là sự thống nhất từ nhận thức, đến xúc cảm - tình cảm và hành động của BĐTTG đối với các hoạt động HL - SSCĐ. Sự chênh lệch ĐTB giữa các mặt biểu hiện TTCĐ là không đáng kể và không có ý nghĩa về thống kê. Cả 3 mặt biểu hiện TTCĐ đều có mối tương quan thuận và rất mạnh với TTCĐ của BĐTTG; trong đó tương quan giữa mặt nhận thức TTCĐ và mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ với TTCĐ là tương quan thuận và mạnh nhất.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG: Các yếu tố bên trong thuộc về BĐTTG và các yếu tố bên ngoài. Trong đó, các yếu tố bên trong như: Phẩm chất chính trị - tư tưởng; trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ; năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ. Các yếu tố bên ngoài như: Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ; thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ; sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG... có vai trò quan trọng nhất tạo nên sức ảnh hưởng của 2 nhóm yếu tố tới TTCĐ của BĐTTG. Mỗi yếu tố có mức độ ảnh hưởng khác nhau, có vai trò, chức năng riêng thúc đẩy (hoặc kìm hãm) TTCĐ và có mối tương quan thuận, tương đối mạnh tới TTCĐ của BĐTTG.

Để nâng cao TTCĐ tích cực của BĐTTG tác giả đã đề xuất 6 biện pháp TL - XH phù hợp, xuất phát từ kết quả nghiên cứu thực trạng, nhằm tác động vào các thành phần biểu hiện và các yếu tố ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG.

Kết quả thực nghiệm tác động kiểm định cho thấy, có sự phát triển mức độ mặt nhận thức TTCĐ và mức độ TTCĐ của BĐTTG. Điều này chứng tỏ việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất các biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ của BĐTTG là phù hợp, các biện pháp TL - XH có tính khả thi cao.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. TTCĐ của BĐTTG là trạng thái tâm lý có tính trọn vẹn của nhân cách, chỉ sự sẵn sàng hành động của BĐTTG đối với các tình huống, nhiệm vụ chiến đấu, hình thành thông qua các hoạt động HL - SSCĐ. TTCĐ của BĐTTG được biểu hiện qua 3 mặt là mặt nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động trong 4 hoạt động HL - SSCĐ của đơn vị: Hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL – SSCĐ; hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG; hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp; hoạt động trực SSCĐ của đơn vị. Các mặt biểu hiện TTCĐ có mối quan hệ thống nhất, có sự chuyển hóa lẫn nhau và mang tính chỉnh thể trong nhân cách của BĐTTG.

1.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng TTCĐ của BĐTTG cho thấy: TTCĐ của BĐTTG hiện nay ở mức cao; ba mặt biểu hiện TTCĐ của BĐTTG có mức tương đồng nhau: Nhận thức sâu sắc, xúc cảm - tình cảm tích cực và hành động thành thực. Mức độ TTCĐ của CBQL cao hơn QNCN, HSQ - BS, sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê, sự khác biệt đó xuất phát từ các mối quan hệ giữa HSQ - BS và QNCN, sĩ quan trung cấp và QNCN, sĩ quan sơ cấp và sĩ quan trung cấp. Trong nhóm CBQL không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm CBQL khác nhau chức vụ; tuy nhiên có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm CBQL khác nhau ngạch sĩ quan về mức độ TTCĐ, sự khác biệt đó từ mối quan hệ giữa sĩ quan hậu cần với sĩ quan kỹ thuật.

Kết quả kiểm định tương quan giữa các mặt biểu hiện với nhau và với TTCĐ là mối tương quan thuận, mạnh đến rất mạnh. Đặc biệt, mặt nhận thức TTCĐ có mức độ tương quan thuận, rất mạnh (≈ 1) với mặt xúc cảm - tình cảm và TTCĐ của BĐTTG. Điều này đặt ra vấn đề tác động thực nghiệm nhằm phát triển mặt nhận thức TTCĐ, qua đó nâng cao mức độ TTCĐ tích cực cho BĐTTG.

1.3. BĐTTG hoàn thành nhiệm vụ hoạt động HL - SSCĐ ở đơn vị ở mức cao, trong đó cao nhất là hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của

đơn vị. Giữa TTCĐ với mức độ hoàn thành chức trách nhiệm vụ nội dung HL - SSCĐ của BĐTTG ở đơn vị có mối tương quan thuận và tương đối mạnh, có mối quan hệ chặt chẽ hai chiều với nhau.

1.4. Có hai nhóm yếu tố ảnh hưởng mạnh tới TTCĐ của BĐTTG, là các yếu tố bên trong thuộc về BĐTTG và các yếu tố bên ngoài. Trong đó các yếu tố quan trọng tạo ra sự ảnh hưởng của nhóm yếu tố bên trong, gồm: Kỹ xảo, kỹ năng, kỹ chiến thuật TTG của BĐTTG trong HL - SSCĐ, Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ..., và các yếu tố bên ngoài như: Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ, Chính sách kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG... Cả 2 nhóm yếu tố đều có mối tương quan thuận và tương đối mạnh tới TTCĐ của BĐTTG.

1.5. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về thực trạng mức độ TTCĐ và thực trạng các yếu tố ảnh hưởng TTCĐ của BĐTTG, chúng tôi đề xuất 6 biện pháp TL - XH nhằm nâng cao TTCĐ của BĐTTG. Kết quả thực nghiệm kiểm định 1 biện pháp đã chỉ ra, việc thực hiện các biện pháp trên là phù hợp và có tính khả thi cao, nhằm nâng cao TTCĐ của BĐTTG. Cần tác động đồng bộ, linh hoạt các biện pháp nhằm củng cố các mặt biểu hiện cũng như các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới TTCĐ của BĐTTG hiện nay.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Bộ Quốc phòng:

Có cơ chế, chính sách phù hợp với BĐTTG ở các đơn vị HL - SSCĐ cả về điều kiện vật chất, tinh thần, chú trọng đến tính đặc thù trong hoạt động SSCĐ của BĐTTG và chính sách hậu phương cán bộ. Kiến nghị với Đảng, Nhà nước quan tâm đầu tư củng cố, hiện đại hóa vũ khí trang bị TTG một cách phù hợp, đáp ứng yêu cầu của chiến đấu hiện đại ở đơn vị HL - SSCĐ, theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hiện đại hóa một số đơn vị trọng điểm trong toàn quân.

Tổ chức xây dựng, hoàn thiện các cơ sở, trung tâm HL - SSCĐ cho BĐTTG luyện tập đúng điều kiện của chiến đấu hiện đại. Xây dựng kế hoạch, tiến hành diễn tập TTG toàn quân và diễn tập chiến đấu hiệp đồng quân binh chủng thường xuyên, phù hợp trong các điều kiện HL - SSCĐ khác nhau ở các loại hình chiến đấu.

2.2. Đối với cán bộ lãnh đạo, chỉ huy của các đơn vị Tăng thiết giáp

Nhận thức đúng đắn về TTCĐ của BĐTTG, vai trò của TTCĐ đối với thực hiện các hoạt động HL - SSCĐ nhằm bảo đảm sức mạnh chiến đấu và khả năng SSCĐ ở đơn vị. Nắm vững và vận dụng hiệu quả, linh hoạt, toàn diện các biện pháp TL - XH nâng cao TTCĐ tích cực của BĐTTG ở các đơn vị HL - SSCĐ.

Tổ chức thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, linh hoạt các hoạt động HL - SSCĐ gắn với phong trào thi đua của đơn vị; thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, xây dựng tinh thần đoàn kết, dân chủ, bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể.

Tự học tập, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, ý chí quyết chiến, quyết thắng của BĐTTG; không ngừng củng cố, rèn luyện năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ TTG, kỹ năng tổ chức chỉ huy trong HL - SSCĐ và chiến đấu cũng như quản lý và giáo dục bộ đội.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Lê Văn Sang (2014), “Củng cố niềm tin cho bộ đội trong chiến tranh công nghệ cao”, *Tạp chí Giáo chức Việt Nam*, (Số 92), tr.9-11.
2. Lê Văn Sang (2017), “Hình thành tâm thế bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên đại học, cao đẳng hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, (Số Đặc biệt (3/2017)), tr.131-134.
3. Lê Văn Sang (2017), “Nâng cao tâm thế chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ ở các lữ đoàn tăng thiết giáp đáp ứng yêu cầu chiến tranh hiện đại”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự*, (Số 4), tr.86-88.
4. Lê Văn Sang (2018), “Thực trạng tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp trong Quân đội nhân dân Việt Nam”, *Tạp chí Tâm lý học xã hội*, (Số 04 (04/2018)), tr.77 - 88.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Anh (2009), *Hoạt động - Giao tiếp - Nhân cách*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Nguyễn Tuấn Anh (2016), “*Tâm thế của sinh viên trước khi bước vào thị trường lao động*”, *Tạp chí Tâm lý học*, Số 10 (10/2016), tr. 54-65.
3. Ăng ghen Ph., Lênin V. I., Stalin J. (1970), *Bàn về chiến tranh nhân dân*, Nxb Sự thật. Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Bích (2000), *Tâm lý học nhân cách - Một số vấn đề lý luận*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Binh chủng Tăng thiết giáp (2007), *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu phát triển lý luận cách đánh của lực lượng Tăng thiết giáp trong chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao”*, Hà Nội.
6. Binh chủng Tăng thiết giáp (2015), *Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu 5 năm (2011-2015)*, Hà Nội (Lưu hành nội bộ).
7. Bộ Tư Lệnh Biên phòng - Tạp chí Cộng sản (2008), *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Đổi mới công tác xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Bộ Tư Lệnh Tăng Thiết giáp (1987), *Tổng kết Công tác đảng, công tác chính trị của Bộ đội Thiết giáp 1959 - 1975*, Hà Nội (Lưu hành nội bộ).
9. Bộ Tư Lệnh Tăng Thiết giáp (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Binh chủng TTG lần thứ X, Nhiệm kỳ 2015-2020*, Hà Nội (Lưu hành nội bộ).
10. Hoàng Đình Châu (Chủ biên, 2005), *Tâm lý học quân sự*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
11. Colin Rose & Malcolm J. Nicholl (2008), *Kỹ năng học tập siêu tốc thể kỷ XXI*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
12. Côvaliốp A. G. (1971), *Tâm lý học cá nhân*, Tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Côvaliốp A. G. (1976), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
14. Cục Khoa học quân sự Bộ Tổng Tham mưu (1995), *Từ điển giải thích thuật ngữ quân sự*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

15. Delenkôp M. (Đặng Vinh dịch, 2000), “Rèn luyện tinh thần - tâm lý cho bộ đội trong quân đội nước ngoài”, *Trung tâm Thông tin khoa học công nghệ môi trường Bộ Quốc Phòng*, Hà Nội.
16. Phạm Tất Dong (1979), *Tâm lý học lao động*, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
17. Phạm Tất Dong (1981), “Huấn luyện lao động kỹ thuật và hướng nghiệp với việc chuẩn bị cho học sinh đi vào lao động sản xuất”, *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, Số 3.
18. Phạm Tất Dong (1985), “Hình thành sự sẵn sàng tâm lý đi vào lao động cho học sinh - Một yêu cầu cấp thiết của trường phổ thông”, *Báo cáo khoa học tại Hội nghị Tâm lý học toàn quốc lần thứ VII tháng 12/1985*.
19. Vũ Dũng (Chủ biên, 2000), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Vũ Dũng (Chủ biên, 2008), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr.783, 784.
21. Vũ Dũng (2011), *Tâm lý học xã hội - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
24. Fischer G.N. (1992), *Những khái niệm cơ bản của tâm lý học xã hội*, Hà Nội.
25. Freud S. (2002), *Phân tâm học nhập môn*, (Nguyễn Xuân Hiến dịch), Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
26. Galpein P. Ia. (1978), “Phát triển các công trình nghiên cứu quá trình hình thành hành động trí tuệ”, *Tâm lý học Liên xô* (Hồ Thanh Bình và Phạm Minh Hạc dịch), Nxb Tiến Bộ, Matxcova, tr.351-408.
27. Phạm Hoàng Gia (1973), “Trường phổ thông cấp II đã chuẩn bị tâm lý sẵn sàng lao động công nghiệp cho học sinh đến mức nào”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, Số 5.
28. Goleman D. (2014), *Trí tuệ xúc cảm* (tái bản lần hai, Nguyễn Kiến Giang dịch), Nxb Lao động - Xã hội.
29. Phạm Minh Hạc (Tuyển chọn và chủ biên) (1978), *Tâm lý học Liên Xô*, Nxb Tiến bộ, Matxcova.

30. Phạm Minh Hạc - Lê Đức Phúc (Chủ biên, 2004), *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Hergnhahn B. R (2003), *Nhập môn Lịch sử Tâm lý học*, (Luu Văn Hy dịch), Nxb Thống kê, Hà Nội.
32. Trần Hiệp (Chủ biên, 1996), *Tâm lý học xã hội - Những vấn đề lý luận*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
33. Hipsơ H. & Phorvec M. (Đức Uy dịch, 1984), *Nhập môn tâm lý học xã hội Macxit*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
34. Knud S. Larsen & Lê Văn Hảo (2010), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
35. Lêônchiep A. N. (1989), *Hoạt động, ý thức, nhân cách*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
36. Lêvitóp N. D. (1964), *Bàn về những trạng thái tâm lý con người*, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
37. *Lịch sử binh chủng thiết giáp quân đội nhân dân Việt Nam trong chiến dịch (1959 - 1975)* (1996), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
38. Lômôp B.F. (1984), *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận Tâm lý học* (Nguyễn Đức Hương, Dương Diệu Hoa và Phan Trọng Ngọ biên dịch), Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000.
39. Lucôp G. D. (1963), *Tâm lý học trong công tác huấn luyện và giáo dục chiến sĩ*, Tập 1, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
40. Lucôp G. D. (1963), *Tâm lý học trong công tác huấn luyện và giáo dục chiến sĩ*, Tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
41. Hồ Chí Minh (1975), *Với các lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
42. Đỗ Duy Môn (2003), *Chuẩn bị tâm lý sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cho bộ đội Phòng không hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Chính trị.
43. *Một số trận đánh của bộ đội Tăng Thiết giáp Việt Nam* (1998), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
44. Phan Trọng Ngọ (Chủ biên, 2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
45. Nguyễn Công Nhuận (2001), “Chuẩn bị tâm lý cho bộ đội đáp ứng yêu cầu chiến tranh bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Khoa học quân sự*, Số 4, Tr.75-77.

46. Đào Thị Oanh (2008, Tái bản lần thứ 3), *Tâm lý học lao động*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
47. Ôxipov C. G. (1988), *Những vấn đề tâm lý học của sự sẵn sàng đối với hoạt động*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
48. Pêtorôpxki A. V. (Chủ biên, 1982), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, Tập 2 (Tài liệu dịch), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
49. Pêtorôpxki A. V. & Iarôsepki M. G. (1990), *Từ điển tâm lý học*, Nxb Matxcova.
50. Nguyễn Ngọc Phú (Chủ biên, 1998), *Tâm lý học quân sự*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
51. Nguyễn Ngọc Phú (2004), *Lịch sử tâm lý học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
52. Ruđich P. A. (1986), *Tâm lý học*, Nxb Mir, Matxcova - Nxb Thể thao, Hà Nội.
53. Nguyễn Đình Sáng (2016), *Sẵn sàng tâm lý với hoạt động nghề nghiệp của học viên các trường đại học quân sự hiện nay*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Học viện chính trị.
54. Sramtrencô A. Ph. (1983), *Những vấn đề tâm lý học trong chỉ huy bộ đội*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
55. Hoàng Văn Thanh (2000), *Cơ sở tâm lý học của việc hình thành xu hướng nghề nghiệp quân sự cho học viên Sĩ quan tăng thiết giáp trong điều kiện hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Chính trị.
56. Nguyễn Hữu Thụ (2005), *Tâm lý học tuyên truyền quảng cáo*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
57. Trần Trọng Thủy (1982), “Sự sẵn sàng tâm lý với hoạt động nghề nghiệp của sinh viên sư phạm”, *Kỷ yếu Hội nghị tâm lý học lần thứ 6*, Hà Nội, tr.35.
58. Trần Trọng Thủy (2006), *Khoa học chẩn đoán tâm lý*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
59. Đỗ Mạnh Tôn (1996), *Nghiên cứu sự thích ứng với học tập và rèn luyện của học viên các trường sĩ quan Quân đội*, Luận án Phó tiến sĩ Khoa học quân sự, Học viện Chính trị quân sự.
60. Đỗ Mạnh Tôn (Chủ nhiệm, 2001), *Nghiên cứu chuẩn bị tâm lý sẵn sàng chiến đấu của bộ đội các binh chủng kỹ thuật nhằm đánh thắng chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch*, Mã số B6.01.
61. Đỗ Mạnh Tôn (Chủ biên, 2006), *Từ điển Tâm lý học quân sự*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.333,334.

62. Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự Bộ Quốc Phòng (2005), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
63. Phạm Văn Tư (Chủ biên, 2014), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
64. *Từ điển Anh - Việt* (1995), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
65. Phạm Ngọc Uyên (1984), “Về khái niệm sẵn sàng tâm lý đi vào lao động”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, Số 3, tr.55-57.
66. Phạm Ngọc Uyên (1988), *Hình thành tư duy kỹ thuật (như là một thành tố của sự sẵn sàng đi vào lao động) cho học sinh phổ thông*, Luận án Phó tiến sĩ Tâm lý - giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
67. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1996), *Lịch sử nghệ thuật sử dụng Tăng - Thiết giáp trong chiến dịch (1959 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
68. Viện Ngôn ngữ học (1996, in lần thứ 4), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
69. Nguyễn Khắc Viện (Chủ biên, 2007), *Từ điển tâm lý*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.311, 312.
70. Xtôliarencô A. M. (1980), *Tâm lý học sẵn sàng chiến đấu*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
71. Xulimốp I. U. G. (1990), “Chuẩn bị tâm lý trong hệ thống chuẩn bị toàn diện cho chiến đấu hiện đại”, *Tập bài giảng Tâm lý học quân sự*, Học viện Chính trị quân sự (lưu hành nội bộ), tr.34-52.
- Tiếng Anh**
72. Allport G. W. (1935), *Attitudes*, in book: C. Murchion (Ed.), *Handbook of Social Psychology*, Clark University Press, Worcester, Mass. tr.810.
73. Aronson E., Willson T. D., Akert R. M. (1999), *Social Psychology*, Longman.
74. Baldwin J. M. (1901), *Dictionnary of philosophy and psychology* (3vols), New York: Macmillan, P.p. xxiv + 644, xvi + 892, xxvi + 542, viii + 543 – 1192.
75. Bem D. J. (1972), “Self - perception theory”, *Advances in experimental psychology*, Ed. L. Berkowitz, Vol.6, New York.
76. Conley D. T. (2011), *Creating college readiness*, Texas, USA.
77. Corsini R. J. (1999), *The Dictionary of Psychology*, Taylor & Francis Group: Brunner / Mazel.

78. Fillmore H. (1965), *Psychology A Scientific, Study of Man*, Wadworth Publishing Company.
79. Fishbein M. (Edited by) (1967), *Readings in Attitude Theory and Measurement*, University of Illinois, New York.
80. Fishbein M. (1967), "Attitude and the Prediction of Behavior", *Readings in Attitude Theory and Measurement, University of Illinois, New York*, Pp. 477 - 492.
81. Festinger L. A. (1957), *Theory of cognitive dissonance*, Evanston, Ill., : Row Peterson.
82. Hovland C. I., Lumsdaine A. A. & Sheffiel F. D. (1949), *Experiments on mass communication*, Vol. 3, Princeton, NJ: Princeton University Press.
83. Lasen K. S., Coleman D., Forbes D. & R. Johnson (1972), "Is personality or the situation a better predictor of willingness to administer shock to a victim?" *Journal of Personality and Social Psychology*, N.22 (3), 287 - 295.
84. Mayer J. D. & Salovey P. (1987), "Personality moderates the interation of mood and cognition", In K. Fiedler & J. Forgas (Eds), *Affect, cognition and social behavia*, Toronto: Hogrefe.
85. Mc Guire W. J.(1985), "Attitudes and Attitude change", *Handbook of Social Psychology*, 3th ed.,Vol.2, New York.
86. Mokken R. J. (1991), *A theory and procedure of scale analyisic*, The Hague, the Netherlans, Mouton.
87. Newcome T.M. (1958), "Attitude development as a function of reference groups", *Reading in social psychology*, (3rd Ed), New York: Hold, Rinehart & Winston.
88. Pravad N. V. V. (2011), *Soft Skills*, Sri Sarathi Institute of Engineering and Technology, Nuzvid - 521 201, Krishna (D.T), India.
89. Preston S. D., & de Waal F. B. M. (2002), "Empathy: Its ultimate and proximate bases", *Behavioral and Brain Sciences*, 25, 1-72.
90. Thomas W. I. & Znaniecki F. (1918), *The Polish peasant in Europe and America*, Vol.1, Boston: Badger, P. 526.
91. Tesser A. (1993), "The importance of heritablity in psychological research: The case of attitudes", *Psychological Review*, 100, 129-142.

92. Warren H. C. (Ed.) 1934), *Dictionnary of Psychology* ,Boston: Houghton Mifflin, Pp. ix +372.
93. Wichker A. W. (1969), “Attitudes versus action: the relationship between verbal and overt behavioral responses to attitude objects”, *Journal of Social Issues*, No.25, 41-78.

Tiếng Đức

94. Jung C. G. (1921), *Psychologische Typen* , Rascher Verlag, Zurich.
95. Langer L. (1888), *Neue Experimente über den Vorgang der einfachen Reaktion auf Sinneseindrücke*, Phil. Stud.,4, 479 - 510.
96. Müller G. E. and Pilzecker A. (1900), *Experimenteller Beiträge zur Lehre vom Gedächtniss*, Z.psychol., 1, xiv +300.

Tiếng Nga

97. Андреева Г. М. (1980), *Социальная психология*, Издательство: Московского университета.
98. Асмолов А. Г. (1996), *Культурно - историческая психология и конструирование миров*, М.: НПО Модек, 768с.
99. Асмолов А. Г. (2002), *По ту сторону сознания: методологические проблемы неклассической психологии*, М, Смысл, 480 с.
100. Бассин Ф. В., Прангишвили А. С., Шерозия А. Е. (1978), “Основные критерии рассмотрения бессознательного в качестве своеобразной формы психической деятельности”. *Вступительная статья редакции. Бессознательное: природа, функции, методы исследования*, Т.1. Тбилиси, Мецниереба.
101. Денисова О. П. (2007), *Формирование психологической готовности студента - будущего менеджера к управленческой деятельности*, кандидат психологических наук, Самара.
102. Дмитриева О. Б. (1997), *Формирование психологической готовности молодых специалистов к профессиональной деятельности*, кандидат психологических наук, Москва.
103. Головин С.Ю. (2001), *Словарь психолога практика*, Минск Харвест.

104. Григолава В. В. (1984), “Бессознательное и установка”, *Вопросы психологии*, № 3.
105. Исаева П. Т. (2011), *Влияние эмоции и памяти на изменение установки и стереотипов*, Бакинский государственный университет, Баку (Азербайджан).
106. Мельникова Н. А. (2008), *Социальная психология*, Москва.
107. Прангишвили А. С., Бассин Ф.В., Шошин П. Б. (1984), “Существует ли дилемма “бессознательное или установка”, *Вопросы психологии*, № 6.
108. Сарджвеладзе Н. И. (1985), “Бессознательное и понятие установки в концепции Д.Н. Узнадзе”, *Вопросы психологии*, № 4.
109. Семечкин Н. И. (2003), *Социальная психология*, Владивосток.
110. Сельмидис Д. Ф., Бегидова С. Н. (2001), *Современные проблемы развития физической культуры и биомеханики*, Майкоп.
111. Узнадзе Д. Н. (2001), *Психология установки*, СПб., Питер., 416 с.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

CÁC BẢNG HỎI, PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU, PHIẾU QUAN SÁT

1.1. PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CHUYÊN GIA

Kính thưa đồng chí!

Chúng tôi đang nghiên cứu tâm thế chiến đấu (TTCĐ) của Bộ đội Tăng thiết giáp (BĐTTG) trong Quân đội nhân dân Việt Nam (QĐNDVN). Từ kinh nghiệm thực tiễn của bản thân, xin đồng chí vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây. Ý kiến của đồng chí sẽ giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong quá trình nghiên cứu.

Câu hỏi 1: Theo đồng chí, khi đánh giá TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN ở đơn vị huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu (HL - SSCĐ) hiện nay thường đánh giá qua những hoạt động nào?

.....

.....

Câu hỏi 2: Theo đồng chí trong các hoạt động HL – SSCĐ ở trên, hoạt động nào được cán bộ, chiến sĩ ở đơn vị quan tâm nhất?

.....

.....

Câu hỏi 3: Theo đồng chí, TTCĐ của BĐTTG được biểu hiện qua những nội dung nào?

.....

.....

Câu hỏi 4: Theo đồng chí, những yếu tố nào ảnh hưởng đến TTCĐ của BĐTTG trong QĐNDVN hiện nay?

.....

.....

Xin đồng chí cho biết một số thông tin về cá nhân

1. Chức vụ.....

2. Chỉ huy chuyên môn nghiệp vụ

2. Thời gian đảm nhiệm chức vụ.....

3. Trình độ học vấn.....

4. Thâm niên công tác.....

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!

1.2. PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN DÀNH CHO CÁC BỘ QUẢN LÝ

Kính thưa đồng chí!

Chúng tôi đang tiến hành nghiên cứu tâm thế chiến đấu (TTCD) của Bộ đội Tăng thiết giáp (BĐTTG) trong Quân đội nhân dân Việt Nam. TTCD của BĐTTG được hiểu là trạng thái tâm lý sẵn sàng hành động của quân nhân trước các tình huống, hoàn cảnh chiến đấu, được biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động trong huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu (HL - SSCĐ) ở đơn vị. Xin đồng chí vui lòng đọc kỹ các câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống tương ứng. Các số liệu thu được nhằm mục đích nghiên cứu, không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Câu 1: Đồng chí nhận thức về những nội dung trong hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu dưới đây ở mức độ nào? (1 = Không sâu sắc; 2 = Ít sâu sắc; 3 = Bình thường; 4 = Sâu sắc; 5 = Rất sâu sắc)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
2	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
3	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
4	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
5	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
6	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
7	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong CD biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
8	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
9	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
10	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
11	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
12	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
13	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
14	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
15	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
16	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
17	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
18	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					

19	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
20	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
21	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
22	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
23	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
24	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
25	Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
26	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
27	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
28	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ					

Câu 2: Đồng chí hài lòng với các nội dung liên quan đến hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu dưới đây ở mức độ nào? (1 = Không hài lòng; 2 = Ít hài lòng; 3 = Bình thường; 4 = Hài lòng; 5 = Rất hài lòng)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
2	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
3	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
4	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
5	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
6	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
7	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong CĐ biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
8	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
9	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
10	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
11	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
12	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
13	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
14	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					

15	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
16	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
17	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
18	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
19	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
20	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
21	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
22	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
23	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
24	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
25	Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
26	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
27	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
28	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ					

Câu 3: Đồng chí cho biết mức độ thành thực khi thực hiện các nội dung trong hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu dưới đây tại đơn vị ? (1 = Không thành thực; 2 = Ít thành thực; 3 = Bình thường; 4 = Thành thực; 5 = Rất thành thực)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
2	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
3	Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
4	Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
5	Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
6	Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
7	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
8	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
9	Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					

10	Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
11	Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
12	Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
13	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
14	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
15	Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
16	Sử dụng các phương pháp, hình thức trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
17	Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
18	Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
19	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
20	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
21	Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
22	Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
23	Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
24	Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					

Câu 4: Đồng chí vui lòng đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu dưới đây của bản thân ở đơn vị trong thời gian qua? (1 = Rất thấp; 2 = Thấp; 3 = Trung bình; 4 = Cao; 5 = Rất cao)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị					
2	Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
3	Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
4	Hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng...).					

Câu 5: Đồng chí cho biết mức độ ảnh hưởng của những yếu tố dưới đây đến tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp hiện nay? (1= Không ảnh hưởng; 2 = Ít ảnh hưởng; 3 = Bình thường; 4 = Mạnh; 5 = Rất mạnh)

TT	Các yếu tố	1	2	3	4	5
1	Phẩm chất chính trị - tư tưởng					
2	Truyền thống chiến đấu của BĐTTG					
3	Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ					
4	Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ					
5	Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý trong HL - SSCĐ					
6	Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội					
7	Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ					
8	Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ					
9	Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc					
10	Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại					
11	Vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ					
12	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ					
Ý kiến khác.....						

Câu 6: Theo đồng chí các yếu tố dưới đây cản trở tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp ở mức độ nào? (1 = Không cản trở; 2 = Ít cản trở; 3 = Bình thường; 4 = Cản trở; 5 = Rất cản trở)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Vũ khí trang bị kỹ thuật TTG trong biên chế còn lạc hậu, xuống cấp, thiếu đồng bộ					
2	Điều kiện, phương tiện bảo đảm cho HL - SSCĐ còn thiếu thốn					
3	Kỹ xảo, kỹ năng trong HL - SSCĐ của một bộ phận thành viên kíp xe còn thiếu thành thục					
4	Kinh nghiệm, vốn sống trong HL - SSCĐ của một bộ phận thành viên kíp xe còn hạn chế					
5	Chính sách đãi ngộ hậu phương quân đội đối với BĐTTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ có mặt còn hạn chế					
Ý kiến khác.....						

Câu 7: Theo đồng chí các yếu tố dưới đây thúc đẩy tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp ở mức độ nào? (1 = Không thúc đẩy ; 2 = Yếu ; 3 = Bình thường; 4 = Mạnh; 5 = Rất mạnh)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Lòng trung thành với Đảng, nhân dân và nhiệm vụ chiến đấu được giao					
2	Niềm tin vào khả năng đánh thắng kẻ thù bằng cách đánh và vũ khí trang bị trong biên chế					
3	Truyền thống "Đã ra quân là đánh thắng" của BĐTTG					
4	Thông tin trong hoạt động HL - SSCĐ chọn lọc, chính xác, kịp thời (địch, địa hình, ta, vũ khí trang bị...)					
5	Bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể đơn vị					
6	Chất lượng giao tiếp nhóm trong đơn vị, kíp xe					
7	Điều kiện, môi trường HL - SSCĐ thuận lợi					
8	Xu hướng nghề nghiệp quân sự rõ ràng					
9	Hậu phương, gia đình vững chắc					
10	Năng lực tổ chức chỉ huy huấn luyện - SSCĐ của CBQL					
11	Sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp					
12	Sự ủng hộ nhiệt tình của cán bộ và nhân dân địa phương nơi đóng quân					
Ý kiến khác.....						

Câu 8: Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân dưới đây:

1. Năm nhập ngũ:
2. Cấp bậc quân hàm:
3. Chức vụ:
4. Đơn vị:
5. Ngạch sĩ quan (chỉ huy tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật),
6. Đồng chí là cán bộ cấp: Lữ đoàn (Lđ), cơ quan lữ đoàn (CQ), tiểu đoàn (d), đại đội (C), trung đội (b)

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!

1.3. PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN DÀNH CHO QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, HẠ SĨ QUAN - BINH SĨ

Kính thưa đồng chí!

Chúng tôi đang tiến hành nghiên cứu tâm thế chiến đấu (TTCD) của Bộ đội Tăng thiết giáp (BĐTTG) trong Quân đội nhân dân Việt Nam. TTCD của BĐTTG được hiểu là trạng thái tâm lý sẵn sàng hành động của quân nhân trước các tình huống, hoàn cảnh chiến đấu, được biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành động trong huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu (HL - SSCĐ) ở đơn vị. Xin đồng chí vui lòng đọc kỹ các câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống tương ứng. Các số liệu thu được nhằm mục đích nghiên cứu, không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Câu 1: Đồng chí nhận thức về những nội dung trong hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu dưới đây ở mức độ nào? (1 = Không sâu sắc; 2 = Ít sâu sắc; 3 = Bình thường; 4 = Sâu sắc; 5 = Rất sâu sắc)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
2	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
3	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
4	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
5	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
6	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
7	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong CD biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
8	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
9	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
10	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
11	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
12	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
13	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
14	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					

15	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
16	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
17	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
18	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
19	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
20	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
21	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
22	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
23	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
24	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
25	Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
26	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
27	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
28	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ					

Câu 2: Đồng chí hài lòng với các nội dung liên quan đến hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu

dưới đây ở mức độ nào? (1 = Không hài lòng; 2 = Ít hài lòng; 3 = Bình thường ; 4 = Hài lòng; 5 = Rất hài lòng)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
2	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
3	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
4	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
5	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
6	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					

7	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong CD biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
8	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
9	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
10	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
11	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
12	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
13	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
14	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
15	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
16	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
17	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
18	Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
19	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
20	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
21	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
22	Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
23	Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
24	Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
25	Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
26	Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
27	Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
28	Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ					

Câu 3: Đồng chí cho biết mức độ thành thực khi thực hiện các nội dung dưới đây trong hoạt động huấn luyện chiến đấu tại đơn vị? (1 = Không thành thực; 2 = Ít thành thực; 3 = Bình thường; 4 = Thành thực; 5 = Rất thành thực)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
2	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
3	Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
4	Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
5	Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
6	Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ					
7	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
8	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
9	Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
10	Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
11	Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
12	Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
13	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
14	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
15	Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
16	Sử dụng các phương pháp, hình thức trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
17	Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
18	Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
19	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
20	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
21	Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
22	Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
23	Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					
24	Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ					

Câu 4: Đồng chí vui lòng đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung huấn luyện chiến đấu dưới đây của bản thân ở đơn vị trong thời gian qua? (1 = Rất thấp; 2 = Thấp; 3 = Trung bình; 4 = Cao; 5 = Rất cao)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị					
2	Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG					
3	Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp					
4	Hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng.....).					

Câu 5: Đồng chí cho biết mức độ ảnh hưởng của những yếu tố dưới đây đến tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp hiện nay? (1= Không ảnh hưởng; 2 = Ít ảnh hưởng; 3 = Bình thường; 4 = Mạnh; 5 = Rất mạnh)

TT	Các yếu tố	1	2	3	4	5
1	Phẩm chất chính trị - tư tưởng					
2	Truyền thống chiến đấu của BĐTTG					
3	Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ					
4	Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ					
5	Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý trong HL - SSCĐ					
6	Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội					
7	Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ					
8	Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ					
9	Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc					
10	Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại					
11	vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ					
12	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ					
Ý kiến khác.....						

Câu 6: Theo đồng chí các yếu tố dưới đây cản trở tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp ở mức độ nào? (1 = Không cản trở; 2 = Ít cản trở; 3 = Bình thường; 4 = Cản trở; 5 = Rất cản trở)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	vũ khí trang bị kỹ thuật TTG trong biên chế còn lạc hậu, xuống cấp, thiếu đồng bộ					
2	Điều kiện, phương tiện bảo đảm cho HL - SSCĐ còn thiếu thốn					
3	Kỹ xảo, kỹ năng trong HL - SSCĐ của một bộ phận thành viên kíp xe còn thiếu thành thục					
4	Kinh nghiệm, vốn sống trong HL - SSCĐ của một bộ phận thành viên kíp xe còn hạn chế					
5	Chính sách đãi ngộ hậu phương quân đội đối với BĐTTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ có mặt còn hạn chế					
Ý kiến khác.....						

Câu 7: Theo đồng chí các yếu tố dưới đây thúc đẩy tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp ở mức độ nào? (1 = Không thúc đẩy; 2 = Yếu; 3 = Bình thường; 4 = Mạnh; 5 = Rất mạnh)

TT	Nội dung	1	2	3	4	5
1	Lòng trung thành với Đảng, nhân dân và nhiệm vụ CD được giao					
2	Niềm tin vào khả năng đánh thắng kẻ thù bằng cách đánh và vũ khí trang bị trong biên chế					
3	Truyền thống "Đã ra quân là đánh thắng" của BĐTTG					
4	Thông tin trong hoạt động HL - SSCĐ chọn lọc, chính xác, kịp thời (địch, địa hình, ta, vũ khí trang bị...)					
5	Bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể đơn vị					
6	Chất lượng giao tiếp nhóm trong đơn vị, kíp xe					
7	Điều kiện, môi trường HL - SSCĐ thuận lợi					
8	Xu hướng nghề nghiệp quân sự rõ ràng					
9	Hậu phương, gia đình vững chắc					
10	Năng lực tổ chức chỉ huy huấn luyện - SSCĐ của CBQL					
11	Sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp					
12	Sự ủng hộ nhiệt tình của cán bộ và nhân dân địa phương nơi đóng quân					
Ý kiến khác.....						
.....						

Câu 8: Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân dưới đây:

1. Năm nhập ngũ:
2. Cấp bậc quân hàm:
3. Chức vụ:
4. Đơn vị:

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

1.4. PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------|
| 1. Địa điểm phỏng vấn: | 6. Chức vụ: |
| 2. Ngày/ tháng/ năm (phỏng vấn): | 7. Đơn vị: |
| 3. Tên người được phỏng vấn: | 8. Số lần phỏng vấn: |
| 4. Năm sinh: | 9. Người chủ trì phỏng vấn: |
| 5. Cấp bậc: | |

NỘI DUNG

1. Hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu có ảnh hưởng như thế nào tới tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp? Để đánh giá tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp hiện nay, theo đồng chí cần thông qua những hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu nào của Bộ đội Tăng thiết giáp ở đơn vị?

2. Tâm thế chiến đấu là gì? Tâm thế chiến đấu có ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp?

3. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp hiện nay? Trong đó yếu tố nào là quan trọng nhất? Yếu tố nào là thúc đẩy, yếu tố nào là kìm hãm tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp?

4. Những thuận lợi và khó khăn của cán bộ quản lý đơn vị Tăng thiết giáp trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu hiện nay?

5. Để nâng cao tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp hiện nay, theo đồng chí cần thực hiện những biện pháp tâm lý - xã hội nào?

**1.5. PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO QUÂN NHÂN
CHUYÊN NGHIỆP, HẠ SĨ QUAN - BINH SĨ**

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------|
| 1. Địa điểm phỏng vấn: | 6. Chức vụ: |
| 2. Ngày/ tháng/ năm (phỏng vấn): | 7. Đơn vị: |
| 3. Tên người được phỏng vấn: | 8. Số lần phỏng vấn: |
| 4. Năm sinh: | 9. Người chủ trì phỏng vấn: |
| 5. Cấp bậc: | |

NỘI DUNG

1. Hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu có ảnh hưởng như thế nào tới tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp? Để đánh giá tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp hiện nay, theo đồng chí, thường thông qua hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu nào của Bộ đội Tăng thiết giáp ở đơn vị?

2. Tâm thế chiến đấu là gì? Tâm thế chiến đấu có ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp?

3. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp hiện nay? Trong đó yếu tố nào là quan trọng nhất? Yếu tố nào là thúc đẩy, yếu tố nào là kìm hãm tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp?

4. Để nâng cao tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp hiện nay, theo đồng chí cần thực hiện những biện pháp tâm lý - xã hội nào?

1.6. PHIẾU QUAN SÁT DÀNH CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. Người quan sát.....
2. Ngày quan sát.....
3. Đối tượng quan sát.....
4. Nội dung quan sát.....

- Quan sát các hành động của cán bộ quản lý, chỉ huy đơn vị thông qua các hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu đối với phân đội thuộc quyền để biết được các biểu hiện tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp.

- Quan sát cách thức tổ chức, triển khai mệnh lệnh, chỉ thị, kế hoạch huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu các cấp của cán bộ quản lý, chỉ huy đơn vị Tăng thiết giáp đối với phân đội thuộc quyền.

- Quan sát cách ứng xử, tiếp xúc của cán bộ quản lý, chỉ huy đơn vị đối với quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan - binh sĩ trong đơn vị.

**1.7. PHIẾU QUAN SÁT DÀNH CHO QUÂN NHÂN
CHUYÊN NGHIỆP, HẠ SĨ QUAN - BINH SĨ**

1. Người quan sát.....
2. Ngày quan sát.....
3. Đối tượng quan sát.....
4. Nội dung quan sát.....

- Quan sát thái độ, hành động thực hiện đối các hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu ở đơn vị của quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan - binh sĩ để biết được các biểu hiện tâm thế chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp.

- Quan sát các thao tác, hành động của quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan - binh sĩ đối với yêu cầu, nhiệm vụ, mệnh lệnh của cán bộ quản lý, chỉ huy đơn vị trong thực hiện hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

- Quan sát cách ứng xử, tiếp xúc, bày tỏ quan điểm về hoạt động huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu giữa các quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan - binh sĩ trong đơn vị.

Phụ lục 2

**CÁC CHỈ BÁO NHẪM ĐO ĐẠC CÁC MẶT BIỂU HIỆN TÂM THỂ
CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP**

Mặt biểu hiện	Nội dung	Item (Chỉ báo)
Nhận thức TTCD	Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ
	Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG
	Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp.
	Nhận thức về hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến,	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ

	trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ
Xúc cảm – tình cảm TTCD	Xúc cảm – tình cảm với hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ
	Xúc cảm - tình cảm với hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG
	Xúc cảm – tình cảm với hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp.
	Xúc cảm – tình cảm với hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực

	<p>nghiệp vụ, trực ban, canh phòng).</p>	<p>SSCĐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ
Hành động TTCĐ	<p>Hành động chiến đấu biểu hiện trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Thực hiện các nội dung công việc của đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Sử dụng phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ
	<p>Hành động chiến đấu biểu hiện trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Thực hiện các nội dung công việc của đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG
	<p>Hành động chiến đấu biểu hiện trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Thực hiện các nội dung công việc của đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Sử dụng các phương pháp, hình thức trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp
	<p>Hành động chiến đấu biểu hiện trong hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ.

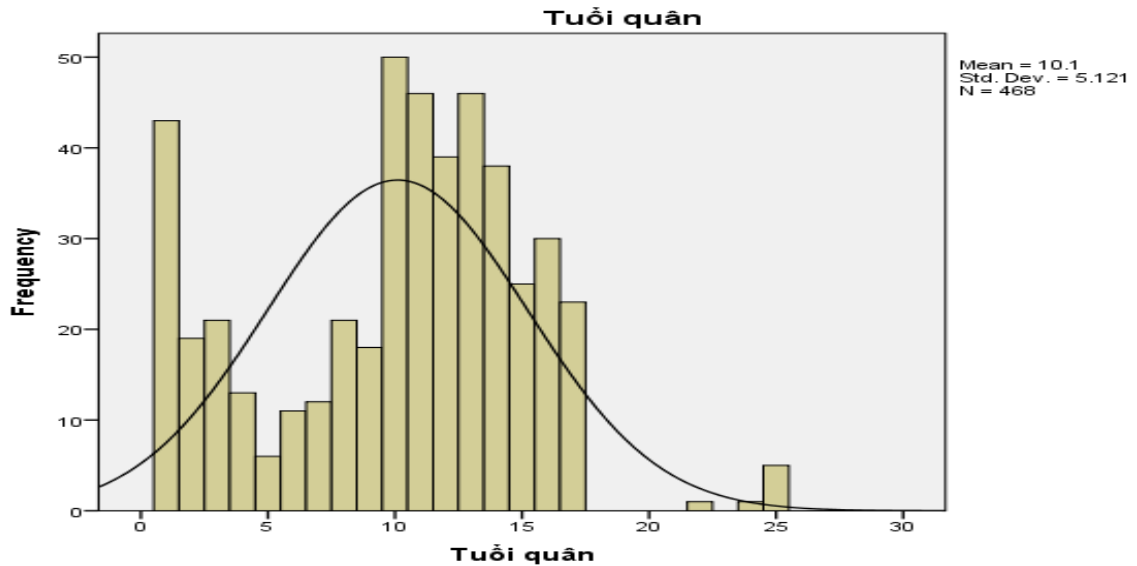
Phụ lục 3

SỐ LIỆU PHÂN BỐ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

3.1. PHÂN BỐ THEO NHÓM CẤP BẬC

		Cấp bậc			
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ha sĩ quan, binh sĩ	76	16.2	16.2	16.2
	Quan nhân chuyên nghiệp	199	42.5	42.5	58.8
	Sĩ quan sơ cấp	110	23.5	23.5	82.3
	Sĩ quan trung cấp	67	14.3	14.3	96.6
	Sĩ quan cao cấp	16	3.4	3.4	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

3.2. PHÂN BỐ THEO TUỔI QUÂN



3.3. PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ ĐẢM NHẬN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ

		Chức vụ			
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Trung đội	57	12.2	29.5	29.5
	Dai đội	62	13.2	32.1	61.7
	Tiểu đoàn	51	10.9	26.4	88.1
	Trung, lu đoàn	23	4.9	11.9	100.0
	Total	193	41.2	100.0	
Missing	System	275	58.8		
Total		468	100.0		

3.4. PHÂN BỐ THEO NGẠCH SĨ QUAN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ

Ngạch sĩ quan	
---------------	--

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chi huy tham muu	31	6.6	16.1	16.1
	Chinh tri	29	6.2	15.0	31.1
	Hau can	50	10.7	25.9	57.0
	Ky thuat	83	17.7	43.0	100.0
	Total	193	41.2	100.0	
Missing	System	275	58.8		
Total		468	100.0		

3.5. TỔNG PHỤ LỤC PHÂN BỐ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

Nội dung	Các biến độc lập	Tổng số mẫu	Số lượng phân bố	Tỉ lệ (%)
Nhóm khách thể nghiên cứu	CBQL	468	193	41.2
	QNCN - HSQBS		275	58.8
Đơn vị	Lữ 201-Binh chủng TTG	468	127	27.1
	Lữ 215, Binh chủng TTG		140	29.9
	Lữ 206, Quân khu 4		81	17.3
	Trường Sĩ quan TTG – Binh chủng TTG		62	13.3
	Trường Hạ sĩ quan xe tăng 1 – Binh chủng TTG		58	12.4
Khách thể phân bố theo tuổi quân	Tuổi quân dưới 10 năm trong quân ngũ	468	214	45,7
	Tuổi quân dưới từ 10 năm trong quân ngũ trở lên		254	54,3
Khách thể phân bố theo nhóm cấp bậc	Hạ sĩ quan, binh sĩ	275	76	16.3
	Quân nhân chuyên nghiệp		199	42.5
	Sĩ quan sơ cấp	193	110	23.5
	Sĩ quan trung cấp		67	14.3
	Sĩ quan cao cấp		16	3.4
Khách thể phân bố theo chức vụ đảm nhận của CBQL	Trung đội	193	57	12.2
	Đại đội		62	13.2
	Tiểu đoàn		51	10.9
	Trung (Lữ) đoàn		23	4.9
Khách thể phân bố theo ngạch sĩ quan của CBQL	Chỉ huy tham mưu	193	31	16.1
	Chính trị		29	15.0
	Hậu cần		50	25.9
	Kỹ thuật		83	43.0

Phụ lục 4**SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ MẶT NHẬN THỨC TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU****4.1: MẶT NHẬN THỨC TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU THỂ HIỆN QUA CÁC ITEM**

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0598	.78575
Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	2.00	5.00	4.1432	.79534
Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	2.00	5.00	4.2863	.76266
Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	2.00	5.00	3.9338	.80009
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	3.5406	.90706
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	3.6902	.86085
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong CD biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0897	.83066
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2.00	5.00	4.0705	.74712
Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	4.1432	.75387
Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2.00	5.00	3.9893	.79472
Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	3.8611	.75751
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	3.8526	.84674
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	3.9338	.87915
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	4.1197	.80589
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.9145	.83881
Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.9359	.86581
Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8013	.83873
Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	2.00	5.00	3.8718	.72624
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	4.4316	.87410
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	4.4188	.87789
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	4.4722	.78617
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.4850	.83921

Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.3547	.79225
Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0470	.89367
Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0513	.81049
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	2.00	5.00	4.1774	.78569
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.1026	.83689
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.9380	.82156
Valid N (listwise)	468				

4.2. MỨC ĐỘ CÁC NỘI DUNG MẶT NHẬN THỨC TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	3	5	3.96	.501
Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2	5	4.00	.560
Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	2	5	4.12	.554
Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	468	1	5	4.17	.641
Mặt nhận thức TTCĐ	468	2	5	4.06	.478
Valid N (listwise)	468				

4.3. NHẬN THỨC VỀ HOẠT ĐỘNG DUY TRÌ TRỰC SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.4850	.83921
Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.3547	.79225
Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0470	.89367
Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0513	.81049
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	2.00	5.00	4.1774	.78569
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.1026	.83689
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ.	468	1.00	5.00	3.9380	.82156
Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	468	1	5	4.17	.641
Valid N (listwise)	468				

4.4. TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC NỘI DUNG MẶT NHẬN THỨC TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Correlations

		Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	Mặt nhận thức TTCĐ
Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	Pearson Correlation	1	.646**	.625**	.625**	.842**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468
Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	Pearson Correlation	.646**	1	.576**	.520**	.803**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468
Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	Pearson Correlation	.625**	.576**	1	.750**	.873**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000
	N	468	468	468	468	468
Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	Pearson Correlation	.625**	.520**	.750**	1	.868**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000
	N	468	468	468	468	468
Mặt nhận thức TTCĐ	Pearson Correlation	.842**	.803**	.873**	.868**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	
	N	468	468	468	468	468

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

4.5. KIỂM ĐỊNH INDEPENDENT SAMPLES T- TEST GIỮA NHÓM KHÁCH THỂ CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, HẠ SĨ QUAN – BINH SĨ VỀ MẶT NHẬN THỨC TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Group Statistics

	Nhóm khách thể	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Mặt nhận thức TTCĐ	QNCN,HSQ,BS	275	4.03	.486	.029
	CBLĐQL	193	4.10	.465	.034

Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Mặt nhận thức TTCĐ	Equal variances assumed	2.091	.149	-1.544	466	.123	-.069	.045	-.157	.019
	Equal variances not assumed			-1.556	423.980	.120	-.069	.044	-.157	.018

4.6. KIỂM ĐỊNH ONE - WAY ANOVA GIỮA NHÓM KHÁCH THỂ LÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC NHAU CHỨC VỤ VỀ MẶT NHẬN THỨC TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Descriptives

Mặt nhận thức của tâm thể CD								
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
					Lower Bound	Upper Bound		
Trung doi	57	3.99	.485	.064	3.86	4.12	3	5
Dai doi	62	4.14	.417	.053	4.03	4.24	3	5
Tieu doan	51	4.10	.472	.066	3.97	4.23	3	5
Trung, lu doan	23	4.29	.485	.101	4.08	4.50	3	5
Total	193	4.10	.465	.034	4.04	4.17	3	5

Test of Homogeneity of Variances

Mặt nhận thức TTCD			
Levene Statistic	df1	df2	Sig.
.218	3	189	.884

ANOVA

Mặt nhận thức TTCD					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	1.527	3	.509	2.400	.069
Within Groups	40.073	189	.212		
Total	41.599	192			

Phụ lục 5**SỔ LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ MẶT XÚC CẢM - TÌNH CẢM TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU****5.1. MẶT XÚC CẢM - TÌNH CẢM TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU THỂ HIỆN QUA CÁC ITEM****Descriptive Statistics**

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	3.9658	.88220
Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0256	.81171
Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.2500	.84791
Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	2.00	5.00	4.2778	.86310
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.2500	.84030
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	3.9231	.91295
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong CD biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	3.8846	.95931
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	4.1667	.84949
Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2.00	5.00	4.0043	.70482
Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2.00	5.00	3.9722	.73260
Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2.00	5.00	3.9551	.73175
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2.00	5.00	4.0427	.77036
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2.00	5.00	4.0128	.76307
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	4.0641	.77994
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	2.00	23.00	4.0342	1.12919
Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	4.1774	.70526
Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8333	.74472
Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8825	.80488
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8996	.77747
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.9829	.80664
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	2.00	5.00	4.0214	.76007
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.8953	.75453
Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	2.00	5.00	3.9188	.77834

Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	2.00	5.00	4.0235	.72982
Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	2.00	5.00	3.9957	.79343
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.1282	.70226
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0064	.88647
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.9466	.88729
Valid N (listwise)	468				

5.2. MỨC ĐỘ CÁC NỘI DUNG MẶT XÚC CẢM - TÌNH CẢM TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Xúc cảm - tình cảm với hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1	5	4.08	.668
Xúc cảm - tình cảm với hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2	5	4.03	.558
Xúc cảm - tình cảm với hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	2	5	3.97	.571
Xúc cảm - tình cảm với hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	468	2	5	3.99	.560
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ	468	2	5	4.02	.512
Valid N (listwise)	468				

5.3. XÚC CẢM – TÌNH CẢM VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN TRẠNG THÁI SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, DIỄN TẬP CHIẾN THUẬT TỔNG HỢP

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	2.00	5.00	3.9915	.71083
Chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	4.1774	.70526
Chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8333	.74472
Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8825	.80488
Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8996	.77747
Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.9829	.80664
Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	2.00	5.00	4.0214	.76007
Xúc cảm - tình cảm với hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	2	5	3.97	.571
Valid N (listwise)	468				

5.4. XÚC CẢM – TÌNH CẢM VỚI CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ CỦA ĐỒNG CHÍ, ĐỒNG ĐỘI TRONG CHIẾN ĐẤU BIỂU HIỆN QUA CHUYỂN TRẠNG THÁI SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, DIỄN TẬP CHIẾN THUẬT TỔNG HỢP

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Khong hai long	1	.2	.2	.2
	It hai long	7	1.5	1.5	1.7
	Binh thuong	148	31.6	31.6	33.3
	Hai long	225	48.1	48.1	81.4
	Rat hai long	87	18.6	18.6	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

5.5. TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC NỘI DUNG MẶT XÚC CẢM - TÌNH CẢM TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU
Correlations

		Xúc cảm - tình cảm với hoạt động quán triết chỉ thị, kế hoạch HL - SSCD	Xúc cảm - tình cảm với hoạt động hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	Xúc cảm - tình cảm với hoạt động chuyển trạng thái SSCD, diễn tập chiến thuật tổng hợp	Xúc cảm - tình cảm với hoạt động duy trì trực SSCD của đơn vị (trực chiến, trực nghịệp vụ, trực ban, canh phòng)	Mặt xúc cảm - tình cảm TTCD
Xúc cảm - tình cảm với hoạt động quán triết chỉ thị, kế hoạch HL - SSCD	Pearson Correlation	1	.682**	.566**	.525**	.814**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468
Xúc cảm - tình cảm với hoạt động hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	Pearson Correlation	.682**	1	.769**	.740**	.912**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468
Xúc cảm - tình cảm với hoạt động chuyển trạng thái SSCD, diễn tập chiến thuật tổng hợp	Pearson Correlation	.566**	.769**	1	.792**	.890**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000
	N	468	468	468	468	468
Xúc cảm - tình cảm với hoạt động duy trì trực SSCD của đơn vị (trực chiến, trực nghịệp vụ, trực ban, canh phòng)	Pearson Correlation	.525**	.740**	.792**	1	.868**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000
	N	468	468	468	468	468
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCD	Pearson Correlation	.814**	.912**	.890**	.868**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	
	N	468	468	468	468	468

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

5.6. INDEPENDENT SAMPLES T-TEST MẶT XÚC CẢM – TÌNH CẢM TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU GIỮA HAI NHÓM CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, HẠ SĨ QUAN - BINH SĨ

Group Statistics										
		Nhóm khách thể	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean				
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ		QNCN,HSQ - BS	275	3.94	.523	.032				
		CBQL	193	4.13	.474	.034				
Independent Samples Test										
		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
								Lower		Upper
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ	Equal variances assumed	3.546	.060	-4.065	466	.000	-.192	.047	-.285	-.099
	Equal variances not assumed			-4.135	436.71	.000	-.192	.046	-.283	-.101

5.7. ONE – WAY ANOVA MẶT XÚC CẢM - TÌNH CẢM TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU GIỮA CÁC NHÓM CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC NHAU CHỨC VỤ

Descriptives								
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ								
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
					Lower Bound	Upper Bound		
Trung doi	57	4.05	.484	.064	3.93	4.18	3	5
Dai doi	62	4.16	.442	.056	4.04	4.27	3	5
Tieu doan	51	4.09	.495	.069	3.95	4.23	3	5
Trung, lu doan	23	4.33	.450	.094	4.14	4.53	3	5
Total	193	4.13	.474	.034	4.06	4.20	3	5
Test of Homogeneity of Variances								
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ								
Levene Statistic		df1	df2	Sig.				
.224		3	189	.880				
ANOVA								
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ								
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.			
Between Groups	1.388	3	.463	2.094	.102			
Within Groups	41.747	189	.221					
Total	43.134	192						

5.8. ONE - WAY ANOVA MẶT XÚC CẢM - TÌNH CẢM CỦA TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU GIỮA CÁC NHÓM CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC NHAU NGẠCH SĨ QUAN

Descriptives

Mặt xúc cảm - tình cảm TTCD								
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
					Lower Bound	Upper Bound		
Chi huy tham muu	31	4.17	.371	.067	4.04	4.31	4	5
Chinh tri	29	4.04	.564	.105	3.83	4.26	3	5
Hau can	50	3.98	.448	.063	3.85	4.10	3	5
Ky thuat	83	4.24	.467	.051	4.14	4.34	3	5
Total	193	4.13	.474	.034	4.06	4.20	3	5

Test of Homogeneity of Variances

Mặt xúc cảm - tình cảm TTCD			
Levene Statistic	df1	df2	Sig.
1.907	3	189	.130

ANOVA

Mặt xúc cảm - tình cảm TTCD					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	2.430	3	.810	3.761	.012
Within Groups	40.705	189	.215		
Total	43.134	192			

Multiple Comparisons

Dependent Variable: Mặt xúc cảm - tình cảm TTCD							
	(I) Ngạch sĩ quan	(J) Ngạch sĩ quan	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
						Lower Bound	Upper Bound
Bonferroni	Chi huy tham muu	Chinh tri	.130	.120	1.000	-.19	.45
		Hau can	.196	.106	.394	-.09	.48
		Ky thuat	-.066	.098	1.000	-.33	.19
	Chinh tri	Chi huy tham muu	-.130	.120	1.000	-.45	.19
		Hau can	.067	.108	1.000	-.22	.36
		Ky thuat	-.195	.100	.315	-.46	.07
	Hau can	Chi huy tham muu	-.196	.106	.394	-.48	.09
		Chinh tri	-.067	.108	1.000	-.36	.22
		Ky thuat	-.262*	.083	.011	-.48	-.04
	Ky thuat	Chi huy tham muu	.066	.098	1.000	-.19	.33
		Chinh tri	.195	.100	.315	-.07	.46
		Hau can	.262*	.083	.011	.04	.48

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

Phụ lục 6**SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ MẶT HÀNH ĐỘNG TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU****6.1. MẶT HÀNH ĐỘNG CỦA TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU THỂ HIỆN QUA CÁC ITEM****Descriptive Statistics**

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	3.9679	.89073
Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0598	.81780
Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	3.9679	.87374
Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	3.9466	.83251
Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	3.9786	.77679
Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0534	.85032
Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	4.1004	.81774
Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	3.9701	.79826
Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	4.0684	.79857
Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	3.8333	.85451
Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	3.8996	.88320
Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	1.00	5.00	3.8675	.92755
Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8739	.86765
Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8483	.84091
Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.9444	.75833
Sử dụng các phương pháp, hình thức trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.6410	.92282
Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.8077	.88370
Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.6068	.90165
Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.7350	.82668

Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.7778	.99559
Thực hiện các nội dung công việc đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.7222	.96167
Sử dụng các phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.6987	.99949
Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.7030	.99001
Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.5577	.98102
Valid N (listwise)	468				

6.2. MỨC ĐỘ CÁC NỘI DUNG MẶT HÀNH ĐỘNG TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	468	1	5	4.00	.629
Hành động chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2	5	4.00	.563
Hành động chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	2	5	3.79	.631
Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	468	2	5	3.70	.733
Mặt hành động TTCĐ	468	3	5	3.87	.476
Valid N (listwise)	468				

6.3. HÀNH ĐỘNG CHIẾN ĐẤU TRONG HOẠT ĐỘNG TRỰC SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU CỦA ĐƠN VỊ

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Thực hiện chức trách, nhiệm vụ bản thân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.7350	.82668
Thực hiện chức trách, nhiệm vụ đồng chí, đồng đội trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.7778	.99559
Thực hiện các nội dung công việc của đơn vị trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.7222	.96167
Sử dụng phương pháp, cách thức trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.6987	.99949
Sử dụng các phương tiện, trang bị kỹ thuật trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.7030	.99001
Vận dụng đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ	468	1.00	5.00	3.5577	.98102
Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	468	2	5	3.70	.733
Valid N (listwise)	468				

6.4. TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC NỘI DUNG MẶT HÀNH ĐỘNG TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Correlations

		Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	Hành động chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	Hành động chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	Mặt hành động TTCĐ
Hành động chiến đấu trong hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	Pearson Correlation	1	.439**	.515**	.262**	.732**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468
Hành động chiến đấu trong hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	Pearson Correlation	.439**	1	.446**	.255**	.687**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468
Hành động chiến đấu trong hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	Pearson Correlation	.515**	.446**	1	.526**	.836**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000
	N	468	468	468	468	468
Hành động chiến đấu trong hoạt động trực SSCĐ của đơn vị ((trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	Pearson Correlation	.262**	.255**	.526**	1	.722**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000
	N	468	468	468	468	468
Mặt hành động TTCĐ	Pearson Correlation	.732**	.687**	.836**	.722**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	
	N	468	468	468	468	468

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

6.5. INDEPENDENT SAMPLES TEST GIỮA CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, HẠ SĨ QUAN - BINH SĨ VỀ MẶT HÀNH ĐỘNG TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Group Statistics

	Nhóm khách thể	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Mặt hành động TTCĐ	QNCN, HSQ - BS	275	3.79	.477	.029
	CBQL	193	3.98	.454	.033

Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Mặt hành động TTCĐ	Equal variances assumed	.732	.393	-4.243	466	.000	-.186	.044	-.272	-.100
	Equal variances not assumed			-4.279	425.482	.000	-.186	.044	-.272	-.101

6.6. ONE – WAY ANOVA GIỮA CÁC NHÓM KHÁCH THỂ KHÁC NHAU CẤP BẬC VỀ MẶT HÀNH ĐỘNG TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Descriptives

Mặt hành động tâm thể chiến đấu								
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
					Lower Bound	Upper Bound		
Ha si quan, binh si	76	3.84	.474	.054	3.73	3.95	3	5
Quan nhan chuyen nghiep	199	3.78	.477	.034	3.71	3.84	3	5
Si quan so cap	110	3.85	.436	.042	3.77	3.93	3	5
Si quan trung cap	67	4.17	.398	.049	4.08	4.27	3	5
Si quan cao cap	16	4.08	.508	.127	3.81	4.35	3	5
Total	468	3.87	.476	.022	3.83	3.91	3	5

Test of Homogeneity of Variances

Mặt hành động tâm thể chiến đấu			
Levene Statistic	df1	df2	Sig.
1.932	4	463	.104

ANOVA

Mặt hành động tâm thể chiến đấu					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	8.717	4	2.179	10.402	.000
Within Groups	97.000	463	.210		
Total	105.717	467			

Multiple Comparisons

Dependent Variable: Mặt hành động tâm thể chiến đấu - Bonferroni						
(I) Cấp bậc	(J) Cấp bậc	Mean Difference (I- J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
Ha si quan, binh si	Quan nhan chuyen nghiep	.067	.062	1.000	-.11	.24
	Si quan so cap	-.006	.068	1.000	-.20	.19
	Si quan trung cap	-.330*	.077	.000	-.55	-.11
	Si quan cao cap	-.239	.126	.587	-.59	.12
Quan nhan chuyen nghiep	Ha si quan, binh si	-.067	.062	1.000	-.24	.11
	Si quan so cap	-.073	.054	1.000	-.23	.08
	Si quan trung cap	-.397*	.065	.000	-.58	-.21
	Si quan cao cap	-.305	.119	.106	-.64	.03
Si quan so cap	Ha si quan, binh si	.006	.068	1.000	-.19	.20
	Quan nhan chuyen nghiep	.073	.054	1.000	-.08	.23
	Si quan trung cap	-.324*	.071	.000	-.52	-.12
	Si quan cao cap	-.232	.122	.585	-.58	.11
Si quan trung cap	Ha si quan, binh si	.330*	.077	.000	.11	.55
	Quan nhan chuyen nghiep	.397*	.065	.000	.21	.58
	Si quan so cap	.324*	.071	.000	.12	.52
	Si quan cao cap	.092	.127	1.000	-.27	.45
Si quan cao cap	Ha si quan, binh si	.239	.126	.587	-.12	.59
	Quan nhan chuyen nghiep	.305	.119	.106	-.03	.64
	Si quan so cap	.232	.122	.585	-.11	.58
	Si quan trung cap	-.092	.127	1.000	-.45	.27

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

6.7. ONE - WAY ANOVA GIỮA CÁC NHÓM CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC NHAU CHỨC VỤ VỀ MẶT HÀNH ĐỘNG TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Descriptives

Mặt hành động TTCD								
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
					Lower Bound	Upper Bound		
Trung doi	57	3.96	.443	.059	3.84	4.07	3	5
Dai doi	62	3.95	.439	.056	3.84	4.06	3	5
Tieu doan	51	3.94	.492	.069	3.81	4.08	3	5
Trung, lu doan	23	4.19	.401	.084	4.02	4.37	3	5
Total	193	3.98	.454	.033	3.92	4.04	3	5
Test of Homogeneity of Variances								
Mặt hành động TTCD								
Levene Statistic			df1		df2		Sig.	
.760			3		189		.518	
ANOVA								
Mặt hành động TTCD								
	Sum of Squares		df	Mean Square		F	Sig.	
Between Groups	1.197		3	.399		1.966	.121	
Within Groups	38.369		189	.203				
Total	39.566		192					

6.8. ONE - WAY ANOVA GIỮA CÁC NHÓM CBQL KHÁC NHAU NGẠCH SĨ QUAN VỀ MẶT HÀNH ĐỘNG TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Descriptives

Mặt hành động TTCD								
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
					Lower Bound	Upper Bound		
Chi huy tham muu	31	4.11	.443	.079	3.95	4.27	3	5
Chinh tri	29	3.99	.473	.088	3.81	4.17	3	5
Hau can	50	3.81	.432	.061	3.68	3.93	3	5
Ky thuat	83	4.03	.442	.049	3.94	4.13	3	5
Total	193	3.98	.454	.033	3.92	4.04	3	5
Test of Homogeneity of Variances								
Mặt hành động TTCD								
Levene Statistic			df1		df2		Sig.	
.659			3		189		.579	
ANOVA								
Mặt hành động TTCD								
	Sum of Squares		df	Mean Square		F	Sig.	
Between Groups	2.267		3	.756		3.829	.011	
Within Groups	37.299		189	.197				
Total	39.566		192					

Multiple Comparisons

Dependent Variable: Mặt hàng động TTCĐ

Bonferroni

(I) Ngạch si quan	(J) Ngạch si quan	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
Chi huy tham muu	Chinh tri	.118	.115	1.000	-.19	.42
	Hau can	.302*	.102	.020	.03	.57
	Ky thuat	.073	.094	1.000	-.18	.32
Chinh tri	Chi huy tham muu	-.118	.115	1.000	-.42	.19
	Hau can	.184	.104	.465	-.09	.46
	Ky thuat	-.044	.096	1.000	-.30	.21
Hau can	Chi huy tham muu	-.302*	.102	.020	-.57	-.03
	Chinh tri	-.184	.104	.465	-.46	.09
	Ky thuat	-.228*	.080	.027	-.44	-.02
Ky thuat	Chi huy tham muu	-.073	.094	1.000	-.32	.18
	Chinh tri	.044	.096	1.000	-.21	.30
	Hau can	.228*	.080	.027	.02	.44

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

Phụ lục 7

**SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ MỨC ĐỘ CÁC MẶT BIỂU HIỆN TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU VÀ
MỨC ĐỘ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP**

7.1. CÁC MẶT BIỂU HIỆN TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BĐTTG**Descriptive Statistics**

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Mặt nhận thức TTCĐ	468	2	5	4.06	.478
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ	468	2	5	4.02	.508
Mặt hành động TTCĐ	468	3	5	3.87	.476
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	468	3	5	3.98	.443
Valid N (listwise)	468				

7.2. TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC MẶT BIỂU HIỆN VÀ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP**Correlations**

		Mặt nhận thức TTCĐ	Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ	Mặt hành động TTCĐ	Tâm thể chiến đấu của BĐTTG
Mặt nhận thức TTCĐ	Pearson Correlation	1	.791**	.665**	.900**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000
	N	468	468	468	468
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ	Pearson Correlation	.791**	1	.756**	.938**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000
	N	468	468	468	468
Mặt hành động TTCĐ	Pearson Correlation	.665**	.756**	1	.887**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000
	N	468	468	468	468
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	Pearson Correlation	.900**	.938**	.887**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	
	N	468	468	468	468

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

7.3. INDEPENDENT SAMPLES T-TEST GIỮA CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, HẠ SĨ QUAN - BINH SĨ VỀ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP**Group Statistics**

	Nhóm khách thể	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	QNCN,HSQ - BS	275	3.92	.450	.027
	CBQL	193	4.07	.418	.030

Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	Equal variances assumed	1.407	.236	-3.611	466	.000	-.148	.041	-.229	-.068
	Equal variances not assumed			-3.658	431.343	.000	-.148	.041	-.228	-.069

7.4. INDEPENDENT SAMPLES T-TEST GIỮA BĐTTG CÓ TUỔI QUÂN DƯỚI 10 NĂM VÀ 10 NĂM TRỞ LÊN

Group Statistics

	Tuổi quân	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	1	214	3.97	.420	.029
	2	254	3.99	.462	.029

Independent Samples Test											
		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means							
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference		
										Lower	Upper
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	Equal variances assumed	1.635	.202	-.447	466	.655	-.018	.041	-.099	.062	
	Equal variances not assumed			-.450	463.179	.653	-.018	.041	-.099	.062	

7.5. ONE – WAY ANOVA GIỮA CÁC NHÓM KHÁCH THỂ KHÁC NHAU CẤP BẬC VỀ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Descriptives									
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG									
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum	
					Lower Bound	Upper Bound			
Ha si quan, binh si	76	4.05	.438	.050	3.95	4.15	3	5	
Quan nhan chuyen nghiep	199	3.87	.447	.032	3.81	3.94	3	5	
Si quan so cap	110	3.98	.408	.039	3.91	4.06	3	5	
Si quan trung cap	67	4.21	.392	.048	4.11	4.30	3	5	
Si quan cao cap	16	4.09	.463	.116	3.85	4.34	4	5	
Total	468	3.98	.443	.020	3.94	4.02	3	5	

Test of Homogeneity of Variances			
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG			
Levene Statistic	df1	df2	Sig.
1.048	4	463	.382

ANOVA					
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	6.202	4	1.551	8.404	.000
Within Groups	85.428	463	.185		
Total	91.631	467			

Multiple Comparisons

Dependent Variable: Tâm thể chiến đấu của BĐTTG						
Bonferroni						
(I) Cấp bậc	(J) Cấp bậc	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
Ha sĩ quan, binh sĩ	Quan nhân chuyên nghiệp	.173*	.058	.030	.01	.34
	Sĩ quan sơ cấp	.063	.064	1.000	-.12	.24
	Sĩ quan trung cấp	-.160	.072	.268	-.36	.04
	Sĩ quan cao cấp	-.044	.118	1.000	-.38	.29
Quan nhân chuyên nghiệp	Ha sĩ quan, binh sĩ	-.173*	.058	.030	-.34	-.01
	Sĩ quan sơ cấp	-.110	.051	.319	-.25	.03
	Sĩ quan trung cấp	-.332*	.061	.000	-.50	-.16
	Sĩ quan cao cấp	-.217	.112	.528	-.53	.10
Sĩ quan sơ cấp	Ha sĩ quan, binh sĩ	-.063	.064	1.000	-.24	.12
	Quan nhân chuyên nghiệp	.110	.051	.319	-.03	.25
	Sĩ quan trung cấp	-.223*	.067	.009	-.41	-.03
	Sĩ quan cao cấp	-.107	.115	1.000	-.43	.22
Sĩ quan trung cấp	Ha sĩ quan, binh sĩ	.160	.072	.268	-.04	.36
	Quan nhân chuyên nghiệp	.332*	.061	.000	.16	.50
	Sĩ quan sơ cấp	.223*	.067	.009	.03	.41
	Sĩ quan cao cấp	.116	.120	1.000	-.22	.45
Sĩ quan cao cấp	Ha sĩ quan, binh sĩ	.044	.118	1.000	-.29	.38
	Quan nhân chuyên nghiệp	.217	.112	.528	-.10	.53
	Sĩ quan sơ cấp	.107	.115	1.000	-.22	.43
	Sĩ quan trung cấp	-.116	.120	1.000	-.45	.22

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

7.6. ONE - WAY ANOVA GIỮA CÁC NHÓM CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC NHAU CHỨC VỤ VỀ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU

Descriptives

Tâm thể chiến đấu của BĐTTG								
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
					Lower Bound	Upper Bound		
					Trung đội	57		
Đại đội	62	4.08	.392	.050	3.98	4.18	3	5
Tiểu đoàn	51	4.05	.446	.062	3.92	4.17	3	5
Trung, lu đoàn	23	4.27	.386	.080	4.10	4.44	4	5
Total	193	4.07	.418	.030	4.01	4.13	3	5

Test of Homogeneity of Variances

Tâm thể chiến đấu của BĐTTG			
Levene Statistic	df1	df2	Sig.
.276	3	189	.843

ANOVA

Tâm thể chiến đấu của BĐTTG					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	1.237	3	.412	2.408	.069
Within Groups	32.356	189	.171		
Total	33.593	192			

7.7. ONE - WAY ANOVA GIỮA CÁC NHÓM CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC NHAU NGẠCH SĨ QUAN VỀ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU**Descriptives**

Tâm thể chiến đấu của BĐTTG								
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
					Lower Bound	Upper Bound		
Chi huy tham muu	31	4.12	.375	.067	3.98	4.26	3	5
Chinh tri	29	4.02	.463	.086	3.84	4.20	3	5
Hau can	50	3.90	.399	.056	3.79	4.01	3	5
Ky thuat	83	4.17	.400	.044	4.09	4.26	3	5
Total	193	4.07	.418	.030	4.01	4.13	3	5

Test of Homogeneity of Variances

Tâm thể chiến đấu của BĐTTG			
Levene Statistic	df1	df2	Sig.
.546	3	189	.651

ANOVA

Tâm thể chiến đấu của BĐTTG					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	2.471	3	.824	5.003	.002
Within Groups	31.122	189	.165		
Total	33.593	192			

Multiple Comparisons

Dependent Variable: Tâm thế chiến đấu của BĐTTG						
Bonferroni						
(I) Ngạch si quan	(J) Ngạch si quan	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
Chi huy tham muu	Chinh tri	.101	.105	1.000	-.18	.38
	Hau can	.219	.093	.115	-.03	.47
	Ky thuat	-.053	.085	1.000	-.28	.17
Chinh tri	Chi huy tham muu	-.101	.105	1.000	-.38	.18
	Hau can	.118	.095	1.000	-.13	.37
	Ky thuat	-.154	.088	.475	-.39	.08
Hau can	Chi huy tham muu	-.219	.093	.115	-.47	.03
	Chinh tri	-.118	.095	1.000	-.37	.13
	Ky thuat	-.273*	.073	.001	-.47	-.08
Ky thuat	Chi huy tham muu	.053	.085	1.000	-.17	.28
	Chinh tri	.154	.088	.475	-.08	.39
	Hau can	.273*	.073	.001	.08	.47

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

Phụ lục 8

SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HUẤN LUYỆN CHIẾN ĐẤU; MỐI QUAN HỆ GIỮA TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU VÀ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HUẤN LUYỆN CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

8.1. MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÁC NHIỆM VỤ HUẤN LUYỆN CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị	468	2.00	5.00	4.0021	.77804
Hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	468	2.00	5.00	3.9594	.79375
Hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	468	1.00	5.00	3.6966	.85940
Hoạt động trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	468	1.00	5.00	3.8718	.84609
Hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ	468	2	5	3.88	.585
Valid N (listwise)	468				

8.2. MỨC ĐỘ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU VÀ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HUẤN LUYỆN CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

	Mean	Std. Deviation	N
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	3.98	.443	468
Hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ	3.88	.585	468

8.3. TƯƠNG QUAN GIỮA TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU VÀ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HUẤN LUYỆN CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

Correlations			
		Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	Hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	Pearson Correlation	1	.525**
	Sig. (2-tailed)		.000
	N	468	468
Hoàn thành nhiệm vụ HL - SSCĐ	Pearson Correlation	.525**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	
	N	468	468

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Phụ lục 9

SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

9.1. ĐỘ TIN CẬY CỦA THANG ĐO YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

Reliability Statistics		
Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.880	.881	12

Item-Total Statistics					
	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Squared Multiple Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Phẩm chất chính trị - tư tưởng	44.8910	35.382	.557	.500	.872
Truyền thống chiến đấu của BĐTTG	44.8077	36.091	.577	.482	.870
Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ	44.8397	34.760	.658	.558	.865
Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ	44.7906	34.825	.633	.432	.867
Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý trong HL - SSCĐ	44.6923	35.789	.601	.433	.869
Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội	44.8376	35.207	.558	.375	.872
Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ	44.7265	35.886	.582	.469	.870
Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ	44.6474	36.306	.550	.414	.872
Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	44.7009	35.384	.664	.515	.866
Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại	44.8761	35.449	.562	.457	.871
vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ	44.8013	36.130	.531	.510	.873
Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong hoạt động HL - SSCĐ	44.7906	36.217	.455	.414	.878

9.2. MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ THUỘC BÊN TRONG TỚI TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Phẩm chất chính trị - tư tưởng	468	1.00	5.00	3.9637	.87357
Truyền thống chiến đấu của BĐTTG	468	1.00	5.00	4.0470	.75891
Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0150	.83409
Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0641	.85336
Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý trong HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.1624	.77108
Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội	468	1.00	5.00	4.0171	.89474
Các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến TTCĐ	468	1	5	4.04	.610
Valid N (listwise)	468				

Phẩm chất chính trị - tư tưởng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	7	1.5	1.5	1.5
	Ít ảnh hưởng	10	2.1	2.1	3.6
	Bình thường	115	24.6	24.6	28.2
	Manh	197	42.1	42.1	70.3
	Rất mạnh	139	29.7	29.7	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

Truyền thống chiến đấu của BĐTTG

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	2	.4	.4	.4
	Ít ảnh hưởng	6	1.3	1.3	1.7
	Bình thường	94	20.1	20.1	21.8
	Manh	232	49.6	49.6	71.4
	Rất mạnh	134	28.6	28.6	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	1	.2	.2	.2
	Ít ảnh hưởng	22	4.7	4.7	4.9
	Bình thường	87	18.6	18.6	23.5
	Manh	217	46.4	46.4	69.9
	Rất mạnh	141	30.1	30.1	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	12	2.6	2.6	2.6
	Ít ảnh hưởng	8	1.7	1.7	4.3
	Bình thường	60	12.8	12.8	17.1
	Manh	246	52.6	52.6	69.7
	Rất mạnh	142	30.3	30.3	100.0

	Total	468	100.0	100.0	
Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ					
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	2	.4	.4	.4
	Ít ảnh hưởng	9	1.9	1.9	2.4
	Bình thường	68	14.5	14.5	16.9
	Manh	221	47.2	47.2	64.1
	Rất mạnh	168	35.9	35.9	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội					
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	7	1.5	1.5	1.5
	Ít ảnh hưởng	15	3.2	3.2	4.7
	Bình thường	96	20.5	20.5	25.2
	Manh	195	41.7	41.7	66.9
	Rất mạnh	155	33.1	33.1	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

9.3. BẢNG TẦN SUẤT LỰA CHỌN MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ BÊN TRONG ĐẾN TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

S T T	Yếu tố	Phân bố lựa chọn										ĐTB	ĐLC	Thứ tự
		Không ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Bình thường		Mạnh		Rất mạnh				
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
1	Chất lượng chính trị - tư tưởng	7	1,5	10	2,1	115	24,6	197	42,1	139	29,7	3.96	0.87	5
2	Truyền thống chiến đấu của BĐTTG	2	0,4	6	1,3	94	20,1	232	49,6	134	28,6	4.05	0.76	3
3	Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ	1	0,2	22	4,7	87	18,6	217	46,4	141	30,1	4.02	0.83	4
4	Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ	12	2,6	8	1,7	60	12,8	246	52,6	142	30,3	4.06	0.85	2
5	Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quản lý trong HL - SSCĐ	2	0,4	9	1,9	68	14,5	221	47,2	168	35,9	4.16	0.77	1
6	Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội	7	1,5	15	3,2	96	20,5	195	41,7	155	33,1	4.02	0.89	4
Các yếu tố bên trong												4.04	0.61	

9.4. MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ BÊN NGOÀI ĐẾN TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.1282	.78025
Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.2073	.76163
Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	468	1.00	5.00	4.1538	.75602
Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại	468	1.00	5.00	3.9786	.85800
vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0534	.80638
Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong HL - SSCĐ	468	1.00	5.00	4.0641	.89739
Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến TTCĐ	468	2	5	4.10	.569
Valid N (listwise)	468				

Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	7	1.5	1.5	1.5
	Ít ảnh hưởng	3	.6	.6	2.1
	Bình thường	65	13.9	13.9	16.0
	Manh	241	51.5	51.5	67.5
	Rất mạnh	152	32.5	32.5	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	3	.6	.6	.6
	Ít ảnh hưởng	6	1.3	1.3	1.9
	Bình thường	61	13.1	13.0	15.0
	Manh	219	46.8	46.8	61.8
	Rất mạnh	179	38.2	38.2	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	1	.2	.2	.2
	Ít ảnh hưởng	6	1.3	1.3	1.5
	Bình thường	79	16.9	16.9	18.4
	Manh	216	46.2	46.2	64.5
	Rất mạnh	166	35.5	35.5	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	3	.6	.6	.6
	Ít ảnh hưởng	18	3.8	3.8	4.5
	Bình thường	105	22.4	22.4	26.9
	Manh	202	43.2	43.2	70.1
	Rất mạnh	140	29.9	29.9	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	3	.6	.6	.6
	Ít ảnh hưởng	11	2.4	2.4	3.0
	Bình thường	89	19.0	19.0	22.0
	Manh	220	47.0	47.0	69.0

Rat mạnh	145	31.0	31.0	100.0
Total	468	100.0	100.0	

Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong HL - SSCĐ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không ảnh hưởng	7	1.5	1.5	1.5
	Ít ảnh hưởng	13	2.8	2.8	4.3
	Bình thường	93	19.9	19.9	24.1
	Mạnh	185	39.5	39.5	63.7
	Rat mạnh	170	36.3	36.3	100.0
	Total	468	100.0	100.0	

9.5. BẢNG TẦN SUẤT LỰA CHỌN MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ BÊN NGOÀI ĐẾN TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

S T T	Yếu tố	Phân bố lựa chọn										ĐTB	ĐLC	T h ứ t ự
		Không ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Bình thường		Mạnh		Rất mạnh				
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
1	Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ	7	1,5	3	0,6	65	13,9	241	51,5	152	32,5	4.13	0.78	3
2	Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ	3	0,6	6	1,3	61	13,1	219	46,8	179	38,2	4.21	0.76	1
3	Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	1	0,3	6	1,3	79	16,9	216	46,2	166	35,5	4.15	0.76	2
4	Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại	3	0,6	18	3,8	105	22,4	202	43,2	140	29,9	3.98	0.86	6
5	vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ	3	0,6	11	2,4	89	19,0	220	47,0	145	31,0	4.05	0.81	5
6	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong HL - SSCĐ	7	1,5	13	2,8	93	19,9	185	39,5	170	36,3	4.06	0.90	4
Các yếu tố bên ngoài											4.10	0.57		

9.6. MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ CẢN TRỞ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
vũ khí trang bị kỹ thuật TTG trong biên chế còn lạc hậu, xuống cấp, thiếu đồng bộ	468	1.00	5.00	4.0278	.92623
Điều kiện, phương tiện bảo đảm cho HL - SSCĐ còn thiếu thốn	468	1.00	5.00	3.9701	.94334
Kỹ xảo, kỹ năng trong HL - SSCĐ của một bộ phận thành viên kíp xe còn thiếu thành thục	468	1.00	5.00	4.0556	.94445
Kinh nghiệm, vốn sống trong HL - SSCĐ của một bộ phận thành viên kíp xe còn hạn chế	468	1.00	5.00	3.7030	.97914
Chính sách đãi ngộ hậu phương quân đội đối với BĐTTG làm nhiệm vụ HL - SSCĐ có mặt còn hạn chế	468	1.00	5.00	3.9252	.97108
Valid N (listwise)	468				

9.7. MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ THÚC ĐẨY TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Lòng trung thành với Đảng, nhân dân và nhiệm vụ CD được giao	468	1.00	5.00	3.9615	.98523
Niềm tin vào khả năng đánh thắng kẻ thù bằng cách đánh và vũ khí trang bị trong biên chế	468	1.00	5.00	4.0363	.84365
Truyền thống "Đã ra quân là đánh thắng" của BĐTTG	468	1.00	5.00	4.0406	.83836
Thông tin trong hoạt động HL - SSCĐ chọn lọc, chính xác, kịp thời (địch, địa hình, ta, vũ khí trang bị...)	468	1.00	5.00	4.0855	.72958
Bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể đơn vị	468	1.00	5.00	3.8248	.91107
Chất lượng giao tiếp nhóm trong đơn vị, kíp xe	468	1.00	5.00	3.8953	.87049
Điều kiện, môi trường HL - SSCĐ thuận lợi	468	1.00	5.00	3.6795	.99885
Xu hướng nghề nghiệp quân sự rõ ràng	468	1.00	5.00	3.8056	.87959
Hậu phương, gia đình vững chắc	468	1.00	5.00	3.9679	.98871
Năng lực tổ chức chỉ huy huấn luyện – SSCĐ của CBQL	468	1.00	5.00	3.8120	.89664
Sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp	468	1.00	5.00	3.7671	.99206
Sự ủng hộ nhiệt tình của cán bộ và nhân dân địa phương nơi đóng quân	468	1.00	5.00	3.8462	.99777
Valid N (listwise)	468				

9.8. TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC YẾU TỐ BÊN TRONG ĐẾN TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP

Correlations

		Phẩm chất chính trị - tư tưởng	Truyền thống chiến đấu của BĐTTG	Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ	Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ	Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ	Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội	Các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến TTCĐ	Tâm thể chiến đấu của BĐTTG
Phẩm chất chính trị - tư tưởng	Pearson Correlation	1	.603**	.636**	.394**	.336**	.321**	.750**	.348**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Truyền thống chiến đấu của BĐTTG	Pearson Correlation	.603**	1	.591**	.491**	.364**	.365**	.766**	.387**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, kỹ chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ	Pearson Correlation	.636**	.591**	1	.516**	.359**	.350**	.783**	.438**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Kinh nghiệm, vốn sống của BĐTTG giáp trong HL - SSCĐ	Pearson Correlation	.394**	.491**	.516**	1	.450**	.414**	.742**	.294**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ	Pearson Correlation	.336**	.364**	.359**	.450**	1	.527**	.682**	.245**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000		.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Niềm tin chiến thắng của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong HL - SSCĐ và giáo dục bộ đội	Pearson Correlation	.321**	.365**	.350**	.414**	.527**	1	.684**	.247**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000		.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến TTCĐ	Pearson Correlation	.750**	.766**	.783**	.742**	.682**	.684**	1	.443**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000	.000		.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	Pearson Correlation	.348**	.387**	.438**	.294**	.245**	.247**	.443**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000	
	N	468	468	468	468	468	468	468	468

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

9.9. TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC YẾU TỐ BÊN NGOÀI ĐẾN TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI TĂNG TIẾT GIÁP

Correlations

		Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ	Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ	Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại	Vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG trong HL - SSCĐ	Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến TTCĐ	Tâm thể chiến đấu của BĐTTG
Thông tin về đối tượng trong hoạt động HL - SSCĐ	Pearson Correlation	1	.525**	.558**	.321**	.244**	.141**	.645**	.319**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000	.002	.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Quan hệ giao tiếp và bầu không khí tâm lý tập thể quân nhân trong HL - SSCĐ	Pearson Correlation	.525**	1	.580**	.305**	.275**	.197**	.665**	.252**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ và chiến đấu thắng lợi của BĐTTG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	Pearson Correlation	.558**	.580**	1	.372**	.352**	.314**	.738**	.378**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Đặc điểm, môi trường giáo dục, HL - SSCĐ trong chiến đấu hiện đại	Pearson Correlation	.321**	.305**	.372**	1	.614**	.488**	.749**	.300**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000	.000	.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật bảo đảm HL - SSCĐ	Pearson Correlation	.244**	.275**	.352**	.614**	1	.593**	.742**	.287**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000		.000	.000	.000

	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với BĐTTG	Pearson Correlation	.141**	.197**	.314**	.488**	.593**	1	.672**	.255**
	Sig. (2-tailed)	.002	.000	.000	.000	.000		.000	.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến TTCD	Pearson Correlation	.645**	.665**	.738**	.749**	.742**	.672**	1	.424**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000	.000		.000
	N	468	468	468	468	468	468	468	468
Tâm thế chiến đấu của BĐTTG	Pearson Correlation	.319**	.252**	.378**	.300**	.287**	.255**	.424**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000	
	N	468	468	468	468	468	468	468	468

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Phụ lục 10

SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ THỰC NGHIỆM KIỂM ĐỊNH

A. TRƯỚC THỰC NGHIỆM

A1. MỨC ĐỘ NHẬN THỨC TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM VÀ ĐƠN VỊ ĐỐI CHỨNG

ĐVĐC - Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	29	3	5	3.62	.498
Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	29	2	5	3.58	.528
Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	29	2	5	3.80	.664
Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị ((trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	29	2	5	3.75	.571
Mặt nhận thức TTCĐ	29	3	5	3.69	.461
Valid N (listwise)	29				

ĐVTN - Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	30	3	4	3.81	.454
Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	30	3	4	3.76	.441
Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	30	3	5	3.96	.400
Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	30	2	5	4.01	.458
Mặt nhận thức TTCĐ	30	3	4	3.89	.391
Valid N (listwise)	30				

A2. INDEPENDENT SAMPLES T-TEST MỨC ĐỘ NHẬN THỨC GIỮA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM VÀ ĐƠN VỊ ĐỐI CHỨNG

Group Statistics

	Đo trước thực nghiệm	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Mặt nhận thức TTCĐ	ĐVTN	30	3.89	.391	.071
	ĐVĐC	29	3.69	.461	.086

Independent Samples Test

	Levene's Test for Equality of Variances	t-test for Equality of Means								
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Mặt nhận thức TTCĐ	Equal variances assumed	.533	.468	1.808	57	.076	.201	.111	-.022	.423
	Equal variances not assumed			1.803	54.858	.077	.201	.111	-.022	.424

A3. INDEPENDENT SAMPLES T-TEST MỨC ĐỘ NHẬN THỨC GIỮA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM VÀ BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP TRONG TOÀN MẪU NGHIÊN CỨU

Group Statistics

	Đo trước thực nghiệm	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Mặt nhận thức TTCĐ	ĐVTN	30	3.89	.391	.071
	BĐTTG toan mau	468	4.05	.475	.021

Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
								Lower		Upper
Mặt nhận thức TTCĐ	Equal variances assumed	1.786	.182	-1.840	526	.066	-.163	.088	-.337	.011
	Equal variances not assumed			-2.186	34.368	.036	-.163	.074	-.314	-.011

A4. MỨC ĐỘ TTCĐ CỦA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM VÀ ĐƠN VỊ ĐỐI CHỨNG

ĐVTN - Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Mặt nhận thức TTCĐ	30	3	4	3.89	.391
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ	30	3	4	3.75	.378
Mặt hành động TTCĐ	30	3	4	3.73	.438
Tâm thế chiến đấu của BĐTTG	30	3	4	3.79	.374
Valid N (listwise)	30				

ĐVĐC - Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Mặt nhận thức TTCĐ	29	3	5	3.69	.461
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCĐ	29	3	5	3.65	.518
Mặt hành động TTCĐ	29	3	5	3.65	.486
Tâm thế chiến đấu của BĐTTG	29	3	5	3.66	.444
Valid N (listwise)	29				

A5. INDEPENDENT SAMPLES T-TEST MỨC ĐỘ TÂM THẾ CHIẾN ĐẤU GIỮA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM VÀ ĐƠN VỊ ĐỐI CHỨNG

Group Statistics

	Đo trước thực nghiệm	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Tâm thế chiến đấu của BĐTTG	ĐVTN	30	3.79	.374	.068
	ĐVĐC	29	3.66	.444	.082

Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	Equal variances assumed	.181	.672	1.217	57	.229	.130	.107	-.084	.344
	Equal variances not assumed			1.214	54.728	.230	.130	.107	-.085	.345

A6. INDEPENDENT SAMPLES T-TEST MỨC ĐỘ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU GIỮA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM VÀ ĐƠN VỊ ĐỐI CHỨNG TRONG TOÀN MẪU NGHIÊN CỨU**Group Statistics**

	Đo trước thực nghiệm	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	ĐVTN	30	3.79	.374	.068
	BĐTTG toàn mẫu	468	3.98	.443	.020

Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Tâm thể chiến đấu của BĐTTG	Equal variances assumed	1.266	.261	2.332	496	.020	-.193	.083	-.355	-.030
	Equal variances not assumed			2.705	34.429	.011	-.193	.071	-.338	-.048

B. SAU TÁC ĐỘNG**B1. MỨC ĐỘ NHẬN THỨC CỦA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM SAU TÁC ĐỘNG****Descriptive Statistics**

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	30	3	5	4.13	.438
Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	30	3	5	4.06	.490
Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	30	4	5	4.36	.375
Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	30	4	5	4.54	.326
Mặt nhận thức TTCD	30	4	5	4.27	.319
Valid N (listwise)	30				

B2. PAIRED SAMPLES T-TEST MỨC ĐỘ NHẬN THỨC CỦA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM TRƯỚC VÀ SAU TÁC ĐỘNG
Paired Samples Statistics

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	Nhận thức TTCD của ĐVTN trước tác động	3.8940	30	.38835	.07090
	Nhận thức TTCD của ĐVTN sau tác động	4.2321	30	.31940	.05831

Paired Samples Test

		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	Nhận thức TTCD của ĐVTN trước tác động – Nhận thức TTCD của ĐVTN sau tác động	-.33810	.50766	.09269	-.52766	-.14853	-3.648	29	.001

B3. MỨC ĐỘ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM SAU TÁC ĐỘNG
Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Mặt nhận thức TTCD	30	4	5	4.27	.319
Mặt xúc cảm - tình cảm TTCD	30	3	5	4.20	.425
Mặt hành động TTCD	30	3	5	3.90	.366
Tâm thể chiến đấu của BDTTG	30	4	5	4.13	.332
Valid N (listwise)	30				

B4. PAIRED SAMPLES T-TEST MỨC ĐỘ TÂM THỂ CHIẾN ĐẤU CỦA ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM TRƯỚC VÀ SAU TÁC ĐỘNG
Paired Samples Statistics

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	TTCD của ĐVTN trước tác động	3.7909	30	.37411	.06830
	TTCD của ĐVTN sau tác động	4.1259	30	.33248	.06070

Paired Samples Test

		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	TTCD của ĐVTN trước tác động - TTCD của ĐVTN sau tác động	-.33505	.51235	.09354	-.52637	-.14374	-3.582	29	.001

B5. MỨC ĐỘ NHẬN THỨC CỦA ĐƠN VỊ ĐỐI CHỨNG SAU TÁC ĐỘNG
Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Nhận thức về hoạt động quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ	29	3	4	3.80	.457
Nhận thức về hoạt động huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG	29	3	4	3.72	.443
Nhận thức về hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp	29	3	5	3.95	.406
Nhận thức về hoạt động duy trì trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng)	29	2	5	4.02	.456
Mặt nhận thức TTCD	29	3	4	3.87	.394
Valid N (listwise)	29				

B6. PAIRED SAMPLES T-TEST MỨC ĐỘ NHẬN THỨC CỦA ĐƠN VỊ ĐỐI CHỨNG TRƯỚC VÀ SAU TÁC ĐỘNG**Paired Samples Statistics**

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	Nhận thức TTCD của ĐVĐC trước tác động	3.6872	29	.46100	.08561
	Nhận thức TTCD của ĐVĐC sau tác động	3.8732	29	.39385	.07314

Paired Samples Test

		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	Nhận thức TTCD của ĐVĐC trước tác động - Nhận thức TTCD của ĐVĐC sau tác động	-.18596	.58157	.10800	-.40718	.03526	-1.722	28	.096

B7. INDEPENDENT SAMPLES T-TEST MỨC ĐỘ NHẬN THỨC GIỮA ĐƠN VỊ ĐỐI CHỨNG ĐO LẦN HAI VÀ ĐƠN VỊ THỰC NGHIỆM SAU TÁC ĐỘNG THỰC NGHIỆM**Group Statistics**

	Đo sau thực nghiệm	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Mặt nhận thức TTCD	ĐVTN sau tác động	30	4.27	.319	.058
	ĐVĐC đo lần 2	29	3.87	.394	.073

Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Mặt nhận thức TTCD	Equal variances assumed	1.021	.317	4.288	57	.000	.399	.093	.213	.586
	Equal variances not assumed			4.272	53.867	.000	.399	.094	.212	.587

Phụ lục 11

CHƯƠNG TRÌNH TÁC ĐỘNG THỰC NGHIỆM

Thời gian	<ul style="list-style-type: none"> Từ tháng 12/2016 đến tháng 6/2017
Địa điểm	<ul style="list-style-type: none"> Lữ đoàn 215 - Binh chủng TTG
Thành phần tham gia	<ul style="list-style-type: none"> Khách thể thực nghiệm là 59 CBQL và QNCN, HSQ - BS thuộc Lữ đoàn 215 - Binh chủng TTG; trong đó, nhóm thực nghiệm tác động: 30 CBQL và QNCN, HSQ - BS, nhóm đối chứng: 29 CBQL và QNCN, HSQ - BS. CBQL trợ giúp nghiên cứu 02
Người chủ trì	<ul style="list-style-type: none"> NCS Lê Văn Sang 01 CBQL (Ct')
Người giám sát	<ul style="list-style-type: none"> PGS, TS. Đỗ Duy Môn PGS, TS. Lê Văn Hào Cán bộ đại diện Lữ đoàn 215 - Binh chủng TTG
Mục đích tập huấn	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao nhận thức của BĐTTG về hoạt động chiến đấu thông qua các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị Kiểm định giả thuyết thực nghiệm: "Nhận thức về hoạt động chiến đấu thông qua các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị là nguồn gốc của sự phát triển TTCĐ của BĐTTG, có ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ đến các mặt biểu hiện còn lại trong TTCĐ của BĐTTG. Nếu nâng cao nhận thức về hoạt động chiến đấu của BĐTTG thông qua giáo dục các nội dung HL - SSCĐ ở đơn vị phù hợp với các quy luật phát triển của khối nhận thức trong các mặt biểu hiện TTCĐ của BĐTTG thì sẽ phát triển TTCĐ ở họ."
Kết quả mong đợi	<p>Kết thúc chương trình BĐTTG được nâng cao nhận thức về các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận thức về hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ của đơn vị Nhận thức về hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG Nhận thức về hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp Nhận thức về hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ của đơn vị (trực chiến, trực nghiệp vụ, trực ban, canh phòng) Nhận thức về đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG
Phương pháp	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình, trực quan, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, bài tập tình huống.
Giảng đường	<ul style="list-style-type: none"> Hội trường Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn 215, Binh chủng TTG. Hội trường Khu kỹ thuật, Lữ đoàn 215, Binh chủng TTG.

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT TÁC ĐỘNG THỰC NGHIỆM

Phần 1: GIẢNG BÀI				
Thời gian	Nội dung	Mục tiêu	Phương pháp, cách thức	Điều kiện, phương tiện hỗ trợ
Buổi 1: Đặc điểm huấn luyện chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp (45 phút)				
05'	<p>* Mở bài: Vị trí, vai trò của việc nhận thức sâu sắc đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG đối với hoạt động chiến đấu và TTCĐ của BĐTTG.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn nhập, tạo hứng thú cho quân nhân - Trang bị ý nghĩa, nội dung của bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề - Thuyết trình - Trao đổi 	Giáo án, phấn, bảng, máy chiếu.
35'	<p>* Nội dung đặc điểm huấn luyện chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp</p> <ul style="list-style-type: none"> - BĐTTG sử dụng vũ khí trang bị tương đối hiện đại, có hỏa lực mạnh, sức cơ động cao và khả năng tự bảo vệ tốt. - Trong huấn luyện chiến đấu BĐTTG luôn đòi hỏi rất cao về tinh thần đoàn kết, sự phối hợp hiệp đồng quy định bảo đảm chặt chẽ, tính kỷ luật cao. - BĐTTG huấn luyện chiến đấu trong điều kiện khắc nghiệt, chịu áp lực căng thẳng cao về tinh thần, tâm lý, thể lực. - Hành động kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ đòi hỏi bí mật bất ngờ, phối hợp nhịp nhàng, khẩn trương, chính xác cao. - BĐTTG hiện nay huấn luyện, SSCĐ trong điều kiện vũ khí trang bị chưa thật hiện đại, thiếu đồng bộ, điều kiện bảo đảm gặp nhiều khó khăn, chịu áp lực của chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao. 	<p>BĐTTG có nhận thức sâu sắc về các đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG. Qua đó định hướng xúc cảm - tình cảm tích cực và hành động đúng đắn, thành thực để lựa chọn và chiếm lĩnh chúng trong hoạt động chiến đấu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Nêu vấn đề - Làm việc nhóm, chia sẻ các bài học kinh nghiệm chiến đấu. 	Giáo án, phấn, bảng, máy chiếu, giấy A0, que chỉ
05'	<p>* Kết luận</p>	<p>Tóm lược những nội dung chính của bài. Định hướng nội dung cho Buổi 2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Nêu vấn đề, định hướng nội dung nghiên cứu 	Giáo án, máy chiếu

<p align="center">• Buổi 2: Hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu của đơn vị và Hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật Tăng thiết giáp (115 phút)</p>				
10'	<p>* Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu, làm quen, phân chia nhóm ôn tập - Thống nhất chương trình, nội dung và phương pháp làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn nhập, tạo hứng thú cho quân nhân. - Tạo sự hiểu biết về chương trình, nội dung, phương pháp và quy tắc làm việc chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề - Thuyết trình - Trao đổi - Phân chia nhóm 	Giáo án, phần, bảng, máy chiếu
40'	<p>I. Hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch huấn luyện - sẵn sàng chiến đấu của đơn vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Chức trách nhiệm vụ của quân nhân trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Nội dung công việc của đơn vị TTG thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Các phương pháp, cách thức BĐTTG sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật BĐTTG sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ. 	<p>BĐTTG có nhận thức sâu sắc về vị trí, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của BĐTTG trong chiến đấu; nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu; phương pháp, cách thức BĐTTG sử dụng trong chiến đấu; phương tiện, trang bị kỹ thuật BĐTTG sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu ...</p> <p>biểu hiện qua quán triệt chỉ thị, kế hoạch HL - SSCĐ. Qua đó định hướng xúc cảm - tình cảm tích cực và hành động đúng đắn, thành thực để lựa chọn và chiếm lĩnh chúng trong hoạt động chiến đấu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề - Thuyết trình - Trao đổi - Thảo luận nhóm, chia sẻ kinh nghiệm 	Giáo án, phần, bảng, sơ đồ (giấy A0), que chỉ, máy chiếu.
10'	Nghỉ giữa giờ			
50'	<p>II. Hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật Tăng thiết giáp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG - Chức trách, nhiệm vụ của quân nhân trong 	<p>Bộ đội TTG có nhận thức sâu sắc về vị trí, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của BĐTTG trong chiến đấu; nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu; phương pháp, cách thức BĐTTG sử dụng trong chiến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề - Thuyết trình - Trao đổi - Thảo luận nhóm, chia sẻ kinh nghiệm 	Giáo án, phần, bảng, sơ đồ (giấy A0), que chỉ, máy chiếu

	<p>chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG</p> <p>- Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG</p> <p>- Phương pháp, cách thức sử dụng trong CD biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG</p> <p>- Phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG</p> <p>- Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG.</p>	<p>đấu; phương tiện, trang bị kỹ thuật BĐTTG sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu ... biểu hiện qua huấn luyện kỹ - chiến thuật TTG. Qua đó định hướng xúc cảm - tình cảm tích cực và hành động đúng đắn, thành thực để lựa chọn và chiếm lĩnh chúng trong hoạt động chiến đấu.</p>		
05'	* Kết luận	Tóm lược những nội dung chính của bài. Định hướng nội dung Buổi 3.	- Thuyết trình - Nêu vấn đề, định hướng nghiên cứu	Giáo án, máy chiếu
Buổi 3: Hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, diễn tập chiến thuật tổng hợp và Hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực sẵn sàng chiến đấu của đơn vị (110 phút)				
05'	<p>• Mở bài</p> <p>- Giới thiệu, làm quen, phân chia nhóm ôn tập</p> <p>- Thống nhất chương trình, nội dung và phương pháp làm việc</p>	<p>- Dẫn nhập và tạo hứng thú cho quân nhân trong lớp học.</p> <p>- Tạo sự hiểu biết về chương trình, nội dung, phương pháp và quy tắc làm việc chung</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Nêu vấn đề</p> <p>- Trao đổi</p> <p>- Phân chia nhóm</p>	Giáo án, phấn, bảng, máy chiếu.
45'	<p>I. Hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, diễn tập chiến thuật tổng hợp</p> <p>- Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp</p> <p>- Chức trách, nhiệm vụ của quân nhân trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp</p> <p>- Nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp</p>	<p>Bộ đội TTG có nhận thức sâu sắc về vị trí, ý nghĩa của hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của BĐTTG trong chiến đấu; nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu; phương pháp, cách thức BĐTTG sử dụng trong chiến đấu; phương tiện, trang bị kỹ thuật BĐTTG sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu... biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp. Từ đó giúp BĐTTG có xúc cảm -</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Nêu vấn đề</p> <p>- Trao đổi</p> <p>- Thảo luận nhóm, chia sẻ kinh nghiệm</p>	Giáo án, phấn, bảng, sơ đồ (giấy A0), que chỉ, máy chiếu

	<ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập chiến thuật tổng hợp. 	<p>tình cảm tích cực và hành động đúng đắn, thành thực nhằm vươn tới chiếm lĩnh chúng trong hoạt động chiến đấu.</p>		
10'	Nghỉ giữa giờ			
45'	<p>II. Hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực sẵn sàng chiến đấu của đơn vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị, ý nghĩa hoạt động chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Chức trách, nhiệm vụ của quân nhân trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Nội dung công việc của đơn vị thực hiện trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Các phương pháp, cách thức sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Các phương tiện, trang bị kỹ thuật sử dụng trong chiến đấu biểu hiện qua trực SSCĐ - Đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG biểu hiện qua trực SSCĐ 	<p>BĐTTG có nhận thức sâu sắc về vị trí, ý nghĩa hoạt động chiến đấu; chức trách, nhiệm vụ của BĐTTG trong chiến đấu; nội dung công việc đơn vị thực hiện trong chiến đấu; phương pháp, cách thức BĐTTG sử dụng trong chiến đấu; phương tiện, trang bị kỹ thuật BĐTTG sử dụng trong chiến đấu; đặc điểm HL - SSCĐ của BĐTTG trong chiến đấu... biểu hiện qua trực SSCĐ của đơn vị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Nêu vấn đề - Trao đổi - Thảo luận nhóm, chia sẻ kinh nghiệm 	<p>Giáo án, phần, bảng, sơ đồ (giấy A0), que chỉ, máy chiếu</p>
05'	<ul style="list-style-type: none"> • Kết luận 	<p>Tóm lược những nội dung chính. Kết thúc chương trình giảng bài, định hướng nội dung xemina.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Nêu vấn đề, định hướng nghiên cứu 	<p>Bài giảng, giáo án</p>

Phần 2: XÊMINA	
Thời gian	Nội dung
Xêmina 1: Thứ tự nội dung hoạt động chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, diễn tập tổng hợp của Bộ đội Tăng thiết giáp - thực trạng và giải pháp hiện nay (120 phút)	
05'	* Mở đầu: Giới thiệu nội dung, thống nhất cách thức làm việc
100'	NỘI DUNG
10'	* Vai trò của hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ, diễn tập tổng hợp đối với hoạt động CD của BĐTTG
30'	* Thứ tự nội dung hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ của BĐTTG
30'	* Hình thức, nội dung diễn tập tổng hợp của BĐTTG
10'	* Mỗi quan hệ giữa hoạt động chuyển trạng thái SSCĐ và diễn tập tổng hợp của BĐTTG
20'	* Phân tích thực trạng và định hướng giải pháp trong hoạt động chuyển trạng SSCĐ, diễn tập tổng hợp của BĐTTG hiện nay
10	* Nghỉ giữa giờ
05'	* Kết luận
Xêmina 2: Đặc điểm huấn luyện chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp và những vấn đề đặt ra cho Bộ đội Tăng thiết giáp trong điều kiện chiến đấu hiện đại (120 phút)	
05'	* Mở đầu: Giới thiệu nội dung, thống nhất cách thức làm việc
90'	NỘI DUNG
70'	* Nội dung đặc điểm huấn luyện chiến đấu của Bộ đội Tăng thiết giáp
10'	- BĐTTG sử dụng vũ khí trang bị tương đối hiện đại, có hỏa lực mạnh, sức cơ động cao và khả năng tự bảo vệ tốt.
10'	- Trong huấn luyện chiến đấu BĐTTG đòi hỏi rất cao về tinh thần đoàn kết, sự phối hợp hiệp đồng quy định bảo đảm chặt chẽ, tính kỷ luật cao.
10	- BĐTTG huấn luyện chiến đấu trong điều kiện khắc nghiệt, chịu áp lực căng thẳng cao về tinh thần, tâm lý, thể lực.
10'	- Hành động kỹ xảo, kỹ năng, kỹ - chiến thuật của BĐTTG trong HL - SSCĐ bí mật bất ngờ, phối hợp nhịp nhàng, khẩn trương, chính xác cao.
10'	- BĐTTG hiện nay huấn luyện, SSCĐ trong điều kiện vũ khí trang bị chưa thật hiện đại, thiếu đồng bộ, điều kiện bảo đảm gặp nhiều khó khăn, chịu áp lực của chiến tra
40'	* Đặc điểm huấn luyện chiến đấu của BĐTTG đặt ra những vấn đề cho BĐTTG trong điều kiện chiến đấu hiện đại
10'	* Nghỉ giữa giờ
05'	* Kết luận
10'	KẾT LUẬN CHƯƠNG TRÌNH TÁC ĐỘNG THỰC NGHIỆM

